TRẦN NGA, HẠP HÀ, THU HƯƠNG,
HẠNH QUỲNH, KIM DUNG, BÍCH HỢP

Giúp em học tốt
NGỮ VĂN
6

Tập hai



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

DANH MỤC CHUYEN SAN VĂN SỬ ĐỊA THU THẬP 2013

STT	TẬP SAN NC	SỐ TRANG
1	TSNC VAN SU DIA 7	82
2	TSNC VAN SU DIA 15	90
3	TSNC VAN SU DIA 16	88
4	TSNC VAN SU DIA 17	88
5	TSNC VAN SU DIA 18	93
6	TSNC VAN SU DIA 19	92
7	TSNC VAN SU DIA 20	96
8	TAP SAN NC _34	77
9	TẬP SAN NC_28	109
10	TẬP SAN NC_29	88
11	TẬP SAN NC_30	90
12	TẬP SAN NC_31	94
13	TẬP SAN NC_32	94
14	TẬP SAN NC_33	84
15	TSNC VAN SU DIA 8	84
16	TSNC VAN SU DIA 9	84
17	TSNC VAN SU DIA 10	89
18	TSNC VAN SU DIA 11	86
19	TSNC VAN SU DIA 12	88
20	TSNC VAN SU DIA 13	100
21	TSNC VAN SU DIA 14	96
22	TAP SAN NC _3	81
23	TAP SAN NC _48	126
24	TAP SAN NC VAN SU DIA_41	100
25	TAP SAN NC_5	73
26	TAP SAN NC_6	73
27	TAP SAN NC_43	87

TRẦN NGA, THU HƯƠNG, HẠNH QUỲNH,
HẠP HÀ, BÍCH HỢP, KIM DUNG
(Biên soạn)

Giúp em học tốt ngữ văn 6

Tập 2

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình cải cách Ngữ văn THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được phổ cập bốn năm. Sự thay đổi trong cả phương pháp dạy và học, với mục đích và yêu cầu học sinh phải có kiến thức tổng hợp về ***Văn – Tiếng Việt – Tập làm văn*** *nên đã tác động không nhỏ tới việc học tập của các em.*

Để giúp các em học tốt Ngữ văn 6, chúng tôi đã tuyển chọn và biên soạn cuốn ***"Giúp em học tốt Ngữ văn 6 tập 2"***

Cuốn sách bám sát bố cục của chương trình, được trình bày rõ ràng, logic, đưa ra những phương pháp phân tích và ứng dụng ngôn ngữ học trong việc áp dụng vào bài học. Đồng thời cuốn sách còn cung cấp phần "Mở rộng kiến thức" giúp các em học sinh có thêm những tư liệu cần thiết, bổ sung và nâng cao khả năng cảm thụ văn chương của các em.

Chúng tôi đã cố gắng dùng cách diễn đạt, cách sử dụng ngôn từ dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi các em, khơi gợi, phát triển tính sáng tạo của người học trong khi thực hiện các bài tập được đưa ra. Đồng thời hi vọng rằng cuốn sách cũng có thể giúp thầy cô giáo, các bậc phụ huynh trong việc giúp các em học sinh triển khai tiết học một cách thuận lợi hơn.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã rất cố gắng nhưng cuốn sách chắc không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau và trở thành người bạn đồng hành trong quá trình học tập của các em học sinh.

Nhóm biên soạn

Bài 18

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

Tô Hoài

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1920 tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội. Ông tham gia cách mạng sớm, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài khá đồ sộ: Dế mèn phiêu lưu kí *(truyện dài, 1942);* Quê người *(tiểu thuyết, 1943);* Truyện Tây Bắc *(tiểu thuyết, 1954);* Quê nhà *(tiểu thuyết, 1970);* Cát bụi chân ai *(hồi kí, 1991);* Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi *(2 tập, 1994)... và nhận được nhiều giải thưởng: Giải nhất tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954; Giải thưởng của Hội Nhà văn Á Phi năm 1970; Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996)...*

"Tô Hoài là người viết nhiều, viết đều, sử dụng nhiều thể loại văn xuôi trong khi viết (...). Ở thể loại nào, ông cũng có một số cuốn có đóng góp đáng kể. (...) Năng lực quan sát và miêu tả tinh tường, sắc nhạy, vốn hiểu biết đời sống và phong tục các dân tộc khá phong phú, lối văn giàu hình ảnh và biến đổi nhịp điệu nhanh, hoạt, những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, độc đáo về từ ngữ, về phương ngữ... có thể coi đó là những nét nổi bật trong sáng tác của Tô Hoài góp vào văn xuôi hiện đại Việt Nam". (Nguyễn Văn Long, Nguyễn Huệ Chi, Từ điển văn học, *NXB Thế giới, H.2004)*

Dế mèn phiêu lưu kí *là tác phẩm nổi tiếng nhất của Tô Hoài. Truyện "thể hiện rõ tài năng quan sát tinh tế, óc nhận xét sắc sảo hóm hỉnh và tình yêu sự sống của Tô Hoài. Ông đã thành công khi dựng lên cả một thế giới loài vật trong trắng, ngây thơ, ngộ nghĩnh, khao khát và say mê lí tưởng, rất phù hợp với tâm lí tuổi thơ. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng: Nga, Tiệp, Rumani, Ba Lan, Mông Cổ...". (Trần Đăng Suyền,* Từ điển văn học, *NXB Thế giới, H.2004).*

1. Câu hỏi 1 SGK trang 10

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ đoạn văn, xác định các ý chính của bài để viết tóm tắt. Chú ý đến cách xưng hô của nhân vật, cách kể trong toàn bộ câu chuyện để xác định được người kể trong tác phẩm.

b. Gợi ý trả lời

Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của một chàng thanh niên, nhưng tính tình lại xốc nổi, kiêu căng, tự phụ, coi thường những con vật xung quanh mình và hay bắt nạt kẻ yếu: quát các chị Cào Cào, ngứa chân đá anh Gọng Vó vô cớ... Dế Mèn khinh miệt người bạn hàng xóm ốm yếu, gọi là Dế Choắt. Dế Mèn đã trêu chọc chị Cốc và gây ra cái chết oan uổng của Dế Choắt. Qua cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.

Câu chuyện được kể bằng ngôi thứ nhất, bởi nhân vật chính xưng "tôi", ngôn ngữ tự nhiên và sinh động, giàu tính tạo hình.

Về bố cục, bài văn có thể chia làm 2 đoạn. Đoạn 1: "Bởi tôi ăn uống điều độ... sắp đứng đầu thiên hạ rồi". Nội dung của đoạn kể về những việc làm hống hách, thái độ kiêu ngạo với những người xung quanh của Dế Mèn.

Đoạn 2: Đoạn còn lại: "Chao ôi, có biết đâu rằng... nghĩ về bài học đường đời đầu tiên", kể về cái chết thảm thương của Dế Choắt và sự ân hận của Dế Mèn.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 10

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ đoạn đầu của văn bản (như đã chia ở câu 1), chú ý đến các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động của Dế Mèn để thấy rõ vẻ đẹp cường tráng của chàng Dế. Qua đó, nhận xét về ngòi bút của nhà văn Tô Hoài khi viết về thế giới loài vật.

b. Gợi ý trả lời

Tác giả đã miêu tả ngoại hình, hành động của Dế Mèn qua một loạt các chi tiết, làm nổi bật vẻ đẹp cường tráng và tính cách của nhân vật.

Ngoại hình Dế Mèn được miêu tả rất tỉ mỉ: Đôi càng mẫm bóng, những cái vuốt ở chân ở khoeo cứng dần, đôi cánh trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi, hai cái răng đen nhánh như lưỡi liềm, sợi râu dài uốn cong vẻ hùng dũng, toàn thân rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Từ đôi càng, cái vuốt, răng, sợi râu, Dế Mèn toát ra một sức sống khỏe khoắn, trẻ trung của một chàng dế mới lớn. Dế Mèn lấy làm tự hào về hình dáng của mình lắm và kéo theo một chuỗi hành động ra vẻ con nhà võ để thử sức mạnh lợi hại của mình: *đạp phanh phách vào các ngọn cỏ, những ngọn cỏ gẫy rạp, như có nhát dao vừa lia qua,* khi vỗ cánh thì đã nghe tiếng *phành phạch giòn giã, nhai ngoàm ngoạp, trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu, đi đứng oai vệ...* Hành động của Dế Mèn được miêu tả bằng những cụm động từ mạnh: đạp phành phạch, nhai ngoàm ngoạp... thể hiện sức mạnh khỏe khoắn của nhân vật.

Nhà văn Tô Hoài đã dùng một hệ thống tính từ đặc sắc tả về ngoại hình của Dế Mèn để bộc lộ vẻ đẹp cường tráng của nhân vật: *cường tráng, mẫm bóng, cứng, nhọn hoắt, ngắn hủn hoẳn, dài, nâu bóng, hùng dũng, trịnh trọng, khoan thai...*

Những tính từ này đều mang ý nghĩa nhấn mạnh, đã được nhà văn chọn lọc rất kĩ, vì vậy nếu thay những tính từ này bằng các tính từ khác như (cường tráng = khỏe mạnh, mẫm bóng = mập mạp...) sẽ giảm hiệu quả của câu văn rất nhiều.

Qua các chi tiết miêu tả về ngoại hình và hành động của nhân vật tác giả đã thể hiện được vẻ đẹp cường tráng, trẻ trung, đầy sức sống của Dế Mèn, đồng thời bộc lộ tính cách kiêu căng, ngạo mạn của nhân vật. Chính vì tự hào về vẻ đẹp hình thức và sức mạnh của bản thân nên Dế Mèn đã có những hành động ngạo mạn, xem thường mọi người, lúc nào cũng ra vẻ con nhà võ. Dế Mèn quát mấy chị Cào Cào vô cớ, đá mấy anh Gọng Vó, cà khịa với tất cả bà con trong làng và tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ.

Đoạn văn trên thật đặc sắc, có thể coi là mẫu mực về nghệ thuật tả các loài vật, chứng tỏ khả năng quan sát tỉ mỉ, kĩ lưỡng về loài vật và tài năng dùng ngôn ngữ độc đáo của nhà văn.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 11

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại đoạn văn: "*Bên hàng xóm tôi... không chút bận tâm*"

Chú ý giọng điệu, lời lẽ, cách xưng hô của Dế Mèn.

b. Gợi ý trả lời

Dế Mèn nhìn người bạn hàng xóm bằng con mắt khinh thường, đặt tên là Choắt để chế giễu sức khỏe ốm yếu của người hàng xóm, nhìn Dế Choắt "*gầy gò lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện*", đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu, râu ria cụt mẩu, mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn, ngơ ngơ.

Cách Dế Mèn xưng hô với Dế Choắt là "chú mày" thể hiện giọng điệu và lời lẽ kẻ cả: "*Chú mày có lớn mà chẳng có khôn*", "*Chú mày hôi như cú mèo... ta nào chịu được*". Khi Choắt muốn đào ngách thông sang nhà Dế Mèn: "*Hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào bắt nạt thì em chạy sang...*" thì thái độ của Dế Mèn: *hếch răng, xì hơi rõ dài, với điệu bộ khinh khỉnh...* ra về không một chút bận tâm.

Đối với người bạn cùng lứa tuổi, nhưng sức khỏe yếu hơn, Dế Mèn đã không thông cảm mà tỏ ra coi thường, lên giọng đàn anh quát mắng, cư xử lỗ mãng với Dế Choắt.

Đoạn đối thoại giữa Dế Mèn và Dế Choắt qua giọng điệu, cách xưng hô, lời lẽ của Dế Mèn đã tô đậm tính cách trịnh thượng, kiêu ngạo của nhân vật.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 11

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại đoạn văn: "Mấy hôm nọ... nghĩ về bài học đường đời đầu tiên" đồng thời chú ý đến sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn trước cái chết và lời khuyên của Dế Choắt.

b. Gợi ý trả lời

Trò đùa nghịch của Dế Mèn đã để lại hậu quả tai hại cho Dế Choắt. Sự việc này đã tác động lớn đến Dế Mèn, làm thay đổi thái độ, tâm lý của nhân vật. Tô Hoài đã miêu tả sự biến đổi ấy thật tinh tế.

Dế Mèn huyênh hoang, không nghe lời can ngăn của Dế Choắt khi có ý định lôi Choắt vào cuộc trêu chị Cốc: "*Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!*"

Sau đó, Dế Mèn chui tọt vào hang kiên cố của mình ẩn nấp. Nhưng nghe tiếng kêu khiếp đảm của Dế Choắt thì Dế Mèn "*cũng khiếp, nằm im thin thít*" cho đến khi biết chị Cốc đi rồi Dế Mèn "*mới mon men bò lên*". Thì ra, Dế Mèn cũng chỉ là "anh hùng rơm", gặp kẻ mạnh hơn thì cũng sợ hãi.

Khi thấy Choắt thoi thóp, Dế Mèn đã hốt hoảng và ân hận: "*Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi*".

Lời của Dế hoạt lúc tắt thở: "*Ở đời mà có thói hung hăng, bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy*" đã để lại bài học đường đời đầu tiên cho Dế Mèn.

Kết thúc đoạn trích, Dế Mèn đứng lặng giờ lâu trước nấm mộ Dế Choắt là biểu hiện sự ăn năn, hối hận về những việc đã gây ra. Đó chính là bài học về sự trả giá cho thói hung hăng, kiêu ngạo.

5. Câu hỏi 5 SGK trang 11

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ những câu văn miêu tả về hình dáng, hành động của con vật: Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc. Trong đó, Dế Mèn được khắc họa rõ nét hơn cả. Tìm những tính từ, cụm tính từ và động từ tả về Dế Mèn trong bài. Nhận xét xem cách dùng từ loại này có tác dụng gì trong việc khắc họa nhân vật.

b. Gợi ý trả lời

Dế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi. Thế giới loài vật trong truyện là những con vật bé nhỏ, gần gũi với trẻ em,

gần gũi với cuộc sống. Đó là những con vật xung quanh ta: Dế Mèn, Dế Choắt, Dế Trũi, bác Xiến Tóc, anh Bọ Ngựa, cái Kiến, cô Niềng Niễng, chị Cốc, chị Cào Cào, anh Gọng Vó...

Chúng được miêu tả một cách sinh động, được nhân cách hóa nên cũng có cử chỉ, suy nghĩ, lời nói giống với con người. Song chúng vẫn đúng là hình ảnh loài vật trong thế giới tự nhiên giống như thực tế ta vẫn gặp, mang nét đặc trưng riêng của loài.

Đoạn trích trong SGK miêu tả ba nhân vật thật sắc nét: Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc thể hiện tài quan sát tinh tế của Tô Hoài về thế giới loài vật, và vốn kiến thức phong phú về tập tính của chúng.

Dế Mèn được đặc tả bằng các chuỗi tính từ, các cụm tính từ giàu tính tạo hình và chính xác: đôi càng *mẫm bóng*, đôi cánh *ngắn hủn hoẳn*, những cái vuốt ở chân, khoeo cứng dần và nhọn hoắt, *sợi râu dài uốn cong vẻ hùng dũng*. Hành động của Dế Mèn cũng gần giống với con người: *trịnh trọng khoan thai vuốt râu*, tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ, hối hận trước cái chết của Dế Choắt... Dế Mèn hiện ra là một chàng thanh niên cường tráng giống "một đô vật võ thể hình đang biểu diễn các động tác gân bắp của mình trước khán giả với một vẻ kiêu hãnh ngầm rất đáng tự hào" (Chu Huy).

Dế Choắt thể lực yếu đuối nên khiêm nhường và có phần nhút nhát. Chị Cốc chỉ được miêu tả thoáng qua nhưng vẫn cho thấy tính ghê gớm, có phần đanh đá.

Trong nhiều truyện ngụ ngôn, tác giả dân gian đã mượn hình ảnh các con vật để gửi vào đó một bài học nhân sinh. Đó là những truyện: *Ếch ngồi đáy giếng, Đeo nhạc cho mèo, Kiến giết voi, Thỏ và rùa*... Tuy nhiên, truyện đồng thoại dành cho trẻ em của Tô Hoài khác với truyện ngụ ngôn. Trong truyện thế giới loài vật được nhân hóa mang những tính cách gần giống con người, nhưng chúng vẫn là loài vật của thế giới tự nhiên, giống với những con vật trong thực tế ta vẫn thường gặp. Loài vật ở đây không đơn thuần là biểu tượng cho những bài học triết lí mà là loài vật sống động như chúng vốn thế, nhưng vẫn mang nhiều bài học giàu ý nghĩa.

Tư liệu tham khảo

Tham khảo đoạn trích *"Dế mèn phiêu lưu kí ở Liên Xô"* của nhà báo Gôlôpnep dưới đây để hiểu thêm về sức hút của tác phẩm này:

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ Ở LIÊN XÔ

(trích)

Có một thời những bạn đọc của đất nước Xô viết, lớn cũng như nhỏ, không biết rằng ngoài Anđécxen, Hôpman, anh em Grim và Sơvác, còn có một nhà kể chuyện xuất sắc ở Việt Nam xa xôi. Người ấy tên là Tô Hoài.

Nhà dịch thuật về văn học quen biết, M.Tcatsep, là người đầu tiên ở Liên Xô đã cảm thấy sự hấp dẫn của câu chuyện kỳ thú của Tô Hoài: *Dế mèn phiêu lưu ký*. Ông ta đã dịch câu chuyện ấy một cách thật sắc sảo, hết sức giữ gìn cá tính khác thường của thể văn và gửi đến Nhà xuất bản Thanh niên cận vệ.

Các biên tập viên nhà xuất bản đọc câu chuyện và quyết định cho in thành tập riêng. Tại sao vậy?

Thứ nhất, tính cách đặc sắc của câu chuyện làm cho chúng tôi rất ưa thích, cũng như chất tươi mát, mới lạ của nó. Hai tính chất không thể thiếu được đã nhuần nhuyễn một cách hữu cơ trong truyện: sự sâu sắc và tính nhân đạo của tư tưởng, sự thể hiện rất Việt Nam, thuần tuý dân tộc của tư tưởng.

Hồi ấy là năm 1959. Nhìn lại thì ngày nay chúng tôi có thể nói quả quyết rằng những dự đoán của chúng tôi lúc ấy đã được chứng minh. Nhà văn Tô Hoài đã tới Liên Xô sau khi *Dế mèn phiêu lưu ký* ra mắt bạn đọc Liên Xô được ít lâu. Chắc rằng ông còn nhớ tới sự hoan nghênh nhiệt liệt của các bạn đọc, lớn cũng như nhỏ, đối với tác giả câu chuyện. Và chắc rằng nhà văn Việt Nam cũng còn nhớ cả tới bài diễn văn của B.Pôlêvôi (tác giả *Con người chân chính*) đọc tại Hội Nhà văn Liên Xô ở Mátxcơva, trong đó nhà văn Xô viết có nói rằng ông phải quở phạt con vì đã quá mải mê với chú dế mèn quên cả làm bài và vở toàn điểm xấu!

Dế Mèn phiêu lưu ký do chúng tôi xuất bản được họa sĩ Việt Nam Ngô Mạnh Lân minh họa.

... Sách thiếu nhi rất được hoan nghênh ở Liên Xô, cho nên cũng không lấy làm lạ khi một cuốn sách thú vị và trình bày đẹp như cuốn *Dế Mèn phiêu lưu ký,* đã hết nhẵn trong vài tiếng đồng hồ sau khi đưa ra bán.

Ít lâu sau, nhà xuất bản nhận được thư của các bạn đọc ít tuổi: các em viết còn chưa thạo, chưa nói gì đến việc bày tỏ được ý nghĩ của mình. Nhưng những nhận xét chân thật, nhiều khi ngây thơ của các em, rất là quý giá đối với chúng tôi. Chẳng hạn như Marina Đmitơriêva, vùng Nôvơgôrốt, viết rằng em thích Dế Mèn lắm, và xin chuyển giùm lời cảm ơn nhiều của em đến nhà văn Tô Hoài. Gala Giupina ở thành phố Dêliônaia cho biết rằng em học lớp bốn, em chỉ có toàn điểm tốt và trong tất cả các sách em đọc từ ngày em biết đọc, *Dế Mèn phiêu lưu ký* là quyển em thích nhất.

...Nhà văn Vlađimia Xôlôukhin đã nói về chuyện này: Ngay từ những trang đầu, người đọc đã bị hấp dẫn bởi thể văn tâm tình và sự châm biếm tinh tế, bởi lối phóng tác rất nhẹ nhàng những chuyện phiêu lưu mạo hiểm. Đúng đắn và có thể nói là "người lớn". Không còn nghi ngờ gì nữa, cuốn sách này sẽ được tái bản ở nước ta và được dịch ra nhiều thứ tiếng khác, cho tới khi nó trở thành một trong những cuốn sách hay nhất bằng tiếng loài người" (Bưu ảnh Việt Nam, trang 118, bằng tiếng Nga, Nhà xuất bản Thanh niên cận vệ, Mátxcơva, 1961).

Lời tiên đoán của V.Xôlôukhin đã được chứng minh. Hai năm đã qua kể từ ngày được xuất bản bằng tiếng Nga, câu chuyện đã được ra mắt bằng tiếng Mari, tiếng Mônđavi, tiếng Lituyani, với tổng số gần 200.000 cuốn, và còn được tiếp tục dịch sang nhiều thứ tiếng dân tộc khác ở Liên Xô. Tiếp tục công việc đã bắt đầu, dịch giả M.Tcátsép đã dịch ba truyện khác của Tô Hoài: *Đám cưới chuột, Võ sĩ bọ ngựa* và *Ba anh em*. Nhà xuất bản quyết định in những bản dịch này dưới đầu đề *Ba câu chuyện*.

Cũng như lần trước, chúng tôi thấy cần phải trình bày sách cho đẹp. Nhưng họa sĩ Ngô Mạnh Lân đã trở về Việt Nam, và chúng tôi đã ký hợp đồng với họa sĩ Liên Xô A.Uriép, người đã minh họa và

trình bày quyển *Những giọt nước biển* của Thanh Tịnh, do Nhà xuất bản Văn học ấn hành.

Họa sĩ đã minh họa *Ba câu chuyện* bằng những bức vẽ hai màu, dựa trên cơ sở hội họa cổ truyền Việt Nam, hơi thay đổi cho thích hợp với phong cách hiện đại.

Những sự cố gắng của người dịch, người vẽ và những người biên tập có kết quả đến đâu, xin dành để các bạn đọc nhận xét đánh giá. Sách sẽ ra mắt bạn đọc vào khoảng giữa năm 1963".

(Theo *Bản tin Liên Xô,* số 7, ngày 1-4-1963)

PHÓ TỪ

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được ý nghĩa và công dụng của phó từ.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Phó từ là gì?

Phó từ là những từ:

- Chuyên đi kèm động từ, tính từ;

- Bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ đi kèm đó.

Ví dụ:

Phó từ	***Động từ, tính từ***	***Các phần khác***
đang	*xem*	*phim*
không	*trèo*	*cây*
rất	*giỏi*	

Lưu ý:

- Phó từ không có khả năng gọi tên sự vật, hành động, tính chất như danh từ, động từ, tính từ. Danh từ, động từ, tính từ là những thực từ còn phó từ là một loại hư từ.

- Phó từ luôn luôn đi kèm với động từ, tính từ, không đi kèm với danh từ.

Ví dụ:

+ Chỉ nói được: *đang giảng bài, đừng nói, đẹp quá...*

+ Không nói được: *đang bút, đừng nhà, khăn tay quá...*

1. Các từ in đậm sau đây bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Những từ được bổ sung ý nghĩa thuộc loại từ nào?

a. *Viên quan ấy* ***đã*** *đi nhiều nơi, đến đâu* ***cũng*** *ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người, tuy mất nhiều công mà* ***vẫn chưa*** *thấy có người nào* ***thật*** *lỗi lạc.*

(Theo *Em bé thông minh*)

- *Đã:* bổ sung ý nghĩa cho từ *đi;* **Đi** là động từ

- *Cũng:* Bổ sung ý nghĩa cho từ *ra;* **Ra** là động từ

- *Vẫn chưa:* bổ sung ý nghĩa cho từ *thấy; Thấy* là động từ.

- *Thật:* bổ sung ý nghĩa cho từ *lỗi lạc; Lỗi lạc* là tính từ.

b. *Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương* ***được*** *và* ***rất*** *ưa nhìn. Đầu tôi to* ***ra*** *và nổi từng tảng,* ***rất bướng****.*

(Tô Hoài)

- *Được:* bổ sung ý nghĩa cho từ *soi gương; Soi gương* là động từ.

- *Rất:* bổ sung ý nghĩa cho từ *ưa nhìn; Ưa nhìn* là tính từ.

- *Ra:* bổ sung ý nghĩa cho từ *to; To* là tính từ.

- *Rất:* bổ sung ý nghĩa cho từ *bướng; Bướng* là tính từ

a. *Đã* đứng trước động từ *đi*

- ***Cũng*** đứng trước động từ *ra*

- *Vẫn chưa* đứng trước động từ *thấy*.

- *Thật* đứng trước tính từ *lỗi lạc*.

b. - Được đứng sau động từ *soi gương*

- *Rất* đứng trước tính từ *ưa nhìn*

- *Ra* đứng sau tính từ *to*

- *Rất* đứng trước tính từ *bướng*

II. Các loại phó từ

- Căn cứ vào vị trí khi kết hợp với động từ và tính từ, có thể phân phó từ thành 2 loại:

+ Loại phó từ đứng trước động từ, tính từ.

Phó từ	Động từ, tính từ
đã	*về*
rất	*khôn*
chẳng	*ăn*

+ Loại phó từ đứng sau động từ, tính từ

Động từ, tính từ	Phó từ
đẹp	*quá*
ăn	*được*
to	*ra*

- Ý nghĩa: Phó từ có thể bổ sung những ý nghĩa khác nhau cho động từ, tính từ.

● Phó từ đứng trước động từ, tính từ thường bổ sung một số ý nghĩa liên quan đến hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất nêu ở động từ hoặc tính từ như:

+ Quan hệ thời gian;

+ Mức độ;

+ Sự tiếp diễn tương tự;

+ Sự phủ định;

+ Sự cầu khiến.

● Phó từ đứng sau động từ, tính từ thường bổ sung một số ý nghĩa như:

+ Mức độ;

+ Khả năng;

+ Kết quả và hướng.

1. Các phó từ bổ sung ý nghĩa cho những động từ, tính từ in đậm là:

a. Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi ***chóng*** *lớn lắm.* (Tô Hoài)

Phó từ *lắm* đứng sau động từ *chóng (lớn)* và bổ sung ý nghĩa về mức độ cho động từ *chóng (lớn).*

b. Tôi xin vái cả sáu tay. Anh ***đừng*** *trêu vào... Anh phải sợ...* (Tô Hoài)

Phó từ *đừng* đứng trước động từ *trêu* và bổ sung ý nghĩa về sự cầu khiến cho động từ *trêu*.

c. [...] không **trông thấy**$_{(1)}$ tôi, nhưng chị Cốc đã **trông thấy**$_{(2)}$ Dế Choắt đang **loay hoay** trong cửa hang.

- Phó từ *không* đứng trước động từ *trông thấy* và bổ sung ý nghĩa về sự phủ định cho động từ *trông thấy*$_{(1)}$

- Phó từ *đã* đứng trước động từ *trông thấy* và bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *trông thấy*$_{(2)}$.

- Phó từ *đang* đứng trước động từ *loay hoay* và bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *loay hoay*.

2. Điền các phó từ đã tìm được ở phần I và phần II: đã, cũng, vẫn, chưa, thật, được, rất, ra, lắm, đừng, không, đang vào bảng phân loại.

Các loại phó từ

	Phó từ đứng trước	Phó từ đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian	*đã, đang*	
Chỉ mức độ	*rất, thật*	*lắm*
Chỉ sự tiếp diễn tương tự	*cũng, vẫn*	
Chỉ sự phủ định	*không, chưa*	
Chỉ sự cầu khiến	*đừng*	
Chỉ kết quả và hướng		*ra (to ra) được*
Chỉ khả năng		

3. Kể thêm những phó từ mà em biết thuộc mỗi loại nói trên.

	Phó từ đứng trước	Phó từ đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian	*từng, sẽ, vừa, mới, vừa mới, sắp*	
Chỉ mức độ	*hơi, khá*	*quá, cực kì, vô cùng*
Chỉ sự tiếp diễn tương tự	*đều, cùng, lại, mãi, cứ cứ, còn*	
Chỉ sự phủ định	*chẳng*	
Chỉ sự cầu khiến	*hãy, chớ*	
Chỉ kết quả và hướng		
Chỉ khả năng		*mất (bay mất), đi (trốn đi)*

B. Hướng dẫn luyện tập

1. Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Tìm phó từ trong hai đoạn trích dẫn ở SGK trang 14, 15.

- Xác định ý nghĩa phó từ đó bổ sung cho động từ, tính từ mà nó đi kèm.

Gợi ý:

- Trước hết, phải xác định được động từ, tính từ trong câu.

- Xác định phó từ và vị trí của nó: đứng trước hay đứng sau động từ, tính từ.

- Cuối cùng, dựa vào bảng phân loại ở mục II.2 và II.3 để xác định ý nghĩa mà phó từ bổ sung cho động từ, tính từ.

Với cách tiến hành như vậy, các em sẽ tìm được các phó từ và xác định được ý nghĩa mà các phó từ đó bổ sung cho động từ, tính từ.

Cụ thể:

a. Câu 1: *Thế là mùa xuân mong ước đã đến.*

+ Động từ *đến*

+ Phó từ *đã* đứng trước động từ *đến*

+ Phó từ *đã* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *đến*.

- Câu 2: *Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức.*

Câu này không có phó từ.

- Câu 3: *Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và còn sáng mặt trời.*

+ Động từ *ngửi*

+ Phó từ *không (còn)* đứng trước động từ *ngửi*.

+ Phó từ *không (còn)* bổ sung ý nghĩa về sự phủ định cho động từ *ngửi*.

- Câu 4: *Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thủi.*

+ Động từ *cởi bỏ*

+ Phó từ *đã* đứng trước động từ *cởi bỏ*

+ Phó từ *đã* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *cởi bỏ*

- Câu 5: *Các cành cây đều lấm tấm màu xanh*

+ Tính từ *lấm tấm*

+ Phó từ *đều* đứng trước tính từ *lấm tấm*

+ Phó từ *đều* bổ sung ý nghĩa về sự tiếp diễn tương tự cho tính từ *lấm tấm.*

- Câu 6: *Những cành xoan khẳng khiu đương trổ lá lại sắp buông toả những tàn hoa sang sáng, tim tím.*

(1)

+ Động từ *trổ*

+ Phó từ *đương* đứng trước động từ *trổ.*

+Phó từ *đương* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *trổ.*

(2)

+ Động từ *buông toả.*

+ Phó từ *(lại) sắp* đứng trước động từ *buông toả.*

+ Phó từ *lại sắp* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian tiếp diễn tương tự cho động từ *buông toả.*

+ Phó từ *ra* đứng sau động từ *buông toả.*

+ Phó từ *ra* bổ sung ý nghĩa về kết quả cho động từ *buông toả*

- Câu 7: *Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.*

+ Động từ *có.*

+ Phó từ *(cũng) sắp* đứng trước động từ *có.*

+ Phó từ *(cũng) sắp* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian tiếp diễn tương tự cho động từ *có.*

- Câu 8: *Mùa xuân xinh đẹp đã về!*

+ Động từ *về*

+ Phó từ *đã* đứng trước động từ *về.*

+ Phó từ *đã* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *về*

- Câu 9: *Thế là các bạn chim đã tránh rét cũng sắp về!*

+ Động từ *về*.

+ Phó từ *(cũng) sắp* đứng trước động từ *về*.

+ Phó từ *(cũng) sắp* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian tiếp diễn tương tự cho động từ *về*.

b. *Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ nhà vua trước con mắt thán phục của sứ giả.*

(Em bé thông minh)

+ Động từ *xâu*.

+ Phó từ *đã* đứng trước động từ *xâu*. Phó từ *được* và phó từ *này* đứng sau động từ *xâu*.

+ Phó từ *đã* bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ xâu. Còn phó từ *được* bổ sung ý nghĩa về kết quả cho động từ *xâu*.

2. Bài tập này có ba yêu cầu:

- Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3- 5 câu) thuật lại sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt.

- Xác định một phó từ được dùng trong đoạn văn đó.

- Chỉ ra ý nghĩa của phó từ đối với động từ, tính từ mà nó đi kèm.

Sau đây là đoạn văn mẫu, em có thể tham khảo:

Một buổi chiều, Dế Mèn nhìn thấy một chị Cốc béo mập đang đứng rỉa lông, rỉa cánh. Dế Mèn cất giọng hát véo von trêu chị Cốc. Chị Cốc rất tức giận và đi về phía hang Dế Mèn. Dế Mèn sợ quá chui tọt vào hang nên chị Cốc chỉ nhìn thấy Dế Choắt. Chị Cốc mổ liên tiếp vào đầu Dế Choắt khiến Dế Choắt tắt thở.

Câu *Một buổi chiều, Dế Mèn nhìn thấy một chị Cốc béo mập đang đứng rỉa lông, rỉa cánh* có một phó từ *đang*. Phó từ *đang* đứng trước động từ *đứng* và bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ *đứng*.

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được:

- Những hiểu biết về văn miêu tả;

- Những yêu cầu của văn tả cảnh và tả người.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Thế nào là văn miêu tả?

Văn miêu tả là loại văn:

- Giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,...

- Làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe.

Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất.

II. Đọc - hiểu

1. Tình huống 1: Để cho người khách nhận ra được nhà em, em phải chỉ đường đi từ chỗ em gặp cho tới nhà em, đặc điểm của nhà em (màu sơn tường, cây cối xung quanh...).

Tình huống 2: Để cho người bán lấy đúng chiếc áo mà em định mua, em cần phải nói cho người bán biết màu sắc, kích cỡ và vị trí của chiếc áo đó.

Tình huống 3: Để cho em học sinh đó hình dung ra được hình ảnh của người lực sĩ, em phải nói về dáng vẻ bề ngoài, thân hình (cao, to, béo...) đặc biệt là sức lực của ông ta.

Tình huống 4: Em làm mất một chiếc bút rất đẹp của bạn em. Em phải nói thế nào với mẹ để nhờ mẹ mua đúng được loại bút như thế?

Tình huống 5: Em đã đi vịnh Hạ Long còn bạn cùng lớp của em thì chưa đi. Bạn đó muốn biết về vịnh Hạ Long. Em phải làm gì để bạn đó hình dung ra được vịnh Hạ Long?

2. Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, có hai đoạn văn miêu tả Dế Mèn và Dế Choắt rất sinh động. Đó là:

- Từ *bởi tôi ăn uống...* đến *sắp đứng đầu thiên hạ*: là đoạn văn miêu tả về Dế Mèn.

- Từ *bên hàng xóm...* đến *nhiều ngách như hang tôi* là đoạn văn miêu tả về Dế Choắt.

a. Hai đoạn văn đó đã giúp em hình dung ra được những đặc điểm nổi bật của hai chú dế:

Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng, hùng dũng của con nhà võ, tính tình kiêu căng, xốc nổi.

Dế Choắt ốm yếu, gầy gò. Mặt mũi ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Tính nết "*ăn xổi ở thì*".

b. Những chi tiết và hình ảnh đã giúp em hình dung được điều đó:

- Dế Mèn:

+ Đôi càng mẫm bóng.

+ Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứng dần và nhọn hoắt.

+ Đôi cánh bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi.

+ Đầu to và nổi từng tảng rất bướng.

+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.

+ Sợi râu dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng.

+ Muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ.

+ Chốc chốc lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

+ Đi đứng oai vệ.

+ Cà khịa với tất cả bà con trong xóm (quát các chị Cào Cào, anh Gọng Vó...)

- Dế Choắt:

+ *Người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*

+ *Cánh chỉ ngắn cũn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê.*

+ *Đôi càng bè bè, nặng nề.*

+ *Râu ria gì mà cụt có một mẩu.*

+ *Mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.*

+ *Tính nết ăn xổi ở thì (vì vốn đau luôn, không làm được).*

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Mỗi đoạn miêu tả dẫn trong SGK trang 16, 17 tái hiện lại điều gì?

- Đặc điểm nổi bật của sự vật, con người và quang cảnh được miêu tả trong các đoạn văn, thơ.

Đoạn 1: Tái hiện lại hình ảnh Dế Mèn, một chàng dế cường tráng. Đặc điểm nổi bật của Dế Mèn được miêu tả như sau:

+ *Một chàng dế thanh niên, cường tráng.*

+ *Đôi càng mẫm bóng.*

+ *Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.*

Đoạn 2: Tái hiện lại hình ảnh chú bé liên lạc Lượm. Đặc điểm nổi bật của Lượm được miêu tả như sau:

+ Hình dáng: *loắt choắt*

+ Cái chân: *thoăn thoắt*.

+ Cái đầu: *nghênh nghênh*.

+ Mũ ca lô: *đội lệch*.

+ Mồm: *huýt sáo*.

+ *Như con chim chích.*

Tất cả những chi tiết này cho ta biết Lượm tuy nhỏ bé nhưng rất nhanh nhẹn, vui vẻ và hồn nhiên.

- *Đoạn 3:* Tái hiện lại quang cảnh một vùng bãi ngập nước sau những ngày mưa. Đặc điểm nổi bật của quang cảnh này là một thế giới cua cá và chim muông ồn ào, huyên náo được miêu tả như sau:

+ Cua, cá tấp nập ngược xuôi.

+ Các loại chim ở các nơi bay về kiếm ăn.

+ Chúng cãi cọ om bốn góc đầm.

+ Những anh Cò gầy vêu vao lội bùn tím chân không được miếng nào.

2. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Để miêu tả cảnh mùa đông, em sẽ nêu đặc điểm nổi bật nào?

- Để tả khuôn mặt của mẹ, em sẽ chú ý đến đặc điểm nổi bật nào?

a. Để miêu tả cảnh mùa đông đến, em có thể nêu những đặc điểm sau:

- Bầu trời âm u, nhiều mây.

- Gió lạnh, có thể có mưa phùn.

- Cây cối rụng lá, trơ cành khẳng khiu.

- Chim chóc bay đi tránh rét.

- Trong nhà, người ta đốt lửa sưởi ấm...

b. Để tả khuôn mặt của mẹ thì em có thể nêu lên những đặc điểm sau:

- Hình dáng khuôn mặt (tròn, trái xoan...)

- Nước da.

- Đôi mắt hiền từ, bao dung.

- Nếp nhăn trên trán, khóe mắt, khóe môi...

Bài 19

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

(Trích *"Đất rừng phương Nam"*)

Đoàn Giỏi

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Đoàn Giỏi (1925 – 1989), quê ở Châu Thành – Tiền Giang. Trong những năm chống Pháp, ông công tác trong ngành an ninh rồi làm công tác thông tin, văn nghệ. Từ 1955, Đoàn Giỏi chuyển hẳn sang sáng tác và biên tập sách báo, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông còn có bút danh khác là Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư.

Đoàn Giỏi thường viết về cuộc sống, thiên nhiên và con người Nam Bộ. Các tác phẩm tiêu biểu: "Người Nam thà chết không hàng" (kịch thơ, 1947); "Những dòng chữ máu Nam Kỳ" 1940 (ký, 1948); "Giữ vững niềm tin" (thơ, 1954), "Đất rừng phương Nam" (truyện, 1957); "Cuộc truy tìm kho vũ khí" (truyện, 1962); "Tê giác giữa ngàn xanh" (Biên khảo, 1982)...

"Đất rừng phương Nam" là truyện dài viết cho thiếu nhi thành công và nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi. Truyện đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần và in trong Tủ sách vàng của nhà xuất bản Kim Đồng.

Văn bản "Sông nước Cà Mau" trích từ chương XVIII của truyện Đất rừng phương Nam.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 22

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại bài văn đồng thời xem kỹ phần chú thích trong sách giáo khoa. Tìm ra ý chính của các đoạn trong văn bản. Chú ý những từ chỉ phương hướng di chuyển: đổ dần về; qua, bỏ, thoát qua... để hình dung ra điểm nhìn, vị trí quan sát của người miêu tả.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn miêu tả cảnh quan sông nước Cà Mau theo trình tự từ xa đến gần, từ khái quát đến chi tiết. Các cảnh được tả cũng hiện lên lần

lượt, tuần tự theo chiều xuôi của chiếc thuyền về hướng mũi Cà Mau. Theo đó, văn bản có thể chia làm ba đoạn.

Đoạn 1: "*Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau... lặng lẽ một màu xanh đơn điệu*". Thể hiện những ấn tượng, quan sát đầu tiên về thiên nhiên sông nước Cà Mau.

Đoạn 2: "*Từ khi qua Chà Là... khói sóng ban mai*" tả các kênh rạch chằng chịt trên mảnh đất này và cảnh sông Năm Căn hùng vĩ.

Đoạn 3: Phần còn lại trong văn bản, tả cảnh chợ Năm Căn đông vui, trù phú.

Vị trí quan sát, miêu tả là trên con thuyền xuôi theo các kênh rạch vùng Cà Mau, đổ ra sông Năm Căn rộng lớn. Chính điểm nhìn này đã giúp tác giả miêu tả cảnh quan nơi đây một cách tự nhiên, sinh động và hấp dẫn. Nhờ điểm nhìn động, việc chuyển cảnh trở nên rất hợp lý và linh hoạt. Bức tranh cảnh quan nhờ thế không hề đơn điệu: lúc xa, lúc gần, lúc lướt nhanh, lúc chậm lại, lúc tả cận cảnh chi tiết, khi lại lùi xa bao quát theo nhịp dập dềnh của con thuyền đang trôi xuôi dòng về phía chợ Năm Căn.

Lưu ý, ở đây tác giả nhập vai cậu bé An, xưng "tôi". Vì vậy, cảnh thiên nhiên được miêu tả càng thêm sinh động, chi tiết do cách nhìn được quy định bởi tâm lí trẻ thơ sự háo hức, ham hiểu biết của nhân vật.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 22

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ đoạn văn và chú ý những tính từ trong đoạn văn. Tác giả miêu tả về những chi tiết nào: cảnh sắc, âm thanh,...

b. Gợi ý trả lời

Ấn tượng chung ban đầu về vùng sông nước Cà Mau được tác giả cảm nhận bằng thị giác và thính giác. Tác giả chưa miêu tả những hình ảnh cụ thể mà mới chỉ là những nhận xét khái quát, chung chung về một vùng sông nước rộng lớn, kênh rạch "*bủa giăng chi chít như mạng nhện*". Ấn tượng nổi bật là màu xanh mênh mang, bất tận: trời xanh, nước xanh, cây lá xanh. Tất cả nhòa vào nhau tạo thành một quang cảnh "*lặng lẽ một màu xanh đơn điệu*".

Ấn tượng thông qua thính giác là tiếng rì rào bất tận của rừng cùng tiếng sóng rì rào của biển. Cảm giác đơn điệu triền miên của âm thanh rất tương xứng với cảm giác về một màu xanh vô tận, tạo thành ấn tượng chung về một vùng đất bao la, rộng lớn và có chút gì kì bí.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 22

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Bám sát văn bản đoạn "Từ khi qua Chà Là... nước đen".

Nên liên hệ cách đặt tên địa danh ở Cà Mau với những địa danh gần gũi quanh mình để rút ra nét đặc sắc, cách tư duy của người dân trên mảnh đất này.

b. Gợi ý trả lời

Những địa danh vùng sông nước Cà Mau được liệt kê kèm theo những lời giải thích rất thú vị. Đúng như tác giả đã nhận xét qua lời cậu bé An: "*Ở đây, người ta gọi tên đất, tên sông không phải bằng những danh từ mĩ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên*" rạch Mái Giầm, kênh Bọ Mắt, kênh Ba Khía... Qua lời giải thích, chúng ta thấy thiên nhiên ở đây rất phong phú, tự nhiên, hoang dã. Tự nhiên bao bọc con người. Khi miêu tả thiên nhiên, ngòi bút Đoàn Giỏi tỏ ra rất phóng khoáng. Thiên nhiên được khắc họa rất sâu ở khía cạnh mật độ, độ phong phú: *toàn là; không biết cơ man nào; đen như hạt vừng; từng bầy; như những đám mây nhỏ; đặc sệt*... Dấu hiệu của con người thì nhỏ bé và thưa thớt: "*chỉ độc có một cái lán*".

Tuy nhiên, sự đối lập ấy không tạo nên cảm giác con người bị lấn át. Ta thấy, những người dân Cà Mau sống chan hòa, gần gũi với thiên nhiên. Họ sống giản dị, chất phác. Vì thế mà cách đặt tên cho kênh rạch, đất đai cũng giản dị, tự nhiên và thú vị như vậy.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 22

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Câu hỏi này đi vào phân tích chi tiết một đoạn ngắn. Cần phải nắm vững kiến thức cơ bản về từ, sức biểu cảm của từ, đồng thời kết hợp với cảm nhận chủ quan khi đọc đoạn văn (khi đọc ta hình dung ra

cảnh gì, cảm giác như thế nào). Từ đó, ta mới có thể nhận xét được cách dùng từ, miêu tả tài tình của tác giả.

b. Gợi ý trả lời

Dòng sông Năm Căn và rừng đước được miêu tả thật rộng lớn, hùng vĩ. Bản thân sự tương xứng giữa chúng càng làm tôn thêm nét hoang dã, hùng vĩ ấy. Con sông được miêu tả bằng hàng loạt chi tiết ấn tượng, mênh mông rộng hơn ngàn thước; nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác; cá bơi hàng đàn đen trũi... Nếu con sông được đặc tả bằng những hình ảnh sắc nét như trên thì sự hùng vĩ của rừng đước lại được tô đậm bởi cảm giác trải dài, ngút ngàn với những sắc thái xanh liên tiếp: rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận; mọc dài theo bãi; ngọi bằng tăm tắp; lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ...

Trong câu *"Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn"* có tới ba động từ chỉ cùng một hoạt động của con thuyền: "*thoát qua*", "*đổ ra*", "*xuôi về*". Ba động từ trong một câu nhưng không thừa, càng không thể thay đổi trình tự. Mỗi động từ gắn với một vị trí, địa điểm nhất định, chắc hẳn phải phù hợp với địa hình của nơi đó: "*thoát qua*" thể hiện việc con thuyền vượt qua một nơi nguy hiểm (kênh Bọ Mắt); "*đổ ra*" diễn tả con thuyền từ kênh nhỏ ra dòng sông lớn (con sông Cửa Lớn); còn "*xuôi về*" là lúc con thuyền nhẹ nhàng xuôi theo dòng sông êm ả (Năm Căn). Đây chính là trình tự vượt sông của con thuyền, lần lượt từ kênh Bọ Mắt đến sông Cửa Lớn. Đó là cách sắp xếp hợp lô-gíc và xuất phát từ quan sát thực tế của nhà văn nên không thể thay đổi.

Như vậy, cách dùng từ của tác giả rất tinh tế và chính xác. Điều đó không chỉ thể hiện tài năng mà còn cho thấy kinh nghiệm thực tế của ông. Sự kết hợp hai yếu tố này đã tạo nên chất thực, sống động cho toàn văn bản.

Nhà văn cũng rất tinh tế khi miêu tả màu sắc của rừng đước qua hàng loạt cấp độ màu xanh: màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ... Đó là màu của những cây đước còn non, ngay gần thuyền là màu của lớp cây đã già hơn, xanh đậm. Đặc biệt, "*màu xanh chai lọ*" là một màu đặc biệt. Nó không chỉ tả sắc độ xanh mà còn bao

hàm cả ý tả cái lấp loáng, nhạt nhòa không rõ. Đó là màu xanh cây lá ở xa, *"ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai"*. Như vậy, cùng là tả màu xanh nhưng Đoàn Giỏi tả rất kỹ lưỡng, có xa, có gần; có màu sắc và có cả độ rộng không gian. Nét tinh tế của ông chính là ở đó.

c. Mở rộng kiến thức

Trong bài thơ *Mùa xuân xanh*, Nguyễn Bính cũng rất tinh tế khi tả các cấp độ màu xanh. Ông đã tạo nên ấn tượng về một mùa xuân xanh tươi, tràn đầy sức sống ở quanh mình. Có thể liên hệ với bài thơ để tham khảo:

Mùa xuân là cả một mùa xanh
Trời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh
Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình
Khói lũy tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.

5. Câu hỏi 5 SGK trang 22

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc đoạn văn: "Chợ Năm Căn... rừng Cà Mau". Lưu ý giọng điệu đoạn văn. Đoạn văn tập trung miêu tả những hình ảnh gì? Biện pháp nghệ thuật được sử dụng chủ yếu.

b. Gợi ý trả lời

Sự đông vui, trù phú của chợ Năm Căn thể hiện ở quang cảnh tấp nập, hàng hóa phong phú, tàu bè san sát: những túp lều lá cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch; những đống gỗ, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn dập dềnh trên sóng; những bến vận hà nhộn nhịp; những lò than hầm gỗ; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi...

Tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê, với những câu dài có nhiều vế liên tiếp (bắt đầu bằng "những") để nhấn mạnh nét trù phú, đông vui của cảnh chợ Năm Căn. Nhịp điệu dồn dập của đoạn văn cũng góp phần không nhỏ để gợi lên ấn tượng đó.

Đồng thời, vùng chợ Năm Căn còn có nét đẹp độc đáo "*hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau*". Đó là kiểu chợ nổi rất đặc trưng cho vùng rừng cận biển nơi tận cùng đất nước. Những con thuyền len lỏi, có thể mua bất cứ thứ hàng hóa gì mà không cần phải bước lên bờ. Đó là nơi có sự góp mặt của rất nhiều dân tộc: người Hoa kiều, người Chà Châu Giang, người Mân; "*đủ các giọng nói líu lô*", "*đủ kiểu ăn vận sặc sỡ*"... Đó là những nét riêng, độc đáo, thú vị của vùng chợ Năm Căn đã được tác giả miêu tả bằng một giọng văn sôi nổi, say mê.

c. Mở rộng kiến thức

Trong thơ văn, rất nhiều tác phẩm viết về quê hương, về dòng sông thân thuộc. Tham khảo một số bài thơ, đoạn văn về đề tài đó, chúng ta sẽ nhận thấy những nét riêng, độc đáo của vùng sông nước Cà Mau qua lời miêu tả của Đoàn Giỏi.

- Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng...

(Hoàng Cầm)

Sông ơi nước trong đâu
Mà bốn mùa mắt đỏ
Con chim nghiêng mắt ngó
Phù sa hồng đôi chân

(Trần Đăng Khoa)

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre

(Tế Hanh)

Điểm chung của hình ảnh dòng sông trong những câu thơ trên là nét hiền hòa, quen thuộc. Tất cả đều rất khác với vẻ đẹp trù phú, độc đáo của dòng sông Năm Căn rộng lớn. Đó là sự đa dạng, kỳ thú ẩn giấu trên mỗi mảnh đất Việt Nam.

6. Câu hỏi 6 SGK trang 22.

Để làm được câu hỏi này, trước hết, chúng ta phải nắm được những nét chính về cảnh sắc sông nước Cà Mau được miêu tả trong văn bản. Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, hoang dã, đầy sức sống. Con người ở đó sống chất phác, giản dị, hài hòa, gần gũi thiên nhiên. Cảnh chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống đông vui, trù phú, tấp nập với những nét độc đáo đặc trưng cho vùng đất tận cùng Tổ quốc. Trên cơ sở những cảm nhận chung ấy, chắc hẳn mỗi chúng ta sẽ có những cảm nhận riêng. Đó có thể là sự thán phục, thích thú trước hình ảnh một vùng đất xa xôi kỳ thú có thể là niềm tự hào về cảnh quan trù phú, đa dạng, giàu có của đất nước; có thể là sự liên tưởng và thêm yêu và quê hương mình... Kết hợp được suy nghĩ, cảm nhận chủ quan của bản thân với những kiến thức rút ra từ văn bản này sẽ giúp các em trả lời câu hỏi trên một cách thỏa đáng và sâu sắc.

Tư liệu tham khảo

Tham khảo bài "*Đọc lại Đất rừng phương Nam" của Đoàn Giỏi*" của Tế Hanh dưới đây:

ĐỌC LẠI "ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM" CỦA ĐOÀN GIỎI

Có những quyển sách ta không thể nào đọc hết, có những quyển sách ta chỉ có thể đọc một lần. Nhưng có những quyển sách đọc rồi, ta thích đọc lại. Và đọc lại vẫn thấy thú. *Đất rừng phương Nam* là loại này. Tôi đã đọc lại lần thứ ba. Khi đọc hết, khi đọc từng đoạn. Đó có lẽ là cái lạ của quyển sách này. Khi tác giả viết chắc chỉ với mục đích là viết cho các em. Có lẽ anh không ngờ người lớn đọc cũng rất thú vị. Tôi nghĩ: có những quyển sách người lớn thích, trẻ con không thích vì nó chưa đến tuổi người lớn. Nhưng không có quyển sách nào trẻ con thích mà người lớn không thích, vì người lớn nào chả từng là trẻ con? Với điều kiện là tác giả viết nó như viết một tác phẩm văn học thật sự.

Nhân vật chính của câu chuyện là một em bé lạc mẹ tên là An. An phải đi ở cho một bà bán quán, sau làm con nuôi một ông lão bắt rắn. An theo gia đình bố nuôi đi khắp đất rừng phương Nam ở miền Tây Nam Bộ.

Đây là một dịp để tác giả cho thấy tất cả cái đẹp, cái lạ của miền Nam Tổ quốc xa xôi này. Có người cho cái hay của quyển sách này là nói lên được cái không khí của giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp với tâm trạng, hành động của mọi tầng lớp xã hội. Hạng nghèo như bố nuôi của An, như chú Võ Tòng. Các cán bộ, các chiến sĩ. Những người tư sản nhỏ như dì Tư béo. Những tên địa chủ phản động. Những bọn Việt gian, gián điệp... Theo tôi thì cái hay nhất của quyển sách này là ở chỗ tác giả giới thiệu cho chúng ta đất nước phong tục của miền Tây Nam Bộ. Tôi đọc rất say sưa những trang viết về "Rừng đước Cà Mau", "Sân chim".

"Càng đổ gần về hướng Mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối – thứ thanh âm đơn điệu triền miên ấy ru ngủ thính giả càng làm mòn mỏi và đuối dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu".

Tôi cũng rất thích những đoạn tác giả viết về các nghề làm ăn của nhân dân địa phương. Những nghề ta rất lạ như bắt rắn, lấy mật ong, săn cá sấu. Đoạn nói về phường săn cá sấu rất sinh động và hiện thực.

Có người "phê bình" Đoàn Giỏi là đã cho chú bé An của mình có những ý nghĩ quá lớn. Ví dụ: "Hỡi thiên nhiên dữ dội và nham hiểm, ngươi hãy coi chừng. Không một sức mạnh nào ẩn chứa trong ngươi mà con người không khuất phục nổi đâu!". Tôi lại thích cái cách cho các em nghĩ cao xa như vậy hơn là cho các em những ý nghĩ quá ngô nghê.

Đoàn Giỏi viết quyển *Đất rừng phương Nam* cách đây gần 15 năm. Quyển sách đã in lại ba lần. Rất nhiều người khen. Nhưng chưa có bài phê bình đánh giá thật đầy đủ, nghiêm túc trên báo chí, không hiểu vì sao?

Theo tôi, đây là một tác phẩm có giá trị của nền văn học thiếu nhi của ta, cho đến nay là tác phẩm xuất sắc nhất của nhà văn Đoàn Giỏi. Và trong nền văn học nói chung, *Đất rừng phương Nam* là một tác phẩm đáng kể.

(Theo *Văn nghệ số 53, 16.6.1972)*

SO SÁNH

Mục đích của bài học, giúp các em củng cố, nâng cao kiến thức về phép tu từ so sánh đã học ở bậc Tiểu học.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. So sánh là gì?

So sánh là:

- Đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng;

- Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: *Trăng như cái liềm vàng.*

(Nam Cao)

(Đối chiếu sự vật này – *trăng* – với sự vật khác – *cái liềm vàng* – trên cơ sở có sự tương đồng về hình dáng).

Trong các văn bản nghệ thuật, so sánh thường dùng với mục đích tu từ, vì thế nếu lược bỏ so sánh, câu văn sẽ mất đi tính sinh động và gợi tả rõ rệt...

Ví dụ:

+ Có dùng phép so sánh:

Những con cá nhụ béo núc, trắng lốp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vảy.

(Thi Sảnh)

+ Không dùng phép so sánh:

Những con cá nhụ béo núc, trắng lốp, bóng mượt.

Tuy nhiên, không phải lúc nào dùng so sánh cũng tạo ra được những câu văn có sức gợi tả.

1. Những câu trích dẫn trong SGK trang 24, có những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh sau:

a. Trẻ em như búp trên cành.

b. Rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

2. Trong câu a, *trẻ em* được so sánh với *búp trên cành*. Có thể so sánh được như vậy bởi giữa những sự vật này có nét tương đồng: *trẻ em* là chồi non, mầm non của đất nước còn *búp trên cành* thì *búp* là chồi non của cây.

- Trong câu b, *rừng đước* được so sánh với *hai dãy trường thành* là những sự vật có nét tương đồng về độ cao và dài.

Các sự vật, sự việc trong hai câu a và b được so sánh với nhau như vậy nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

II. Cấu tạo của phép so sánh

Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nêu tên sự vật, sự việc được so sánh);

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế A);

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh;

- Từ ngữ chỉ ý so sánh (gọi tắt là từ so sánh).

Ví dụ: *Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*

- Vế A: *Cái chàng Dế Choắt*

- Vế B: *một gã nghiện thuốc phiện*

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh: *người gầy gò và dài lêu nghêu.*

- Từ ngữ chỉ ý so sánh: *như*

Vế A Sự vật được so sánh	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để so sánh)
Cái chàng Dế Choắt	*người gầy gò và dài lêu nghêu*	*như*	*một gã nghiện thuốc phiện*

Trong thực tế, mô hình cấu cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

Ví dụ:

Vế A	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B
Mỏ Cốc *Mũi Cà Mau*		*như*	*cái dùi sắt* *mầm đất tươi non*

- Vế B có thể được đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh. Đây là loại so sánh thường được dùng trong thơ ca.

1. Điền những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong những câu đã dẫn phần I vào mô hình phép so sánh.

Vế A	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B
Trẻ em *Rừng đước"*	*Dựng lên cao ngất*	*như* *như*	*búp trên cành* *hai dãy trường thành vô tận*

2. Các từ so sánh: *bằng, như, tày, hơn, không bằng, kém...*

3. Phân tích cấu tạo của phép so sánh trong những câu sau:

a. *Trường Sơn: chí lớn ông cha*

Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào.

(Lê Anh Xuân)

Cấu tạo của phép so sánh trong hai câu thơ trên có điều đặc biệt: các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và từ so sánh được lược bớt.

b. *Như tre mọc thẳng,* con người không chịu khuất (Thép Mới)

Cấu tạo của phép so sánh trong câu trên có điều đặc biệt: nó không tuân theo mô hình đầy đủ của một phép so sánh là: vế A, vế B, từ ngữ chỉ phương diện so sánh và từ so sánh mà vế B được đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập yêu cầu các em dựa vào những mẫu đã cho trong bài tập tìm thêm cho mỗi loại một ví dụ khác.

Để làm bài tập này các em lưu ý:

- Để bài không yêu cầu tìm thêm ví dụ giống như mẫu về mặt cấu tạo (đầy đủ hoặc không đầy đủ các bộ phận).

- Các ví dụ cần tìm phải phù hợp với những gợi ý đã cho trước (so sánh đồng loại: so sánh người với người, so sánh vật với vật; so sánh khác loại: so sánh vật với người, so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng).

Sau đây là một số ví dụ:

a. So sánh đồng loại

- So sánh người với người

Lương y như từ mẫu (Thầy thuốc như mẹ hiền) (Hồ Chí Minh)

- So sánh vật với vật:

Quả nhót như bóng đèn tín hiệu

Trỏ lối sang hè

Quả cà chua như cái đèn lồng nhỏ xíu.
Thắp mùa đông ấm những đêm thâu

(Phạm Tiến Duật)

Cây dừa nước, lá nhọn hoắt như hai hàng gươm giắt dài theo sống lá tua tủa, chĩa nhọn lên đe dọa trời. (Đoàn Giỏi)

b. So sánh khác loại

- So sánh vật với người:

+ *Mẹ già như chuối chín cây*
Như xôi nếp một, như đường mía lau

(Lời bài hát)

+ *Cây tràm quấn dây tơ hồng như người đàn bà bồng con đứng xoã tóc, tay vẫy vẫy.* (Đoàn Giỏi)

- So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng:

+ *Con đi trăm núi ngàn khe*
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm

(Tố Hữu)

2. Bài tập này yêu cầu viết tiếp vế B vào những chỗ trống để tạo thành phép so sánh:

Dưới đây là một số thành ngữ, các em có thể tham khảo:

- *Khoẻ như trâu, khỏe như voi, khoẻ như hùm...*
- *Đen như củ tam thất, đen như cột nhà cháy, đen như bồ hóng...*
- *Trắng như ngà, trắng như trứng gà bóc, trắng như tuyết...*
- *Cao như sếu, cao như cây sào, cao tựa núi Thái Sơn"...*

3. Bài tập này yêu cầu các em tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong các bài *Bài học đường đời đầu tiên* và *Sông nước Cà Mau*. Những câu văn có sử dụng phép so sánh trong:

a. Bài học đường đời đầu tiên:

- Những ngọn cỏ gẫy rạp, ***y như*** *có nhát dao vừa lia qua.*

- Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp ***như*** *cái lưỡi liềm máy làm việc.*

- Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu ***như*** *một gã nghiện thuốc phiện.*

- Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn ***như*** *người cởi trần mặc áo gi-lê.*

- Chú mày hôi ***như*** *cú mèo thế này, ta nào chịu được.*

- Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, ***như*** *sắp đánh nhau.*

- Mỏ Cốc ***như*** *cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.*

- ***Như*** *đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rỉa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh khổ đau vừa gây ra.*

b. Sông nước Cà Mau:

- Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít ***như*** *mạng nhện.*

- [...] gọi là kênh Bọ Mắt vì ở đó tụ tập không biết cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy ***như*** *những đám mây nhỏ [...]*

- Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm ***như*** *thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống* ***như*** *người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.*

- [...] trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao nhất như hai dãy trường thành vô tận.

*- [...] những đống gỗ cao **như** núi chất dựa bờ [...]*

*- [...] những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước **như** những khu phố nổi [...]*

*- [...] đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, **hơn** tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau*

QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

Mục đích của bài học, giúp các em:

- Thấy được vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả;

- Biết vận dụng các yếu tố này trong khi viết bài văn miêu tả.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả

Để miêu tả được những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,... thì:

- Trước hết, phải biết quan sát.

- Từ đó, nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh,... để làm nổi bật lên những đặc điểm tiêu biểu của sự vật.

II. Đọc – hiểu

1. Đọc kĩ các đoạn văn trong SGK trang 27

2. Trả lời các câu hỏi:

a. Mỗi đoạn văn giúp cho em hình dung được những đặc điểm nổi bật của sự vật và phong cảnh được miêu tả:

- Đoạn 1: Hình ảnh chàng Dế Choắt gầy gò, ốm yếu, tội nghiệp và đáng thương.

- Đoạn 2: Quang cảnh hùng vĩ và thơ mộng của vùng sông nước Cà Mau – Năm Căn.

- Đoạn 3: Sức sống của cây gạo và sự huyên náo của các loài chim khi mùa xuân về.

b. Những đặc điểm nổi bật đó thể hiện ở những từ ngữ, hình ảnh:

- Đoạn 1: *gầy gò, lêu nghêu, ngắn cũn, bè bè, nặng nề, ngẩn ngẩn ngơ ngơ.*

- Đoạn 2: *bủa giăng chi chít như mạng nhện, trời xanh, nước xanh, rừng xanh, tiếng rì rào bất tận, mênh mông, ầm ầm, như thác...*

- Đoạn 3: *chim ríu rít, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn bông hoa – hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn – hàng ngàn ánh nến trong xanh, lóng lánh, lung linh, đàn đàn lũ lũ, bay đi bay về, lượn lên lượn xuống...*

Để viết được các đoạn văn trên, người viết cần có những năng lực cơ bản như: quan sát tinh tế, tưởng tượng phong phú, so sánh đa dạng và nhận xét chính xác.

c. Những câu văn có sự liên tưởng và so sánh trong mỗi đoạn:

- Đoạn 1:

*+ Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu **như một gã nghiện thuốc phiện.***

*+ Đã thanh niên rồi mà cánh thì ngắn cũn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn **như người cởi trần mặc áo gi-lê**.*

- Đoạn 2:

*+ Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít **như mạng nhện.***

*+ Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống **như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng**.*

+ Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất ***như hai dãy trường thành vô tận.***

- Đoạn 3: *Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững* ***như một tháp đèn khổng lồ****, hàng ngàn bông hoa là* ***hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi****, hàng ngàn búp nõn là* ***hàng ngàn ánh nến trong xanh****, tất cả đều lóng lánh, lung linh, trong nắng.*

Sự liên tưởng và so sánh ở các câu trên đều rất đặc sắc vì nó thể hiện một cách chân thực tinh tế về đối tượng được miêu tả và mở ra những liên tưởng lí thú cho người đọc. Phải có sự quan sát kĩ và sự tưởng tượng phong phú, các tác giả mới có thể viết ra được như vậy.

3. So với đoạn nguyên văn (mục 1, đoạn 2) thì đoạn văn của Đoàn Giỏi ở đây đã bị lược đi một số từ, ngữ sau:

- *ầm ầm*

- *như thác*

- *nhô lên ngụp xuống như người bơi ếch.*

Những chữ bị lược trong đoạn văn:

- Động từ mạnh: *ầm ầm, nhô lên hụp xuống*

- Hình ảnh so sánh ấn tượng: *như thác, như người bơi ếch.*

Nếu thiếu những chữ đó, đoạn văn miêu tả sẽ mất đi vẻ đẹp của sự sinh động do khả năng liên tưởng và tưởng tượng mà các từ bị lược đi có thể gợi ra.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Cho biết tác giả đã quan sát và lựa chọn những hình ảnh đặc sắc và tiêu biểu nào khi miêu tả quang cảnh Hồ Gươm?

- Lựa chọn các từ cho trong bài tập điền vào ô trống.

a. Năm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong ngoặc đơn:

- (1) gương lớn

- (2) cong cong

- (3) lấp ló

- (4) cổ kính

- (5) xanh um

b. Trong đoạn văn miêu tả quang cảnh Hồ Gươm, tác giả đã quan sát và lựa chọn những hình ảnh đặc sắc và tiêu biểu sau:

- mặt hồ sáng long lanh

- cầu Thê Húc màu son

- đền Ngọc Sơn

- gốc đa già, rễ sum suê

- tháp Rùa xây trên gò đất giữa hồ

2. Bài tập này yêu cầu các em tìm những hình ảnh tiêu biểu và đặc sắc để tả một chú Dế Mèn có thân hình đẹp, cường tráng nhưng tính tình rất ương bướng, kiêu căng.

Những hình ảnh tiêu biểu và đặc sắc để tả một chú Dế Mèn có thân hình đẹp, cường tráng nhưng tính tình rất ương bướng, kiêu căng:

- rung rinh, bóng mỡ

- đầu to, nổi từng tảng

- răng đen nhánh, nhai ngoàm ngoạp

- râu dài, uốn cong

- trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu

3. Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Quan sát và ghi chép lại những đặc điểm ngôi nhà hoặc căn phòng ở.

- Trong những đặc điểm đó, đặc điểm nào là nổi bật nhất?

Quan sát và ghi chép lại những đặc điểm ngôi nhà hoặc căn phòng em ở, các em có thể tham khảo những gợi ý sau:

- Ngôi nhà có bao nhiêu tầng, bao nhiêu phòng?

- Bên ngoài ngôi nhà được quét sơn gì?

- Mỗi phòng trong nhà được bố trí, sắp xếp đồ đạc như thế nào?

- Chức năng của mỗi phòng?

...

Sau khi quan sát và ghi chép những đặc điểm của ngôi nhà, các em xem đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật nhất. Việc chọn đặc điểm nổi bật nhất tùy thuộc vào từng em.

4. Nếu tả lại quang cảnh một buổi sáng trên quê hương em, có thể liên tưởng và so sánh các hình ảnh, sự vật dẫn trong SGK trang 29:

- *Mặt trời:*

+ quả cầu lửa khổng lồ;

+ cái bếp của bác thợ rèn.

- *Bầu trời:*

+ chiếc lồng bàn tím phớt

+ cái mũ của cô gái mới lớn

- *Những hàng cây:*

+ hàng quân xanh chỉnh tề;

+ những người bảo vệ cần mẫn.

- *Núi (đồi):*

+ bát úp

+ mâm xôi

- *Những ngôi nhà:* chấm sáng nhấp nhô

5. Bài tập này yêu cầu các em viết một đoạn văn tả lại quang cảnh một dòng sông, hay khu rừng mà em đã có dịp quan sát.

Ở bài tập này, các em chú ý miêu tả từ xa đến gần hoặc ngược lại, đặc tả những chi tiết đáng chú ý gây được ấn tượng mạnh nhất. Chú ý sử dụng phép liên tưởng và so sánh trong câu văn để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Bài 20

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

Tạ Duy Anh

"Đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đồi bại trái tim". (Et-môn-đô đơ A-mi-xi)

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Tạ Duy Anh tên khai sinh là Tạ Viết Dũng, sinh ngày 9 tháng 9 năm 1959. Ông quê ở xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mĩ, tỉnh Hà Tây. Tốt nghiệp khoá IV Trường viết văn Nguyễn Du, ông ở lại trường làm cán bộ giảng dạy. Năm 1993, Tạ Duy Anh trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Các tác phẩm chính: "Bước qua lời nguyền" (tập truyện, 1990); "Khúc dạo đầu" (tiểu thuyết, 1991); "Lão khổ" (tiểu thuyết, 1992); "Hiệp sĩ áo đỏ" (truyện vừa thiếu nhi, 1993)...

Bức tranh của em gái tôi là truyện ngắn đoạt giải nhì trong cuộc thi viết "Tương lai vẫy gọi" của báo Thiếu niên Tiền phong.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 34

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ văn bản, tìm ra các ý chính của văn bản.

Chú ý đến các chi tiết làm mạch truyện phát triển. Từ đó, viết bài tóm tắt.

b. Gợi ý trả lời

Kiều Phương là một cô bé có tài năng hội hoạ đặc biệt. Vì cô bé tập vẽ nhiều nên mặt lúc nào cũng lem nhem. Cái tên Mèo được anh trai cô đặt cũng vì thế. Thế rồi, tài năng của Kiều Phương được chú hoạ sĩ Tiến Lê (bạn bố mẹ em) phát hiện ra. Cả nhà rất vui vẻ, chăm chút cho tài năng của Kiều Phương. Nhưng cũng từ đó, người anh trai Kiều Phương sinh lòng đố kị với tài năng của cô bé, luôn bực mình, cáu gắt với em. Kiều Phương được dự thi trại vẽ quốc tế. Bức tranh của em được

giải nhất trong cuộc thi, trong đó cô bé vẽ chính anh trai mình. Bức tranh đã làm người anh hối hận vì sự nhỏ nhen của mình trước đây.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 34

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Xem lại bài học "Sự việc và nhân vật trong văn tự sự" (phần *Ghi nhớ*, Ngữ văn 6 tập một, trang 38) để xác định nhân vật chính của truyện. Nhân vật chính bao giờ cũng bộc lộ rõ chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Soi chiếu vào bài học để xác định nhân vật chính.

b. Gợi ý trả lời

Bức tranh của em gái tôi được kể lại bằng ngôi thứ nhất, (xưng "tôi") bằng lời của nhân vật người anh. Nhân vật người anh trực tiếp tham gia vào các sự việc trong truyện. Với ngôi kể này, nhân vật sẽ bộc lộ tâm tư, tình cảm, suy nghĩ một cách tự nhiên, chân thật. Có những tâm sự sâu kín, lòng đố kị nhen nhóm lên trong suy nghĩ, nếu người anh không tự bộc lộ thì rất khó có thể nhìn nhận và diễn tả được. Và nhân vật cô em gái cũng được thể hiện qua diễn biến tâm trạng khác nhau của người anh, cung cấp một cái nhìn toàn diện cho người đọc.

Tác giả khắc hoạ hai nhân vật: người em để ngợi ca, và người anh để thức tỉnh, thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Vì vậy, rõ ràng hai nhân vật này là nhân vật chính của truyện.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 34

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Chú ý các thời điểm làm thay đổi tâm lí của người anh: trước và sau khi tài năng của cô bé Kiều Phương được phát hiện, và khi người anh đứng trước bức tranh "Anh trai tôi" được giải nhất.

Tại sao người anh lại có sự thay đổi trong tâm lí như vậy? Hãy đặt mình trong trường hợp người anh của Kiều Phương để trả lời câu hỏi này.

b. Gợi ý trả lời

Thời gian đầu, khi thấy Kiều Phương tự mầy mò vẽ, tự pha chế thuốc vẽ thì người anh chỉ coi đó là một trò nghịch ngợm của trẻ con nhìn bằng con mắt kẻ cả pha chút tò mò, hiếu kì. Ngay cả cái tên Mèo đặt cho em gái cũng thể hiện thái độ kẻ cả ấy.

Sau đó, nhờ chú hoạ sĩ Tiến Lê mà tài năng hội hoạ của Kiều Phương được phát hiện. Đó cũng là lúc tâm trạng người anh thay đổi.

Trong khi cả nhà: bố, mẹ, chú Tiến Lê đều ngạc nhiên, vui mừng và chăm chút cho tài năng của cô bé, thì người anh lại nảy sinh tâm trạng buồn, chán, thất vọng. Người anh cảm thấy bản thân không có một năng khiếu gì, tự thấy mình như bị bỏ quên, và "*những lúc ngồi bên bàn học tôi chỉ muốn gục xuống khóc*". Từ đó, người anh không thể thân với em gái của mình như trước, hay gắt gỏng, quát mắng Kiều Phương chỉ vì một lỗi nhỏ, đến cả vẻ mặt Kiều Phương trước đây người anh vẫn thấy ngộ nghĩnh, đáng yêu thì bây giờ "*tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi*".

Người anh quyết định làm công việc mà trước đây bản thân mình coi khinh không làm là: xem trộm. Vì tò mò, hiếu kì và ghen tị nên người anh vẫn xem trộm những bức tranh của Kiều Phương, rồi lén trút tiếng thở dài như thầm cảm phục tài vẽ của em gái.

Tâm lí mặc cảm, tự ti, ghen tị của nhân vật người anh cũng dễ hiểu. Đó là một thói xấu của con người nảy sinh trước một người khác có tài năng hơn mình. Nếu một người có tâm hồn trong sáng, bao dung, ham học hỏi thì tâm lí mặc cảm, đố kị sẽ giảm đi rất nhiều. Lẽ ra người anh phải mừng cho em gái. Trái lại, nhân vật cậu bé trong truyện chỉ vì lòng ích kỉ, mặc cảm, tự ti đã tự xa dần cô em gái của mình, tự thấy mình lạc lõng trong gia đình.

Cho đến khi, đứng trước bức tranh "Anh trai tôi" đoạt giải nhất của em gái, tâm trạng người anh có nhiều biến đổi quan trọng.

Bức tranh vẽ về chủ đề tự chọn trong cuộc thi vẽ quốc tế, Kiều Phương lại chọn chính anh trai mình với lời dạy của chú Tiến Lê:

"*Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu*".

Bức tranh đã làm anh trai cô bé ngạc nhiên đến sững sờ. Hơn nữa, hình ảnh cậu bé trong tranh được thể hiện dưới nét vẽ của Kiều Phương thật đẹp: "*Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa*".

Bức tranh đẹp và hoàn hảo đã khiến cậu bé *thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ*. Đó là một tâm trạng rất phức tạp, đan xen nhiều cung bậc khác nhau.

Cậu ngỡ ngàng vì mình trở thành trung tâm của bức tranh đoạt giải nhất quốc tế. Hãnh diện vì vẻ đẹp của chú bé trong tranh toát ra. Song những cảm giác "*ngỡ ngàng*", hãnh diện đã nhường chỗ cho sự "*xấu hổ*". Người anh đã nhận ra sự hạn chế của bản thân, xấu hổ vì những hành vi không tốt với em của mình trước đây. Dù cậu đã nhỏ nhen, ích kỉ, đối kị với tài năng của em, nhưng trong ánh mắt của cô em gái hồn nhiên, trong sáng và nhân hậu ấy cậu vẫn là một người anh trai tuyệt vời, đẹp đẽ và thánh thiện. Cậu tự cảm thấy mình không xứng đáng, không đẹp như bức tranh được giải.

Cậu đã phải đặt ra câu hỏi cho chính lòng mình: *Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư?* Và cậu bé đã nhận ra, bức tranh hoàn hảo ấy có được là do tấm lòng nhân hậu của em gái mình.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 34

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đoạn kết của truyện là một kết thúc mở, gợi ra một sự liên tưởng phong phú cho người đọc. Cậu bé không trả lời mẹ, nhưng đã trả lời với chính lòng mình. Hãy suy nghĩ về câu nói của cậu bé: "*Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy*".

b. Gợi ý trả lời

Cậu bé không thể trả lời câu hỏi của bà mẹ, vì cậu đang xúc động muốn khóc. Cậu nhận ra bức chân dung của mình được vẽ bằng chính tâm hồn và lòng nhân hậu của cô em gái.

Đấy chính là lúc cậu bé tự thức tỉnh, tự nhận ra những khiếm khuyết của bản thân, sự ích kỉ, hẹp hòi, lòng đố kị của mình trước đây. Và chắc hẳn, tấm lòng nhân hậu của Kiều Phương sẽ là điểm sáng thắp lên niềm tin, tình cảm trong sáng cho người anh trai của mình trong tương lai. Nhân vật người anh dù đã có lúc để những nhỏ nhen, ích kỉ, hẹp hòi xâm chiếm suy nghĩ, tình cảm của mình, nhưng trước sau cậu vẫn là người anh yêu em hết mực. Cậu có thể dửng dưng, thậm chí ghen tị với tài năng của cô em gái nhưng không thể vô tình trước lòng nhân hậu, tâm hồn trong sáng, thánh thiện của em.

5. Câu hỏi 5 SGK trang 34

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Kiều Phương là một cô bé có tài năng và phẩm chất trong sáng, gần gũi với lứa tuổi thiếu niên, ta có thể gặp trong cuộc sống đời thường.

Dựa vào ba câu hỏi trên trong bài học, đồng thời đối chiếu cô bé với người anh trai để thấy được những nét đẹp trong tâm hồn cô bé. Nét đẹp nào của cô bé làm em cảm mến? Từ đó, viết những dòng cảm xúc của bản thân về nhân vật Kiều Phương.

b. Gợi ý trả lời

Nhân vật cô bé Kiều Phương trong truyện có nhiều nét đáng mến: sự hồn nhiên, vô tư của tâm hồn trẻ thơ, tài năng, lòng độ lượng, và lòng nhân hậu. Em hồn nhiên, vô tư nhận cái tên Mèo do anh trai đặt, vui vẻ dùng tên đó xưng hô với bạn bè. Cô bé hiếu động lục lọi đồ đạc trong nhà, tự pha chế màu vẽ, rồi vui vẻ đi làm những công việc bố mẹ phân công, vừa làm vừa hát. Tài năng hội hoạ của em đã được công nhận và giành giải thưởng cao nhất trong kì thi vẽ quốc tế.

Song ở cô bé tài năng hồn nhiên vô tư này, tâm hồn trong sáng và tấm lòng nhân hậu mới là nét đáng quý nhất. Với lòng nhân hậu, cô bé đã vẽ lên bức tranh trong sáng, đẹp đẽ về người anh trai của mình, dù biết rằng đã có lúc anh không thân thiện, tỏ ra lạnh nhạt với mình. Soi vào bức tranh ấy, anh cô đã nhận ra chính bản thân mình, đã vượt lên trên lòng đố kị, ích kỉ để hoàn thiện bản thân.

Lòng nhân hậu chính là một thứ tình cảm thiêng liêng, cao quý của mỗi người, giúp con người xích lại gần nhau và yêu thương nhau.

c. Mở rộng kiến thức

Tình yêu thương vốn là tình cảm thiêng liêng và cao quý của con người. Tình yêu thắp sáng niềm tin, hy vọng cho chúng ta hướng về tương lai tươi đẹp, và khi đi vào thơ ca, tình yêu thương cũng lung linh sắc màu. Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn đã gửi gắm tình cảm anh em, tình cảm gia đình vừa thân thương, vừa ấm lòng người trong bài thơ *Làm anh*.

Làm anh khó đấy
Phải đâu chuyện đùa
Với em bé gái
Phải "người lớn" cơ!

Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng

Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn

Làm anh thật khó
Nhưng mà thật vui
Ai yêu em bé
Thì làm được thôi!

LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

Mục đích của bài luyện, giúp các em biết trình bày miệng tương đối trôi chảy những nội dung về quan sát, nhận xét, tưởng tượng, liên tưởng, so sánh khi miêu tả.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Dựa vào truyện *Bức tranh của em gái tôi*, các em sẽ tả Kiều Phương và anh của Kiều Phương theo sự tưởng tượng của các em. Như vậy, các chi tiết trong bài chỉ là những gợi ý để các em hình dung, tưởng tượng và kể theo cách nghĩ riêng của các em về hai nhân vật này. Khi miêu tả, các em cần chú ý tới ngoại hình, đời sống nội tâm cũng như hành động của nhân vật. Theo cách này, các em có thể dựa vào một số chi tiết gợi ý dưới đây để lập dàn ý cho hai bài nói của mình:

a. Tả Kiều Phương

Kiều Phương là một hình ảnh đẹp. Bởi vậy, khi miêu tả, các em cần làm nổi bật những nét đẹp đó. Dưới đây là một số gợi ý:

- Ngoại hình: Kiều Phương một người luôn gắn với công việc mà mình say mê nên khuôn mặt Kiều Phương *luôn bị chính nó bôi bẩn, lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dẩu ra*. Thế nhưng khuôn mặt ấy lại toát lên một nét đáng yêu, "rất ngộ".

- Nội tâm:

+ Kiều Phương lúc nào cũng vui vẻ. Em thường vừa làm vừa hát, có lúc lại reo lên khe khẽ. Em sống hồn nhiên, ngây thơ đúng với lứa tuổi của mình.

+ Tuy thế, Kiều Phương cũng rất kín đáo. Em vẽ những bức tranh về mọi thứ có trong ngôi nhà chúng tôi và tất cả *đều trở nên dễ mến, trở nên ngộ nghĩnh* nhưng em không cho ai biết.

+ Kiều Phương có tấm lòng nhân hậu. Tuy anh Kiều Phương có những điều không phải nhưng khi đi nhận giải, Kiều Phương muốn anh đi cùng. Việc vẽ bức tranh *Anh trai tôi* với những nét họa: khuôn

mặt chú bé *như tỏa ra thứ ánh sáng rất lạ, tư thế ngồi của chú không chỉ là sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa, chú đang ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh,...* là sự thể hiện rõ nhất, cụ thể nhất cho tấm lòng nhân hậu đó.

- Hành động:

+ Kiều Phương thích vẽ và vẽ rất nhiều. Em vẽ tất cả những gì quanh mình với những nét vẽ đẹp và có hồn. Đến ngay như *con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến.*

+ Kiều Phương say mê công việc và có trách nhiệm với việc mình làm. Tất cả công việc trong nhà bố mẹ giao cho, em đều làm tốt. Em lúc nào *vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.*

b. Tả anh Kiều Phương

Khi tả anh của Kiều Phương, các em nên nhấn mạnh vào hai nội dung sau:

- Anh Kiều Phương là một người yêu quý em nhưng đố kị với năng khiếu hội họa của em. Từ đó, anh Kiều Phương luôn tìm cách cãi lộn với em *chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.*

- Trước sự hồn nhiên và tấm lòng nhân hậu của em, anh Kiều Phương đã hối hận và nhận ra sai lầm của mình.

2. Bài tập này yêu cầu các em:

- Kể về anh, chị hoặc em của mình cho bạn nghe.

- Lập dàn ý ra vở nháp và sau đó nói theo dàn bài đã lập.

- Trong khi nói, chú ý làm nổi bật đặc điểm của đối tượng miêu tả bằng các hình ảnh và nhận xét của bản thân.

Các em có thể tham khảo dàn ý chung sau:

- Giới thiệu người mình định kể

- Nêu đặc điểm nổi bật của người đó.

+ Ngoại hình (cao – thấp, béo – gầy, khuôn mặt, tóc dài – ngắn...)

+ Nội tâm (kín đáo – mở rộng; nhân hậu, vị tha - ích kỷ;...)

+ Tính cách (sôi nổi – trầm...)

- Tình cảm của em đối với người đó.

3. Các em tiến hành chi tiết hóa những nội dung đã cho trong SGK trang 36 để tả cảnh đêm trăng...

a. Lập dàn ý cho bài văn miêu tả

- Quan sát để phát hiện ra cái thần, cái hồn của đêm trăng định tả. Các em có thể quan sát kĩ những cảnh:

+ Bầu trời;

+ Vầng trăng;

+ Ánh sao;

+ Cây cối;

+ Đường làng, ngõ xóm;

+ Nhà cửa;

+ Con người.

Từ những hình ảnh trên, em thấy những hình ảnh nào là nổi bật nhất

- Để miêu tả cho các bạn thấy một đêm trăng đẹp, em cần có những tưởng tượng, so sánh những hình ảnh trên với những hình ảnh khác tương đồng để tăng thêm sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Sau đó, nêu nhận xét:

+ Cảnh đêm trăng có đẹp không? Đó là một đêm trăng như thế nào?

+ Em thấy cảnh đêm trăng như thế bao lần? Ở đâu?

+ Cảm nghĩ chung của em?

b. Sau khi đã có dàn ý, các em tiến hành lập dàn bài và trình bày bằng miệng theo dàn bài đã lập với các bạn trong lớp.

4. Bài tập này có yêu cầu tương tự bài tập 3:

- Lập dàn bài cho việc miêu tả cảnh buổi sáng (bình minh) trên biển.

- Nói theo dàn bài để các bạn trong lớp cùng nghe.

5. Bài tập này yêu cầu các em tả hình ảnh một người dũng sĩ trong truyện cổ đã học theo trí tưởng tượng.

Để chuẩn bị lập dàn bài cho nội dung miêu tả, các em chú ý:

- Chọn một truyện cổ tích bất kì mà em đã học có hình ảnh người dũng sĩ. Đây là hình ảnh của con người đẹp, dũng cảm, sống nhân hậu.

- Dựa theo trí tưởng tượng của mình, các em hãy tả người dũng sĩ đó. Có thể tả theo trình tự: ngoại hình, nội tâm và những hành động nghĩa hiệp tiêu biểu của nhân vật.

Bài 21

VƯỢT THÁC

Võ Quảng

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Võ Quảng sinh ngày 1 tháng 3 năm 1920, tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ông tham gia cách mạng từ năm 1935; từ năm 1948 – 1955 làm ủy viên Ban Thiếu niên Nhi đồng Trung ương. Ông là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi, quan tâm đến tâm lý của các em, và dành cho các em nhiều tình cảm. Ông đã tâm sự: "Văn học thiếu nhi có mục đích chủ yếu là giáo dục các em biết sống tốt đẹp, biết cảm thông, biết yêu thương, biết quý trọng cái đẹp, hiểu rõ nghĩa vụ làm người. Nhưng văn học thiếu nhi đúng theo nghĩa của nó thì không phải là những lời giảng dạy khô khan, những lí giải trừu tượng, những chữ, những câu giá lạnh... Nhưng ở mỗi lứa tuổi thiếu nhi phải có những cách thể hiện khác nhau. Lí do vì ở mỗi lứa tuổi các em, tư duy phát triển mỗi khác. Tôi thường chọn viết cho các em những gì tôi yêu thương, quen biết. Tôi hay viết về sự việc ở chốn quê, nơi tôi từng yêu thương từ nhỏ cho đến khi khôn lớn...". (Trích theo cuốn Nhà văn Việt Nam hiện đại *– NXB Hội Nhà văn, 1997).*

Và toàn bộ sự nghiệp của ông đã là minh chứng cho quan điểm đó.

Những tác phẩm tiêu biểu: "Chỗ cây đa làng" (1964); "Quê nội" (truyện 1974); "Tảng sáng" (truyện, 1976); "Bài học tốt" (truyện, 1975); "Gà mái hoa" (thơ, 1957); "Thấy cái hoa nở" (thơ, 1962); "Ánh nắng sớm" (1993).

Bài Vượt thác *trích từ chương XI của truyện* Quê nội, *một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Võ Quảng. Về tác phẩm này, Tô Hoài đã từng nhận xét: "Đã có những truyện dài viết cho các em. Nhưng truyện viết cẩn thận, công phu, có giá trị giáo dục và hay hãy còn hiếm.* Quê nội *là một trong những truyện hiếm ấy".*

1. Câu hỏi 1 SGK trang 40

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc thật kĩ văn bản, dựa vào trình tự thời gian và không gian trong truyện và ba chặng vượt thác của con thuyền để tìm bố cục của đoạn văn.

b. Gợi ý trả lời

Bài *Vượt thác* trích từ chương XI của truyện *Quê nội*. Truyện viết về cuộc sống ở một làng quê ven sông Thu Bồn (làng Hòa Phát), tỉnh Quảng Nam, miền Trung Trung Bộ vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đoạn trích *Vượt thác* miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn qua ba chặng khác nhau. Bố cục của bài được chia làm ba đoạn tương ứng.

Đoạn 1: "Gió nồm vừa thổi... vượt nhiều thác". Con thuyền qua đoạn sông bằng phẳng trước khi đến chân thác.

Đoạn 2: "Đến phường Rạnh... ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ" miêu tả con thuyền vượt qua đoạn sông có nhiều thác dữ.

Đoạn 3: Đoạn còn lại của truyện tả cảnh con thuyền đã vượt qua thác dữ.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 40

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Dựa vào cách chia bố cục ở câu 1, đọc kĩ từng đoạn văn. Ba đoạn văn là ba chặng đường con thuyền vượt thác. Chú ý đến sự thay đổi của cảnh vật qua mỗi chặng đường con thuyền đã đi qua. Đồng thời chú ý đến ngôi kể, ngôn ngữ kể chuyện để xác định vị trí của người kể.

b. Gợi ý trả lời

Cảnh thiên nhiên sông nước trên sông Thu Bồn được miêu tả qua ba chặng đường khác nhau: đoạn sông phẳng lặng trước khi đến chân

thác, cảnh đoạn sông có nhiều thác dữ, và đoạn sông êm ả. Cảnh vật cũng đổi thay qua ba chặng đường khác nhau này.

Vị trí quan sát của tác giả là ở trên thuyền "chúng tôi đã đến ngã ba sông" nên có thể nhìn thấy toàn cảnh sông nước và hai bên bờ, và thuyền đi đến đâu thì cảnh vật lại hiện ra đến đó. Con thuyền trở thành ống kính quay cận cảnh, mỗi chặng đường thuyền đi qua đều ghi lại một bức tranh thiên nhiên sống động.

Trước khi đến chân thác, thuyền đi qua đoạn sông phẳng lặng, mở ra một cánh đồng bằng êm đềm, thơ mộng, trù phú với những bãi dâu bạt ngàn, xa tít, với những con thuyền đầy ắp các sản vật: thuyền chở đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, thuyền chở mít, chở quế.

Hai bên bờ là những chòm cổ thụ mạnh mẽ và dữ dội, trầm ngâm soi bóng dưới nước. Rồi núi cao hiện ra trước mặt như báo hiệu con thuyền chuẩn bị vượt qua khúc sông rộng có nhiều thác dữ.

Đến đoạn sông có nhiều thác dữ thì cảnh vật trở nên dữ dội và mãnh liệt: "*Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn*", "*Thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống*", "*Thuyền cố lấn lên*". Những thác nước lớn, hung dữ từ trên cao chảy xuống như chặn đứng con thuyền, nhưng cuối cùng con thuyền đã vượt qua đoạn sông dữ một cách an toàn để đến với miền đồng ruộng bao la.

Vẫn là thiên nhiên sông nước của dòng sông Thu Bồn ấy, nhưng cảnh sắc ở đây lại hiền hòa và nên thơ. Bao quanh dòng sông là núi cao sừng sững, những cây cổ thụ mọc kề nhau san sát, đan xen rất hài hòa: "*Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra*".

Cảnh vật ở đây đã được nhân hóa, so sánh tạo nên một bức tranh thiên nhiên sông nước có hồn, vừa sống động vừa gợi cảm: "*Con thuyền như đang nhớ núi rừng*", "*nước phóng xuống*", "*dòng sông chảy quanh co*", "*những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước*"...

Bức tranh thiên nhiên của dòng sông Thu Bồn vừa có đồng bằng bao la, trù phú, vừa có núi cao dữ dội, vừa có thác nước hiểm trở tạo thành một vẻ đẹp vừa thơ mộng, hiền hòa, vừa mạnh mẽ, dữ dội mang nét đặc trưng của miền Trung Trung Bộ.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 40

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại đoạn hai tả con thuyền vượt thác. Chú ý đến các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động của nhân vật dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác, và các hình ảnh so sánh.

b. Gợi ý trả lời

Cảnh con thuyền vượt thác được tác giả miêu tả thật dữ dội. Thuyền phải vượt qua những con nước chảy từ trên cao xuống, mạnh như bị ngắt ra. Những vật dụng cho cuộc vượt thác đã chuẩn bị sẵn sàng: cả ba con sào bằng tre đều bịt sắt đã sẵn sàng, chiếc sào dượng Hương Thư bị cong lại; Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống.

Nhân vật dượng Hương Thư trong cảnh vượt thác được miêu tả từ ngoại hình đến hành động đều toát ra một vẻ đẹp khỏe khoắn, hùng dũng.

Về ngoại hình: dượng Hương Thư *cởi trần, như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa*. Bề ngoài đó, đã toát lên vẻ đẹp của một hình thể khỏe khoắn vạm vỡ của một người lao động miền sông nước, đã từng xông pha đối mặt với thác dữ nhiều lần.

Các động tác của nhân vật đều hết sức mau lẹ, là hành động của một người có nhiều kinh nghiệm đi sông nước: có người phóng sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc", ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, rút sào rập ràng nhanh như cắt.

Đoạn văn miêu tả thuyền vượt thác thật dữ dội, hiểm nguy và trên con thuyền ấy dượng Hương Thư là trụ cột chính của con thuyền. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh nhiều lần khi miêu tả về ngoại hình, hành động của dượng Hương Thư: "*Những động tác thả*

sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt" là cách so sánh mượn từ thành ngữ dân gian.

Đặc biệt hơn là lối so sánh về dượng Hương Thư thật độc đáo: "*như một pho tượng đồng đúc*" thể hiện một nét đẹp khỏe khoắn, gân guốc, vạm vỡ của nhân vật. Và tư thế vượt thác của dượng Hương Thư được so sánh "*như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ*". Bằng cách ví von này, dượng Hương Thư hiện lên như một hiệp sĩ – một anh hùng lao động với tư thế vừa dũng mãnh, vừa hào hùng trước cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ của núi rừng. Đó là một tư thế rất đẹp, tư thế quyết tâm chiến thắng thác dữ.

Tác giả còn cho ta thấy, một dượng Hương Thư khác với lúc vượt thác là khi dượng Hương Thư ở nhà, "*nói năng nhỏ nhẻ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ*".

Như vậy, tác giả đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn toàn diện về nhân vật. Nếu trong công cuộc chiến đấu với thác dữ, dượng Hương Thư hiện lên như một hiệp sĩ oai hùng, dũng mãnh thì trong cuộc sống đời thường, nhân vật lại rất nhu mì, nói năng nhỏ nhẻ, hiền lành.

Bằng cách đối chiếu nhân vật như vậy, dượng Hương Thư trong truyện được miêu tả rất thật, gần gũi với cuộc sống đời thường. Điều đó càng làm nổi bật vẻ đẹp của người lao động trên sông nước.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 40

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Trong bài văn, nhà văn Võ Quảng đã sử dụng nhiều biện pháp so sánh để nhằm nhấn mạnh ý cần diễn đạt. Vì vậy, cần hiểu được đặc điểm cũng như tác dụng của biện pháp so sánh trong văn bản để trả lời câu hỏi. Đồng thời, đọc thật kĩ đoạn 1 và 3 trong bài văn để thấy được lối so sánh những chòm cổ thụ nhằm biểu đạt nội dung gì?

b. Gợi ý trả lời

Hình ảnh những cây cổ thụ trên bờ sông được tác giả miêu tả 2 lần ở đoạn đầu và đoạn cuối bài văn hàm chứa nhiều ý nghĩa.

Ở đoạn đầu, khi con thuyền đã vượt qua đoạn sông êm ả, sắp đến chỗ có nhiều thác dữ, thì dòng sông hiện ra "*những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước*" như một dấu hiệu báo trước cho con người chuẩn bị sức lực, trí lực để vượt thác.

Nhưng khi con thuyền đã vượt qua chỗ thác nguy hiểm thì những cây cổ thụ hiện ra một cách yên bình, êm ả: "*Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước*" như thể hiện tinh thần phấn chấn của con người vừa trải qua cuộc chiến đấu nguy hiểm với thác dữ, trở về với niềm tin chiến thắng, tiếp tục đưa con thuyền tiến về phía trước.

Hình ảnh cây cổ thụ trong hai đoạn văn được nhân hóa, so sánh, mang dáng dấp của con người.

Ở đoạn thứ nhất, tác giả đã dùng những cụm từ miêu tả tư thế của con người "*dáng mãnh liệt*", "*trầm ngâm lặng nhìn xuống nước*" để nói về những cây cổ thụ. Biện pháp nhân hóa đã gán tính cách của con người cho những vật vô tri giác.

Vì vậy, ta có thể liên tưởng hình ảnh những cây cổ thụ dáng mãnh liệt ở đoạn đầu đến hình tượng dượng Hương Thư lúc vượt thác.

Ở đoạn cuối: "*Những cây to mọc giữa bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước*".

Cây to được so sánh như những cụ già; bụi núp xúp là tượng trưng cho đám con cháu. Hình ảnh "*cụ già vung tay hô đám con cháu*" khiến ta dễ liên tưởng đến sự ồn ào, có phần hùng hổ của một con người mạnh mẽ, bộc trực. Và "đám con cháu" ở đây phải chăng là thế hệ của chú bé Cù Lao – con trai chú Hai - đã góp phần hỗ trợ sức lực cho thế hệ cha, chú vượt qua thác dữ. Có thể nói, hình ảnh những cây cổ thụ trong bài vừa nói lên nét hoang sơ, trù phú của mảnh đất này, đồng thời cũng tượng trưng cho bản lĩnh vững vàng của những người lao động miền sông nước Trung Trung Bộ.

5. Câu hỏi 5 SGK trang 40

Bài văn miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn. Thiên nhiên miền sông nước Trung Trung Bộ hiện ra với một vẻ đẹp

hài hòa vừa dữ dội mãnh liệt, vừa hiền hòa thơ mộng. Trên nền cảnh sắc thiên nhiên rộng lớn và hùng vĩ ấy là hình ảnh con người lao động Việt Nam mang vẻ đẹp hùng dũng như những người hiệp sĩ anh hùng trong cuộc sống lao động hàng ngày.

Dựa vào các câu hỏi đã học trong bài, liên hệ kiến thức trong từng câu để có một cái nhìn khái quát về bài. Em có ấn tượng sâu sắc nhất về cảnh vật hoặc con người trong bài, có thể chọn một trong hai hình ảnh ấy để viết lên cảm nhận riêng của bản thân.

Có thể liên hệ cảnh sắc sông nước trong bài với bài học trước *Sông nước Cà Mau* để bài phát biểu cảm nghĩ thêm sâu sắc.

Mở rộng kiến thức

Nếu nhà văn Võ Quảng mang vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hiền hòa, thơ mộng và con người lao động như những hiệp sĩ dũng mãnh vùng Trung Trung Bộ vào trong *Vượt thác* thì Nguyễn Tuân lại mang cảnh vật núi sông Tây Bắc diễm lệ không kém phần dữ dội, con người Tây Bắc anh hùng vào trong *Người lái đò Sông Đà*.

Dòng Sông Đà hiện ra dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng: *Con Sông Đà tuôn dài, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân*. Sông Đà cũng hiện ra hiểm trở và dữ dội với các thác nước, cảnh bờ đá dựng vách thành, với những hòn đá ngỗ ngược dàn trận chỉ chực nuốt bất cứ con thuyền nào đi qua.

Dưới đây là một trích đoạn đặc sắc trong bài *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân... *Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to lên. Tiếng nước thác đá nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo (....) Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt trắng xóa cả một chân giời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhỏ vào đường ngoặt sóng là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn đá nào cũng nhăn nhúm, méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này (...)*

Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gẫy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la não bạt (...).

Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này (...).

Thế là hết thác. Dòng sông vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo. (...).

SO SÁNH

(tiếp theo)

Mục đích của bài học, giúp các em:

- Nắm được các kiểu so sánh cơ bản;
- Biết tác dụng của so sánh.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Các kiểu so sánh

Căn cứ vào sự xuất hiện của các từ ngữ so sánh được sử dụng, có thể phân thành hai kiểu so sánh:

- Nếu trong phép so sánh có chứa các từ ngữ: *như, giống như, tựa như, hệt như, là, như là*... thì đó là so sánh ngang bằng.

- Nếu trong phép so sánh có chứa các từ ngữ: *không bằng, không như, chẳng bằng, chẳng như, hơn, kém*... thì đó là so sánh không ngang bằng (còn gọi là so sánh hơn kém).

Ví dụ:

- So sánh ngang bằng

Công cha ***như*** *núi Thái sơn*
Nghĩa mẹ ***như*** *nước trong nguồn chảy ra*

(Ca dao)

Nhờ ánh trăng sáng ngời
Trăng tròn ***như*** *cái đĩa*
Lơ lửng mà không rơi
Những hôm nào trăng khuyết
Trông giống con thuyền trôi
Em đi trăng theo bước
Như *muốn cùng đi chơi*

(Tiếng Việt 1, 1995)

- So sánh không ngang bằng

Đèn khoe đèn tỏ ***hơn*** *trăng*
Đèn ra trước gió còn chăng hỡi đèn?
Trăng khoe trăng tỏ ***hơn*** *đèn*
Cớ sao trăng phải chịu luồn đám mây?

(Ca dao)

Dù so sánh ngang bằng hay không ngang bằng thì giữa các sự vật, hiện tượng, tính chất... được đem ra đối chiếu, so sánh với nhau ở vế A và vế B thường phải có những nét tương đồng nào đó. Qua các ví dụ đã nêu trên, ta thấy:

+ *Công cha – núi Thái Sơn, nghĩa mẹ – nước trong nguồn*: giống nhau ở tính chất to lớn, vô hạn.

+ *đèn – sao:* giống nhau về việc phát ra ánh sáng.

+ *trăng tròn – cái đĩa, trăng khuyết – con thuyền*: giống nhau ở hình dáng bên ngoài.

+ *đèn - trăng*: giống nhau về việc phát ra ánh sáng.

Phát hiện được những nét giống nhau giữa các đối tượng và đem so sánh chúng, người viết, người nói sẽ tạo ra được những liên tưởng bất ngờ và thú vị ở người đọc, người nghe.

1. Khổ thơ dẫn ở trong SGK trang 41 có hai phép so sánh:

- *Những ngôi sao thức ngoài kia*

Chẳng bằng *mẹ đã thức vì chúng con*

- *Mẹ* ***là*** *ngọn gió của con suốt đời,*

2. Từ ngữ chỉ ý so sánh trong hai phép so sánh trên có sự khác nhau là:

- Câu thơ:

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vị chúng con.

có từ so sánh: *chẳng bằng.* Từ so sánh này cho ta biết đây là so sánh không ngang bằng.

- Câu thơ *mẹ là ngọn gió của con suốt đời* có từ so sánh: *là*. Từ so sánh này cho ta biết đây là so sánh ngang bằng.

3. Những từ ngữ chỉ ý so sánh ngang bằng là: *như, giống như, là, như là, tựa như, hệt như...*

Những từ ngữ chỉ ý so sánh không ngang bằng là: *không bằng, không như, chẳng bằng, chẳng như, hơn, kém.*

II. Tác dụng của so sánh

So sánh vừa có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động; vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

1. Các phép so sánh trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 42:

- *Có chiếc lá **tựa** mũi tên nhọn*

- *Tự cành cây rơi cắm phập xuống đất **như** cho xong chuyện [...]*

- *Có chiếc lá **như** con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không [...]*

- *Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng qua như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại [...]*

- *Cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây **không bằng** một vài giây bay lượn [...]*

- *Có chiếc lá **như** sợ hãi, ngần ngại rụt rè [...]*

2. Trong đoạn văn đã dẫn, phép so sánh có tác dụng:

- Đối với văn miêu tả sự vật, sự việc, phép so sánh có tác dụng giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc trở nên sinh động và có sức gợi tả rõ rệt.

- Ngoài ra, so sánh còn có tác dụng thể hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc, giúp cho việc nhận thức dễ dàng, cụ thể hơn.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này nêu ba yêu cầu:

- Tìm phép so sánh có trong các khổ thơ dẫn ở SGK trang 43.

- Xác định kiểu so sánh đã được dùng: so sánh ngang bằng hay so sánh không ngang bằng.

- Chỉ ra tác dụng gợi hình, gợi cảm của một phép so sánh được dùng trong bài tập mà em thích.

Gợi ý:

- Nếu trong các khổ thơ sử dụng một trong các từ so sánh: *như, như là, là, bằng, hơn, kém*; có hai sự vật, hiện tượng... được đem ra so sánh với nhau, thì các em có thể kết luận khổ thơ đó đã dùng phép so sánh.

- Khi đã xác định được phép so sánh, các em dựa vào những từ ngữ so sánh thường được dùng trong kiểu ngang bằng (như, là, tựa,...) hay không ngang bằng (hơn, kém, hơn hẳn...) để kết luận đó là kiểu so sánh nào.

- Việc phân tích tác dụng của so sánh, cần dựa vào nội dung của khổ thơ.

Cụ thể:

a. *Tâm hồn tôi **là** một buổi trưa hè.*

- Câu thơ có sử dụng từ so sánh *là*. Đây là so sánh khác loại mà cụ thể là so sánh giữa cái trừu tượng (*tâm hồn tôi*) với cái cụ thể (*một buổi trưa hè*).

- Căn cứ vào từ so sánh *là* trong câu thơ thì đây là so sánh ngang bằng.

- Tác dụng: giúp cho cái trừu tượng (*tâm hồn*) được cảm nhận một cách cụ thể, rõ ràng (*một buổi trưa hè*).

b. *Con đi trăm núi ngàn khe*
***Chưa bằng** muôn nỗi tái tê lòng bầm.*
Con đi đánh giặc mười năm
***Chưa bằng** khó nhọc đời bầm sáu mươi.*

- Khổ thơ sử dụng từ so sánh *chưa bằng*. Đây là so sánh giữa cái cụ thể với cái trừu tượng: *con đi trăm núi ngàn khe – muôn nỗi tái tê lòng bầm* và *con đi đánh giặc mười năm - khó nhọc đời bầm sáu mươi*.

- Căn cứ vào từ so sánh *chưa bằng* của khổ thơ thì đây là so sánh không ngang bằng.

- Tác dụng: khẳng định công lao to lớn của người mẹ và lòng biết ơn vô hạn của anh bộ đội cụ Hồ đối với người đã nuôi dưỡng, dạy dỗ mình.

c. *Anh đội viên mơ màng*
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

- Khổ thơ sử dụng hai từ so sánh: *như* và *hơn*. Đây là so sánh khác loại: *anh đội viên mơ màng – nằm trong giấc mộng; bóng Bác cao lồng lộng – ngọn lửa hồng.*

- Căn cứ vào từ so sánh *như* trong *Anh đội viên mơ màng/Như nằm trong giấc mộng* thì đây là so sánh ngang bằng. Còn căn cứ vào từ so sánh *hơn* trong *Bóng Bác cao lồng lộng/Ấm hơn ngọn lửa hồng* thì đây là so sánh không ngang bằng.

- Tác dụng: vừa cụ thể hóa, vừa nhấn mạnh được tình cảm yêu thương vô bờ bến của anh bộ đội đối với Bác Hồ, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

2. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Nêu những câu văn có sử dụng phép so sánh trong bài *Vượt thác*.

- Em thích hình ảnh so sánh nào? Giải thích vì sao?

Những câu văn có sử dụng phép so sánh trong bài *Vượt thác*:

- *Thuyền rẽ sóng lướt bon bon* ***như*** *đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về kịp.*

- *Núi cao* ***như*** *đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt.*

- *Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh* ***như*** *cắt*

- *Dượng Hương Thư* ***như*** *một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào* ***giống như*** *một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.*

- *Dượng Hương Thư đang vượt thác* ***khác hẳn*** *dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.*

- *Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa* ***như*** *những cụ già vung tay hô đàn con cháu tiến về phía trước.*

3. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Dựa vào bài *Vượt thác,* viết một đoạn văn từ ba đến năm câu tả dượng Hương Thư đưa thuyền vượt qua thác dữ.

- Đoạn văn em viết phải dùng cả hai kiểu so sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng.

Sau đây là đoạn văn các em có thể tham khảo:

Dượng Hương Thư bắt đầu vượt thác. Nước phóng từ trên cao xuống giữa hai vách đá dựng đứng *như* muốn nhấn chìm con thuyền. Dượng bình tĩnh, ghì chặt đầu sào. Chiếc sào cong lên đẩy con thuyền lao nhanh về phía trước. Trông dượng lúc này còn oai hùng *hơn* một dũng sĩ lừng danh.

PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH

Mục đích của bài học, giúp các em biết cách viết một bài văn, đoạn văn tả cảnh theo một thứ tự nhất định.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Phương pháp viết văn tả cảnh

Muốn làm văn tả cảnh, người viết cần phải:

- Xác định được đối tượng miêu tả;

- Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu;

- Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

Bố cục của một bài văn tả cảnh thường có ba phần:

- Mở bài: giới thiệu cảnh được tả.

- Thân bài: tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự.

- Kết bài: thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

II. Đọc - hiểu

1. Đọc kĩ ba văn bản dẫn trong SGK trang 45, 46.

2. Trả lời các câu hỏi

a. Văn bản đầu miêu tả hình ảnh dượng Hương Thư trong một chặng đường của cuộc vượt thác. Qua hình ảnh dượng Hương Thư, ta có thể hình dung được những nét tiêu biểu của cảnh sắc ở khúc sông có nhiều thác dữ. Thác chảy mạnh nên người điều khiển thuyền phải có những động tác nhanh và dứt khoát mới cho thuyền vượt qua thác được. *Thuyền cố lấn lên,* chi tiết này cho biết cuộc vượt thác không dễ dàng. Hình ảnh dượng Hương Thư khỏe mạnh, dồn hết sức lực cơ bắp như một lực sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ khi vượt thác cho ta hình dung ra cảnh thác nước chảy mạnh mẽ, dữ dội trong khung cảnh chung hùng vĩ.

b. Văn bản thứ hai tả dòng sông Năm Căn và rừng đước. Người viết đã miêu tả cảnh vật theo một thứ tự từ gần đến xa, từ thấp lên cao:

- Từ gần đến xa: từ kênh Bọ Mắt, ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông...

- Từ thấp lên cao: từ giữa sông, nhìn cây đước lớp này chồng lên lớp kia, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ...

c. Văn bản thứ ba là một bài văn miêu tả về lũy làng và có ba phần tương đối trọn vẹn:

- Phần một: từ *lũy làng là* đến *màu của lũy*: giới thiệu về lũy làng.

- Phần hai: từ *lũy ngoài cùng* đến *lúc nào không rõ:* miêu tả về các vòng của lũy: lũy ngoài cùng, lũy giữa và lũy trong cùng.

- Phần ba: từ *dưới gốc trên* đến hết: cảm nghĩ của tác giả về tình cảm của thảo mộc tự nhiên.

Về thứ tự miêu tả trong đoạn văn ta thấy tác giả đã miêu tả:

- Từ ngoài vào trong: trước tiên tác giả miêu tả lũy ngoài cùng rồi đến lũy giữa và cuối cùng là lũy trong cùng.

- Từ khái quát đến cụ thể: giới thiệu chung về lũy làng sau đó giới thiệu về đặc điểm của từng lũy.

- Từ trên xuống dưới.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn.

a. Sau khi quan sát, em có thể lựa chọn những hình ảnh cụ thể, tiêu biểu cho quang cảnh ấy là:

- Thầy, cô giáo.

- Cảnh lớp học: bàn thầy cô, bảng đen, khẩu hiệu trên tường, bàn ghế học sinh.

- Các bạn học sinh (ghi đề bài, chuẩn bị làm bài, tư thế viết...)

Lưu ý: tả chung cả lớp và tả kĩ một, hai bạn.

b. Thứ tự miêu tả:

- Theo thời gian: Trống vào lớp. Cô giáo (thầy giáo) cho chép đề bài. Các em bắt tay vào làm bài. Hết giờ làm bài, cả lớp thu và nộp lại bài cho thầy, cô giáo.

- Theo không gian: Bên ngoài lớp. Trên bảng, cô (thầy) giáo ngồi trên bàn giáo viên. Các bạn trong lớp bắt tay vào làm bài. Không khí của lớp học. Tinh thần, thái độ làm bài của bạn trong lớp.

c. Em hãy viết mở bài và kết bài cho bài văn này. (Chú ý nội dung của Mở bài và Kết bài đã nói ở phần *hướng dẫn tìm hiểu bài).*

2. Bài tập này đưa ra hai khả năng để miêu tả quang cảnh sân trường trong giờ ra chơi:

- Miêu tả theo thứ tự không gian: từ xa đến gần.

- Miêu tả theo thứ tự thời gian: trước, trong và sau khi ra chơi.

Trước hết, em hãy chọn trật tự miêu tả. Sau đó chọn cảnh sân trường giờ ra chơi để viết thành một đoạn văn miêu tả.

Ví dụ 1: Nếu chọn trật tự theo thứ tự thời gian, các em nên chú ý các yếu tố sau:

- Sân trường vắng lặng trong giờ học.

- Hiệu lệnh trống ra chơi, mọi người ùa ra.

- Có tốp bạn chơi đá cầu, nhảy dây,..., có tốp bạn chỉ đứng xem, trò chuyện, hoặc tranh luận về điều gì đó.

- Màu sắc quần áo, những tiếng nói cười, hò reo...

Ví dụ 2: Nếu chọn trật tự theo thứ tự không gian, các yếu tố em cần chú ý các yếu tố sau:

- Cổng trường được mở ra sau khi có hiệu lệnh trống ra chơi.

- Học sinh ùa ra, tiếng nói cười xen lẫn tiếng chim hót...

- Các lớp học trở nên vắng lặng còn sân trường thì ồn ào, huyên náo.

- Có tốp bạn chơi đá cầu, nhảy dây, có tốp bạn chỉ đứng xem, trò chuyện hoặc tranh luận nhau về điều gì đó.

- Màu sắc quần áo của các bạn...

3. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Đọc kĩ đoạn trích dẫn trong SGK trang 47, 48.

- Sau đó, rút lại thành một dàn ý.

Trước hết, em hãy rút lại theo dàn ý sơ lược: mở bài, thân bài, kết bài.

Đây là bài viết trực tiếp nói về biểu tượng, nên tác giả không mở bài mà đi thẳng vào nội dung thân bài.

Phần thân bài tác giả đã tả biển đẹp ở góc độ nào? Theo thời gian nào? Theo thời tiết? Có kết hợp thời gian và thời tiết không?

Kết bài của tác giả gồm những câu văn nào?

Sau khi trả lời các câu hỏi trên, em có thể lập được dàn ý.

Bài 22

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Chuyện của một em bé người An-dát)

An-phông-xơ Đô-đê

Vài nét về tác giả và tác phẩm

An-phông-xơ Đô-đê (1840 – 1897), sinh tại Nim, miền Prôvăngxơ trong một gia đình buôn bán bị phá sản. Năm 18 tuổi, không chịu nổi những bất công, bạc đãi, ông lên Pari viết văn và sống tại đây suốt những năm còn lại. A.Đô-đê bắt đầu nổi tiếng với truyện tự thuật "Lơpơti Sôzơ" (1886), sau đó xuất bản tập truyện ngắn xuất sắc: "Những bức thư viết từ cối xay gió" (1869) và đến cuốn "Toctaranh ở Taraxcông" (1872), danh tiếng A.Đô-đê đã trở nên lừng lẫy.

Sau cách mạng Công xã Pari, A.Đô-đê viết nhiều về cuộc sống ở Pari với một bút pháp phê phán sắc sảo. Ông cho in liên tiếp: "Frômăng em và Rixle anh" (1874); "Những ông vua lưu đày" (1879); "Người bất tử" (1888)...

"Tác phẩm của A.Đô-đê thấm đượm một tinh thần nhân đạo sâu xa gây xúc động nhẹ nhàng, một chất thơ trong sáng, lòng yêu đời, tạo nên những rung cảm sâu kín, đầy niềm tin vào con người bình thường, can đảm". (Đỗ Đức Hiểu, Từ điển văn học, *NXB Thế giới, H. 2004)*

1. Câu hỏi 1 SGK trang 54

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc phần đánh dấu * trang 54 SGK Ngữ văn 6 tập hai để hiểu hoàn cảnh, thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện.

Xem lại đoạn: "Trời sao mà ấm... chỉ huy Đức", thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện và tưởng tượng ra khung cảnh làng quê An-dat ở thời điểm đó.

b. Gợi ý trả lời

Câu chuyện về buổi học cuối cùng diễn ra vào một buổi sáng năm 1871, khi nước Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ,

tại vùng An-dat, vùng đất giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ, cùng với vùng Loren. Các trường học ở đây bị buộc phải học bằng tiếng Đức. Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng An-dat.

Qua con mắt quan sát và cách miêu tả của chú bé Phrăng, chúng ta có thể hình dung ra hoàn cảnh, địa điểm của câu chuyện. Mặc dù thiên nhiên thì vẫn đẹp, vẫn quyến rũ thế: "*Trời sao mà ấm đến thế, trong trẻo đến thế*"; "*Nghe thấy sáo hót ven rừng*" nhưng bên cạnh đó, đã thấy bóng dáng sự bất thường "*trên cánh đồng cỏ Rip-pe, sau xưởng cưa, lính Phổ đang tập*"; và nếp sống của người dân nơi đây cũng bị đảo lộn, bị bao trùm bởi một không khí hoang mang, lộn xộn: "*... Có nhiều người đứng trước bảng dán cáo thị có lưới che. Từ hai năm nay, chính từ chỗ ấy, lan đến chúng tôi mọi tin chẳng lành, những cuộc thất trận, những vụ trưng thu, những mệnh lệnh của ban chỉ huy Đức*"... Đó chính là bối cảnh diễn ra câu chuyện.

Tên truyện *Buổi học cuối cùng* rất có ý nghĩa. Đây không phải buổi học cuối cùng theo nghĩa kết thúc một giai đoạn này, để bắt đầu một giai đoạn khác (ví dụ buổi học cuối cùng thời trung học...). Những buổi học như thế thường được lưu giữ cùng những nỗi niềm lưu luyến nhẹ nhàng. Đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng mẹ đẻ trước khi bắt buộc phải học bằng tiếng nói của kẻ thắng trận, cũng là tiếng nói của kẻ thù dân tộc mình. Nó là sự kết thúc do áp đặt và không hứa hẹn sự bắt đầu tốt đẹp nào. Vì lẽ đó, nó vừa mang niềm phẫn uất, xót xa, đồng thời lại có một ý nghĩa thiêng liêng đối với những học sinh, thầy giáo Ha-men và những người dân Pháp; là thời điểm họ chợt thức tỉnh nhiều điều, tự nhận thức và thể hiện sâu sắc lòng yêu nước mà cụ thể ở đây là lòng yêu tiếng nói của dân tộc mình.

Ngoài ra, tên truyện còn hàm ý phủ định gay gắt đối với kẻ thù. Sau này còn nhiều buổi học khác nữa nhưng bằng tiếng Đức, vì thế không được coi là buổi học nữa và đối với họ đây là buổi học cuối cùng trong đời.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 55

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Trước hết, chúng ta phải xác định được nhân vật xưng "tô" ở đây là ai. Qua cách xưng như thế, dễ dàng nhận ra ngôi của nhân vật người

kể chuyện. Ngoài ra, đọc toàn bài để tìm ra các nhân vật khác. Nhân vật gây ấn tượng nổi bật nhất thường là nhân vật chính, xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm, được khắc họa chi tiết, sống động. Trả lời câu hỏi này cần có ý kiến, cảm nhận chủ quan. Tuy nhiên, cố gắng giải thích được tại sao nhân vật đó lại gây ấn tượng nổi bật đối với mình.

b. Gợi ý trả lời

Truyện được kể theo lời chú bé Phrăng, ngôi thứ nhất. Chú kể lại với tư cách là một học sinh tham gia trực tiếp buổi học cuối cùng đó. Những gì Phrăng kể lại chính là những điều chú bé đã nghe thấy, nhìn thấy, cảm nhận. Câu chuyện vì thế được tái hiện chân thực và sinh động.

Ngoài Phrăng, truyện còn có các nhân vật: thầy Ha-men, các bạn cùng lớp, dân làng... Trong số đó, nhân vật thầy Ha-men gây ấn tượng nổi bật nhất. Qua cảm nhận, quan sát và lời kể của cậu học trò Phrăng, thầy Ha-men hiện lên như một hình tượng lớn lao, đẹp đẽ, đầy xúc động. Thầy cũng là người đã làm thức tỉnh trong Phrăng và nhiều học trò khác ý nghĩa của tiếng nói dân tộc và nhất là lòng yêu Tổ quốc.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 55.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Cần chú ý những chi tiết miêu tả quang cảnh trên đường và ở trường và không khí trong lớp học của buổi học cuối cùng, so sánh những chi tiết miêu tả không khí của những buổi học bình thường để thấy sự thay đổi, khác lạ.

b. Gợi ý trả lời

Quang cảnh trên đường và ở trường vào buổi sáng câu chuyện diễn ra rất khác thường.

Trên đường đến trường, chú bé nhận thấy: trước trụ sở xã, "*có nhiều người đứng trước bảng dán cáo thị có lưới che*". Theo kinh nghiệm của cậu, thì "*chính từ chỗ ấy, lan đến chúng tôi mọi tin chẳng*

lành". Như vậy quang cảnh trên báo hiệu một việc gì đó đã xảy ra và hẳn đó là tin xấu.

Quang cảnh ở trường cũng rất khác lạ. Nếu như ngày thường, vào lúc bắt đầu buổi học, "*tiếng ồn ào như chợ vỡ vang ra tận ngoài phố, thì hôm đó mọi sự đều bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật*". Hàng ngày, thầy Ha-men nghiêm khắc thì hôm nay lại không hề trách phạt Phrăng về tội đi muộn, ngược lại rất dịu dàng. Sự khác biệt còn ở chỗ thầy giáo mặc lễ phục như trong những dịp đặc biệt và phía cuối lớp có những người dân làng ngồi lặng lẽ... Tất cả tạo ấn tượng về một không khí "khác thường và trang trọng"; nó báo hiệu một sự kiện quan trọng sắp diễn ra.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 55

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Truyện là lời kể của chú bé Phrăng. Vì vậy tâm trạng, ý nghĩ của chú được bộc lộ trực tiếp, rõ ràng. Cần chọn lọc những chi tiết ấy, đồng thời tìm ra mạch diễn biến, những biến chuyển trong tâm trạng của nhân vật này.

b. Gợi ý trả lời

Diễn biến tâm trạng của chú bé Phrăng trong truyện rất phong phú và sinh động. Ban đầu, chú bé ngạc nhiên khi chứng kiến sự khác lạ diễn ra trên đường và ở trường học. Ngay sau khi nghe thầy Ha-men nói lên sự thật "*Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con*", tâm trạng của Phrăng chuyển sang choáng váng. Đây chính là điểm mốc quan trọng trong thái độ của cậu bé đối với việc học tiếng Pháp. Lúc đầu cậu còn cảm thấy sợ hãi, chán nản, trốn tránh môn học, thậm chí có ý định "*hay là trốn học và rong chơi ngoài đồng nội*". Nhưng giờ đây chú thấy tiếc nuối và ân hận vì sự lười học, ham chơi của mình. Một sự thay đổi lớn lao đang diễn ra trong đầu chú bé Phrăng: Những cuốn sách trước đây là nỗi ám ảnh, khiến chú cảm thấy "*chán ngán, mang nặng*", giờ đây lại trở thành "*những người bạn cố tri*", cậu thấy tự giận mình vì đã bỏ phí thời gian, bỏ học, ham chơi. Nghĩ đến những điều đó, Phrăng thấy xót xa, ân hận và đau đớn: ... "*Vậy là sẽ chẳng còn bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!... Tôi sẽ rất đau lòng*

phải giã từ". Bên cạnh đó là sự căm thù quân giặc. Cậu gọi chúng là "*quân khốn nạn*".

Khi bị gọi trả lời về quy tắc phân từ, Phrăng xấu hổ, tự giận mình vì đã không thuộc bài đến mức "*không dám ngẩng đầu lên*". Cậu càng thấm thía và đau xót khi nghe những câu nói của thầy Ha-men: "*Ôi, tai họa lớn của xứ An-dat chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai*".

Chú bé lúc này đã nhận thức được sự quan trọng của việc học tiếng mẹ đẻ. Tình yêu tiếng nói dân tộc thức dậy và cậu bé kinh ngạc khi thấy mình hiểu bài dễ dàng đến đến thế. Cậu cũng chưa bao giờ "*chăm chú nghe đến thế*". Thái độ đối với môn Pháp văn của Phrăng đã thay đổi hoàn toàn.

Chứng kiến toàn bộ buổi học, nghe những lời thầy Ha-men nói, chú bé Phrăng nhận thấy "*chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế*". Như vậy, bên cạnh tình cảm đối với môn Pháp văn, ở chú bé còn nảy sinh lòng cảm phục, tự hào, yêu thương, biết ơn đối với người thầy đáng kính.

5.Câu hỏi 5 SGK trang 55

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Dựa vào gợi ý của sách giáo khoa, tìm các chi tiết miêu tả trang phục, thái độ đối với học sinh, những lời nói, hành động, cử chỉ... của thầy Ha-men trong buổi học cuối cùng.

Trên cơ sở hiểu nhân vật, những phẩm chất, đặc điểm của nhân vật, cần nêu cảm nghĩ chủ quan của chính mình (có thể liên hệ với các thầy cô giáo của mình; đặt mình vào địa vị cậu bé Phrăng để suy nghĩ về người thầy vùng An-dat trong văn bản).

b. Gợi ý trả lời

Nhân vật thầy giáo Ha-men được miêu tả rất sinh động qua lời kể của chú bé Phrăng. Hình ảnh thầy hiện lên thật cảm động và đáng kính.

Chi tiết về trang phục của thầy: thầy "*mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục (...) thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc*

phát phần thưởng" cho thấy đối với thầy buổi học này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thiêng liêng.

Thầy Ha-men dịu dàng nhắc nhở mà không hề trách mắng Phrăng khi cậu đến muộn và không thuộc bài. Thầy kiên nhẫn giảng giải bài học như muốn cố gắng truyền hết kiến thức của mình cho các em học sinh, chuẩn bị những tờ mẫu mới tinh, trên có viết bằng chữ "rông" tuyệt đẹp... Thậm chí thầy còn tự nhận lỗi trước học sinh về bản thân mình. Những chi tiết đó chứng tỏ thầy Ha-men là một người thầy rất nhiệt tình, yêu nghề, có trách nhiệm và có tình yêu vô hạn đối với các thế hệ học sinh.

Những lời nói của thầy Ha-men với Phrăng với các em học sinh và cả dân làng thể hiện điều tâm niệm thiết tha thầy muốn gửi gắm cho mọi người trong buổi học cuối cùng. Đó là lời khuyên hãy yêu quý, trau dồi tiếng nói của dân tộc vì đó cũng chính là yêu đất nước, quê hương bởi vì "*khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù...*"

Hình ảnh thầy Ha-men vào lúc kết thúc buổi học mới thực cảm động. Đó chính là giây phút thầy được dạy tiếng Pháp lần cuối trên đất An-dat. Lúc đó, nỗi đau đớn dường như đã lên tới đỉnh điểm, đến nỗi "*người tái nhợt... thầy nghẹn ngào không nói được hết câu*". Việc thầy "*quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: "NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!" là minh chứng cho tình yêu đất nước, tiếng nói của dân tộc thiết tha, mãnh liệt và sự đau đớn cực độ khi chứng kiến giờ phút thất bại của Tổ quốc mình: người dân của đất nước mình phải từ bỏ tiếng mẹ đẻ để học tiếng của kẻ thù. Vào thời điểm ấy, tiếng nói yêu nước, tự hào dân tộc đã bật lên thành một tiếng hô tuy không nên lời nhưng mạnh mẽ và quyết đoán: "NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!*".

Nỗi xúc động, đau đớn dường như làm thầy Ha-men kiệt sức, "đầu dựa vào tường", thầy giơ tay ra hiệu... Chính lúc đó, trong mắt cậu bé Phrăng, thầy Ha-men lại lớn lao, đẹp đẽ lạ thường. Đó là vì cậu đã cảm nhận được tình yêu nước cháy bỏng của người thầy đáng kính.

Những người thầy như thầy Ha-men không chỉ dạy cho học sinh kiến thức mà còn định hình tính cách cho các em, làm thức tỉnh ở học sinh những tình cảm, suy nghĩ đẹp đẽ. Đó là phẩm chất cần có của mỗi người thầy.

6. Câu hỏi 6 SGk trang 55

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Nắm vững lý thuyết về so sánh trong văn miêu tả và tác dụng của nó. Soi chiếu vào văn bản này để trả lời câu hỏi.

b. Gợi ý trả lời

Trong truyện có khá nhiều lần nhà văn sử dụng biện pháp so sánh:

"*Thông thường, bắt đầu buổi học, tiếng ồn ào như vỡ chợ vang ra tận ngoài phố*".

"*...quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ*".

"*...chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù...*".

"*Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp*".

Những so sánh này làm tăng sức gợi hình, gợi cảm của câu văn. Những suy nghĩ, tình cảm, khái niệm vốn trừu tượng nhờ so sánh sẽ được hình tượng hóa, cụ thể hóa, do thế mà có khả năng diễn đạt, biểu cảm sâu sắc.

Lưu ý, đây là câu chuyện được kể bằng lời của một chú bé, vì vậy phép so sánh được dùng rất nhiều và cách so sánh cũng rất cụ thể, dễ hiểu. Tư duy trong sáng, hồn nhiên, thơ trẻ ấy đã diễn đạt được nỗi đau một cách chân thành và xúc động.

7. Câu hỏi 7 SGK trang 55

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để hiểu ý nghĩa của câu nói này, cần hiểu và thấm thía hoàn cảnh đau xót lúc bấy giờ của nước Pháp (liên hệ với hoàn cảnh nước ta

trong lịch sử thời Bắc thuộc). Phân tích hai vế so sánh trong câu nói để thấy giá trị khẳng định mạnh mẽ của câu nói.

b. Gợi ý trả lời

Câu nói của thầy Ha-men trong buổi học cuối cùng "*...khi một dân tộc... lao tù*" là lời khẳng định giá trị to lớn của tiếng mẹ đẻ. Có thể hiểu giá trị ấy là ở chỗ chừng nào người dân của một đất nước nô lệ còn nắm được tiếng nói của dân tộc họ có nghĩa họ vẫn còn ý thức rằng họ thuộc về dân tộc ấy, còn tự hào, yêu quý đất nước ấy, còn ý thức đấu tranh cho Tổ quốc mình. Đồng thời, khi đó, tiếng dân tộc chính là phương tiện để khơi dậy lòng yêu nước, kêu gọi sự đồng lòng chiến đấu giữa những người cùng chung thứ tiếng để đứng lên phá bỏ gông xiềng. Như vậy, yêu quý, giữ gìn tiếng mẹ đẻ cũng chính là biểu hiện sâu sắc của lòng yêu nước.

Trong nỗi đau xót tột cùng, thầy Ha-men khẳng định một cách chắc chắn: "chẳng khác gì...". Điều đó thể hiện niềm tin mạnh mẽ của thầy vào vận mệnh, tương lai thoát khỏi ách nô lệ của Tổ quốc mà sự thất bại trước mắt cũng không thể nào lay chuyển được. Dù dân tộc có bị thống trị, tiếng mẹ đẻ bị thay thế nhưng trong tâm hồn, tình cảm của người dân vẫn còn nguyên vẹn tình yêu sâu sắc với tiếng nói của dân tộc, với đất nước, quê hương.

NHÂN HÓA

Mục đích của bài học, giúp các em củng cố và nâng cao kiến thức về phép nhân hóa đã học ở bậc Tiểu học.

A. Hướng dẫn tìm hiểu

I. Nhân hóa là gì?

Nhân hóa là:

- Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người;

- Làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

Ví dụ:

- Gọi hoặc tả con vật:

Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

(Ca dao)

- Gọi hoặc tả cây cối:

Vườn nhà Loan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ, nhưng có bao nhiêu là cây. Mỗi cây có một đời sống riêng, một tiếng nói riêng. Cây lan, cây huệ, cây hồng nói chuyện bằng hương bằng hoa. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói chuyện bằng quả. Trăm cây trong vườn đều sinh ra từ đất. Đất là mẹ của các loài cây.

- Gọi hoặc tả đồ vật:

Cái trống trường em,
Mùa hè cũng nghỉ.
Suốt ba tháng liền,
Trống nằm ngẫm nghĩ.
Buồn không hả trống?
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve.

(Thanh Hào)

1. Phép nhân hóa trong khổ thơ dẫn ở SGK trang 56:

- *Ông trời - mặc áo - ra trận*

- *Cây mía - múa gươm*

- *Kiến - hành quân*

2. So với cách diễn đạt được dẫn ở SGK trang 57, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ dẫn ở SGK trang 56 hay hơn ở chỗ: làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật... trở nên gần gũi với con người, đồng thời giúp cho sự diễn đạt vừa sinh động, mềm mại hơn vừa có tình người, hồn người hơn.

II. Các kiểu nhân hóa

Có ba kiểu nhân hóa thường gặp:

- Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật: *anh, chị, chú, bác, cô, dì...*

Ví dụ:

Trong họ hàng nhà chổi thì ***cô bé*** *Chổi Rơm vào loại xinh xắn nhất.* ***Cô*** *có chiếc váy vàng óng, không ai đẹp bằng. Áo của* ***cô*** *cũng bằng rơm thóc nếp vàng, được tết săn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy.* (Vũ Duy Thông)

- Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật: *đi, đứng, nói, cười, suy nghĩ, vui vẻ, phấn khởi, buồn rầu...*

Ví dụ:

Nghỉ hè đã đến. Thôi học trò đã về hết, hoa phượng ***ở lại*** *một mình. Phượng đứng* ***canh gác*** *nhà trường, sân trường. Hè đang thịnh, mọi nơi đều* ***buồn bã,*** *trường* ***ngủ***, *cây cối cũng* ***ngủ***. *Chỉ có hoa phượng* ***thức*** *để* ***làm vui*** *cho cảnh trường. Hoa phượng* ***thức*** *nhưng thỉnh thoảng cũng* ***mệt nhọc***, *muốn* ***lim dim***. *Gió qua, hoa* ***giật mình***, *một cơn hoa rụng.* (Xuân Diệu)

- Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người: *ơi, này, tao, mày, hỡi...*

Ví dụ:

Lông vàng mát dịu
Mắt đẹp sáng ngời

*Ôi! chú gà **ơi!***

***Ta** yêu chú lắm!*

(Phạm Hổ)

1. Trong các câu được dẫn ở SGK trang 57, những sự vật được nhân hóa:

a. Miệng, Tai, Mắt, Chân, Tay.

b. Gậy tre, chông tre, tre.

c. Trâu.

2. Mỗi sự vật ở mục 1 được nhân hóa bằng cách:

a. Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật: *lão, bác, cô, cậu.*

b. Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật: *chống lại, xung phong, giữ.*

c. Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người: *ơi, ta.*

III. Tác dụng của nhân hóa

- Làm cho thế giới loài vật vô tri vô giác trở nên gần gũi với cuộc sống của con người.

- Giúp cho sự diễn đạt vừa sinh động, mềm mại vừa có tính người, hồn người hơn.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em xác định phép nhân hóa và nêu tác dụng của phép nhân hóa trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 58.

Các em có thể làm bài tập này theo các bước sau:

- Xác định đối tượng nào đã được nhân hóa.

- Dựa vào đối tượng nhân hóa vừa xác định được cùng nội dung đoạn văn, các em chỉ ra tác dụng của phép nhân hóa.

Các đối tượng được nhân hóa là:

+ *Tàu* (*tàu mẹ, tàu con*) trong *Tàu mẹ, tàu con đậu đầy mặt nước.*

+ *Xe* (*xe anh, xe em*) trong *Xe anh, xe em tíu tít nhận hàng về và chở hàng ra*.

Tác dụng: giúp cho người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động cảnh lao động nhộn nhịp, vất vả trên bến cảng. Những vật vô tri vô giác được miêu tả trong đoạn văn như có tâm hồn, có cuộc sống lao động bận rộn chẳng khác gì con người.

2. Bài tập này yêu cầu các em hãy so sánh đoạn văn trong bài tập 1 (có dùng phép nhân hóa) với đoạn văn trong bài tập 2 (không dùng phép nhân hóa) để thấy rõ hơn tác dụng của phép nhân hóa đã dùng trong bài tập 1.

Các em có thể thấy sự diễn đạt khác nhau trong hai đoạn văn qua bảng sau:

Đoạn văn trong bài tập 1	***Đoạn văn trong bài tập 2***
Đông vui	*Nhiều tàu xe*
Tàu mẹ	*Tàu lớn*
Tàu con	*Tàu bé*
Xe anh	*Xe to*
Xe em	*Xe nhỏ*
Tíu tít	
Bận rộn	*Hoạt động liên tục*

3. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Tìm sự khác nhau trong hai cách viết dẫn ở SGK trang 58.

- Nên chọn cách viết nào cho văn bản biểu cảm và cách viết nào cho văn bản thuyết minh.

Để thấy được sự khác nhau giữa hai đoạn văn, các em hãy so sánh cách diễn đạt trong hai cách viết qua bảng so sánh, đối chiếu sau:

Cách 1	Cách 2
Họ hàng nhà Chổi	*Các loại chổi*
Cô bé Chổi Rơm	*Chổi rơm*
Xinh xắn nhất	*Đẹp nhất*
Chiếc váy vàng óng	*Tết bằng rơm nếp vàng vàng*
Áo của cô	*Tay chổi*
Cuốn từng vòng quanh người	*Quấn quanh thành cuộn*

Từ bảng so sánh, đối chiếu trên, ta thấy, cách viết thứ nhất có sử dụng phép nhân hóa, vì thế phù hợp với giọng văn của văn bản biểu cảm. Còn cách viết thứ hai không sử dụng phép nhân hóa mà dùng cách gọi tên trực tiếp đối tượng cho nên phù hợp với giọng văn của văn bản thuyết minh.

4. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Xác định các kiểu nhân hóa trong các đoạn trích dẫn ở SGK trang 59

- Nêu tác dụng của các kiểu nhân hóa đó.

a. Câu ca dao:

- Kiểu nhân hóa: Trò chuyện, xưng hô với vật (*núi*) như đối với người (*núi ơi*).

- Tác dụng: coi vật (*núi*) vô tri vô giác như người bạn tri âm, tri kỉ để bộc bạch tâm tình, giãi bày những tâm sự kín đáo trong lòng.

b. Đoạn văn của Tô Hoài:

- Kiểu nhân hóa:

+ Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người (*tấp nập, xuôi ngược, cãi cọ, gầy vêu vao, bì bõm lội bùn*) để chỉ hoạt động, tính chất của vật (*cua, cá, cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két*).

+ Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật: *họ anh Cò.*

- Tác dụng:

+ Bức tranh miêu tả cuộc sống của các loài vật vùng nước nhờ phép nhân hóa mà trở nên có hồn người.

+ Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, rõ ràng hơn về sự việc được miêu tả trong đoạn văn.

c. Đoạn văn của Võ Quảng:

- Kiểu nhân hóa: Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người (*trầm ngâm, nhìn, vùng vằng, chạy về*) để chỉ hoạt động, tính chất của vật (*những chòm cổ thụ, nước*).

- Tác dụng: giúp người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, rõ ràng hơn về sự việc được miêu tả trong đoạn văn.

d. Đoạn văn của Nguyễn Trung Thành:

- Kiểu nhân hóa: Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người (bị thương, vết thương, cục máu) để chỉ hoạt động, tính chất của vật (rừng xà nu, cây xà nu).

- Tác dụng:

+ Đoạn văn miêu tả sức sống mãnh liệt của rừng xà nu nhờ phép nhân hóa mà trở nên sinh động, có hồn người.

+ Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, rõ ràng hơn về sự việc được miêu tả trong đoạn văn.

5. Bài tập này yêu cầu các em viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có sử dụng phép nhân hóa.

Sau đây là đoạn văn tham khảo:

Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò thì ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, sách vở sạch sẽ, luôn luôn được thầy yêu bạn mến. Còn Vạc thì lười biếng, suốt này chỉ nằm ngủ. Cò bảo mãi, Vạc chẳng nghe. (Truyện cổ Việt Nam)

PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI

Mục đích của bài học: giúp các em biết cách viết một bài văn, đoạn văn tả người theo một thứ tự, bố cục nhất định.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Phương pháp viết một đoạn văn, bài văn tả người

Muốn tả người cần:

- Xác định được đối tượng miêu tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc);

- Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu;

- Trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự.

Bố cục của một bài văn tả người thường gồm ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu người được tả.

- Thân bài: Miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói,...);

- Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả.

II. Đọc - hiểu

1. Đọc kĩ các đoạn văn dẫn trong SGK trang 59, 60 và 61.

2. Trả lời các câu hỏi:

a.

- Đoạn thứ nhất (đoạn văn của Võ Quảng):

+ Tả dượng Hương Thư - người chèo thuyền vượt thác.

+ Dượng Hương Thư được tả có đặc điểm nổi bật về ngoại hình.

+ Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh sau:

($+_1$) Các từ so sánh: *như tượng đồng đúc, như hiệp sĩ.*

($+_2$) Các động từ chỉ hoạt động: *cuồn cuộn, cắn chặt, ghì.*

($+_3$) Các hình ảnh: *các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào.*

- Đoạn thứ hai (đoạn văn của Lan Khai):

+ Tả chân dung của cai Tứ – một lão cai gian giảo.

+ Cai Tứ được tả có đặc điểm nổi bật về khuôn mặt.

+ Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh sau:

($+_1$) Các tính từ: *thấp, gầy, vuông, hóp, lổm chổm, gian hùng, tối om.*

($+_2$) Các động từ: *dòm, giấu giếm, đậy điệm, toe toét, đảm đang.*

($+_3$) Các hình ảnh: *hai má hóp lại, đôi mắt gian hùng, mấy chiếc răng vàng hợm của.*

- Đoạn thứ ba (đoạn văn của Kim Lân):

+ Tả Quắm Đen và ông Cản Ngũ – hình ảnh hai người trong sới vật.

+ Quắm Đen và ông Cản Ngũ được tả có đặc điểm nổi bật về các hoạt động.

+ Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh sau:

($+_1$) Các động từ: *lăn xả, lấn lướt, vờn, dữ, thoắt biến, thoắt hóa, chúi xuống, bốc lên, nhấc bổng, luồn.*

($+_2$) Các tính từ: *ráo riết, lắt léo, hiểm hóc, lờ mờ, chậm chạp, lúng túng, loay hoay.*

($+_3$) Các hình ảnh: *Vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoắt biến, thoắt hóa khôn lường; lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen; luồn qua hai cánh tay của ông Cản Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bốc lên; loay hoay gò lưng lại, không sao bê nổi cái chân ông Cản Ngũ; thò tay xuống nắm lấy khố Quắm Đen nhấc bổng anh ta lên...*

b. Trong các đoạn văn trên:

- Đoạn thứ nhất (đoạn văn của Võ Quảng) và đoạn thứ hai (đoạn văn của Lan Khai) tập trung khắc họa chân dung nhân vật.

- Đoạn thứ ba (đoạn văn của Kim Lân) tả người gắn với công việc.

Yêu cầu lựa chọn chi tiết và hình ảnh ở mỗi đoạn như vậy có những điểm khác nhau:

- Tả chân dung thường gắn với hình ảnh tĩnh, do đó có thể sử dụng đồng thời cả danh từ, động từ, tính từ.

- Tả hoạt động của con người lại thiên về sử dụng các động từ và các hình ảnh.

c. Đoạn thứ ba (đoạn văn của Kim Lân) gần như một bài văn miêu tả hoàn chỉnh có ba phần:

- Phần một (Mở bài): từ "*ông đô già*" đến "*nổi lên ầm ầm*": Giới thiệu chung về quang cảnh nơi diễn ra hội vật và các đô vật.

- Phần hai (Thân bài): từ "*ngay nhịp trống đầu*" đến "*buộc sợi dây ngang bụng vậy*": Diễn biến của keo vật.

- Phần ba (Kết bài): từ "*các đô ngồi quanh*" đến hết: Cảm nghĩ và nhận xét về keo vật.

Nếu phải đặt tên cho bài văn này, có thể đặt là: *Keo vật không cân sức* hoặc *Kết cục bất ngờ*.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Các chi tiết tiêu biểu sẽ lựa chọn khi miêu tả các đối tượng sau:

- Một em bé chừng 4 – 5 tuổi: mắt đen tròn ngây thơ, môi đỏ như son, tay chân mũm mĩm, nước da trắng mịn,...

- Một cụ già cao tuổi: tóc trắng, da mồi, cặp mắt tinh anh, dáng vẻ chậm chạp hoặc nhanh nhẹn, giọng nói trầm ấm,...

- Cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo, cử chỉ ân cần, đôi mắt lấp lánh khích lệ, dáng đi nhanh nhẹn...

2. Lập dàn ý (cơ bản) cho bài văn miêu tả:

* *Một em bé chừng 4 – 5 tuổi*, cần tập trung thể hiện các yếu tố sau:

- Mở bài: Giới thiệu tên em bé, em bé là con của ai và có quan hệ gì với người viết.

- Thân bài: Miêu tả những nét tiêu biểu về cử chỉ, hình dáng, điệu bộ. Cần tập trung vào miêu tả những bộ phận: mắt, môi, chân tay... của em bé.

- Kết luận: Nêu cảm nghĩ của em về em bé đó.

* Cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp, cần tập trung thể hiện các yếu tố sau:

- Mở bài: Giới thiệu khung cảnh lớp học, tên cô giáo, tên môn học cô giáo dạy.

- Thân bài: Miêu tả những nét tiêu biểu về cử chỉ, hình dáng, điệu bộ,... gắn với diễn biến của bài học hoặc giờ học.

- Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về cô giáo qua giờ học đó.

3. Đoạn văn trong SGK trang 62 bị xóa đi hai chỗ trong ngoặc. Nếu viết lại, em sẽ viết vào chỗ trống đó là:

- Người ông đỏ như: *tôm (cua) luộc* hoặc *bị cháy nắng*... hoặc *màu đồng hun*...

- To lớn, lẫm liệt, nhác trông không khác gì: *ông tướng ở trong đền ông tượng*. Ông Cản Ngũ được miêu tả trong tư thế chuẩn bị bước vào vật.

Bài 23

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

Minh Huệ

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Minh Huệ tên thật là Nguyễn Thái, sinh ngày 3 tháng 10 năm 1927, quê ở Nghệ An, làm thơ từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngoài việc sáng tác thơ, Minh Huệ còn viết cả thể loại văn xuôi: bút kí, truyện kí và tiểu thuyết.

Các tác phẩm đã được xuất bản:

"Tiếng hát quê hương" (thơ, 1959); "Đất chiến hào" (thơ, 1970); "Mùa xuân đến" (thơ, 1972); "Đêm nay Bác không ngủ" (thơ, 1985); "Rừng xưa rừng nay" (bút ký, 1962); "Ngọn cờ Bến Thủy" (truyện ký, 1974 - 1979); "Người mẹ và mùa xuân" (truyện kí, 1981); "Phút bi kịch cuối cùng" (tiểu thuyết, 1990), "Thưởng thức thơ viết về Bác Hồ" (tiểu luận, 1992).

Minh Huệ dành nhiều tâm huyết để viết về Bác Hồ. Nhà thơ đã có cả một tập thơ trên dưới 100 bài viết về Bác. Ông đã từng nói: "Thơ phải mang niềm yêu thương lớn. Viết về Bác Hồ là viết về một mẫu mực kết tinh tuyệt diệu lòng yêu thương đó" (Thơ và tôi - tiểu luận 1972). Trong số gần 100 bài thơ viết về Bác Hồ, bài thơ Đêm nay Bác không ngủ *(1951) là bài thơ nổi tiếng nhất, đặc sắc nhất của ông.*

Bài thơ được đánh giá "như bông hoa đẹp đầu mùa trong vườn thơ hiện đại Việt Nam về đề tài Bác Hồ. Vừa mới ra đời nó đã được nhân dân đón nhận như một tài sản của riêng mình" (Bùi Nguyên, Tạp chí Văn nghệ Nghệ Tĩnh, số 30-1986).

Và sau khi ra đời 4 năm, năm 1955, bài thơ Đêm nay Bác không ngủ *được chọn vào tập Thơ của các nhà thơ đương đại Việt Nam và được giới thiệu ở Liên Xô cũ.*

1. Câu hỏi 1 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đây là bài thơ tự sự. Cần có kiến thức cơ bản về phương thức sáng tác này. Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc. Đồng thời đọc lướt toàn bài thơ để nắm bắt các sự việc được kể trong bài.

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ kể lại câu chuyện về Bác Hồ và anh đội viên trong một đêm Bác không ngủ trên đường đi chiến dịch ở một làng nhỏ giữa rừng khuya. Bác không ngủ vì thương đoàn dân công ngủ ngoài rừng sâu giữa trời mưa rét, rồi Bác đi dém chăn, đốt lửa cho anh bộ đội ngủ ngon giấc. Anh đội viên thức dậy, mời Bác đi ngủ nhưng Bác vẫn thức.

Lần thứ ba thức dậy, anh giật mình thấy trời gần sáng mà Bác vẫn chưa ngủ. Anh đã hiểu được tấm lòng yêu thương bao la của Bác và vui sướng thức luôn cùng Bác.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Chú ý đến cách xưng hô trong truyện để xác định ngôi kể. Đặt giả thiết: nếu thay đổi cách xưng hô (ngôi kể) trong bài thì bài thơ sẽ thay đổi như thế nào? Từ đó nhận thấy tác dụng của ngôi kể trong bài.

b. Gợi ý trả lời

Hình tượng Bác Hồ được miêu tả qua con mắt và cảm nghĩ của anh đội viên - người đã chứng kiến cả một đêm dài Bác chăm sóc giấc ngủ cho anh và cho đồng đội.

Cách miêu tả này đã làm cho hình tượng Bác trở nên gần gũi, chân thật mà cao đẹp. Đó là cách cảm nhận của anh đội viên - của người công dân về tình cảm thiêng liêng của vị lãnh tụ.

Hình ảnh Bác Hồ hiện lên trong bài thơ vừa giản dị vừa thiêng liêng, vĩ đại. Bác đốt lửa, dém chăn chăm sóc giấc ngủ cho các anh bộ đội. Hành động ấy chất chứa bao tình yêu thương, tình yêu của lãnh

tụ đối với công dân, nhưng cũng thật gần với tình yêu của người cha dành cho các con:

Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm
Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng

Lời kể tự nhiên, cụ thể, như hình dung thấy được bàn tay ân cần và bước chân của Bác đang nâng niu, chăm sóc giấc ngủ của các anh bộ đội. Đây là tình thương của một lãnh tụ đối với quần chúng hay chính là tình cha - con trong đại gia đình dân tộc Việt Nam? Ngay giây phút thiêng liêng được chứng kiến những hành động giản dị, ấm áp của Bác, anh đội viên đã nhận ra một vẻ đẹp mới lung linh, toả sáng:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

Cảm nhận của anh bộ đội về Bác vừa là cảm nhận của người con về người cha vô cùng gần gũi, ấm áp, vừa là cảm nhận về một vị lãnh tụ cao cả:

3. Câu hỏi 3 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại những câu thơ nói về hai lần anh đội viên thức dậy thấy Bác không ngủ. Chú ý diễn biến tâm trạng của anh chiến sĩ trong hai lần đó để thấy được tình cảm của anh dành cho Bác, và thấy được tình cảm cao đẹp của Bác.

b. Gợi ý trả lời

Những câu thơ trong bài nói về Bác Hồ trầm ngâm không ngủ vì lo lắng cho giấc ngủ của các anh bộ đội ngoài rừng mưa rét, và Bác thức

để chăm sóc giấc ngủ cho các anh bộ đội trong lán làm xúc động lòng người. Hình tượng Bác Hồ được cảm nhận qua tấm lòng của anh đội viên là những lời kể mộc mạc, giản dị cho thấy tình cảm kính yêu, cảm phục của người con về người cha của toàn dân tộc.

Lần đầu tiên thức dậy, anh bộ đội ngạc nhiên vì trời đã khuya lắm rồi mà Bác vẫn thức:

Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

Những đoạn thơ tiếp theo làm nổi bật tấm lòng yêu thương rộng lớn của Bác Hồ với bộ đội và nhân dân. Anh bộ đội được ngủ trong tình yêu thương ấm áp của Bác và được chứng kiến tình cảm của Bác dành cho các đồng đội khác:

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm
Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng

Hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua những vần thơ mộc mạc, giản dị, qua lời kể tự nhiên như một người cha già đang nâng giấc ngủ cho các con trẻ. Bác Hồ trở nên gần gũi, thân thương trong lòng anh bộ đội, trong lòng nhân dân, và trong lòng người đọc.

Tình cảm giữa lãnh tụ với nhân dân hòa vào tình cảm giữa cha con trong một gia đình. Tình yêu ấy đã toả sáng, ru anh bộ đội vào giấc ngủ êm đềm:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

Tình cảm của Bác còn ấm áp, thiêng liêng hơn cả ngọn lửa hồng đã sưởi ấm và toả sáng lòng người chiến sĩ, làm thức dậy trong lòng anh một thứ tình cảm, tình cảm kính yêu của người con đối với người cha và của một chiến sĩ đối với lãnh tụ khiến anh thổn thức cả nỗi lòng. Anh thì thầm: "*Bác có lạnh lắm không?*", rồi anh lại lo Bác ốm. Người đọc thấu hiểu tâm trạng bồn chồn, nỗi lòng bề bộn của anh chỉ vì "*đêm nay Bác không ngủ - lấy sức đâu mà đi*".

Lần thứ ba thức dậy, anh bộ đội không còn là tâm trạng bồn chồn, lo lắng nữa mà thật sự hốt hoảng, giật mình vì "Bác vẫn ngồi đinh ninh". Không còn thầm thì hỏi nhỏ như trước:

Anh vội vàng nằng nặc
- Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!

Câu thơ đảo ngược "Bác ơi! Mời Bác ngủ!" như một lời năn nỉ, khẩn cầu, mong sao Bác sẽ chợp mắt vì trời đã sắp sáng.

Khi tình yêu thương, tôn kính Bác dâng lên cao nhất là lúc anh bộ đội cảm nhận được tấm lòng bao la của Bác dành cho tất cả mọi người. Bác ngủ không an lòng, vì thương đoàn dân công ngủ ngoài rừng mưa gió, lấy lá làm chiếu, lấy áo làm chăn. Đó là tình thương yêu rất giản dị, tự nhiên mà mênh mông, thiêng liêng như chính lẽ sống của Bác, cuộc đời của Bác.

Cảm nhận được tình cảm thiêng liêng cao cả của Bác, anh bộ đội thấy mình như được lớn lên trong tình yêu thương bao la của Bác.

Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác

Anh bộ đội bên Bác trong bài thơ được lớn lên theo tình yêu mênh mông của Bác cũng giống như nhà thơ Tố Hữu viết về hình ảnh Bác:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...

Bài thơ không kể lần thức dậy thứ hai của anh đội viên mà tác giả chỉ thay bằng dấu ..., sự lược bớt này có tác dụng làm bài thơ cô đọng hơn. Vì thơ bao giờ cũng đòi hỏi một sự hàm súc, trong một lượng ngôn từ ít nhất phải diễn đạt được nhiều ý nghĩa nhất. Vả lại chỉ kể hai lần thì mới có thể làm nổi bật được sự thay đổi trong tâm trạng, tình cảm của anh đội viên đối với Bác.

Đối chiếu tâm trạng trong hai lần thức dậy của anh đội viên thấy tình cảm của anh đối với Bác diễn biến theo chiều hướng lớn dần lên, tha thiết hơn.

Lần đầu thức dậy, anh chiến sĩ ngạc nhiên, cảm phục trước tấm lòng Bác, nhưng vẫn vâng lời Bác đi ngủ, lần thứ ba thì anh thật sự hoảng hốt, thật sự giật mình và đã hiểu được vì sao "Bác ngủ không an lòng" nên anh đã vui sướng thức luôn cùng Bác.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để hiểu được ý nghĩa của ba câu thơ kết, cần đọc lại toàn bộ bài thơ. Câu thơ cuối không đơn giản chỉ là sự giải thích cho một chuỗi hành động ở trên mà có sự chuyển nghĩa của danh từ "Hồ Chí Minh". Cần lưu ý phân tích danh từ này.

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh "đêm nay Bác không ngủ" tô đậm thêm phẩm chất cao đẹp của Bác. Về hình thức, hai câu thơ cuối là một lời giải thích cho những hành động, tình cảm của Bác diễn tả trong những câu thơ trên. Nhưng trong câu thơ cuối, đã có sự chuyển nghĩa của danh từ "Hồ Chí Minh". "Hồ Chí Minh" không còn là tên riêng của vị lãnh tụ tôn kính của toàn dân tộc nữa mà đã chuyển thành tính từ chỉ phẩm chất và đạo đức cao đẹp. Câu thơ giản dị, nhưng đã nâng vẻ đẹp của Bác lên một tầm cao mới trong sự phát hiện của nhà thơ: vẻ đẹp của sự thống nhất, hài hòa giữa vĩ đại và giản dị, giữa cái ấm áp, đời thường mà cao cả, thiêng liêng. Bằng cách

đó, nhà thơ đã khẳng định những gì đẹp đẽ ở Bác, đó là điều tất yếu, không cần và cũng không thể giải thích theo lý lẽ thông thường.

Mở rộng kiến thức

Hình ảnh Bác vừa gần gũi, giản dị, vừa thiêng liêng cao cả đã đi vào trong nhiều bài thơ, đi vào tâm thức của mỗi người dân Việt Nam.

Nhà thơ Tố Hữu đã viết về Bác trong sự giản dị mà cao đẹp:

Bác Hồ đó chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà

Và:

Bác ngồi đó lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non
Bác Hồ cha của chúng con...

Ngay trong những bài thơ của Bác, không ít lần chúng ta cũng gặp sự thao thức của một người canh cánh nỗi lo nước thương dân:

Một canh... hai canh... lại ba canh
Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

(Không ngủ được - Nhật kí trong tù)

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

(Cảnh khuya)

5. Câu hỏi 5 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để xác định được bài thơ làm theo thể thơ gì, cần xác định được số tiếng trong một dòng thơ, và số dòng trong một khổ thơ, cách gieo vần trong một khổ thơ, giữa hai khổ thơ.

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ (thơ ngũ ngôn), mỗi dòng thơ có năm tiếng; mỗi khổ thơ có bốn dòng.

Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

Cách gieo vần của thể thơ năm chữ theo quy luật: chữ cuối của câu thứ hai, và chữ cuối của câu thứ ba vần với nhau: "*rồi*" và "*ngồi*".

Chữ cuối của dòng cuối mỗi khổ thơ vần với chữ cuối của dòng đầu của khổ thơ tiếp theo "xác" (khổ 2) với chữ "Bác" của khổ 3.

Với cách gieo vần nối nhau như trên, thể thơ năm chữ phù hợp với kiểu bài tự sự - trữ tình khiến câu chuyện được kể không bị khô khan, dễ đi vào lòng người.

Thể thơ ngũ ngôn với đặc trưng nhịp thơ nhanh, dồn dập, rất thích hợp trong việc diễn tả dòng tâm trạng miên man, cảm xúc tuôn trào của anh đội viên với vị lãnh tụ kính yêu.

6. Câu hỏi 6 SGK trang 67

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu này, cần nắm được ý nghĩa biểu cảm của từ láy. Có thể sử dụng cuốn *Từ điển tiếng Việt* để tham khảo thêm, kết hợp với việc đọc chú thích về các từ láy của bài trong SGK.

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* sử dụng rất nhiều từ láy: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng, mơ màng, lồng lộng, thổn thức thầm thì, bồn chồn, bề bộn, hốt hoảng, đinh ninh, phăng phắc, nằng nặc...*

Những từ láy này có tác dụng biểu cảm rất mạnh, mở rộng trường nghĩa cho từ, làm ý nghĩa của từ phong phú hơn. Đồng thời, việc sử dụng từ láy trong thơ sẽ làm tăng tính tạo hình làm nên sự nhịp nhàng, uyển chuyển của mạch thơ.

Một số từ láy đặc sắc trong bài: lồng lộng, trầm ngân, đinh ninh... Các từ này được nhà thơ sử dụng rất linh hoạt khi nói về Bác Hồ, có tác dụng tô đậm vẻ đẹp thiêng liêng cao cả và vĩ đại của Người, thể hiện nềm tôn kính của người con đối với người cha, của công dân đối với vị lãnh tụ. Từ "lồng lộng" diễn tả sự cao lớn vô cùng vô tận (Bóng Bác cao lồng lộng) của Bác Hồ vĩ đại. Người không ngủ trọn cả một đêm để lo cho vận mệnh dân tộc trong một trạng thái "trầm ngâm", lặng lẽ, suy tư với một niềm tin chắc chắn vào con đường toàn dân tộc đã đi (đinh ninh).

ẨN DỤ

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được:

- Khái niệm ẩn dụ;

- Các kiểu ẩn dụ;

- Tác dụng của ẩn dụ;

- Bước đầu cảm nhận được cái hay của ẩn dụ dùng trong các văn bản nghệ thuật.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Ẩn dụ là gì?

Ẩn dụ là:

- Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó;

- Nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

Như vậy, nếu giữa A và B có sự tương đồng nào đó thì người ta có thể dùng tên gọi B thay cho tên gọi A.

Ví dụ 1:

+ *Cổ chai:* Thay cho tên gọi phần phía trên của chai có vị trí tương tự như vị trí của cổ trên thân thể người.

+ *Chân núi:* Thay cho tên gọi phần tiếp giáp đất của núi giống như chân người.

Các cách gọi *cổ chai, chân núi...* là ẩn dụ. Đây là những ẩn dụ từ vựng hay ẩn dụ định danh. Những ẩn dụ này không có sức gợi tả, không phải là ẩn dụ tu từ.

Ví dụ 2:

"Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, con nằm trên lưng"

(Nguyễn Khoa Điềm)

Đây là ẩn dụ tu từ vì nó có sức gợi tả:

- *Mặt trời* trong câu thứ nhất được gọi tên trực tiếp nên không phải là một ẩn dụ.

- "Mặt trời" trong câu thứ hai: chỉ người con mà mẹ địu trên lưng là một ẩn dụ tu từ. Ở đây, *mặt trời* được dùng thay cho tên gọi *con* mà người đọc vẫn hiểu vì giữa *mặt trời* và *con* có nét tương đồng: *mặt trời* đem lại niềm vui, ánh sáng cho ngô lúa còn *con* đem lại hơi ấm, niềm vui cho người mẹ.

1. Trong khổ thơ được dẫn ở SGK trang 68, cụm từ *người cha* được dùng để chỉ Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Có thể ví được như vậy vì Bác Hồ là vị cha già của hàng triệu triệu người con đất Việt, đã có công trong việc soi đường, chỉ lối, đưa cách mạng Việt Nam đến bến bờ thắng lợi.

2. Cách nói dẫn ở SGK trang 68 giống và khác với phép so sánh là:

- Giống: trong *Người Cha mái tóc bạc* cũng dùng phép so sánh nhưng là so sánh ngầm (so sánh không có từ so sánh, chỉ còn lại cụm từ *Người cha*: vừa là sự vật được so sánh (Bác Hồ) vừa là sự vật dùng để so sánh (Người Cha).

- Khác: Việc dùng tên gọi khác (Người Cha) có nét tương đồng để gọi Bác Hồ.

II. Các kiểu ẩn dụ

Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp là:

- *Ẩn dụ hình thức:* Là sự chuyển đổi tên gọi giữa những sự vật, hiện tượng có điểm nào đó tương đồng về hình thức.

Ví dụ:

Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn ngàn cây mía
Múa gươm
Đàn kiến
Hành quân
Đầy đường

(Trần Đăng Khoa)

Trong ví dụ trên có hai ẩn dụ hình thức:

+ *Áo giáp đen* chỉ mây đen (giữa mây đen và áo giáp đen có sự tương đồng: đều có màu đen).

+ *Gươm* chỉ lá mía (lá mía có hình thức bên ngoài giống như những thanh gươm).

- *Ẩn dụ cách thức:* Là sự chuyển đổi tên gọi về cách thức thực hiện hành động khi giữa chúng có những nét tương đồng nào đó với nhau.

Ví dụ: *Cứ như thế, hoa học trò thả những cách sen xuống cỏ, đếm từng giây phút xa bạn học sinh! Hoa phượng rơi, rơi... Hoa phượng mưa (...)* (Xuân Diệu).

Trong ví dụ trên có hai ẩn dụ:

+ *Hoa học trò* là ẩn dụ quen thuộc nên mang tính tượng trưng. *Hoa học trò* chỉ hoa phượng, một loài hoa quen thuộc, gần gũi với tuổi học trò.

+ *Thả những cánh sen* và *hoa phượng mưa* là ẩn dụ cách thức:

+ ($+_1$) Gọi (hoa phượng) *thả những cánh sen* thay cho cách gọi (hoa phượng) rơi những cánh hoa.

+ ($+_2$) Gọi (hoa phượng) *mưa* thay cho cách gọi (hoa phượng) rơi nhiều.

- *Ẩn dụ phẩm chất:* Là sự chuyển đổi tên gọi giữa những sự vật, hiện tượng... có nét tương đồng với nhau ở một vài điểm nào đó về tính chất, phẩm chất.

Ví dụ: *Kiếp sau xin chớ làm người*

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

(Nguyễn Công Trứ)

Ở ví dụ trên, *cây thông* là một ẩn dụ phẩm chất, dùng để chỉ người quân tử có vẻ đẹp cao quý.

- *Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:* Là sự chuyển đổi tên gọi giữa những sự vật, hiện tượng.. có nét tương đồng với nhau ở một vài điểm nào đó về cảm giác.

Loại ẩn dụ này thường dùng kết hợp với các từ ngữ chỉ cảm giác loại này với cảm giác loại khác.

Ví dụ: *Câu chuyện nghe nhạt nhẽo làm sao.*

Ở ví dụ trên, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, *nghe nhạt nhẽo* là sự kết hợp từ ngữ cảm giác của thính giác (nghe) với cảm giác của vị giác (nhạt nhẽo).

1. Các từ in đậm *thắp, lửa hồng* trong câu thơ dẫn ở SGK trang 68 được dùng để chỉ hiện tượng ra (nở) hoa của hoa dâm bụt. Có thể ví được như vậy vì:

- *Thắp* là một ẩn dụ cách thức: Gọi (hàng râm bụt) *thắp lên lửa hồng* thay cho cách gọi (hàng râm bụt) nở những bông hoa.

- *Lửa hồng* là một ẩn dụ hình thức. *Lửa hồng* và *hoa dâm bụt* có nét tương đồng về màu sắc, chúng đều có màu đỏ.

2. Cách dùng từ trong *thấy nắng giòn tan* có đặc biệt hơn so với cách nói thông thường: Đây là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tức là sự chuyển đổi tên gọi giữa những sự vật, hiện tượng... có nét tương đồng với nhau ở một vài điểm nào đó về cảm giác có sự kết hợp từ ngữ chỉ cảm giác của thị giác (*thấy*) với cảm giác của thính giác (*giòn tan*).

3. Từ những ví dụ đã phân tích ở các phần I và II, có một số kiểu tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng thường được sử dụng để tạo phép ẩn dụ:

- Tương đồng về hình thức giữa các sự vật, hiện tượng;

- Tương đồng về cách thức thực hiện giữa các sự vật, hiện tượng;

- Tương đồng ở một vài điểm nào đó về tính chất, phẩm chất giữa các sự vật và hiện tượng;

- Tương đồng ở một vài điểm nào đó về cảm giác giữa các sự vật và hiện tượng.

III. Tác dụng của ẩn dụ

- Giúp cho câu văn sinh động.

- Giúp người đọc, người nghe có những liên tưởng mới lạ.

- Là phương tiện để thể hiện được sự sáng tạo độc đáo cũng như cách cảm, cách nghĩ riêng của người nói, người viết.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- So sánh đặc điểm của ba cách diễn đạt dẫn trong SGK trang 69.

- Tác dụng của ba cách diễn đạt đó.

Để so sánh được đặc điểm và tác dụng của ba cách diễn đạt, các em có thể tiến hành các bước sau:

- Đọc và hiểu nội dung của từng cách diễn đạt.

- Dựa vào những dấu hiệu nội dung và hình thức của từng cách diễn đạt để chỉ ra các phép tu từ đã được sử dụng.

- Phân tích tác dụng của phép tu từ đối với từng cách diễn đạt.

Trên cơ sở đó, các em có thể phân tích được như sau:

Cách 1: Diễn đạt bình thường, không sử dụng phép tu từ nào

Bác Hồ mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

Cách 2: Sử dụng phép tu từ so sánh *Bác Hồ như Người Cha*.

Vế A	*Phương diện so sánh*	*Từ so sánh*	*Vế B*
Bác Hồ		*như*	*Người Cha*

Phép so sánh trong cách diễn đạt này đã giúp cho người đọc hiểu rõ hơn, cụ thể hơn tâm tư, tình cảm của người viết dành cho Bác Hồ - vị cha già của dân tộc.

Cách 3: Sử dụng phép tu từ ẩn dụ *Người Cha mái tóc bạc*.

Đây là ẩn dụ phẩm chất, Bác như người cha yêu thương, gần gũi với các con (nhân dân), chăm lo cho các con đến nỗi quên cả bản thân. Đó là những đức tính của người cha đối với con, của Bác Hồ đối với nhân dân ta.

2. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Tìm ẩn dụ tu từ trong các ví dụ dẫn ở SGK trang 70.

- Nêu lên nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm trong ẩn dụ đó.

a. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

(Tục ngữ)

- Ví dụ này có các phép ẩn dụ: *ăn quả* và *trồng cây*

- Nét tương đồng giữa *ăn quả* với *trồng cây* được so sánh ngầm trong ẩn dụ là:

+ *Ăn quả* - người hưởng thụ cái lợi, cái thành quả.

+ *Trồng cây* - người gây dựng, người tạo thành quả.

b. *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*

- Ví dụ này có các phép ẩn dụ: *gần mực thì đen* và *gần đèn thì sáng*

- Nét tương đồng giữa *gần mực thì đen* với *gần đèn thì sáng* được so sánh ngầm trong ẩn dụ là:

+ *Gần mực thì đen* - gần những nơi hoặc những người xấu, không trong sáng (mực vốn có màu đen) tất sẽ bị nhiễm thói xấu, sẽ trở nên đen tối, xấu xa.

+ *Gần đèn thì sáng*- gần những nơi hoặc những người tốt, trong sáng (đèn vốn phát ra ánh sáng) sẽ học được những thói quen tốt, những đức tính tốt.

c. *Thuyền về có nhớ bến chăng?*
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

(Ca dao)

- Ví dụ này có các phép ẩn dụ: *thuyền* và *bến*

- Nét tương đồng giữa *thuyền* với *bến* được so sánh ngầm trong ẩn dụ là:

+ *Thuyền* - chỉ người ra đi, người con trai

+ "Bến" - chỉ người ở lại, người con gái.

d. *Ngày ngày mặt trời đi qua bên lăng*
Thấy một Mặt trời trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương)

- Ví dụ này có phép ẩn dụ: *Mặt trời trong lăng.*

- Nét tương đồng *Mặt trời trong lăng* được so sánh ngầm trong ẩn dụ là: *Mặt trời trong lăng* chỉ Bác Hồ, vị cha già, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Bác như mặt trời chiếu sáng, soi đường cho nhân dân ta bước đi trên con đường cách mạng và mãi mãi toả ra sức nóng làm ấm áp lòng chúng ta.

3. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Tìm các ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong các câu văn, câu thơ dẫn ở SGK trang 70.

- Nêu tác dụng của những phép ẩn dụ ấy trong việc miêu tả sự vật, hiện tượng.

a. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác có trong câu văn của Tô Hoài là thấy mùi hồi chín chảy qua mặt.

- Tác dụng: Mùi hồi chín vốn chỉ ngửi được nên không thể dùng thị giác hay xúc giác để nhìn thấy, cảm thấy được. Nhưng qua phép ẩn dụ này, mùi hồi thơm như được nhìn rõ từng dòng, như đang chảy tràn qua mặt. Cách viết như vậy đã thể hiện được cụ thể hơn, rõ ràng hơn cái đắm say, ngây ngất của người viết khi ngửi thấy mùi hồi chín.

b. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác có trong câu thơ của Hoàng Trung Thông là: *ánh nắng chảy đầy vai.*

- Tác dụng: Ánh nắng vốn chỉ nhìn được nên không thể dùng khứu giác hay xúc giác để ngửi thấy, cảm thấy được. Nhưng qua phép ẩn dụ, ánh nắng trở nên có dáng, có hình, có đường nét một cách cụ thể, rõ ràng. Cách viết như vậy đã tạo cho người đọc, người nghe cảm giác mới lạ, tăng được sức gợi tả cho câu thơ.

c. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác có trong câu thơ của Trần Đăng Khoa là *tiếng rơi rất mỏng.*

- Tác dụng: Tiếng rơi vốn chỉ nhìn được nên không thể dùng thính giác hay xúc giác để nghe được, cảm được. Nhưng qua phép ẩn dụ này, tiếng rơi trở nên có hình, có đường nét cụ thể, rõ ràng. Cách viết như vậy đã giúp cho người đọc cảm nhận và hình dung ra một cách đầy đủ hơn, có hình ảnh hơn về tiếng rơi rất nhẹ của lá - một tiếng rơi vốn không thể cảm nhận ra được bằng thính giác. Cách miêu tả như vậy là tả ngoại cảnh (lá rơi) bằng tâm cảnh (nghe như là rơi nghiêng).

d. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong câu thơ của Phan Thế Cải là *ướt tiếng cười của bố.*

- Tác dụng: Tiếng cười vốn chỉ nghe được nên không thể dùng thị giác hay xúc giác để nhìn thấy, cảm thấy được. Nhưng qua phép ẩn dụ này, tiếng cười trở nên có hình, có khối, cụ thể và rõ ràng. Cách viết như vậy tạo cho người đọc sự liên tưởng mới lạ đồng thời cũng làm cho câu thơ giàu hình ảnh và hàm súc hơn.

LUYỆN NÓI VỀ VĂN MIÊU TẢ

Mục đích của bài học, giúp các em:

- Củng cố lại các kiến thức về văn miêu tả, các phương pháp tả cảnh, tả người;

- Tả lại được bằng miệng một cảnh hay một hình ảnh trong một văn bản vừa học.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Văn miêu tả là gì?

Văn miêu tả là:

- Loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,...;

- Làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe.

II. Phương pháp tả cảnh

Muốn tả cảnh cần:

- Xác định đối tượng miêu tả

- Quan sát, lựa chọn những hình ảnh tiêu biểu.

- Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

Bố cục của bài văn tả cảnh gồm có ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả;

- Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự;

- Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

III. Phương pháp tả người

Muốn tả người cần:

- Xác định đối tượng cần tả.

- Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu.

- Trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự.

Bố cục của bài văn tả người thường có 3 phần:

- Mở bài: Giới thiệu người được tả;

- Thân bài: Miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói...;

- Kết bài: Nhận xét và nêu cảm nghĩ của người viết.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em dựa vào đoạn văn đã học về tả cảnh để chuyển thành lời nói miệng tả về quang cảnh lớp học trong buổi học cuối cùng.

Dưới đây là dàn bài tham khảo:

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng sẽ được miêu tả : cảnh lớp học trong giờ tập viết.

- Thân bài: Miêu tả chi tiết cảnh lớp tập viết:

+ Cảnh lớp học:

($+_1$) Những tờ mẫu chữ mà thầy Ha-men đã chuẩn bị treo trước bàn học.

($+_2$) Trong tờ mẫu có viết bằng "chữ rông" thật đẹp.

($+_3$) Những tờ mẫu tạo trước bàn học như những lá cờ nhỏ bay phấp phới.

+ Cảnh học sinh tập viết:

($+_1$) Học sinh chăm chú viết và im phăng phắc.

($+_2$) Những trò nhỏ nhất cặm cụi vạch những nét sổ.

($+_3$) Âm thanh:

- Tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy.

- Tiếng chim bồ câu gù khe khẽ trên mái nhà.

- Kết bài: Suy nghĩ của em về giờ tập viết này.

Chú ý: Dựa vào dàn bài tham khảo trên, các em tập luyện nói ở nhà để đến lớp nói một cách tự nhiên, lưu loát. Giữa các phần có từ chuyển tiếp hoặc câu văn chuyển tiếp để các phần gắn bó với nhau thành một đoạn văn tả cảnh hoàn chỉnh.

2. Bài tập yêu cầu các em tả lại bằng miệng cho các bạn nghe về hình ảnh thầy giáo Ha-men trong truyện ngắn *Buổi học cuối cùng.*

Đây là bài văn tả người nên các em có thể dựa vào phương pháp tả người đã được học để lập dàn bài cho bài nói này.

Dàn bài tham khảo:

- Mở bài: Giới thiệu chung về thầy Ha-men:

+ Là người thiết tha yêu nước.

+ Yêu tiếng mẹ đẻ – tiếng Pháp.

+ Là tấm gương trong việc giữ gìn, bảo vệ tiếng mẹ đẻ và tình cảm đối với quê hương, đất nước.

- Thân bài: Miêu tả các chi tiết:

* Ngoại hình:

+ Để tôn vinh buổi học cuối cùng, thầy vận trang phục trang trọng khác hẳn ngày thường.

+ Thầy mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen, gấp nếp mịn và đội cái mũ tròn bằng lục đen thêu mà thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng.

* Cử chỉ, hành động:

+ Trong lúc giảng bài, chốc chốc thầy lại đứng lặng im, mắt đăm đăm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy,... thầy thấy tan nát lòng...

+ Nghe thấy tiếng chuông đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ và tiếng kèn của bọn lính Phổ xâm lược, người thầy Ha-men tái nhợt, thầy nghẹn ngào không nói được thành lời.

+ Buổi học cuối cùng, thầy để cho cả dân làng vào dự lớp.

+ Trong buổi học này, thầy nói nhiều về tiếng Pháp và tình yêu tha thiết vô bờ đối với tiếng mẹ đẻ của mình.

+ Hành động cuối cùng trong buổi học của thầy *cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!* là hành động biểu hiện tập trung nhất lòng yêu tiếng mẹ đẻ yêu quê hương đất nước của thầy.

* Thái độ, lời nói:

+ Thái độ ân cần, âu yếm. Lời nói dịu dàng, yêu thương, không mắng học sinh khi chú bé Phrăng đi học muộn.

+ Thầy giảng bài trong sự xúc động nghẹn ngào, tuy nhiên thầy vẫn kiên nhẫn và can đảm dạy cho đến hết buổi.

- Kết bài:

+ Cảm nghĩ của em về thầy Ha-men

+ Tình cảm của em đối với tiếng mẹ đẻ.

3. a. Bài tập này yêu cầu các em tả lại hình ảnh thầy giáo cũ của mẹ em trong giây phút xúc động gặp lại người học trò của mình sau nhiều năm xa cách.

Dựa theo phương pháp tả người đã được học, các em tự lập dàn ý cho bài nói.

Khi tả, các em lưu ý một số điểm sau

- Mở bài: Giới thiệu khung cảnh diễn ra cuộc gặp gỡ, tên thầy giáo...

- Thân bài: Nội dung bài nói chủ yếu là tả thầy giáo và giây phút gặp gỡ đầy xúc động khi hai thầy trò sau nhiều năm mới gặp nhau. Bởi vậy, các em nhấn mạnh một số điểm sau:

+ Sự xúc động, ngỡ ngàng của thầy trong giây phút đầu tiên khi gặp lại học trò cũ.

+ Sự thay đổi về ngoại hình của thầy dưới cái nhìn của mẹ.

+ Tình cảm của thầy khi gặp hai mẹ con.

+ Lời nói, cử chỉ của thầy đối với học trò cũ.

+ Nói qua về sự xúc động của tình cảm của mẹ đối với thầy giáo cũ.

- Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về tình cảm thầy trò giữa thầy giáo cũ và mẹ cũng như về nghề dạy học.

b. Thảo luận trong tổ và cử một đại diện trình bày trước lớp.

Bài 24

LƯỢM

Tố Hữu

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Nhà thơ Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành sinh ngày 4 tháng 10 năm 1920. Quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Chỗ ở hiện tại của gia đình ông: số nhà 76, phố Phan Đình Phùng, Hà Nội.

Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ sáu, bảy tuổi Tố Hữu đã học và tập làm thơ. Ông giác ngộ cách mạng từ rất sớm, ngay trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939) và trở thành người lãnh đạo Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế. Năm 1938, Tố Hữu gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 4-1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt và bị giam ở nhiều nhà lao các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Nhưng tháng 3 năm 1942, ông đã vượt ngục Đắc Lay trở về gây dựng lại cơ sở và hoạt động bí mật tại Thanh Hóa. Từ đó, Tố Hữu vừa tham gia cách mạng vừa sáng tác. Ông đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Uỷ viên Trung ương Đảng (1951), Uỷ viên Ban Bí thư Trung ương Đảng (1960-1980), Trưởng ban Thống nhất Trung ương (1974-1975), Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981), Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và giữ các chức vụ này cho tới năm 1986. Ngoài ra, Tố Hữu từng đảm nhiệm cương vị Hiệu trưởng trường Nguyễn Ái Quốc, Trưởng ban Thống nhất Trung ương, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương.

Tố Hữu từ trần ngày 9-2-2002 tại bệnh viện 108 Hà Nội.

Tố Hữu đã từng nói: "Đối với tôi: Trăm năm duyên kiếp Đảng và Thơ". Đời thơ Tố Hữu luôn song hành với con đường hoạt động cách mạng của ông. Những bài thơ đầu tiên của ông ra đời năm 1938. Năm 1946, ông đã cho ra đời tập thơ đầu tay Thơ *với 3 phần: "Máu lửa", "Xiềng xích" và "Giải phóng". Sau này ông đã đổi tên tập thơ thành "Từ ấy". Trong kháng chiến chống Pháp, thơ ông được tập hợp trong tập thơ* Việt Bắc *(1947-1954). Chính ở đây hình ảnh người dân thường yêu nước được khắc họa thành "một biểu tượng mĩ học cho cả một giai đoạn thơ ca". Từ sau 1954, khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Tố Hữu đã*

thể hiện không khí phấn chấn của thời đại trong tập Gió lộng. *Ngay sau đó là tập thơ kháng chiến chống Mỹ cứu nước:* Ra trận *(1962-1971) và* Máu và hoa *(1972-1977). Những năm cuối đời ông cho in 2 tập thơ:* Một tiếng đờn *(1992) và* Ta nói với ta *(1999).*

Với Tố Hữu, lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, chúng ta có một kiểu nhà thơ hoàn toàn mới, nhà thơ của giai cấp vô sản, nhà thơ chiến sĩ, biết đem cả đời mình và thơ mình ra chiến đấu cho lí tưởng cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Thơ của ông là "thơ kêu gọi, thơ chiến đấu, thơ hành động, là thơ mang tính lửa, đốt cháy trái tim con người vào ngọn lửa thần của đại nghĩa", là "thơ của tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình"...

Bài thơ Lượm được nhà thơ Tố Hữu sáng tác vào năm 1949 trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài thơ sáng tác theo thể thơ tự do, theo mạch của cảm xúc đang dâng trào trong lòng tác giả. Nhân vật trung tâm trong bài thơ là hình ảnh chú bé liên lạc - Lượm - một người con của Huế đã chiến đấu và hi sinh anh dũng trong kháng chiến.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 76

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Trước hết, để tìm hiểu bố cục bài thơ, cần phải đọc lại toàn bộ văn bản, đọc kỹ cả những chú thích trong SGK để hiểu mạch thơ.

Sau đó, phải chú ý đến những lời xưng hô có sự thay đổi trong các đoạn thơ, cũng có thể căn cứ vào các dấu hiệu ngữ pháp (cách ngắt thành từng đoạn) hay dấu hiệu thời gian, không gian, để phân chia bố cục tác phẩm cho phù hợp, chính xác. Tuỳ vào từng cách phân chia, chúng ta có thể có nhiều bố cục cho một tác phẩm, ở đây cần phải chú ý đến yêu cầu của câu hỏi là: tìm bố cục theo trình tự lời kể của người kể.

b. Gợi ý trả lời

Đọc cả bài thơ, chúng ta thấy hình ảnh của Lượm hiện lên hết sức sinh động qua lời kể của "người chú". Có thể nói Tố Hữu đã khéo léo hóa thân vào nhân vật kể chuyện để nói lên tình cảm yêu mến, trân trọng của mình với chú bé liên lạc dũng cảm. Cả bài thơ là câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ của hai chú cháu ở Thành phố Huế, trong bối cảnh những "*ngày đổ máu*", về sự chiến đấu và hi sinh anh dũng của Lượm.

Theo lời kể ấy, chúng ta có thể chia bài thơ ra thành hai đoạn:

Đoạn 1: Từ đầu đến "Cháu đi xa dần". Đoạn này gồm năm khổ thơ kể về cuộc gặp gỡ hết sức "tình cờ" của hai chú cháu ở Huế giữa những ngày kháng chiến.

Đoạn 2: Từ "Cháu đi đường cháu... Hồn bay giữa đường". Đoạn này gồm bảy khổ thơ kể về sự chiến đấu và hi sinh anh dũng của chú bé liên lạc. Những chi tiết cụ thể, sinh động về chuyến liên lạc cuối cùng đủ cho người đọc hình dung sự hiểm nguy, gian khổ trong nhiệm vụ liên lạc cũng như phẩm chất can đảm, anh dũng của Lượm.

Đoạn 3: Từ "Lượm ơi, còn không?" đến hết: Đoạn thơ nói lên sự bất tử của Lượm. Lượm đã ngã xuống giữa cuộc chiến đấu nhưng em đã hóa thân vào hồn quê hương, dân tộc.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 76

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Yêu cầu đọc kỹ lại bốn khổ thơ từ "Chú bé loắt choắt... Cháu đi xa dần" và chú ý đến những từ chỉ hành động cử chỉ lời nói của chú bé. Khi đọc cần thống kê xem chi tiết nào được tác giả chú ý miêu tả nhất (trang phục, cử chỉ hay lời nói, điệu bộ...). Trong đoạn thơ này tác giả sử dụng một số biện pháp nghệ thuật láy, so sánh, gieo vần... vì thế cần ghi ra những từ đáng chú ý có sử dụng các biện pháp đó.

b. Gợi ý trả lời

Bằng bốn khổ thơ, hình ảnh chú bé Lượm đã hiện lên hết sức sinh động, chân thật, gần gũi.

Về trang phục: chỉ đơn giản là *"cái xắc xinh xinh"*, *"ba lô đội lệch"* cũng đủ cho người đọc hình dung trước mắt một chú bé liên lạc thực sự, một chiến sĩ nhỏ tuổi thời kì kháng chiến chống Pháp. Những vật dụng tuy nhỏ nhắn, đơn giản, bình thường nhưng nó gắn bó với em suốt chặng đường chiến đấu, giúp em làm tròn nhiệm vụ.

Nhưng chi tiết được tác giả chú ý miêu tả, tập trung thể hiện tình cảm yêu mến thân thương của người kể chính là chi tiết về cử chỉ,

điệu bộ và lời nói của Lượm. Với dáng vẻ chỉ *"loắt choắt"*, nhưng đôi chân luôn *"thoăn thoắt"*, miệng *"luôn huýt sáo vang"* và đáng yêu nhất là nụ cười *"híp mí"*. Tất cả đều toát lên vẻ rất nhanh nhẹn, hồn nhiên, nhí nhảnh của một chú bé. Đó là những cử chỉ, dáng vẻ vui tươi hoàn toàn phù hợp với một chú bé còn ở tuổi thiếu niên như em. Có lẽ, nếu như không để ý hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, người đọc sẽ nghĩ đến hình ảnh một chú bé trong khung cảnh đất nước thanh bình ở một làng quê yên ả. Nụ cười híp mí, miệng luôn huýt sáo vang toát lên vẻ vừa hồn nhiên, ngây thơ, vừa lạc quan, yêu đời. Với tinh thần lạc quan ấy em đã xem công việc liên lạc gian nan, nguy hiểm trở nên rất đời thường, nhẹ nhàng, vui vẻ:

- Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Đoạn thơ khép lại với câu nói rất tinh nghịch: "*Thôi chào đồng chí*". Lúc này em như "người lớn hơn" với hai từ *đồng chí* rất nghiêm trang, đứng đắn. Câu thơ vừa toát lên vẻ hồn nhiên dí dỏm, song cũng bộc lộ niềm tự hào của em về công việc liên lạc của mình, một niềm tự hào rất hồn nhiên, đáng yêu khiến ta rưng rưng cảm động.

Trong đoạn thơ này, Tố Hữu khéo léo sử dụng những biện pháp nghệ thuật từ láy (*loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh),* so sánh (*Ở đồn Mang Cá. Thích hơn ở nhà!... Má đỏ bồ quân*); nghệ thuật gieo vần (vang.. vàng....; à... cá... nhà...). Tất cả đều rất gợi cảm, gợi hình cùng với thể thơ năm chữ tạo nên nhịp điệu thơ nhanh, âm hưởng vui tươi, nhí nhảnh rất phù hợp với chú bé Lượm. Những hình ảnh so sánh hết sức gần gũi, quen thuộc *"như con chim chích,... má đỏ bồ quân"* khiến cho hình ảnh của Lượm trở nên rất sinh động, đáng yêu. Và bao trùm lên tất cả là cái tình của nhà thơ, cái nhìn âu yếm, trìu mến, thân thương với chú bé. Có lẽ phải có một tình cảm gần gũi và yêu thương Lượm đến nhường nào, tác giả mới có thể miêu tả hình ảnh chú bé đẹp, đáng yêu đến thế.

3. Câu hỏi 3 trong SGK trang 76

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại kỹ đoạn thơ từ: "Cháu đi đường cháu..." đến "Hồn bay giữa đồng...". Đoạn thơ kể về sự chiến đấu gan dạ, hi sinh anh dũng của chú bé liên lạc. Khi đọc đoạn thơ này phải đặc biệt chú ý đến nhịp của các khổ thơ và qua đó dễ dàng nhận thấy dòng cảm xúc của tác giả. Đây cũng là nét nghệ thuật trọng tâm của đoạn thơ và cả bài thơ.

b. Gợi ý trả lời

Ấn tượng của cuộc gặp gỡ vẫn còn giữ nguyên trong lòng tác giả, vui tươi, ấm áp, (cháu đi đường cháu, chú lên đường ra) thì bỗng nhiên có tin Lượm hi sinh. Lời thơ trải ra như lời tâm sự của tác giả về chuyến đi liên lạc cuối cùng của Lượm. "Một hôm nào đó. Như bao hôm nào". Chỉ bằng một, hai câu thơ cũng cho chúng ta thấy công việc thường ngày mà Lượm phải đảm nhận. Như một chiến sĩ thực thụ, em băng qua chiến trường đầy nguy hiểm, gian khổ, thậm chí cả hi sinh, chết chóc (đạn bay vèo vèo) để hoàn thành nhiệm vụ, góp phần công sức của mình cho cách mạng. Nhà thơ rất khéo léo khi trong một khổ thơ sử dụng ba tính từ (vụt, vèo vèo, thượng khẩn) để tạo nên không khí khẩn trương cũng như hiểm nguy của cuộc chiến đấu. Song qua đó lại toát lên dáng vẻ nhanh nhẹn, quả cảm của chú bé liên lạc (sợ chi hiểm nghèo). Ở đoạn thơ trên, Lượm hồn nhiên, vô tư, trẻ con là thế; nhưng đến đoạn thơ này em đã trở thành một chiến sĩ thực sự, chiến đấu vô cùng anh dũng, quả cảm, gan dạ. Đoạn thơ đang trải ra mênh mang với hình ảnh và cảnh đồng quê vắng vẻ, lúa trổ đòng đòng, thì "bỗng" chững lại, nghẹn ngào:

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!

Quả thật, người chú không ngờ rằng cuộc gặp gỡ và chia tay giữa hai chú cháu ở Huế lại là cuộc gặp gỡ lần cuối cùng, rồi chia tay mãi mãi. Lượm đã hi sinh anh dũng ngay trong cuộc chiến đấu. Theo lôgíc thì người ta sẽ bắt gặp những câu thơ ảm đạm, đau buồn, nhưng không, vẫn là vẻ đẹp ấy hồn nhiên đáng yêu ngay cả trong sự hi sinh:

Cháu nằm trên lúa

Tay nắm chặt bông...

Một khung cảnh quê hương giữa chiến tranh, bom đạn, máu lửa mà đẹp đẽ, thân thương biết bao. Cánh đồng lúa như lòng nôi, dang rộng, ấp ôm lấy hình ảnh một chiến sĩ nhỏ. Lượm đã ngã xuống giữa mùa lúa trổ đòng đòng, hương lúa, hồn của quê hương như lan tỏa quấn quyện lấy hồn em. Em hi sinh mà tay vẫn nắm chặt bông như lời thề gắn bó của một chiến sĩ đã ngã xuống vì quê hương, đất nước. Hình ảnh của Lượm trong khổ thơ này vừa thiêng liêng vừa gần gũi, giản dị, vừa đau xót vừa thấy tự hào. Không có lòng yêu mến, xót thương, cảm phục sâu sắc đối với chú bé liên lạc, nhà thơ không thể miêu tả một cái chết đẹp đẽ và lãng mạn đến thế.

Trong đoạn thơ có một khổ được cấu tạo đặc biệt.

Ra thế

Lượm ơi!...

Các khổ thơ khác trong bài thường được viết thành bốn câu, mỗi câu bốn chữ. Nhưng đến đây một câu thơ bị bẻ làm đôi và đứng một mình thành một khổ. Câu thơ tạo cho người đọc có cảm giác đó như một tiếng nấc, một sự sửng sốt đến nghẹn ngào. Câu thơ là tiếng gọi đến nghẹn lòng. Người chú như không tin vào sự thật mà mình nghe thấy: Lượm đã hi sinh. Đây là một sáng tạo nghệ thuật hết sức độc đáo của tác giả, nhưng nó cũng chính là dòng cảm xúc của nhà thơ trải lòng mình ra kể cho người đọc câu chuyện về Lượm - một cậu bé anh hùng.

c. Mở rộng kiến thức

Sự hi sinh của Lượm được Tố Hữu miêu tả đẹp đẽ và lãng mạn. Đó là cái chết của những thiên thần nhỏ bé như cái chết của chú bé Ga-vơ-rốt trên chiến lũy Pari trong tác phẩm *Những người khốn khổ* của Víctо Huygô. Và Lượm, cũng như Ga-vơ-rốt, những thiên thần bé nhỏ ấy đã bay đi, để lại bao tiếc thương cho nhiều thế hệ độc giả.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 76.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời được câu hỏi này chúng ta phải đọc lại toàn bài một lần nữa và chọn lọc ra những từ mà người kể sử dụng để xưng hô với

Lượm. Chú ý sự thay đổi đó diễn ra như thế nào? Ở thời điểm nào? Từ đó có thể thấy được thái độ, tình cảm mà người kể dành cho nhân vật.

b. Gợi ý trả lời

Ngay từ đầu bài thơ, hình ảnh Lượm hiện lên qua lời kể rất trìu mến, thân thương của người "chú":

Tình cờ chú, cháu

Gặp nhau Hàng Bè

Đó là mối quan hệ ruột thịt, thứ bậc trong gia đình. Trong thơ Tố Hữu, không ít lần ông sử dụng những cách xưng hô, mối quan hệ ruột thịt dành cho những người dù chỉ là quen biết nhưng rất nặng nghĩa tình: mẹ Tơm, mẹ Suốt, hay tự nhận mình là "*con của vạn nhà, là em của vạn kiếp phôi pha*".

Nhưng đến khi thực sự chứng kiến tinh thần quả cảm, gan dạ của em trong chiến đấu và cái chết anh dũng của Lượm, người chú đã không thể kìm nén được tình cảm trân trọng của mình và bật lên thành hai tiếng "*đồng chí*". Hai tiếng ấy tuy giản dị nhưng vô cùng thiêng liêng đối với những chiến sĩ cùng chung lý tưởng, cùng đồng cam, cộng khổ bên nhau. Với cách xưng hô này, người kể đã nâng hình ảnh của một chú bé hồn nhiên, ngây thơ trở thành một anh hùng. Em đã ngã xuống khi tuổi đời còn quá nhỏ nhưng em đã trở thành một chiến sĩ, biết chiến đấu và hi sinh cho quê hương mình. Chính vì vậy, sự thay đổi cách xưng hô của người kể đối với Lượm, không đơn giản chỉ là mối quan hệ mà chính là dòng cảm xúc. Và không chỉ dừng lại ở sự yêu thương, trìu mến đối với một chú bé hồn nhiên trong sáng mà cao hơn chính là sự cảm phục, trân trọng với một chiến sĩ quả cảm, gan dạ, một người "*đồng chí*".

5. Câu hỏi 5 SGK trang 76

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này cần đọc lại tác phẩm từ đoạn "Một hôm nào đó..." đến hết để thấy được vị trí của câu thơ này trong bố cục của cả bài thơ và trong mạch cảm xúc của tác giả. Khi đọc chú ý suy nghĩ theo hướng: tại sao lại đặt câu thơ này sang một đoạn khác và sau đó lại là hình ảnh vui tươi, nhí nhảnh của Lượm ở đầu bài thơ.

Về hình thức, câu thơ là một câu hỏi. Nhưng nó là câu hỏi tu từ. Các em làm quen với kiến thức về câu hỏi tu từ để hiểu ý nghĩa biểu cảm của câu thơ. Câu hỏi tu từ là một dạng câu hỏi (có các từ để hỏi, có dấu chấm hỏi đặt ở cuối câu) nhưng vai trò của nó không phải để hỏi mà để khẳng định. Mục đích của câu hỏi tu từ không phải là mong muốn người khác trả lời, mà nhiều khi người hỏi không cần câu trả lời hay tự trả lời cho mình. Những câu hỏi như thế thường có ý nghĩa biểu cảm rất cao, đặc biệt trong việc miêu tả các tình huống diễn ra đột ngột, khiến cho nhân vật cảm thấy thảng thốt, bất ngờ.

b. Gợi ý trả lời

Câu thơ là dụng ý nghệ thuật tinh tế của tác giả. Nó chỉ đơn giản là một câu hỏi, một lời gọi thiết tha và ngắt riêng thành một khổ.

Ở đoạn trên người chú đã chứng kiến sự hi sinh của Lượm. Nhưng đến đây vì sao người chú lại đặt một câu hỏi "*Lượm ơi còn không?*", mới nghe có vẻ vô lí, thiếu lôgíc. Nhưng không... Đó chính là sự thảng thốt, nghẹn ngào đến tột độ, đến mức không còn tin vào sự thật mà chính mình chứng kiến. Hỏi để rồi khẳng định, tự trả lời. Và nhà thơ đã tự trả lời cho mình bằng hai khổ thơ cuối bài. Về hình thức nó là sự láy lại nguyên vẹn hai khổ thơ ở đoạn đầu, nhưng ý nghĩa không còn là sự miêu tả nữa. Tác giả tự hỏi *Lượm ơi còn không*? và câu trả lời là Lượm vẫn còn mãi mãi với quê hương, với non sông. Vẫn còn nguyên đó hình ảnh chú bé *"loắt choắt"*, vẫn công việc liên lạc thường ngày. Tâm hồn tác giả như lắng dịu lại, sau tiếng sét bất ngờ tin Lượm hi sinh. Và bài thơ hết, nhưng ý thơ chưa kết thúc, như vẫn còn vang mãi trong lòng người đọc. Lượm vẫn còn sống mãi trong lòng chúng ta như bài ca bất diệt về một tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng đã hiến dâng đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Dưới đây là bài viết của Nguyễn Văn Hạnh trích trong cuốn *Thơ Tố Hữu - Tiếng nói đồng ý - đồng tình - đồng chí*, các em có thể tham khảo để bổ sung cho bài phân tích của mình:

"Lượm không chỉ là một em bé mà là một chú bộ đội nhỏ, em là hình ảnh đầy sức sống của cách mạng. Màu sắc, âm thanh cứ quấn quýt, nhảy nhót, kích thích sự tưởng tượng:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh...

Ở em bé, cách mạng đã hoà làm một với sự sống trong cái dạng hồn nhiên nhất của nó. Em bị chết một cách đột ngột. Nhà thơ muốn lướt nhanh qua sự đau xót. Anh miêu tả em bé chết như một thiên thần yên nghỉ:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Hình như thế vẫn còn có gì quá thật. Cuối bài thơ anh trở lại hình ảnh bay nhảy ríu rít "Chú bé loắt choắt..."

Nghệ thuật miêu tả đặc sắc trong bài thơ kết hợp với nghệ thuật kể chuyện, đối thoại và biểu hiện rất khéo làm cho bài thơ vừa đậm nét tạo hình vừa giàu nhạc tính, có sức ngân vang đặc biệt".

MƯA

Trần Đăng Khoa

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Trần Đăng Khoa sinh ngày 26 tháng 4 năm 1958 tại thôn Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Thanh, Hải Dương. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1977). Trần Đăng Khoa nổi tiếng "thần đồng" thơ từ khi mới 7, 8 tuổi. Tập thơ Từ góc sân nhà em *in ở Nhà xuất bản Kim Đồng khi tác giả mới tròn 10 tuổi.*

Tác phẩm đã xuất bản: Từ góc sân nhà em (thơ); Góc sân và khoảng trời (thơ)..., Khúc hát người anh hùng (trường ca, 1979), Trường ca trừng phạt, Thơ *(thơ)... và nhiều tập khác được dịch in ở nước ngoài.*

Bài thơ Mưa *được sáng tác năm 1967 khi Trần Đăng Khoa mới 9 tuổi, được in trong tập thơ* Góc sân và khoảng trời.

Nhà thơ nói về mình: "Đối với Trần Đăng Khoa, thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Suốt đời, y luôn có ý thức vươn tới loại thơ đó".

1. Câu hỏi 1 SGK trang 80

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kỹ toàn bộ bài thơ và chú thích của sách giáo khoa để biết được thông tin về tác giả, bối cảnh ra đời bài thơ. Khi đọc cần chú ý đến những từ chỉ mức độ, tính chất của cơn mưa. Nên liên hệ với kiến thức thực tế, với cơn mưa mình đã từng chứng kiến, khi đó sẽ nhận ra nét đặc trưng của từng vùng.

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ được sáng tác khi nhà thơ mới chín tuổi, còn là một cậu bé. Chính vì vậy, tác phẩm sẽ là những gì mà "cậu bé - nhà thơ" đó quan sát được từ cuộc sống xung quanh mình. Nhà thơ sinh ra và lớn lên ở vùng quê hương đồng bằng Bắc Bộ. Các chi tiết miêu tả cơn mưa trong bài cho ta biết tác giả đang tả về một cơn mưa rào ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, kèm với mưa có dông, sấm, chớp, gió mạnh.

Bài thơ tả cơn mưa qua hai giai đoạn trước và trong cơn mưa. Căn cứ vào đó, chúng ta có thể chia bài thơ thành ba đoạn:

Đoạn 1: “Sắp mưa... Ngọn mùng tơi / Nhảy múa”. Đó là đoạn miêu tả khung cảnh sắp mưa.

Đoạn 2: Tiếp theo đến “Cây lá hả hê”. Quang cảnh trong cơn mưa.

Đoạn 3: Bốn câu thơ còn lại: hình ảnh người nông dân trong cơn mưa.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 80

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Nhìn lại văn bản và chú ý đến các dấu hiệu ngữ pháp: số từ trong một câu, cách xuống dòng, dùng dấu câu (chấm, phẩy). Cố gắng đọc một đoạn thơ nào đó đúng theo nhịp mà tác giả tạo ra sẽ thấy ngay

âm điệu của bài thơ. Thử đặt câu hỏi nếu như bài thơ được viết bằng một thể thơ khác (ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát...) thì hiệu quả miêu tả của nó có bằng sử dụng thể thơ cũ không?

b. Gợi ý trả lời

Dễ dàng nhận thấy bài thơ được làm theo thể thơ tự do, với những câu dài ngắn khác nhau. Phần lớn trong bài, một dòng thơ chỉ gồm hai tiếng, đặc biệt có tới mười dòng chỉ có một tiếng (*nghe / chớp / sấm / cười...*). Cách ngắt nhịp của tác giả cũng hết sức linh hoạt 1, 2, 3, 4, chủ yếu nhất là nhịp 2. Cách gieo vần cũng không tuân theo một quy định nào cả.

Việc sử dụng thể thơ tự do đã tạo thuận lợi cho nhà thơ có thể diễn tả một cách tự do, phóng túng những quan sát của mình về con người, cảnh vật. Hơn nữa nhịp điệu thơ ngắn gọn, xuống dòng liên tiếp như thế mới lột tả chân thực, sinh động về một cơn mưa mùa hạ nhanh, dữ dội, dồn dập. Người đọc có cảm giác như nhà thơ đang quan sát, đang ghi lại một cách chân thực quang cảnh về một cơn mưa chứ không phải đang làm một bài thơ. Nhưng chất thơ lại bay lên từ chính quan sát tinh tế và miêu tả chân thực ấy.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 80

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc bài thơ và tìm hiểu xem đoạn miêu tả về các loài vật, thiên nhiên trước và trong cơn mưa có vị trí như thế nào trong bài thơ? Tác giả đã miêu tả về những cái gì? Nhiều chi tiết hay chỉ miêu tả cụ thể một vài chi tiết. Các từ để sử dụng với từng sự vật, loài vật có giống nhau, trùng lặp không hay phong phú đa dạng?

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ không chỉ tả trực tiếp cơn mưa với sấm, chớp, gió giật, nước mưa... mà còn tập trung miêu tả hoạt động và trạng thái của loài vật, cây cối thiên nhiên trước và trong cơn mưa. Tác giả đã khéo léo lựa chọn những chi tiết cụ thể, đặc sắc nhất để miêu tả. Tất cả cảnh vật như đang hiện lên cụ thể, sống động như một thước phim. Trước và trong cơn mưa, mỗi loài vật, cây cối... có sự phản ứng khác nhau.

Mối trẻ

Bay cao

Mối già bay thấp

Gà con

Rối rít tìm nơi

Ẩn nấp

Kiến

Hành quân

Đầy đường.

Cây cỏ cũng mỗi loài một vẻ:

Muôn nghìn cây mía / Múa gươm

Cỏ gà rung tai / Nghe

Bụi tre / Tần ngần / Gỡ tóc...

...Sấm... khanh khách... cười.

Còn trong cơn mưa:

Mưa / Ù ù như xay lúa

Cóc nhảy chồm chồm...

Chó sủa

Cây lá hả hê...

Ngay khi tác giả chỉ tả tiếng mưa cũng sử dụng nhiều từ khác nhau với những trạng thái hết sức đa dạng, lúc thì *"ù ù như xay lúa"*, lúc lại *"lộp bộp, lộp bộp";* và chỉ một lúc sau đã *"chéo mặt sân, đất trời mù trắng nước"*.

Những động từ: *hành quân, múa, rung tai, nghe, đu đưa...*, những tính từ: *rối rít, tròn trọc lốc, mù trắng, chéo, chồm chồm, hả hê* đã được sử dụng rất phong phú, phù hợp với từng sự vật, góp phần miêu tả cảnh vật một cách hết sức sinh động, chân thực.

Phép nhân hóa được nhà thơ sử dụng vô cùng phổ biến trong suốt bài thơ. Đây là nét đặc sắc, nổi bật trong nghệ thuật miêu tả của bài

thơ khiến cho bức tranh mưa hiện lên sống động như thực, người đọc có thể thấy và cảm nhận một cách cụ thể về cơn mưa. Tất cả các sự vật, loài vật trong bài thơ đều được nhân hóa. Trong đó có một số hình ảnh rất thú vị: Cỏ gà rung tai / nghe; Bụi tre / tần ngần / gỡ tóc; Hàng bưởi / đu đưa / bế lũ con / đầu tròn / trọc lốc...

Những cây cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi gần gũi, bình thường hàng ngày không có gì đặc sắc mà trong cơn mưa tác giả lại thấy chúng hết sức có hồn, đáng yêu. Những quả bưởi cũng trở thành *"lũ con/đầu tròn/trọc lốc"* đang nằm trong vòng tay đu đưa của người mẹ.

Phép nhân hóa này làm cho cả thế giới cây cỏ, thiên nhiên hoạt động sinh động, đa dạng như thế giới con người. Thiên nhiên như đang vào trận chiến: ông trời mặc áo giáp đen, mía múa gươm, kiến hành quân nhưng lại vẫn có những hoạt động hết sức bình dị: gỡ tóc, bơi, nhảy múa, bế con...

Phép nhân hoá được sử dụng thành công là nhờ sự quan sát tinh tế của tác giả, kết hợp với sự liên tưởng phong phú. Nhân hoá được sử dụng nhiều, nhưng không có sự lặp lại, mà vẫn có những nét độc đáo, phong phú.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 80

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kỹ bốn câu thơ cuối bài miêu tả hình ảnh con người trong cơn mưa. Chú ý cách miêu tả thiên nhiên và con người của tác giả có gì giống và khác nhau. Số lượng các câu thơ miêu tả về cảnh vật và con người có cân xứng không? Tại sao lại như thế?

b. Gợi ý trả lời

Bài thơ gồm 63 dòng, nhưng có tới 59 dòng tả cảnh thiên nhiên, tác giả chỉ dành có 4 dòng cuối để tả con người. Dù rất ngắn, song hình ảnh con người hiện lên rất đẹp đẽ trong cơn mưa. Ở đây tác giả miêu tả về một ông bố nông dân hết sức bình dị trở về nhà trong cơn mưa dữ dội. Nhưng trong cái nhìn của một cậu bé chín tuổi, hình ảnh đó trở nên lớn lao, khác thường. Tác giả đã dùng tới ba câu thơ, đều có từ "đội" đặt ở đầu câu: Đội sấm / Đội chớp / Đội cả trời mưa.

Với những động từ đó hình ảnh người nông dân có tầm vóc lớn lao, tư thế vững vàng, hiên ngang như là một vị thần đội trời, đạp đất có sức mạnh có thể sánh ngang với thiên nhiên. Và khung cảnh cơn mưa được tác giả miêu tả ở những câu thơ trên càng mạnh mẽ, dữ dội càng tô đậm vẻ đẹp, tầm vóc của con người ở khổ thơ này.

c. Mở rộng kiến thức

Đọc đoạn văn trích trong "Tự truyện" của Tô Hoài trong sách giáo khoa, lớp 6, tập II, trang 81 để so sánh với cách miêu tả của tác giả.

HOÁN DỤ

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được:

- Khái niệm hoán dụ;

- Các kiểu hoán dụ.

- Tác dụng của hoán dụ;

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Hoán dụ là gì?

Hoán dụ là:

- Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó;

- Nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Trong giao tiếp hàng ngày, hoán dụ là biện pháp được sử dụng thường xuyên và phổ biến nhất. Nguyên tắc của hoán dụ là lâm thời chuyển đổi tên gọi, trong đó "sự vật được nói tới" phải không xuất hiện trên văn bản.

Ví dụ:

Mười lăm năm ấy, ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa

(Tố Hữu)

Trong ví dụ trên, *quê hương cách mạng* là một hoán dụ. Ở đây, được dùng để gọi khu căn cứ địa Việt Bắc – nơi Đảng và Bác lãnh đạo cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp của dân tộc.

1. ***Áo nâu** liền với **áo xanh***

***Nông thôn** cùng với **thị thành** đứng lên.*

Các từ ngữ: *áo nâu, áo xanh, nông thôn, thành thị* trong câu thơ trên chỉ:

+ *Áo nâu, nông thôn* → chỉ người nông dân.

+ *Áo xanh, thị thành* → chỉ người công nhân, nhân dân ở thành phố.

2. Giữa *áo nâu, áo xanh, thị thành, nông thôn* với sự vật được chỉ có mối quan hệ:

+ *Nông thôn*: địa bàn bàn mà người nông dân tập trung để sinh sống, công việc chủ yếu của người nông dân là làm nghề nông.

Áo nâu: màu áo đại diện của người nông dân.

Thành thị: địa bàn mà người công nhân tập trung sinh sống và hoạt động chủ yếu trong các ngành công nghiệp.

Áo xanh: màu áo đại diện của giai cấp công nhân.

3. Tác dụng của cách diễn đạt trên: làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, làm cho câu thơ mềm mại hơn.

II. Các kiểu hoán dụ

Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:

- *Lấy một bộ phận để gọi toàn thể.*

Ví dụ: *Mấy **cánh bướm** rập rờn bay trước gió*

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

(Anh Thơ)

Ở ví dụ này, *cánh bướm* (bộ phận) được dùng để gọi thay cho bướm (toàn thể).

***Đầu xanh** đã tội tình gì*

***Má hồng** đến quá nửa thì chưa thôi.*

(Nguyễn Du)

Ở ví dụ này, *đầu xanh* (bộ phận của cơ thể) được dùng để chỉ những người ở độ tuổi trẻ trung, mới bước vào đời (toàn thể). Còn *má hồng* (bộ phận của cơ thể) biểu thị người đàn bà sống kiếp lầu xanh (toàn thể).

- *Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng*

Ví dụ:

Mình về với Bác đường xuôi

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.

(Tố Hữu)

Ở ví dụ này, *Việt Bắc* (vật chứa đựng) được dùng để gọi thay cho người Việt Bắc, nhân dân Việt Bắc (vật bị chứa đựng).

- *Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật*

Ví dụ:

*Những tháng năm nhớ **vành mũ tai bèo***

Đời chinh chiến một thời trong trẻo quá.

(Thụy Văn)

Ở ví dụ này, *vành mũ tai bèo* (dấu hiệu của cuộc kháng chiến): được dùng để nói về thời kì kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta (cuộc kháng chiến).

- *Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.*

Ví dụ:

Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ
Bắp chân, đầu gối vẫn săn gân.

(Tố Hữu)

Ở ví dụ này, *bắp chân, đầu gối vẫn săn gân* (cái cụ thể): được dùng để gọi thay cho tinh thần kháng chiến vững vàng, dẻo dai (cái trừu tượng).

1. Các từ ngữ in đậm trong các ví dụ dẫn ở SGK trang 83.

a. ***Bàn tay ta*** *làm nên tất cả*
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông)

Bàn tay ta (bộ phận) được dùng để gọi thay cho con người (toàn thể).

b. ***Một cây*** *làm chẳng lên non*
Ba cây *chụm lại nên hòn núi cao.*

(Ca dao)

Trong câu ca dao trên, *một* và *ba* (cái cụ thể) được dùng để gọi thay cho số ít và số nhiều (cái trừu tượng).

c. *Ngày Huế* ***đổ máu***
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

(Tố Hữu)

Trong khổ thơ trên, *đổ máu* (dấu hiệu của cuộc kháng chiến) được dùng để chỉ cuộc kháng chiến.

2. - Giữa *bàn tay* với sự vật mà nó biểu thị ở ví dụ a có quan hệ bộ phận (bàn tay) với cái toàn thể (con người).

- Giữa *một* và *ba* với số lượng mà nó biểu thị ở ví dụ b có quan hệ giữa cái cụ thể (một, ba) với cái trừu tượng (số ít, số nhiều).

- Giữa *đổ máu* với hiện tượng mà nó biểu thị ở ví dụ c có quan hệ giữa dấu hiệu của sự vật (đổ máu) với sự vật (hiện tượng chiến tranh).

3. Từ những ví dụ đã phân tích ở phần I và phần II, một số kiểu quan hệ thường được sử dụng để tạo ra phép hoán dụ:

- Quan hệ bộ phận (B) với toàn thể (A);

- Quan hệ vật chứa đựng (B) và vật bị chứa đựng (A);

- Quan hệ giữa dấu hiệu của sự vật (B) và sự vật (A);

- Quan hệ giữa cái cụ thể (B) và cái trừu tượng (A).

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Chỉ ra phép hoán dụ trong những dẫn chứng ở SGK trang 84.

- Xác định mối quan hệ giữa các sự vật trong mỗi phép hoán dụ.

a. Hai câu văn của Hồ Chí Minh, sử dụng phép hoán dụ *làng xóm ta.* để chỉ những người nông dân.

Đây là kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng:

+ Gọi tên vật chứa đựng *làng xóm ta*.

+ Thay cho vật bị chứa đựng: những người dân sống trong làng xóm.

b. Hai câu của Hồ Chí Minh, sử dụng hai hoán dụ: *mười năm, trăm năm* và *trồng người:*

Phép hoán dụ: *mười năm, trăm năm* để chỉ con số không xác định (nhiều năm). Đây là kiểu hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng:

+ Gọi tên cái cụ thể: *mười năm, trăm năm.*

+ Thay cho cái trừu tượng: con số không xác định (nhiều năm).

Phép hoán dụ *trồng người* để chỉ việc nuôi dưỡng, đào tạo con người trở thành người có ích cho xã hội. Đây là kiểu hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng:

+ Gọi tên cái cụ thể: *trồng người.*

+ Thay cho cái trừu tượng: việc nuôi dưỡng, đào tạo con người trở thành người có ích cho xã hội.

c. Câu thơ của Tố Hữu sử dụng phép hoán dụ là *áo chàm*. Tác giả đã dùng hình ảnh *áo chàm* để chỉ đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Bắc. Đây là kiểu hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật:

+ Gọi tên dấu hiệu của sự vật: *áo chàm.*

+ Thay cho sự vật: đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc.

d. Câu thơ của Tố Hữu sử dụng phép hoán dụ *Trái Đất*. Tác giả đã dùng hình ảnh *Trái Đất* để chỉ toàn nhân loại. Đây là kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng:

+ Gọi tên vật chứa đựng: Trái Đất.

+ Thay cho vật bị chứa đựng: nhân loại.

2. Bài tập này yêu cầu các em phân biệt sự giống và khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ và cho ví dụ.

Trước hết, các em phải hiểu ẩn dụ và hoán dụ:

- Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ẩn dụ và hoán dụ có điểm giống và khác nhau:

- Giống nhau: đều là sự chuyển đổi cách gọi tên: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác tức là gọi B để thấy A, gọi B mà hiểu là nói đến A.

Ví dụ:

Ẩn dụ: *Có được trái cây thơm ta biết quý cả mùa lành.*

(Chế Lan Viên)

Ẩn dụ tu từ *trái* (B) là thành quả của một giai đoạn vừa mới trải qua (A). Từ kết quả của thế giới thực vật, đi đến kết quả trong cuộc sống, nhà thơ đứng vững trên một cơ sở chung gắn bó hai đối tượng, đó là quá trình phát sinh phát triển phức tạp, gian khổ, là cuộc đấu tranh để sinh tồn.

Hoán dụ:

***Mồ hôi** mà đổ xuống đồng*
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương

(Ca dao)

Hoán dụ tu từ *mồ hôi* (B) ở đây biểu thị lao động căng thẳng vất vả (A).

- Khác nhau:

+ Ẩn dụ là cách chuyển đổi tên gọi dựa trên sự tương đồng, giống nhau nào đó giữa A và B, nhưng sự tương đồng đó không phải là hiển nhiên mà phải có sự tìm tòi, phát hiện mới thấy.

Ví dụ: *Vạt áo của triệu nhà nhà thơ không bọc hết **bạc vàng** mà đời rơi vãi.*

(Chế Lan Viên)

Ẩn dụ tu từ *bạc vàng* (B) ở đây được hiểu là sự quý giá trong cuộc sống (A).

+ Hoán dụ là sự chuyển đổi tên gọi không phải dựa trên sự tương đồng giữa A và B mà dựa trên mối quan hệ gần gũi, hiển nhiên, dễ thấy giữa A và B.

Ví dụ: *Nhận của quá khứ những con* ***đê vỡ****, những* ***nạn đói****, ta đã làm nên các* ***mùa vàng năm tấn, bảy tấn****.*

(Chế Lan Viên)

Hoán dụ tu từ *đê vỡ, nạn đói* (cụ thể) (B) biểu thị sự bị tàn phá, kiệt quệ (trừu tượng) (A). Còn *mùa vàng năm tấn, bảy tấn* (cụ thể) (B) biểu thị cuộc sống mới ấm no (trừu tượng) (A).

Các em có thể thấy sự khác biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ qua bảng so sánh sau:

Ẩn dụ	*Hoán dụ*
Có nét tương đồng về các mặt: - Hình thức; - Cách thức thực hiện; - Phẩm chất; - Cảm giác.	Có quan hệ mật thiết về các mặt: - Bộ phận – toàn thể; - Vật chứa đựng – vật bị chứa đựng; - Dấu hiệu của sự vật – sự vật; - Cụ thể – trừu tượng.

Bài 25

CÔ TÔ

Nguyễn Tuân

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Nguyễn Tuân (1910 – 1987) quê ở làng Mọc, thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục (nay là Nhân Chính), quận Thanh Xuân, Hà Nội. Từ những năm 1930, ông bắt đầu viết văn, làm báo. Năm 1957, ông là một trong những hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam.

"...Với gần 50 năm hoạt động văn học liên tục, Nguyễn Tuân có một vị trí đáng kể trong đời sống văn học Việt Nam hiện đại. Từ một cây bút tiêu biểu của văn xuôi lãng mạn tiểu tư sản, thời kì cuối cùng (1939 – 1945), nhà văn đã đến với cách mạng, tự nguyện dùng ngòi bút tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân, dân tộc (...) Với phong cách nghệ thuật độc đáo, trình độ sử dụng tiếng Việt điêu luyện, nhất là với sở trường về thể loại tuỳ bút, Nguyễn Tuân có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển văn xuôi Quốc ngữ Việt Nam hiện đại" (Trích Từ điển văn học, *tập II, NXB Khoa học xã hội, H.1984, trang 93).*

Những tác phẩm tiêu biểu: "Ngọn đèn dầu lạ" (phóng sự, 1939); "Vang bóng một thời" (truyện ngắn, 1940); "Tóc chị Hoài" (tuỳ bút, 1943); "Đường vui" (tuỳ bút, 1949); "Tình chiến dịch" (bút kí, 1950); "Chú Giao làng Seo" (truyện thiếu nhi, 1953); "Sông Đà" (tuỳ bút, 1960); "Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi" (tuỳ bút, 1972); "Ký" (1976)...

Ngoài ra, Nguyễn Tuân còn viết tiểu luận phê bình văn học và dịch giới thiệu văn học nước ngoài.

Năm 1996, Nguyễn Tuân đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – nghệ thuật.

Bài văn Cô Tô được trích trong bài kí "Cô Tô", tác phẩm được nhà văn sáng tác sau một chuyến ra thăm đảo, khá tiêu biểu cho phong cách của ông.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 91.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại toàn văn bản, xem kĩ các chú thích trong SGK.

Để xác định bố cục của đoạn văn, trước hết phải tìm ra mối liên kết chung trong nội dung văn bản: nhà văn viết về những gì? Giữa những đối tượng ấy có điểm gì chung, có liên quan đến nhau. Mỗi một đoạn văn bản bao giờ cũng tập trung vào một ý chính, xuyên suốt.

Ngoài ra, những dấu hiệu ngữ pháp (dấu chấm xuống dòng...) cũng là một phương tiện trợ giúp để tìm ra bố cục của bài văn.

b. Gợi ý trả lời

Bài *Cô Tô* có thể được chia làm ba đoạn. Đoạn đầu tiên, từ "Ngày thứ năm" đến "mùa sóng ở đây", miêu tả toàn cảnh Cô Tô sau cơn bão. Đoạn tiếp theo "Mặt trời... nhịp cánh" vẽ lên cảnh mặt trời mọc trên biển. Phần còn lại, nhà văn tái hiện bức tranh sinh hoạt nhộn nhịp, yên bình của ngư dân quanh giếng nước ngọt đảo Thanh Luân.

Ba đoạn văn có thể coi là ba bức tranh đẹp, sinh động và tươi sáng. Cũng có thể coi đây chỉ là một bức tranh được nhìn từ ba góc độ, đó là cảnh sắc và cuộc sống nơi hòn đảo Cô Tô. Dưới con mắt tinh tế và ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, sự vật, con người nơi đây hiện lên thật đẹp và đầy sức sống.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 91

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Yêu cầu đọc kỹ đoạn đầu tiên: "Ngày thứ năm ... mùa sóng ở đây". Tìm ra hệ thống tính từ miêu tả. Chú ý giọng điệu và cách dùng từ độc đáo của Nguyễn Tuân.

b. Gợi ý trả lời

Khung cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão được miêu tả có một vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi và đầy sức sống.

Nét tươi tắn ấy toát lên từ hàng loạt hình ảnh: cây cối xanh mượt, nước biển lam biếc, cát vàng giòn, mẻ cá nặng lưới... Những tính từ chỉ màu sắc và ánh sáng: *trong trẻo, sáng sủa, xanh mượt, lam biếc,*

vàng giòn được đặt san sát nhau (có câu văn có tới ba từ) gợi lên một bức tranh tươi sáng, đặc sắc. Bên cạnh đó là cấu trúc nhấn mạnh liên tiếp: thêm, hơn, hơn nữa... Những yếu tố đó làm giọng điệu câu văn trở nên sôi nổi, hào hứng. Chính cảm giác phấn hứng của tác giả ẩn giấu trong giọng điệu câu văn là bằng chứng thuyết phục nhất khẳng định vẻ đẹp của đảo Cô Tô vào một buổi sáng sau cơn bão.

Vẻ đẹp ấy được quan sát từ điểm nhìn trên cao (nóc đồn), vì thế mà được bao quát, toàn diện; được nhìn bằng con mắt háo hức, say mê, yêu mến của nhà văn, vì thế mà tươi tắn, sinh động. Vẻ đẹp ấy không hoang dã mà gắn liền với cuộc sống con người, đẹp thêm nhờ sự có mặt của con người (từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô tô cũng trong sáng như vậy).

3. Câu hỏi 3 SGK trang 91

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Chú ý đọc kỹ đoạn "Mặt trời ... nhịp cánh".

Sau khi tìm những từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng, thử liên hệ so sánh với những nhà văn khác khi tả cảnh bình minh để nhận xét về sự độc đáo, tài hoa của nhà văn.

b. Gợi ý trả lời

Đoạn tả cảnh mặt trời mọc trên biển thực sự là một bức tranh hùng vĩ, giàu chất thơ. Nhà văn đã dùng những từ ngữ tả hình dáng: "*tròn trĩnh*", "*đầy đặn*", kết hợp với những từ miêu tả sự chuyển động: "*nhú lên*", "*đặt lên*", "*tiến ra*", "*chao đi chao lại*", "*là là nhịp cánh*"... và đặc biệt là những từ chỉ màu sắc: "*hồng đào thăm thẳm*", "*ửng hồng*"; "*màu ngọc trai*", "*chất bạc nén*"... Bức tranh của đảo Cô Tô sáng trong, rạng ngời do tác giả rất tài tình trong việc sử dụng những gam màu sáng: hồng, trắng dịu (màu ngọc trai), trắng bạc (bạc nén). Sự kết hợp ấy khiến bức tranh phong cảnh vừa rực rỡ vừa sống động.

Trong đoạn này, Nguyễn Tuân đã sử dụng rất đắc địa biện pháp so sánh: "*Chân trời ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi*"; mặt trời như "*quả trứng hồng đào thăm thẳm và đường bệ*"; chân trời thì như "*một mâm bạc*"... Những hình ảnh liên tưởng của ông rất độc

đáo, chưa từng gặp trong bất cứ một tác phẩm nào trước đó. Bằng sự tài hoa, sáng tạo, Nguyễn Tuân đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên vừa hùng vĩ, kỳ bí, lớn lao, vừa gần gũi, thân thuộc như thể cầm nắm được, thậm chí là "ăn" được (mâm lễ phẩm).

Thêm vào đó, thiên nhiên không chỉ gần gũi với con người mà còn có mối giao cảm khăng khít với con người (mừng cho sự trường thọ của con người). Với chi tiết này, sự lớn lao của thiên nhiên trở thành chiếc đòn bẩy tôn cao vai trò, sức mạnh và vẻ đẹp của những người dân chài lưới đảo Cô Tô.

c. Mở rộng kiến thức

Cũng tả cảnh mặt trời trên biển (nhưng vào lúc hoàng hôn), Huy Cận viết trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa

Đây cũng là một liên tưởng đẹp nhưng qua cách so sánh này, thiên nhiên hiện lên lớn lao, kì vĩ nhưng trừu tượng và có phần kì bí.

Cảnh mặt trời mọc trên vùng núi được tái hiện trong bài *Chợ Tết* của Đoàn Văn Cừ:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh.
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
(...)
Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa.
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

4. Câu hỏi 4 SG trang 91

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Tìm các hình ảnh chi tiết tả cảnh sinh hoạt, lao động trong đoạn "Khi mặt trời ... lũ con lành". Chú ý những hình ảnh giàu ý nghĩa và một hình tượng được tả cận cảnh là anh hùng Châu Hoà Mãn.

b. Gợi ý trả lời

Cảnh sinh hoạt, lao động trên đảo Cô Tô được đặc tả trong một khoảng không gian khá nhỏ: quanh một cái giếng nước ngọt, bãi đá với một số hình ảnh tiêu biểu, chọn lọc: "*không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc*"; "*những cong những ang gốm màu da lươn*"; "*bao nhiêu là thuyền (...) đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào*"; "*thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về*"... Nổi bật trên cái nền cảnh tấp nập, nhộn nhịp ấy là hình ảnh anh hùng Châu Hoà Mãn năng nổ, khỏe khoắn, giản dị và hình ảnh người vợ địu con, hiện thân của một cuộc sống thanh bình: "*thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành*". Hai hình ảnh này là hai nét chấm phá vừa đối lập nhau vừa bổ sung cho nhau – Một bên là những người đánh cá khơi xa mạnh mẽ, một bên là những người vợ dịu dàng, chịu thương, chịu khó ở nhà chăm con, vun vén gia đình... Đó là hai mặt, hai nét quen thuộc của cuộc sống nơi đây. Trong cả hai hình ảnh ấy, có một điều chúng ta dễ dàng nhận ra sự thống nhất: Đó là sự giản dị, là niềm tin vào cuộc sống, là tâm hồn khoẻ khoắn và lành mạnh. Với hình ảnh tiêu biểu này, nhà văn đã không chỉ làm nổi bật cảnh sinh hoạt, lao động khẩn trương của Cô Tô mà còn gửi gắm được tình yêu và niềm tin của mình vào đó.

Chỉ trong một bài văn ngắn, phong cách tài hoa của Nguyễn Tuân được bộc lộ một cách rõ nét. Đó là cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp tu từ tinh tế, chính xác. Đó là nghệ thuật tả cảnh, tả người độc đáo với những chọn lọc tiêu biểu. Đó là giọng văn khoan thai nhẹ nhàng... Đằng sau đó, người đọc còn cảm nhận được tình yêu, sự say mê của nhà văn đối với cảnh đẹp, con người trên mảnh đất Cô Tô. Ông đã không chỉ vẽ nên bức tranh đẹp đến say người trước mắt chúng ta mà còn truyền sang độc giả niềm tự hào và tình yêu đối với con người, cảnh vật của Tổ quốc mình.

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được:

- Thế nào là thành phần chính của câu;

- Thế nào là chủ ngữ;

- Thế nào là vị ngữ;

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Phân biệt thành phần chính với thành phần phụ

Thành phần chính của câu là thành phần có hai đặc điểm chính sau:

+ Về mặt cấu tạo ngữ pháp: là thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo ngữ pháp hoàn chỉnh.

+ Về mặt nội dung: là phần giúp cho ý nghĩa của câu đảm bảo được sự trọn vẹn.

Thành phần chính của câu gồm các thành phần chủ ngữ, vị ngữ.

Ví dụ: *Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn.* (Nguyễn Thái Vận)

Trong câu này, nhờ thành phần chính *chim chóc kéo về* mà câu mới đúng cấu tạo ngữ pháp và người đọc mới có thể hiểu được nội dung thông báo.

Bên cạnh thành phần chính, câu còn có thành phần phụ. Thành phần phụ là thành phần không bắt buộc có mặt trong câu. Trong ví dụ trên, *mùa xuân* và *từng đàn* là thành phần phụ.

Trong câu có thể chỉ có thành phần chính nhưng không thể chỉ có thành phần phụ.

So sánh:

Câu chỉ có thành phần chính	*Câu chỉ có thành phần phụ*
Chim chóc kéo về *(Câu đúng)*	*Mùa xuân từng đàn* *(Câu sai)*

1. Các thành phần câu đã học ở bậc tiểu học: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, bổ ngữ.

2. Các thành phần câu có trong câu:

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng. (Tô Hoài)

Trong đó:

+ *Chẳng bao lâu*: trạng ngữ

+ *Tôi*: chủ ngữ

+ *Đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng*: vị ngữ.

3. Nhận xét

- Chủ ngữ, vị ngữ là những thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn (nghĩa là có thể hiểu.đầy đủ mà không cần gắn với hoàn cảnh nói năng).

- Trạng ngữ là thành phần không bắt buộc có mặt trong câu.

II. Vị ngữ

Vị ngữ là một trong hai thành phần chính của câu. Vị ngữ có đặc điểm sau:

+ Có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian.

Ví dụ: *Thế là mùa xuân mong ước đã đến.* (Tô Hoài)

Trong câu này, *đến* là vị ngữ có khả năng kết hợp với *đã* là phó từ chỉ quan hệ thời gian.

+ Thường dùng để trả lời cho các câu hỏi: *Làm gì?, Làm sao?, Như thế nào?* hoặc *Là gì?*

Ví dụ 1: *Đơn vị của nó đang di chuyển vào làm nhiệm vụ ở Quảng Bình.* (Bùi Hiển)

Ta có thể đặt câu hỏi: *Đơn vị của nó đang **làm gì?** (Đang) di chuyển vào làm nhiệm vụ ở Quảng Bình.*

Ví dụ 2: *Hào không còn sợ hãi nữa.* (Võ Huy Tâm)

Ta có thể đặt câu hỏi: *Hào **làm sao**? (Không còn) sợ hãi (nữa).*

Ví dụ 3: *Bà chủ quán là một người đãi bôi xởi lởi, không bao giờ để làm phật ý bất cứ một ông khách nào dù khó tính đến đâu.* (Đoàn Giỏi)

Ta có thể đặt câu hỏi: *Bà chủ quán là người **như thế nào**? Là một người đãi bôi xởi lởi, không bao giờ làm phật ý bất cứ...*

Ví dụ 4: *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam...* (Thép Mới)

Ta có thể đặt câu hỏi: *Cây tre **là gì** của nông dân Việt Nam? (Là) người bạn thân (của nông dân Việt Nam).*

Cấu tạo của vị ngữ: *vị ngữ có thể là:*

+ Động từ hoặc cụm động từ

Ví dụ:

($+_1$) Vị ngữ là động từ: *Múc nước giếng **vào** thùng gỗ, **vào** những cong những ang gốm màu da lươn.* (Nguyễn Tuân)

($+_2$) Vị ngữ là cụm động từ: *Cây hồng bì **đã cởi bỏ hết** những cái áo là già đen đủi.* (Tô Hoài)

+ Tính từ hoặc cụm tính từ.

Ví dụ:

($+_1$) Vị ngữ là tính từ: *Đôi càng tôi **mẫm bóng**.* (Tô Hoài)

($+_2$) Vị ngữ là cụm tính từ: *Cánh Dế Choắt **chỉ ngắn cũn** đến giữa lưng.* (Tô Hoài)

+ Danh từ hoặc cụm danh từ.

Ví dụ:

($+_1$) Vị ngữ là danh từ: *Người thứ hai là* ***Tư Mắm****.* (Đoàn Giỏi)

($+_2$) Vị ngữ là cụm danh từ: *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là* ***một ngày trong trẻo, sáng sủa****.* (Nguyễn Tuân)

Số lượng vị ngữ trong câu: câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

Ví dụ:

($+_1$) Câu có một vị ngữ: *Cho đến chiều tối, thuyền* ***vượt qua khỏi thác Cổ Cò****.* (Võ Quang)

($+_2$) Câu có nhiều vị ngữ: *Chúng là* ***loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến*** *(...)* (Duy Khán)

1. *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.*

Câu này có vị ngữ: *Đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng.*

Đặc điểm của vị ngữ:

- Vị ngữ có thể kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian về phía trước: đã, đang, sẽ, sắp...

- Vị ngữ trả lời cho những câu hỏi như: Làm gì? Làm sao? Như thế nào? Là gì?

2. Phân tích cấu tạo của vị ngữ trong những câu sau:

a. *Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.* (Tô Hoài)

- Câu trên có hai vị ngữ: *ra đứng cửa hang như mọi khi* và *xem hoàng hôn xuống.*

- Trong đó:

+ *Ra đứng cửa hang như mọi khi* là một cụm động từ.

+ *Xem hoàng hôn xuống* là một cụm động từ.

b. *Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, nhộn nhịp.* (Đoàn Giỏi)

- Câu trên bốn vị ngữ:

+ *Nằm sát bên bờ sông*

+ *Ồn ào*

+ *Đông vui*

+ *Nhộn nhịp*

- Trong đó:

+ *Nằm sát bên bờ sông* là 1 cụm động từ.

+ *Ồn ào, đông vui, nhộn nhịp* là tính từ.

c. *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam [...]. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm công nghìn việc khác nhau.* (Thép Mới)

- Hai câu trên có hai vị ngữ

+ *Người bạn thân của nông dân Việt Nam.*

+ *Giúp người trăm công nghìn việc khác nhau.*

- Trong đó:

+ *Người bạn thân của nông dân Việt Nam* là một cụm danh từ.

+ *Giúp người trăm công nghìn việc khác nhau* là một cụm động từ.

III. Chủ ngữ

- *Chủ ngữ* là một trong hai thành phần chính của câu.

Chủ ngữ có đặc điểm sau:

+ Nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái ... được miêu tả ở vị ngữ.

Ví dụ: ***Bố mẹ tôi*** *hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ.* (Tạ Duy Anh)

Trong câu này, *bố mẹ tôi* là chủ ngữ.

+ Thường dùng trả lời cho các câu hỏi *Ai? Tên gì? hoặc Cái gì?*

Ví dụ 1: *Thầy Ha - men đi đi lại lại với cây thước sắt khủng khiếp kẹp dưới nách.* (An-phông-xơ Đô-đê)

Ta có thể đặt câu hỏi: ***Ai** đi đi lại lại với cây thước sắt khủng khiếp kẹp dưới nách?* "Thầy Ha - men".

Ví dụ 2: *Con kì nhông nằm vươn kì phơi lưng trên gốc cây mục [...].* (Đoàn Giỏi)

Ta có thể đặt câu hỏi: ***Con gì** nằm vươn kì phơi lưng trên gốc cây mục? Con kì nhông.*

Ví dụ 3: *Tiếng cười nổ ra xung quanh, khiến cho tôi có cảm giác như hai chân sắp khuỵu xuống.* (Đoàn Giỏi)

Ta có thể đặt câu hỏi: ***Cái gì** nổ ra xung quanh, khiến cho tôi có cảm giác như hai chân sắp khuỵu xuống? Tiếng cười.*

Cấu tạo của chủ ngữ:

+ Chủ ngữ là danh từ, đại từ hoặc cụm động từ.

Ví dụ:

($+_1$) Chủ ngữ là danh từ: *Tuy rét vẫn kéo dài, **mùa xuân** đã đến bên bờ sông Lương.* (Theo Nguyễn Đình Thi)

($+_2$) Chủ ngữ là đại từ: ***Tôi** thoáng nghĩ hay là trốn học và rong chơi ngoài đồng nội.* (An-phông-xơ Đô-đê)

($+_3$) Chủ ngữ là cụm danh từ: *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, **những bức tranh của thí sinh** treo kín bốn bức tường.* (Tạ Duy Anh)

+ Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.

Ví dụ:

($+_1$) Chủ ngữ là động từ: *Nhưng **hiểu thấu** cũng có nhiều cách.* (Hồ Chí Minh)

($+_2$) Chủ ngữ là tính từ: ***Hiếu động, cương cường, quả cảm*** *là thói thường của những kẻ mới lớn và sung sức*. (Nam Cao)

($+_3$) Chủ ngữ là cụm động từ: ***Làm ra hàng*** *phải đúng với nhu cầu của người tiêu thụ*. (Hồ Chí Minh)

($+_4$) Chủ ngữ là cụm tính từ: ***Xấu đều*** *hơn tốt lỏi*. (Tục ngữ)

Số lượng chủ ngữ trong câu: Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

Ví dụ:

($+_1$) Câu có một chủ ngữ: ***Cụ*** *đã ra*. (Ngô Tất Tố)

($+_2$) Câu có hai chủ ngữ: ***Lũ ngan, lũ ngỗng*** *thì rủ nhau chúi xuống bờ ao, bên những tàu lá khoai sơn hà xanh roi rói*. (Tô Hoài)

($+_3$) Câu có ba chủ ngữ: ***Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật*** *đánh lộn nhau để hút mật*. (Duy Khán)

($+_4$) Câu có bốn chủ ngữ: ***Tre, nứa, mai, vầu*** *giúp người trăm nghìn công việc*. (Thép Mới)

(t_5) Câu có tám chủ ngữ: ***Tre cụ, tre ông, tre bà, tre cha, tre mẹ, tre con, tre cháu, tre chút chít*** *chằng chéo bằng ngọn bằng tán. [...]* (Ngô Văn Phú)

2. Chủ ngữ có thể trả lời cho những câu hỏi: Ai? Cái gì? Con gì?

3. Phân tích cấu tạo của chủ ngữ trong câu dẫn ở phần I và phần II:

a. *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng*. (Tô Hoài)

Chủ ngữ *tôi* trong câu trên là một đại từ.

b. *Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống*. (Tô Hoài)

Chủ ngữ *tôi* trong câu trên là một đại từ.

c. *Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập*. (Đoàn Giỏi)

Chủ ngữ *chợ Năm Căn* trong câu trên là một cụm danh từ.

d. *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam [...]. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.* (Thép Mới)

Chủ ngữ *cây tre* là một cụm danh từ.

Chủ ngữ *tre, nứa, mai, vầu* là một cụm từ đẳng lập và chúng thuộc từ loại danh từ.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Tìm chủ ngữ và vị ngữ trong đoạn trích ở SGK trang 94.

- Xác định cấu tạo của chủ ngữ và vị ngữ.

Để tìm chủ ngữ và vị ngữ trong câu, các em hãy dựa vào một số câu hỏi thường dùng:

+ Chủ ngữ: Ai?, Cái gì? Con gì?

+ Vị ngữ: Làm gì? Làm sao? Như thế nào? Là gì?

Khi đã tìm được chủ ngữ và vị ngữ, các em dựa vào đặc điểm của từ loại, vào thành phần tạo lập chúng để xác định cấu tạo.

- Câu 1: *Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *Tôi* là một đại từ.

+ Vị ngữ: *đã trở thành một chàng dế thanh niên, cường tráng* là một cụm động từ.

- Câu 2: *Đôi càng tôi mẫm bóng.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *đôi càng tôi* là một cụm danh từ.

+ Vị ngữ: *mẫm bóng* là một tính từ.

- Câu 3: *Những cái vuốt ở chân, ở khoen cứ cứng dần và nhọn hoắt.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ *Những cái vuốt ở chân, ở khoeo* là một cụm danh từ.

+ Vị ngữ: *cứ cứng dần và nhọn hoắt* là một cụm tính từ.

- Câu 4: *Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *tôi* là một đại từ.

+ Vị ngữ: *co cẳng lên* và *đạp phanh phách* là những cụm động từ.

- Câu 5: *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ *những ngọn cỏ* là một cụm danh từ.

+ Vị ngữ *gẫy rạp* là một động từ.

2. Bài tập này yêu cầu các em đặt câu theo yêu cầu của bài tập nêu ra.

Sau đây là những câu các em có thể tham khảo:

a. *Hôm qua, Nam đã cứu được ba em nhỏ khỏi chết đuối.*

Hôm qua, Nam đã *làm gì*? – cứu được ba em nhỏ khỏi...

b. *Tính nết Trang thật dịu dàng.*

Tính nết của Trang *như thế nào*? – thật dịu dàng

c. *Hải âu là một loài chim biển*

Hải âu là *gì*? – là một loài chim biển.

3. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Chỉ ra chủ ngữ trong mỗi câu em vừa đặt ở bài tập 2.

- Xác định xem các chủ ngữ ấy trả lời cho các câu hỏi như thế nào.

a. Chủ ngữ *Nam* trả lời cho câu hỏi *Ai*?

b. Chủ ngữ *tính nết Trang* trả lời cho câu hỏi *Cái gì?*

c. Chủ ngữ *Hải âu* trả lời cho câu hỏi *Con gì*?

Bài 26

CÂY TRE VIỆT NAM

Thép Mới

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Thép Mới tên khai sinh là Hà Văn Lộc, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1925 tại thành phố Nam Định. Ông là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, và Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945, trải qua nhiều công tác và chức vụ quan trọng: Phó Tổng biên tập báo Nhân dân, Tổng biên tập báo Giải phóng, Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa I và II. Ông đã được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì và nhiều huân chương khác. Ông mất ngày 28/8/1991 tại thành phố Hồ Chí Minh.

"Nói đến Thép Mới người ta thường nghĩ anh là một nhà báo, một nhà báo lớn được công chúng mến mộ, được bạn bè đồng nghiệp trong và ngoài nước đánh giá cao... Nhưng Thép Mới còn là một nhà văn hay đúng hơn là nhà báo đậm chất văn trong tư duy sáng tạo, trong cách diễn đạt và sử dụng ngôn từ... Chất văn toát ra từ tâm hồn, suy nghĩ đến cách viết đã thấm đượm trong nội dung tản văn cần chuyển tải... Văn phong và tâm huyết của Thép Mới gắn liền với một thời hào sáng nhất của làng báo và làng văn cách mạng nước ta". (Trích "Ngọn lửa trong ngòi bút Thép Mới" của Lê Quang Trang, báo Văn nghệ số 37 ngày 14 tháng 9 năm 1991).

Các tác phẩm chính: "Cây tre Việt Nam" (thuyết minh phim, 1958); "Hiên ngang Cu Ba" (bút kí, 1962); "Điện Biên Phủ, một danh từ Việt Nam" (bút kí, 1965); "Trường Sơn hùng tráng" (bút kí, 1967), "Nguyễn Ái Quốc đến với Lê Nin" (thuyết minh phim, 1980); "Đường về Tổ quốc" (thuyết minh phim, 1980).

1. Câu hỏi 1 SGK trang 99

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để tìm được đại ý và bố cục của bài văn, phải đọc lại kĩ toàn bộ văn bản. Khi đọc cần chú ý đến nhân vật, đối tượng trung tâm được thể hiện trong tác phẩm, ở đó sẽ tập trung đại ý của bài văn. Đại ý là ý

chính của toàn bài, nêu lên được nội dung khái quát nhất của tác phẩm và tư tưởng của tác giả.

Việc tìm được bố cục của bài không khó nhưng chúng ta cần phải có sự tinh tế khi đọc tác phẩm để nhận ra những nét thay đổi trong từng đoạn của bài văn. Có nhiều căn cứ để chia tác phẩm ra thành nhiều đoạn khác nhau: lời kể (nhân vật kể chuyện, các dấu hiệu ngữ pháp, sự thay đổi không gian, thời gian, nhân vật trong toàn văn bản).

b. Gợi ý trả lời

Đại ý của bài văn *Cây tre Việt Nam* là sự gắn bó thân thiết và lâu đời của cây tre với con người Việt Nam trong sinh hoạt, trong đời sống sản xuất, chiến đấu. Cây tre có những đức tính quý báu của con người Việt Nam: nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm. Cây tre sẽ đồng hành với người Việt Nam đi tới tương lai để xây dựng đất nước giàu đẹp.

Căn cứ vào bố cục của bài văn xuôi tự sự, có thể chia tác phẩm ra làm ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài.

Mở bài: Từ đầu cho đến "Cây tre là người bạn thân" đến "chí khí như người": Giới thiệu chung về cây tre, cây tre có mặt khắp nơi, trên đất nước Việt Nam, mang những phẩm chất đáng quý.

Thân bài: Từ "Nhà thơ đã có lần ca ngợi... Tiếng sáo diều tre cao vút mãi" được chia thành các đoạn nhỏ như sau:

Đoạn 1: Từ "Nhà thơ đã có lần ca ngợi... chung thuỷ": Cây tre gắn bó với con người trong đời sống sinh hoạt, lao động, sản xuất.

Đoạn 2: Từ "Như tre mọc thẳng... Tre, anh hùng chiến đấu!": Cây tre gắn bó với con người trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

Đoạn 3: Từ "Nhạc của trúc... Tiếng sáo diều tre cao vút mãi": Cây tre vẫn gắn bó với con người trong hiện tại và tương lai.

Kết bài: (Phần còn lại): Cây tre là biểu trưng cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 99.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này phải căn cứ rất sát vào văn bản. Nên đọc kĩ từ đầu đến "Tre anh hùng chiến đấu". Khi đọc nhớ phân đoạn ra để nắm được vị trí của cây tre trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong lao động sản xuất, trong chiến đấu. Đồng thời, nên vừa đọc vừa ghi chép ra những chi tiết thể hiện các ý đó.

Để trả lời cho ý thứ hai của câu hỏi, cần liên hệ với kiến thức về phép nhân hoá đã học trong bài 22. Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

Ở đây tác giả đã dùng những từ vốn chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của cây tre.

b. Gợi ý trả lời

Ngay phần mở đầu của bài văn, tác giả đã đưa một lời khẳng định khái quát: "*Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam*". Sau đó nhà văn đã khéo léo liệt kê ra một hệ thống các luận điểm để chứng minh cho nhận định của mình.

Trước hết, tre gần gũi vì tre có mặt khắp nơi trên đất nước Việt Nam. Bằng một câu văn đơn giản chỉ là sự liệt kê các địa danh "*Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi...*", tác giả đã khái quát cả chiều dài đất nước từ Nam ra Bắc. Câu văn hết sức nhịp nhàng, cân đối, đọc lên như có chất thơ, chất nhạc.

Với con mắt nhìn sâu sắc, tinh tế, tác giả đã nhìn thấy sự gắn bó khăng khít của cây tre với đời sống con người Việt Nam.

Tre bao bọc, âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Rặng tre như tạo thành một mái nhà xanh yên bình, ấm áp, ở đó chúng ta đã giữ gìn được một nền văn hoá lâu đời - văn hoá Việt Nam. Chính vì thế, nhiều nhà

nghiên cứu đã cho rằng trong suốt một nghìn năm Bắc thuộc, chúng ta chỉ mất nước chứ không mất làng, không mất nhà. Vì đằng sau các luỹ tre làng có vẻ bình dị, nhẫn nhịn, hiền hoà ấy tiềm ẩn một sức sống mãnh liệt mà không một sức mạnh nào tiêu diệt được.

Cây tre còn che chở cho con người trong cuộc sống lao động, dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Chính vì thế, từ ngàn xưa nó đã trở thành "cánh tay của người nông dân". Với cách so sánh này, cây tre đã trở thành một phần máu thịt, một phần cơ thể, gắn bó không thể thiếu với người nông dân Việt Nam.

Từ những khái quát ban đầu, tác giả dần đưa người đọc đến những hình ảnh hết sức gần gũi, bình dị của mỗi gia đình nông dân Việt Nam.

Tre đã trở thành người nhà, gắn bó, thân thiết với mọi lứa tuổi. Từ giang chẻ lạt, buộc mềm như mối tơ hồng thắt chặt mối tình thuỷ chung của đôi trai gái; đến những que chuyền, nguồn vui của trẻ thơ và cả cái điếu cày tre đậm đà tâm hồn dân tộc. Và thật thú vị, và yêu thương biết bao khi chúng ta ngẫm ra rằng người dân Việt Nam lớn lên trong chiếc nôi với lời ru ầu ơ của bà, của mẹ... rồi đến khi "nhắm mắt xuôi tay" cũng trên chính chiếc giường tre thân thuộc.

Tre ngày thường nhũn nhặn, hiền hoà là thế nhưng trong chiến đấu tre lại trở nên bất khuất, kiên gan đến lạ lùng. Tre luôn sát cánh cùng nhân dân trong các cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, không nề hà đạn bom, lửa đỏ. Và không ai ngờ được rằng, với những vũ khí thô sơ như chiếc gậy tầm vông, chông tre, cọc tre, nhân dân Việt Nam có thể chống lại sức mạnh của vũ khí tối tân, hiện đại của kẻ thù: súng đạn, đại bác, xe tăng... để chiến đấu và chiến thắng. Chính vì thế, không quá lời khi tặng cho tre danh hiệu *"Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!"*.

Một lần nữa, nhà văn lại thể hiện sâu sắc cái nhìn rất bao quát, có chiều dài và chiều sâu khi đưa ra nhận định về vị trí của tre trong cuộc sống hiện tại, tương lai của dân tộc: Đất nước dù có đổi thay, đời sống ngày càng hiện đại nhưng "*nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia bùi sẻ ngọt của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, hoà bình*".

c. Mở rộng kiến thức

Từ xa xưa, cây tre gắn bó với cuộc sống lao động vất vả của người nông dân Việt Nam. Chính vì thế nó đã đi vào ca dao, dân ca, trong lời hát ru và những tiếng hát tâm tình của người nông dân cất lên từ cuộc sống lao động một cách hết sức tự nhiên và bình dị.

Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi

(Ru con Nam Bộ)

Trong buổi đầu dựng nước và giữ nước, con người Việt Nam đã biết dùng tre làm vũ khí tấn công quân thù. Chúng ta vẫn còn nhớ hình ảnh Thánh Gióng nhổ những bụi tre bên đường phá tan giặc Ân xâm lược hay chiến thắng oanh liệt của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng chống lại quân Nam Hán cũng chính nhờ vào chiến thuật sử dụng bãi cọc tre.

Hình ảnh cây tre trở nên gần gũi, thân thuộc một phần nhờ vào nghệ thuật nhân hoá được tác giả sử dụng rất khéo léo, nhẹ nhàng, tinh tế. Bằng cách sử dụng những từ ngữ vốn để nói về con người: *âu yếm, ăn ở đời đời, kiếp kiếp với người, tre là người nhà, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau* - đã làm cho hình ảnh cây tre trở nên sinh động và gắn bó hơn. Tre không còn là một thứ cây vô tri, vô giác nữa mà đã hoá thành người bạn tri kỉ, sống hiền hoà, gần gũi bên cạnh ta, che chở cho ta.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 99

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Muốn trả lời cần đọc lại đoạn kết: "Tre già măng mọc... Tiếng sáo diều tre cao vút mãi". Phải lưu ý rằng đoạn này đã chuyển sang một ý khác. Ở các đoạn trên tác giả đang liệt kê những chi tiết hết sức cụ thể về sự gắn bó giữa cây tre và con người trong cuộc sống sinh hoạt, lao động, chiến đấu trong quá khứ. Đến đoạn này là cái nhìn rất khái quát về vị trí của cây tre trong hiện tại và dự cảm về tương lai. Chúng ta không thấy các chi tiết cụ thể mà chỉ thấy nhận định khái quát. Để trả lời tốt câu hỏi này nên nhìn rộng ra bối cảnh của nước ta hiện tại và suy ngẫm về tương lai.

b. Gợi ý trả lời

Trong phần cuối của bài văn tác giả đã đặt ra một vấn đề hết sức ý nghĩa: vai trò của cây tre khi đất nước ta bước vào công nghiệp hoá khi mà những sắt, thép, xi măng cốt sắt sẽ thay thế dần cho tre, nứa. Với luận điểm này một lần nữa nhà văn thể hiện cái nhìn sâu sắc và đầy trách nhiệm công dân của mình. Bởi vì rất nhiều người nghĩ rằng trong xã hội hiện nay khi cuộc sống ngày càng hiện đại, những bức tường gạch sẽ thay thế cho những hàng rào tre, những vật dụng trong gia đình hoàn toàn được làm bằng nhựa, i-nốx thì sẽ chẳng còn chỗ cho thứ đồ tre "quê mùa" ấy. Nhưng không, tre sẽ vẫn là bóng mát cho ta trên đường trường dấn bước, tre vẫn là cổng chào đón ta thắng lợi, và hơn hết, tre sẽ hoá thân vào đời sống nghệ thuật, âm nhạc của dân tộc Việt Nam. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng, sáo diều tre vẫn cao vút lên như tâm hồn của dân tộc mỗi lúc một thăng hoa. Cảm ơn Thép Mới đã thức tỉnh tâm hồn ta cái ý thức về giá trị truyền thống trong đời sống tâm linh của dân tộc. Ta mới chợt nhận ra rằng có một lúc nào đó, khi mải mê với những bộn bề của cuộc sống hiện tại, ta bỗng quên đi những giá trị bình dị và thiêng liêng trong hồn dân tộc. Nhưng một ngày nào đó ta trở lại miền quê thân yêu, ngồi dưới bóng tre râm mát, lặng đi trong bản nhạc đồng quê buổi trưa hè, ta sẽ cảm thấy tâm hồn mình trở nên thanh thoát và trong lành biết nhường nào.

4 Câu hỏi 4 SGK trang 99

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu này cần phải đọc lại một lần nữa toàn bộ văn bản. Khi đọc nên chú ý ghi chép lại những từ, câu, đoạn có nói về phẩm chất, vẻ đẹp của cây tre, từ đó có thể khái quát nên những phẩm chất chung thuỷ của cây tre qua ngòi bút miêu tả của tác giả.

b. Gợi ý trả lời

Điều đầu tiên dễ nhận thấy nhất là hình dáng bên ngoài của cây tre: mầm non mọc thẳng, dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn, tre lớn lên cứng cáp dẻo dai, vững chắc. Đó không chỉ là chi tiết rất thực miêu tả về hình dáng của cây tre mà ẩn chứa bên trong là vẻ đẹp của sự cứng cáp, ngay thẳng, bất khuất, không bao giờ chịu cúi

đầu. Vẻ đẹp của tinh thần kiên gan ấy còn được thử thách qua lửa đạn của chiến tranh tàn phá. "*Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng*". Và vẻ đẹp ấy càng được khẳng định hơn nữa khi tác giả viết: "*Tre thanh cao, giản dị, chí khí như người*". Lúc này không đơn giản là miêu tả bề ngoài nữa mà là phẩm chất, tâm hồn. Tre chính là biểu tượng cho nét thanh cao, giản dị, hiền hoà, song lại vô cùng bất khuất, hiên ngang của con người Việt Nam.

Tre còn gắn bó đời đời, kiếp kiếp với người, thuỷ chung trước sau như một. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, hoà bình, hạnh phúc hay máu lửa, đau thương, tre vẫn luôn đồng hành cùng con người.

Vì sự gần gũi, gắn bó máu thịt giữa cây tre và con người, nhất là người nông dân Việt Nam, cây tre xứng đáng là biểu trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

c. Mở rộng kiến thức

Nguyễn Duy đã có một bài thơ rất hay viết về hình ảnh cây tre Việt Nam với những phẩm chất cao quý. Nên đọc và thuộc một số câu trong bài *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn lớp 6, tập hai trang 100 để có thể trích dẫn thêm cho bài viết phong phú hơn.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

Mục đích của bài học, giúp các em củng cố và nâng cao kiến thức về câu đơn trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Về thuật ngữ *câu trần thuật đơn*

Trong thuật *ngữ câu trần thuật đơn* cần hiểu:

- *Trần thuật* là kể lại, thuật lại.

- *Câu trần thuật* là câu dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

- *Đơn* nghĩa là loại câu trần thuật này chỉ có một cụm chủ - vị.

Như vậy:

- Về mục đích nói thì loại câu này là *câu trần thuật.*

- Về cấu tạo ngữ pháp thì nó là *câu đơn.*

Chính vì thế, SGK gọi gộp là *câu trần thuật đơn.*

Bên cạnh câu trần thuật đơn còn có câu trần thuật ghép. Câu trần thuật ghép là câu có hai cụm chủ – vị trở lên. Do đó, các em nên nhớ: không phải bất cứ câu trần thuật nào cũng là câu trần thuật đơn.

Ở bậc Tiểu học, *câu trần thuật* được gọi là *câu kể.*

II. Câu trần thuật đơn là gì?

Câu trần thuật đơn là loại câu:

- Do một cụm C – V tạo thành;

- Dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc hay để nêu một ý kiến.

1. Các câu trần thuật trong đoạn văn của Tô Hoài dẫn ở SGK trang 101:

- *Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.*

- *Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng.*

- *Chú mày hôi như cú, ta nào chịu được.*

- *Tôi về, không một chút bận tâm.*

2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của các câu trần thuật tìm được ở mục 1.

- *Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.*

Trong đó: + Chủ ngữ: *tôi*

+ Vị ngữ: *đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài*

- *Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng.*

Trong đó: + Chủ ngữ: *tôi*

+ Vị ngữ: *mắng*

- *Chú mày hôi như cú, ta nào chịu được.*

Câu này có hai cụm chủ – vị:

+ Cụm chủ vị thứ nhất: *Chú mày hôi như cú*

Trong đó: ($+_1$) Chủ ngữ: *chú mày*

($+_2$) Vị ngữ: *hôi như cú*

+ Cụm chủ vị thứ hai: *Ta nào chịu được*

Trong đó: ($+_1$) Chủ ngữ: *ta*

($+_2$) Vị ngữ: *nào chịu được*

- *Tôi về, không một chút bận tâm.*

Trong đó: ($+_1$) Chủ ngữ: *tôi*

($+_2$) Vị ngữ: *về, không một chút bận tâm.*

3. Xếp các câu trần thuật trên thành 2 loại:

- Câu trần thuật do một cặp chủ ngữ - vị ngữ (một cụm C-V) tạo thành:

+ *Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.*

+ *Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng.*

+ *Tôi về, không một chút bận tâm.*

- Câu trần thuật do hai hoặc nhiều cụm C-V sóng đôi tạo thành:

+ *Chú mày hôi như cú, ta nào chịu được.*

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Tìm câu trần thuật đơn trong đoạn văn của Nguyễn Tuân dẫn ở SGK trang 101.

- Nói rõ tác dụng của những cầu trần thuật đơn tìm được.

Để tìm được câu trần thuật đơn, các em cần nhớ câu trần thuật đơn là câu do một cụm C-V tạo thành. Sau đó, xác định thành phần chủ ngữ và vị ngữ trong từng câu ấy.

Đoạn văn của Nguyễn Tuân có 2 câu trần thuật đơn:

+ *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.*

Trong đó: ($+_1$) Chủ ngữ: *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô.*

($+_2$) Vị ngữ: *là một ngày trong trẻo, sáng sủa.*

Câu trần thuật đơn này có tác dụng giới thiệu và tả về thời tiết ở đảo Cô Tô.

+ *Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy.*

Trong đó: ($+_1$) Chủ ngữ: *bầu trời Cô Tô*

($+_2$) Vị ngữ: *cũng trong sáng như vậy*

Câu trần thuật đơn này có tác dụng nêu ý kiến nhận xét về những điều đã miêu tả ở câu trên.

2. Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Xác định các câu dẫn ở SGK trang 102 thuộc kiểu câu nào.

- Nêu tác dụng của từng câu đó.

a. Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. (Con Rồng cháu Tiên).

Đây là câu trần thuật đơn. Tuy nhiên vì là câu mở đầu trong truyện dân gian *Con Rồng cháu Tiên* nên có cấu tạo tương đối đặc biệt: nó không phải do một cụm chủ vị với chủ ngữ đặt trước vị ngữ tạo thành như những câu đơn trần thuật bình thường với một cụm chủ vị có chủ ngữ đặt trước vị ngữ.

Trong đó: + Chủ ngữ: *Con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân.*

+ Vị ngữ: *có một vị thần thuộc nòi rồng*

- Tác dụng: dùng để giới thiệu về nhân vật khi mở đầu truyện.

b. Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. (Ếch ngồi đáy giếng)

Câu này là câu trần thuật đơn và cũng giống như ở câu a nên nó cấu tạo tương đối đặc biệt. (đã giải thích ở câu a)

Trong đó: + Chủ ngữ: *Sống lâu ngày trong một chiếc giếng nọ.*

+ Vị ngữ: *có một con ếch*

- Tác dụng: dùng để giới thiệu về con vật khi mở đầu truyện.

c. Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều. (Vũ Trinh)

Câu này là câu trần thuật đơn.

Trong đó: + Chủ ngữ: *bà đỡ Trần*

+ Vị ngữ: *là người huyện Đông Triều*

- Tác dụng: dùng để giới thiệu về một nhân vật khi mở đầu truyện.

3. Bài tập này yêu cầu các em chỉ ra sự khác nhau trong cách giới thiệu nhân vật (được thể hiện trong các câu văn, đoạn văn) ở bài tập 2 và bài tập 3.

Các em có thể thấy sự khác nhau đó qua bảng so sánh sau:

Câu/ Đoạn văn	***Bài tập 2***	***Bài tập 3***	
	Các câu văn có cách giới thiệu nhân vật trực tiếp	Các đoạn văn có cách giới thiệu nhân vật gián tiếp	
		Nhân vật phụ xuất hiện trước	Nhân vật chính xuất hiện sau
a	*Lạc Long Quân*	*Hai vợ chồng ông lão sinh ra Thánh Gióng*	*Thánh Gióng*
b	*Một con ếch*	*Hùng Vương và Mị Nương*	*Sơn Tinh và Thuỷ Tinh*
c	*Bà đỡ Trần*	*Viên quan đi tìm người tài giỏi*	*Em bé thông minh*

Từ bảng so sánh trên, ta thấy rằng:

- Trong bài tập 2, ở cả ba câu văn, các nhân vật chính (*Lạc Long Quân, một con ếch* và *bà đỡ Trần*) được giới thiệu trực tiếp ngay ở câu mở đầu của các truyện.

- Trong bài tập 3, ở cả 3 ba đoạn văn, các nhân vật chính *(Thánh Gióng, Sơn Tinh và Thuỷ Tinh, em bé thông minh)* lại được giới thiệu gián tiếp tức là nhân vật phụ được giới thiệu trước, rồi từ những việc làm của những nhân vật phụ mới giới thiệu đến nhân vật chính. Cách giới thiệu như vậy giống như một sự dọn đường cho nhân vật chính xuất hiện để nhân vật chính càng nổi bật hơn và câu chuyện càng hấp dẫn hơn nhằm thu hút và tạo bất ngờ cho người đọc, người nghe.

4. Bài tập này yêu cầu các em xác định những câu trích dẫn trong SGK trang 103 ngoài tác dụng giới thiệu nhân vật còn có tác dụng gì nữa.

a. Câu mở đầu trong truyện *Đẽo cày giữa đường* ngoài tác dụng giới thiệu về nhân vật, nghề nghiệp của nhân vật *có một người thợ mộc* còn có tác dụng kể lại cho người đọc, người nghe biết thêm về hoàn cảnh của nhân vật *dốc hết vốn trong nhà*, quyết tâm, chí hướng của nhân vật *để làm nghề đẽo cày*. Điều này đã gợi cho người đọc hứng thú đi sâu vào câu chuyện để tìm hiểu xem người đó có thực hiện được quyết tâm của anh ta không.

b. Câu mở đầu bài này ngoài tác dụng giới thiệu về nhân vật (tên Mỗ), về nghề của nhân vật (kiếm củi), về quê quán của nhân vật (huyện Lạng Giang) còn có tác dụng là kể lại tình huống đặc biệt mà nhân vật gặp phải khi đang làm việc. Điều này đã gợi hứng thú và hấp dẫn cho người đọc, kích thích tính tò mò của người đọc đi sâu vào câu chuyện.

Bài 27

LÒNG YÊU NƯỚC

I.Ê-Ren-bua

Vài nét về tác giả và tác phẩm

I-li-a Ê-ren-bua (1891 - 1962), nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động xã hội Nga. Ông sinh tại thành phố Ki-ep, trong một gia đình Do Thái. Thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, cậu học sinh Ê-ren-bua tham gia tổ chức bí mật của Đảng Bôn-sê-vich. Năm 1908, cậu bị bắt, bị chính quyền Nga Hoàng kết án và bị buộc phải lưu vong. Thời kì này, ông cho ra đời nhiều tập thơ mà trong đó vang lên âm hưởng phê phán châu Âu, phê phán chiến tranh đế quốc. Năm 1917, Ê-ren-bua trở về nước nhưng lúc đầu ông chưa nhận thức được ý nghĩa của Cách mạng tháng 10. Nhiều tác phẩm của ông còn thể hiện thái độ dao động, nghi ngờ. Đầu những năm 30 là thời kì chuyển biến tư tưởng của nhà văn. Trong thời gian chiến tranh vệ quốc của Liên Xô, Ê-ren-bua nổi tiếng với hàng nghìn bài báo và chính luận ngợi ca tinh thần yêu nước, nâng cao lòng căm thù chủ nghĩa phát xít, khẳng định niềm tin đối với thắng lợi của lực lượng chính nghĩa và chủ nghĩa xã hội. Ê-ren-bua đã từng được tặng Giải thưởng Lênin về công lao "củng cố hoà bình giữa các dân tộc".

Các tác phẩm chính: "Cầu nguyện về nước Nga" (tập thơ, 1918); "Suy nghĩ" (tập thơ, 1921); "Mười ba cái tẩu thuốc" (tiểu thuyết, 1923); "Ngày hôm sau" (tiểu thuyết, 1934); "Pari sụp đổ" (tiểu thuyết 1941, Giải thưởng Quốc gia 1942); "Bão táp" (tiểu thuyết, 1947, Giải thưởng quốc gia 1948); "Làn sóng thứ 9" (tiểu thuyết); "Con người, năm tháng, cuộc đời" (hồi kí, 1965)...

1. Câu hỏi 1 SGK trang 108

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Có thể dựa vào tiêu đề để đoán được ý chính của tác phẩm. Tiêu đề bao giờ cũng là nơi tác giả muốn định hướng sự chú ý của người đọc (có thể là chủ đề, nhân vật chính...)

Đọc văn bản theo định hướng ban đầu (không đi vào chi tiết) để xác định chắc chắn đại ý của bài.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn *Lòng yêu nước* nêu lên và chứng minh một chân lý: lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường gần gũi, từ tình yêu gia đình, làng quê, đồng thời khẳng định tình cảm thiêng liêng ấy được thử thách và bộc lộ mạnh mẽ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 108

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Câu mở đầu và câu kết đoạn bao giờ cũng có vị trí đặc biệt quan trọng trong một đoạn văn lập luận. Chúng thường làm nhiệm vụ nêu vấn đề và thâu tóm tổng kết vấn đề. Thiếu những câu luận đề ấy, cả đoạn văn sẽ chơi vơi không còn định hướng và chỗ dựa.

b. Gợi ý trả lời

Trong đoạn "Lòng yêu nước... lòng yêu Tổ quốc", câu "Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu thương những nhân vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu các phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua chát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh" chính là câu mở đầu cả đoạn. Còn câu "Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc" đóng vai trò tổng kết, khép lại đoạn văn.

Phân tích vai trò của câu mở, câu kết cùng hệ thống những câu có chức năng song song trong đoạn, chúng ta có thể tìm thấy trình tự lập luận của đoạn văn này. Đó là trình tự "tổng – phân – hợp".

Mở đầu đoạn, tác giả nêu lên vấn đề chính, khẳng định ngọn nguồn lòng yêu nước như một chân lí: "Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất ..."

Phần tiếp theo là sự mở rộng, chứng minh cho luận điểm trên bằng hàng loạt luận cứ, luận chứng. Trước khi đi sâu vào từng dẫn chứng (nỗi nhớ những đặc điểm cụ thể, quen thuộc của mỗi vùng quê); nhà văn có sự dẫn dắt rất hợp lí, chặt chẽ: "Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương".

Sau hệ thống dẫn chứng được đưa ra liên tiếp, tác giả kết đoạn bằng cách nhắc lại chân lí một lần nữa, bằng một cách nói khác, khái quát, tổng hợp hơn: "Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc".

3. Câu hỏi 3 SGK trang 108.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Trước hết, cần đọc kĩ các chú thích trong sách giáo khoa để có hình dung ban đầu về những địa danh, đặc trưng tiêu biểu của những địa danh ấy trên đất nước Nga.

Cố gắng trả lời tại sao tác giả lại chọn viết về những hình ảnh đó. Chú ý giọng điệu của đoạn văn.

b. Gợi ý trả lời

Khi miêu tả vẻ đẹp tiêu biểu của mỗi vùng quê Xô viết, I-li-a Ê-ren-bua đã chọn lọc những hình ảnh rất cụ thể, gần gũi. Với người vùng Bắc thì đó là "*cánh rừng, là những đêm tháng sáu sáng hồng*"; "*tiếng cô nàng gọi đùa người yêu*"; với người U-crai-na, nhà văn nhắc đến "*bóng thuỳ dương tư lự bên đường*"; "*cái bằng lặng của trưa hè vàng ánh*". Nếu như tác giả miêu tả nét đẹp, nét đáng nhớ của người Gru-di-a là "*khí trời của núi cao*"; "*những tảng đá rực sáng*"; "*dòng suối óng ánh bạc*"; "*vị mát của nước đóng thành băng*"; "*rượu vang cay sẽ tu trong bọc đựng rượu bằng da dê*"; "*những lời thân ái, giản dị*"... thì ông cũng không quên nhắc tới "*sương mù*"; "*dòng sông Nê-va rộng và đường bệ*"; "*tượng bằng đồng tạc những con chiến mã lồng lên*"; "*lá hoa rực rỡ của công viên mùa hè*"... nơi thành Lê-nin-grat. Người đọc có thể nghĩ rằng quê hương thực sự của Ê-ren-bua chính là Mát-xcơ-va khi đọc những dòng ông phác hoạ vẻ đẹp nơi đây: "*những phố cũ chạy ngoằn ngoèo, lan man như một hoài niệm*"; "*điện Krem-li*"; "*những tháp cổ*"; "*những ánh sao đỏ*"...

Chính vì những hình ảnh được chọn lọc rất cụ thể, gần gũi nên có một sức gợi cảm rất lớn. Tác giả tỏ ra rất am hiểu cảnh sắc, đặc trưng và tâm lý con người những vùng quê khác nhau khi tổng kết và miêu tả được những nét đẹp một cách chính xác và sinh động đến vậy.

Những hình ảnh này có tính chất đại diện cho những vùng quê được nhắc đến. Và qua năm vùng đất mà nhà văn miêu tả, có thể thấy hiện lên cả đất nước Xô viết tươi đẹp, trữ tình. Chính điều này sẽ khơi dậy trong mỗi người dân lòng yêu tha thiết đối với quê hương, đất nước, chính tình cảm đó sẽ thúc đẩy người ta đứng lên chiến đấu với những kẻ giày xéo quê mình.

Giọng văn tha thiết, nhịp điệu dồn dập với những vế câu dài khiến đoạn văn có dáng dấp một lời kêu gọi đầy thuyết phục. Từ những hình ảnh cụ thể, tác giả đi đến kết luận: "*Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể*". Mới đọc, tưởng như đó là sự kết luận về một quy luật tự nhiên. Nhưng, khi nó được đặt trong thế đối sánh: "*Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc*" thì ý nghĩa bài văn trở nên sáng rõ. Nhà văn đã dẫn dắt người đọc đi từ cái nhỏ đến cái lớn, cái cụ thể đến cái trừu tượng, cái bộ phận đến cái toàn thể. Dùng quy luật tất yếu của tự nhiên để nói về quy luật tình cảm của con người, lập luận của Ê-ren-bua trở nên có sức thuyết phục kì lạ.

Khi chọn lọc miêu tả rất đúng, rất tâm lý những hình ảnh thân thuộc với mỗi người trên các vùng quê, khơi dậy nỗi nhớ và niềm tự hào của họ, tác giả dễ dàng thiết lập một mối dây đồng cảm; dễ dàng nhận được sự đồng tình của độc giả. Khi đó, ông mới dẫn dắt người ta đến kết luận cuối cùng. Cái tài của Ê-ren-bua chính là ở chỗ đó: từ những tiền đề được công nhận, kết luận tất yếu cũng sẽ được chứng minh. Nhà văn đã có được sự đồng tình của người đọc một cách tự nhiên, không khiên cưỡng. Hơn thế nữa, ông đã khơi dậy được mạch tình cảm vốn có nhưng có thể còn ẩn sâu trong trái tim mỗi người để rồi khi nhà văn kết luận: "*Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa*", tình yêu, lòng căm thù sẽ hoà quyện để trở thành sức mạnh vô địch chiến thắng kẻ thù.

c. Mở rộng kiến thức

Trong văn học Việt Nam, dưới những hình thức khác nhau, các nhà thơ, nhà văn cũng đã nhiều lần khẳng định chân lí mà I.Ê-ren-bua đã minh chứng trong bài viết này. Đó là tình yêu quê hương đất nước bắt

nguồn từ tình yêu những thứ bình thường, giản dị ở quanh mình. Trong mỗi người luôn ẩn giấu những kỉ niệm, hình bóng quê hương với những vẻ đẹp rất riêng.

- Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay...

(*Quê hương* - Đỗ Trung Quân)

- Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn

(Người đi tìm hình của nước – Chế Lan Viên)

- Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi

(*Quê hương* – Giang Nam)

4. Câu hỏi 4 SGK trang 109

Câu văn thâu tóm chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước chính là câu: "*Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc*". Đây cũng chính là ý nghĩa của toàn bài.

LAO XAO

Duy Khán

Vài nét về tác giả và tác phẩm

Duy Khán tên đầy đủ là Nguyễn Duy Khán (1934 – 1995) quê ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, từng làm giáo viên trong quân đội, thường xuyên đi sát các đơn vị chiến đấu, tham gia chiến dịch Đường 9 - Nam Lào 1971, chiến dịch Quảng Trị 1972, là phóng viên tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

Các tác phẩm đã xuất bản: "Trận mới" (thơ, 1972); "Tuổi thơ im lặng" (hồi kí, 1986); "Tâm sự người đi" (thơ, 1987).

Năm 1987, Duy Khán đã được nhận Giải thưởng Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam với tác phẩm "Tuổi thơ im lặng". Đây là tập hồi kí tự truyện của tác giả. Trong đó, ông đã dựng lên một bức tranh đầy chất thơ về cuộc sống làng quê thuở trước với những cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp; những con người tuy nghèo khó, vất vả nhưng giàu sức sống và mang trong mình nét văn hoá độc đáo của làng quê. Bài Lao xao *được trích từ tác phẩm* Tuổi thơ im lặng.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 113

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc thật kĩ văn bản, thống kê trình tự các loài chim được nói đến, tìm xem các loài chim có được sắp xếp theo từng nhóm loài gần nhau hay không? Chú ý đến cách kể, tả, cách xâu chuỗi hình ảnh trong bài của tác giả Duy Khán.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn miêu tả về thế giới loài chim ở không gian đồng quê lúc thời tiết chớm sang hè theo một trình tự hợp lý, với cách dẫn dắt mạch văn thật tự nhiên. Trên nền cảnh cỏ cây, ong bướm đều "lao xao" trước vẻ đẹp rực rỡ mùa hè, tác giả đã đưa người đọc vào thế giới của loài chim với hai nhóm lành, ác khác nhau.

Nhóm chim lành được nhắc đến ngay đoạn đầu văn bản: bồ câu, chim ri, chim sáo, sáo sậu, sáo đen. Đoạn sau nói đến nhóm chim ác: diều hâu, quạ, cắt và cuối cùng một loài chim dám đánh nhau với chim dữ là chèo bẻo.

Đoạn văn miêu tả loài bìm bịp có nhắc đến sự lí giải nguồn gốc loài chim này theo truyện dân gian rất thú vị. Khi nhà văn khẳng định: "*khi nó kêu thì một loạt chim xấu, chim ác mới ra mặt*". Đoạn văn này có vai trò liên kết đoạn đầu (nói về chim lành) với đoạn sau (nói về chim ác) tạo thành một bức tranh thống nhất, sống động về thế giới loài chim.

Rõ ràng, các chi tiết, hình ảnh được tác giả chọn lọc rất kĩ, có mục đích và được xâu chuỗi theo một trình tự chặt chẽ, không thể thay đổi. Sự xuất hiện của mỗi hình ảnh đều được báo trước, đồng thời, nó lại là cơ sở để nhà văn có thể chuyển sang hình ảnh tiếp theo.

Tiếng "Các... các ... các" là cái cớ để Duy Khán viết về con bồ các. Câu đồng dao nhắc tới hàng loạt loài chim khác họ hàng "dây mơ rễ má" với chú chim này. Tiếng kêu của bìm bịp báo hiệu sự xuất hiện của những con quạ, cắt, diều hâu... và có viết về các loài chim ác, nhà văn mới dẫn dắt được người đọc tới sự yêu quý, thán phục chú chim bèo bẻo dũng cảm, đáng yêu.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 113

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Dựa vào sự phân chia loài chim theo hai nhóm: lành và ác ở câu 1, chú ý đến việc tác giả miêu tả đặc điểm hình dạng, màu sắc, tiếng hót, môi trường sống và hoạt động của hai nhóm chim này.

Qua sự miêu tả đó, nhận xét về tài quan sát tinh tế của nhà văn và tình cảm gắn bó với thiên nhiên làng quê của tác giả.

b. Gợi ý trả lời

Tác giả đã miêu tả thế giới loài chim rất đặc sắc và tinh tế. Qua việc miêu tả hình dạng, tiếng hót, tiếng kêu của chúng, nhà văn đã làm nổi bật đặc tính riêng của từng loài.

Bồ các với tiếng kêu "các, các", vừa bay vừa kêu như bị ai đuổi đánh. Họ hàng nhà bồ các là chim ri, sáo sậu, sáo đen, tu hú đều hiền lành, mang niềm vui đến cho trời đất.

Loài diều hâu mũi khoằm, đánh hơi tinh, chuyên bay đến ăn xác chết và bắt gà con. Chèo bẻo như mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu bay đến. Ngày mùa, chèo bẻo thức suốt đêm, gọi người dậy từ tờ mờ sáng với tiếng "chè cheo chét" và chuyên trị kẻ ác.

Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn, khi đánh nhau thì xỉa bằng cánh.

Tác giả miêu tả thế giới loài chim trong môi trường sống, hoạt động của chúng và trong mối quan hệ giữa các loài, mỗi loài được miêu tả lại có thêm lời bình luận ngắn gọn của tác giả, đan xen giữa tả và kể.

Sau bài đồng dao về các loài chim ri, sáo sậu, sáo đen tác giả đã viết về loài chim tu hú. Tu hú "*to nhất họ nhà sáo*", tiếng kêu của nó báo hiệu mùa vải chín, là khi quả chín đỏ, "*đầy ụ như mâm xôi gấc*". Tiếng tu hú thưa dần và bay đi là báo hiệu mùa quả hết. Loài bìm bịp liên quan đến tích về sự trừng phạt một ông sư dữ như hổ mang, giời bắt hoá thân làm con bìm bịp, khoác bộ cánh nâu, đêm ngày chui rúc trong bụi cây. Khi bìm bịp kêu cũng là lúc một loại chim ác xuất hiện.

Đặc biệt đoạn miêu tả về loài diều hâu chuyên bắt gà con và những trận chiến giữa diều hâu và chèo bẻo; chèo bẻo đánh quạ chết rũ xương; chèo bẻo đánh nhau với chim cắt là một bức tranh sống động về loài chim. Loài chim cũng có nỗi sợ riêng, kẻ yếu sợ kẻ mạnh, chúng cũng có những mâu thuẫn trong môi trường sống và hoạt động của mình, cũng giải quyết mâu thuẫn ấy bằng bạo lực.

Họ hàng với nhà diều hâu là loài quạ: quạ đen, quạ khoang "*lia lia láu láu*" đều sợ loài chèo bẻo. Chèo bẻo lại sợ chim cắt. Chim cắt có vũ khí lợi hại là đôi cánh làm nhiều loài khác phải sợ. Nhưng cuối cùng họ nhà chèo bẻo đã trị tội chim cắt.

Có lẽ vì chèo bẻo hay trị tội loài diều hâu xấu xa chuyên đi bắt gà con, và chèo bẻo đã có ích khi đánh thức người dậy từ tờ mờ sáng và ngày mùa nên đã được tác giả dành nhiều thiện cảm cho chúng trong tuổi thơ của mình.

"Chúng nó trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm".

Trong mỗi đoạn văn miêu tả về từng loài chim cụ thể, nhà văn đều kết hợp đan xen giữa tả, kể và bình luận làm mạch văn linh hoạt, phong phú trong giọng điệu.

Tả về loài chim lành, nhà văn tập trung tả dáng bay, tiếng hót: đàn chim ngói "*sạt qua*", "*kéo nhau về hướng mặt trời*". Nhạn "*vùng vẫy tít mây xanh*". Họ nhà sáo có tiếng hót "*mang vui đến cho giời đất*" thân thương, gần gũi với loài người: sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả trên lưng trâu mừng được mùa. Tác giả vừa bình luận chung: "*họ nhà sáo đều hiền cả*", vừa đan xen kể về con sáo nhà bác Vui tọ toẹ học nói; vừa kể tiếng chim tu hú báo hiệu mùa vải chín và về việc cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn.

Nói về loài chim ác, dữ, tác giả miêu tả về mối quan hệ đấu tranh sinh tồn giữa các loài: cuộc tranh cướp mồi giữa diều hâu và chèo bẻo, giữa chèo bẻo và chim cắt.

Nói về chim cắt, tác giả đưa ra nhận định: "*Chúng là loài quỷ đen vụt đến, vụt biến... cho đến nay chưa có loài chim nào trị được nó*".

Bằng sự quan sát tinh tường và tình cảm yêu mến cảnh sắc quê hương, tác giả đã làm sống lại bức tranh quê có thiên nhiên hoa lá, có ong, bướm, chim, sáo với những nét hết sức đặc trưng bằng một giọng văn giản dị, chân thật man mác chất thơ. Nét độc đáo là ở chỗ tác giả dường như đã hoà mình vào kí ức tuổi thơ, nhìn cảnh vật bằng đôi mắt trẻ thơ hồn nhiên, trong trẻo.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 113

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Chú ý những lời dẫn, bình luận của tác giả (nghe đâu...); những câu có vần, điệu. Cần vận dụng kiến thức về văn học dân gian, tìm đọc những câu đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích có liên quan (Ví dụ: Truyện *Chèo bẻo và ác là; Sự tích chim tu hú; Sự tích con chim bìm bịp*).

b. Gợi ý trả lời

Trong *Lao xao*, Duy Khán đã sử dụng chất liệu văn hoá dân gian một cách nhuần nhuyễn và đặc sắc. Đó là bài hát đồng dao về họ hàng loài chim sáo được nhắc lại qua lời một cô bé:

Bồ các là bác chim ri
Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ các

Những thành ngữ cũng xuất hiện với mật độ dày đặc: "*Dây mơ rễ má*"; "*Kẻ cắp gặp bà già*"; "*Lia lia láu láu như quạ vào chuồng lợn*". Ngoài ra, nhà văn còn kết hợp giữa sự giải thích nguồn gốc các loài chim trong cổ tích (chèo bẻo, bìm bịp) với lời miêu tả của mình.

Ngay cả cách cảm nhận về loài chim trong mối quan hệ với con người, với công việc nhà nông của tác giả cũng thấm đậm chất dân gian: Diều hâu bắt trộm gà con, quạ vào chuồng lợn, chèo bẻo đánh thức người từ tờ mờ sáng trong ngày mùa... Cách cảm nhận đầy chất dân gian như thế đã làm cho mạch văn tự nhiên, dung dị, gần gũi với cuộc sống con người.

Tuy nhiên, cái nhìn thiện cảm hay ác cảm về loài chim xuất phát từ cái nhìn phổ biến theo quan niệm trong dân gian từ xa xưa, không tránh khỏi định kiến và thiếu chính xác.

Đoạn văn nói về con bìm bịp, tiếng kêu của bìm bịp là xuất hiện loài ác, dữ là không đúng. Đó chỉ là cách lý giải theo dân gian và là ý kiến chủ quan của tác giả.

Nhìn toàn cảnh, *Lao xao* là một bức tranh quê đầy đủ âm thanh, hương sắc của hoa lá, ong bướm, chim sáo rất sinh động và tươi tắn.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 113.

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại toàn bộ văn bản, tổng kết kiến thức trong phần **Gợi ý trả lời** của các câu hỏi trên để có một cái nhìn tổng quát.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn đã cung cấp cho chúng ta nhiều kiến thức mới mẻ về thiên nhiên nơi thôn dã. Thế giới loài chim phong phú có liên quan đến cách lí giải của dân gian vừa độc đáo, vừa lí thú về chim lành, chim ác. Môi trường sống và hoạt động của chúng có nét gần giống với con người. Chúng cũng có những mâu thuẫn (chèo bẻo và loài diều hâu, quạ, cắt), cũng giải quyết mâu thuẫn bằng những cuộc chiến ác liệt. Ngoài ra, ta còn được thấy tiếng hót đặc trưng của từng loài: tiếng "các, các" của loài bồ các, tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè, mùa vải chín...

Về cảnh sắc thiên nhiên, đó là một bức tranh hoa cỏ tươi đẹp lúc chớm hè. Chỉ bằng vài nét chấm phá, tác giả đã đem đến cho người đọc một thiên nhiên sống động đa âm, đa sắc màu. Nào là hoa lan nở trắng xoá, hoa móng rồng thơm mùi mít chín, nào là từng chùm hoa dẻ cùng với ong bướm tung tăng bay lượn...

Đằng sau nền cảnh sắc ấy là một tình cảm gắn bó, yêu mến người, mến cảnh nơi làng quê của Duy Khán. Tình cảm ấy đã thổi hồn vào cảnh vật thiên nhiên nơi đây làm chúng vừa sống động, vừa thân quen.

Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp ấy đã làm sống lại trong mỗi chúng ta tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu vẻ đẹp bình dị, sống động của làng quê.

Có thể nói, *Lao xao* là một bức tranh quê xinh xắn và độc đáo, góp phần tô đẹp cảnh vật của quê hương, đất nước.

Tư liệu tham khảo

Trong tác phẩm của mình, Duy Khán đã sử dụng rất nhiều chất liệu dân gian: hò, vè, đồng dao, sự tích các loài chim. Dưới đây, chúng tôi xin trích dẫn một vài mẩu chuyện để thấy được sự vận dụng sáng tạo của nhà văn.

CHIM BÓI CÁ

Trên một cành tre mảnh dẻ, lướt xuống mặt ao một con chim bói cá đậu coi rất cheo leo.

Lông nó như tơ, mình nó nhỏ, mỏ nó dài, lông ức nó màu hung nâu, coi xinh lạ. Nó thu mình trên cành tre, cổ rút lại, đầu cúi xuống như kiểu soi gương. Nó lẳng lặng như vậy khá lâu, ai cũng tưởng nó nghỉ.

Vụt một cái, nó lao đầu xuống nước rồi lại vụt bay lên, nhanh như cắt. Trong cái mỏ dài và nhọn, người ta thấy một con cá nhỏ mình trắng như bạc, mắc nằm ngang.

Bay lên cành cao, lấy mỏ dập dập mấy cái, nó nuốt xong mồi, rồi lại đậu xuống nhẹ nhàng trên cành tre như trước.

(Lê Văn Hoè)

SÂN NHÀ CŨ

Ngoài sân, cây cối bùm tum bên một mảnh đất dài nhưng hẹp lúc nào cũng ẩm, vì ánh nắng không lọt mấy. Na, hồng bì, lựu, cam sành, cây hồng quả, cây ổi lớn và cây đào chi chít cành. Tất cả quay vào giữa cây ngọc lan.

Đầu mùa hè, hoa ngọc lan chín trắng muốt, hương ngút ra tận đầu ngõ. Các dì tôi bắc ghế hái hoa lan, gài lên mái tóc, giắt lẫn vào đầu vành khăn.

Cái sân bé hoẻn mà lủng củng những cây. Đó là thế giới bí mật của cây và chim của tôi. Năm nào cũng có đôi chào mào đến làm tổ trong cành đào. Tháng năm, tháng sáu, những con chào mào non đương trổ lông cánh, chen đứng trên thành tổ ngóng ra. Tôi ngồi núp bên bể nước, say mê ngắm. Đến ngày chim mẹ, chim con rời tổ dắt nhau chuyển đi, tôi ngẩn ngơ buồn nhớ.

Sang năm không biết vẫn đôi ấy hay đôi khác, có những con chào mào lại đến làm tổ trong cây đào.

Ở cây cam sành, cây hồng bì quanh năm có tổ ri đá. Những mấy tổ liền nhau, nhiều hàng chục con. Bọn ri đá vốn ăn ở thầm lặng, tiếng kêu và cánh bay không động lá, ở cũng như đi, nhẹ nhàng như không.

Dưới mặt đất mát rười rượi, la liệt các thứ xương rồng, mào gà, tía tô, kinh giới, vạn niên thanh, thài lài tía, cỏ tóc tiên. Trong lối đi kín đáo, những cậu cóc xù xì ngồi chầu nhau, ngẫm nghĩ, đôi chốc nghiến răng kêu kèn kẹt, ấy trời sắp mưa.

Góc sân còn có cây cau mốc trắng trổ vút lên, đeo trên lưng những tàu lá như chiếc áo tơi xanh. Về mùa mưa dầm gió bấc, thỉnh thoảng một chiếc mo meo rớt, ngã thình xuống đất. Đó là tiếng động duy nhất trong vườn cây còn vang lại trong tôi.

(Trích Tự truyện - Tô Hoài)

PHÍA SAU DÒNG CHỮ

Bằng một giọng văn hết sức giản dị, một lối viết cực kỳ chân thật, chỉ trong 100 trang sách, Duy Khán như đã làm sống lại cái làng quê nhỏ bé của anh gần nửa thế kỷ trước với gia cầm, chim chóc, cây cối, hoa lá, đồng ruộng, núi non... và nổi bật lên là số phận những con người lam lũ qua bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu biến cải... Những ai chưa sống ở thôn quê thuở trước, qua *Tuổi thơ im lặng* sẽ biết về vùng đất nhiều cảnh, nhiều người, nhiều việc không bao giờ còn trở lại. Những ai đã từng sống ở đó, qua tuổi thơ im lặng sẽ được thức dậy bao nhiêu kỷ niệm vui buồn.

(Hồng Diệu, *Phía sau dòng chữ,* NXB Thanh niên, 1997)

Trong truyện *Lao xao,* Duy Khán đã nói đến các loài chim: chèo bẻo, chim tu hú và loài bìm bịp có liên quan đến các tích dân gian. Có thể đọc các truyện dân gian dưới đây để tham khảo:

SỰ TÍCH CON CHIM BÌM BỊP

Thuở ấy có một ông thầy đã bốn mươi năm ròng rã ăn chay niệm Phật nơi cửa chùa mà vẫn chưa thành chính quả. Ông ta bèn quyết chí khăn gói ra đi để hỏi Tiên, Phật xem tại sao lại như vậy. Ông ta đi mãi, ròng rã đã sáu tháng trời. Một đêm nọ, đang ở trên một ngọn núi cao nhìn xuống chân núi, ông thấy có ánh đèn le lói bèn lần theo ánh đèn tới nơi, thì ra đó là một ngôi nhà lẻ loi giữa rừng. Nhà tu hành xin vào nghỉ trọ. Một người đàn bà ra mở cửa và nói là chồng đi vắng không dám cho đàn ông lạ mặt ngủ trọ.

Vào lúc đó, ông chồng của bà ta về, trông mặt mũi vô cùng hung ác. Hắn một mực đổ oan cho kẻ lạ mặt có ý sàm sỡ với vợ mình và đòi giết cho bằng được nhà tu hành. Nhà tu hành chắp tay kêu oan mà kể lể sự tình cùng gã đàn ông nọ. Nghe xong, gã đàn ông dịu sắc mặt, hỏi người tu hành:

- Ta đây giết đến bốn mươi mạng người rồi, đã sát hại nhiều sinh linh quá, không biết còn tu thành chính quả được không?

Nhà tu hành liền an ủi:

- Con người ta tu cốt ở tấm lòng, nếu thực lòng hối cải thì tất là đấng thiêng liêng sẽ biết tới.

Không ngờ vừa nói xong, kẻ cướp bèn phanh ngực áo lấy dao moi tim mình đưa cho thầy tu, và nhờ ông ta chuyển tới Tiên, Phật, nói xong liền tắt thở. Nhà sư đọc kinh siêu thoát cho gã đàn ông nọ, rồi lại khăn gói lên đường, mang theo quả tim của người vừa chết.

Nhà tu hành rời căn nhà lẻ loi ấy ra đi. Lúc này đang là mùa nóng. Trời nắng như thiêu như đốt. Ngày thứ nhất quả tim của người xấu số bắt đầu nặng mùi, nhà tu hành vẫn cứ gói kỹ lại mang đi. Ngày thứ hai, quả tim sinh giòi bọ, nhà tu hành vẫn kiên nhẫn mang đi. Đến ngày thứ ba thì mùi hôi thối nồng nặc, ruồi nhặng bay theo đen kịt. Không thể chịu được nữa, nhà tu hành bèn nghĩ bụng: "Tu cái gì thằng kẻ cướp ấy, thôi ta quẳng nó vào bụi cây cạnh đường rồi đi tiếp". Đi được một đoạn, nhà tu hành gặp một ông cụ râu tóc bạc phơ nhưng mặt mày lại phương phi, hồng hào. Nhà tu hành bèn quỳ sụp xuống lạy rồi kể lể bao nhiêu công lao tu hành và đoạn đường vất vả, cùng ý định tới đây của mình. Cụ già đỡ nhà tu hành dậy và hỏi:

- Dọc đường có ai gửi gì không?

Lúc này nhà tu hành mới tỉnh ngộ, bèn quay lại tìm quả tim mình đã vứt đi.

Tiếc cho phận mình sắp thành chính quả, nghe theo lời ông già, nhà tu hành trở lại loanh quanh tìm hết từ bụi này sang bụi khác và ngày này qua ngày kia mà chẳng thấy quả tim đâu. Cứ thế một ngày nọ ông ta chết ở bụi rậm và biến thành chim bìm bịp. Màu lông của chim nửa nâu nửa đen giống như chiếc áo của nhà tu hành ngày xưa vậy.

Người ta cho rằng sở dĩ chim bìm bịp cứ bay hay rúc hết bụi cây này sang bụi cây khác là để tìm lại quả tim nọ.

CHÈO BẺO VÀ ÁC LÀ

Cứ theo sổ bạ làng chim, thì ác là vốn là hương hào, ở bậc trên, oai quyền, hách dịch. Còn chèo bẻo chỉ là hàng cùng đinh, ở bậc dưới. Một

hôm, ác là bắt chèo bẻo đi phu, rồi nhân lúc chèo bẻo vắng nhà, nó lẻn vào nhà. Thấy có mấy cái trứng, nó ăn tiệt.

Chèo bẻo về, mất trứng, đau đớn quá kêu la ầm ĩ. Sáo bay qua hỏi:

- Làm sao mà kêu la thế?

Chèo bẻo than thở:

- Tôi đi phu, không biết có đứa nào ăn hết trứng của tôi!

Sáo liền mách:

- Chỉ thấy ác là vào trong tổ bác thôi!

Chèo bẻo nghĩ bụng: Quân này tệ thật! Không thể sống chung với nó được. Nghĩ đoạn, bèn xin ra khỏi làng, và dời tổ đi nơi khác. Từ đó, chèo bẻo chỉ làm tổ ở cây cao, và không mấy khi bay đi xa tổ. Hễ khi nào ác là bay qua là cả họ nhà chèo bẻo kéo nhau ra, vừa đánh đuổi, vừa chửi ầm trời!

(Ác là: loài chim quạ lông đen)

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ *LÀ*

Mục đích của bài học, giúp các em củng cố và nâng cao kiến thức về các kiểu câu trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học. Cụ thể là:

- Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ *là*
- Các kiểu câu trần thuật có từ *là*

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ *là*

Câu trần thuật đơn có từ là có các đặc điểm sau:

- Vị ngữ thường do từ *là* kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo

thành. Ngoài ra, tổ hợp giữa *là* với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ)... cũng có thể làm vị ngữ.

Ví dụ: + Vị ngữ do từ *là* kết hợp với danh từ

Tre là vũ khí (Thép Mới)

+ Vị ngữ do từ *là* kết hợp với cụm danh từ:

Cây tre mang những đức tính cao quý của người hiền ***là tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam***. (Thép Mới)

+ Vị ngữ do từ ***là*** kết hợp với động từ

Hạnh phúc ***là đấu tranh*** (Các Mác)

- Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ *không phải, chưa phải.*

Ví dụ:

Cây tre mang những đức tính cao quý của người hiền chưa phải là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

Lưu ý: Không phải bất kỳ câu nào có từ *là* đều được coi là câu trần thuật đơn có từ *là*.

Ví dụ: *Người ta gọi chàng là Sơn Tinh.*

Đây không phải là câu trần thuật đơn có từ *là*. Từ *là* trong câu này là từ nối động từ *gọi* với phụ ngữ *Sơn Tinh*.

1. Xác định chủ ngữ và vị ngữ:

a. *Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều.* (Vũ Trinh)

Trong đó:

- Chủ ngữ: *bà đỡ Trần*

- Vị ngữ: *là người huyện Đông Triều.*

b. *Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.* (Theo Ngữ văn 6, tập một)

Trong đó:

- Chủ ngữ: *truyền thuyết*

- Vị ngữ: *là loại truyện dân gian... kì ảo.*

c. *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.* (Nguyễn Tuân)

Trong đó:

- Chủ ngữ: *ngày thứ năm trên đảo Cô Tô.*

- Vị ngữ: *là một ngày trong trẻo, sáng sủa.*

d. *Dế Mèn trêu chị Cốc là dại.*

Trong đó:

- Chủ ngữ: *Dế Mèn trêu chị Cốc*

- Vị ngữ là: *là dại*

2. Vị ngữ của các câu trên do những từ hoặc cụm từ loại sau tạo thành:

a. Vị ngữ *là người huyện Đông Triều* là một cụm danh từ.

b. Vị ngữ *là loại truyện dân gian... kì ảo* là một cụm danh từ.

c. Vị ngữ *là một ngày trong trẻo, sáng sủa* là một cụm danh từ.

d. Vị ngữ *là dại* là một tính từ.

3. Chọn những từ hoặc cụm từ phủ định thích hợp điền vào trước vị ngữ của các câu trên

a. *không phải là người huyện Đông Triều*

b. không phải là loại truyện dân gian ... kì ảo

c. chưa phải là một ngày trong trẻo, sáng sủa

d. không phải là dại

II. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ *là*

Một số kiểu câu đơn có từ *là* đáng chú ý:

- Câu định nghĩa;

- Câu giới thiệu;

- Câu miêu tả

- Câu đánh giá

Trong bốn kiểu câu trên, chỉ có ba kiểu câu: câu định nghĩa, câu giới thiệu và câu đánh giá là những kiểu câu thể hiện được đặc trưng của kiểu câu trần thuật có từ *là*. Còn câu miêu tả ít xuất hiện và ít thể hiện đặc trưng của câu trần thuật đơn có từ *là*.

Ví dụ:

+ Câu định nghĩa: *Phó từ **là** những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.* (Ngữ văn 6, tập II)

+ Câu giới thiệu: *Người thứ nhất **là** lão Ba Gù.* (Đoàn Giỏi)

+ Câu miêu tả: *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô **là** một ngày trong trẻo, sáng sủa.* (Nguyễn Tuân)

+ Câu đánh giá: *Mày làm như thế **là** ngu.*

1. Vị ngữ của câu b mục I.1 trình bày cách hiểu về sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

2. Vị ngữ của câu a mục I.1 có tác dụng giới thiệu sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

3. Vị ngữ của câu c mục I.1 miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

4. Vị ngữ của câu d mục I.1 thể hiện sự đánh giá đối với sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em xác định câu trần thuật đơn có từ *là* trong những câu dẫn ở SGK trang 115, 116.

Muốn tìm câu trần thuật đơn có từ *là*, các em đọc kĩ các câu cho trong bài tập.

Sau đó, các em xác định chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu. Nếu bộ phận vị ngữ có từ *là* đứng đầu (không có các phụ từ như: *không, không*

phải, còn ... đứng trước từ *là*) hay nói cách khác, do từ *là* kết hợp với cụm từ tạo thành, thì đó là câu trần thuật đơn có từ *là*.

Các em lưu ý, các câu dẫn trong bài tập đều có từ *là*, nhưng không phải tất cả những câu ấy đều là câu trần thuật đơn có từ *là*. Trong câu trần thuật đơn có từ *là* thì từ *là* có tác dụng *là* nối chủ ngữ với vị ngữ.

a. *Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.* (Ngữ văn 6, tập II)

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *hoán dụ*.

+ Vị ngữ: *là gọi tên sự vật... sự diễn đạt.*

- Cấu tạo của thành phần vị ngữ: từ *là* kết hợp với cụm động từ.

- Từ *là* trong câu này có tác dụng nối chủ ngữ *hoán dụ* với vị ngữ *gọi tên sự vật... cho sự diễn đạt.*

Từ đó, có thể khẳng định câu a là câu trần thuật đơn có từ *là*.

b. *Người ta gọi chàng* ***là*** *Sơn Tinh.* (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

- Trong đó:

+ Chủ ngữ: *người ta*.

+ Vị ngữ: *gọi chàng là Sơn Tinh.*

- Thành phần vị ngữ trong câu không có cấu tạo từ *là* kết hợp với cụm từ.

- Từ *là* trong câu không có tác dụng nối chủ ngữ *người ta* với vị ngữ *gọi chàng là Thuỷ Tinh* mà nó chỉ có tác dụng nối động từ *gọi* với phụ ngữ *Sơn Tinh.*

Từ đó, có thể khẳng định câu b không phải là câu trần thuật đơn có từ *là*.

c. *Tre **là** cánh tay của người nông dân [...]*

*Tre còn **là** nguồn vui duy nhất của tuổi thơ...*

*[...] Nhạc của trúc, nhạc của tre **là** khúc nhạc của đồng quê.*

- Câu thứ nhất: *Tre là cánh tay của người nông dân [...]*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ là: "tre"

($+_2$) Vị ngữ là: "là cánh tay của người nông dân"

+ Cấu tạo của thành phần vị ngữ trong câu là từ *là* kết hợp với một cụm danh từ.

+ Từ *là* trong câu này có tác dụng nối chủ ngữ *tre* với vị ngữ *là cánh tay của người nông dân.*

Từ đó, có thể khẳng định câu này là câu trần thuật đơn có từ *là*.

- Câu thứ hai: *Tre còn **là** nguồn vui duy nhất của tuổi thơ.*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: "*tre*"

($+_2$) Vị ngữ: *còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ.*

+ Thành phần vị ngữ trong câu không có cấu tạo từ *là* kết hợp với cụm từ.

+ Từ *là* trong câu không có tác dụng nối chủ ngữ *tre* với vị ngữ *còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ.*

Từ đó, có thể khẳng định câu này không phải là câu trần thuật đơn có từ *là*.

- Câu thứ ba: *Nhạc của trúc, nhạc của tre **là** khúc nhạc của đồng quê.*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Nhạc của trúc, nhạc của tre*

($+_2$) Vị ngữ: *là khúc nhạc của đồng quê.*

+ Cấu tạo của thành phần vị ngữ trong câu từ *là* kết hợp với cụm danh từ.

+ Từ *là* trong câu có tác dụng nối chủ ngữ *nhạc của trúc, nhạc của tre* với vị ngữ *khúc nhạc của đồng quê.*

Từ đó, có thể khẳng định câu này là câu trần thuật đơn có từ *là*.

d. *Bồ các* ***là*** *bác chim ri*

Chim ri ***là*** *dì sáo sậu*

Sáo sậu ***là*** *cậu sáo đen.*

Sáo đen ***là*** *em tu hú*

Tu hú ***là*** *chú bồ các.*

(Đồng dao)

- Câu thứ nhất: *Bồ các* ***là*** *bác chim ri*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *bồ các*

($+_2$) Vị ngữ: *là bác chim ri*

+ Cấu tạo của thành phần vị ngữ trong câu từ *là* kết hợp với một cụm danh từ.

+ Từ *là* trong câu này có tác dụng nối chủ ngữ *bồ các* với vị ngữ *bác chim ri.*

Từ đó, có thể khẳng định câu này là câu trần thuật đơn có từ *là*.

Các câu còn lại, các em làm tương tự như câu thứ nhất.

đ. *Vua nhớ công ơn phong* ***là*** *Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.* (Thánh Gióng)

- Trong đó:

+ Chủ ngữ: *vua*

+ Vị ngữ: *nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.*

- Thành phần vị ngữ trong câu này không có cấu tạo: từ *là* kết hợp với cụm từ.

- Từ *là* không có tác dụng nối chủ ngữ *vua* với vị ngữ *nhớ công ơn ... ngay ở quê nhà* mà chỉ có tác dụng nối động từ *phong* với phụ từ *Phù Đổng Thiên Vương*.

Từ đó, có thể khẳng định câu đ không phải là câu trần thuật đơn có từ *là*.

e) *Khóc **là** nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối.*

*Và dại khờ **là** những lũ người câm*

Trên đường đi như những bóng âm thầm

Nhận đau khổ mà gởi vào im lặng.

(Tố Hữu)

- Câu thứ nhất: *Khóc **là** nhục*

Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *khóc*

($+_2$) Vị ngữ: *nhục*

+ Cấu tạo của thành phần vị ngữ trong câu: từ *là* kết hợp với tính từ.

+ Từ *là* trong câu có tác dụng nối chủ ngữ *khóc* với vị ngữ *nhục*.

Từ đó, có thể khẳng định đây là câu trần thuật đơn có từ *là*.

- Câu thứ hai: *Rên, hèn*

Câu này được tính trong văn bản thơ của Tố Hữu. Ngôn ngữ thơ luôn ngắn gọn, súc tích và có tính biểu đạt cao. Mặc dù không có từ *là* nhưng *Rên, hèn* có cấu trúc giống câu *Khóc là nhục - Rên (là) hèn.*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Rên*

($+_2$) Vị ngữ: *(là) hèn*

+ Thành phần vị ngữ trong câu có cấu tạo: một tính từ (từ *là* bị lược và thay bằng dấu phẩy (,).

Từ đó, có thể khẳng định đây là câu trần thuật đơn có từ *là*.

- Câu thứ ba: *Van, yếu đuối.*

Câu này tương tự như câu thứ hai, các em tự làm lấy.

- Câu thứ tư: *Và dại khờ* ***là*** *những lũ người câm*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Dại khờ*

($+_2$) Vị ngữ: *là những lũ người câm*

+ Cấu tạo của thành phần vị ngữ trong câu: từ *là* kết hợp với một cụm danh từ.

+ Từ *là* trong câu có tác dụng nối chủ ngữ *dại khờ* với vị ngữ *những lũ người câm.*

Từ đó, có thể khẳng định đây là câu trần thuật đơn có từ *là*.

2. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu trần thuật đơn có từ *là* ở bài tập 1.

- Xếp những câu đó vào bốn kiểu câu đã học: câu định nghĩa, câu giới thiệu, câu miêu tả, câu đánh giá.

Yêu cầu thứ nhất của bài tập này đã được đáp ứng ở bài tập 1, các em có thể xem lại.

Để xếp được câu đơn trần thuật có từ *là* vào một trong bốn kiểu câu đã học thì các em cần căn cứ vào vị ngữ của nó. Cụ thể là:

+ Câu định nghĩa: vị ngữ trình bày cách hiểu về sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

+ Câu giới thiệu: vị ngữ có tác dụng giới thiệu sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

+ Câu miêu tả: vị ngữ miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

+ Câu đánh giá: vị ngữ của câu đánh giá thể hiện sự đánh giá đối với sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ.

a) Câu *Hoán dụ... cho sự diễn đạt* thuộc kiểu câu định nghĩa.

c) Câu *Tre là cánh tay của người nông dân [...]* thuộc kiểu câu miêu tả.

Câu [...] *Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê* thuộc kiểu câu miêu tả.

d) Các câu *Bồ các là bác chim ri...* thuộc kiểu câu giới thiệu.

e. Câu *Khóc là nhục* thuộc kiểu câu đánh giá.

Câu *Và dại khờ là những lũ người câm* thuộc kiểu câu đánh giá.

3. Bài tập này có ba yêu cầu:

- Viết một đoạn văn từ năm đến bảy câu tả một người bạn của em.
- Trong đoạn văn đó phải có ít nhất một câu trần thuật đơn có từ *là*.
- Tác dụng của câu trần thuật đơn có từ *là* trong đoạn văn.

Trước hết em cần đặt một số câu hỏi tìm ý như:

- Người bạn em định tả tên là gì?
- Đặc điểm về ngoại hình?
- Thành tích trong học tập?

...

Câu trần thuật đơn có từ *là* trong đoạn văn thường là câu có tác dụng giới thiệu người bạn hoặc nhận xét, đánh giá kết quả học tập, tu dưỡng của bạn.

Bài 28

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÝ

1. Câu hỏi 1 SGK trang 117

TT	Tên tác phẩm (đoạn trích)	Tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung (đại ý)
1	Bài học đường đời đầu tiên (trích Dế Mèn phiêu lưu kí)	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng và sức khoẻ của một chàng dế thanh niên nhưng tính tình xốc nổi, kiêu căng. Trò đùa của Dế Mèn đã gây ra cái chết cho Dế Choắt. Dế Mèn vô cùng ân hận và tự rút ra được bài học cho mình.
2	Sông nước Cà Mau (trích Đất rừng phương Nam)	Đoàn Giỏi	Truyện dài	Cảnh quan độc đáo của Cà Mau với sông ngòi kênh rạch bủa giăng chi chít, dòng sông Năm Căn rộng lớn, rừng đước trùng điệp, bát ngát và chợ nổi trên sông tấp nập, trù phú, đông vui.
3	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Truyện ngắn	Trước tâm hồn trong sáng và lòng nhân hậu của cô em gái có năng khiếu hội hoạ, người anh nhận ra và vượt qua được sự mặc cảm, đố kị của chính mình.
4	Vượt thác (Trích Quê nội)	Võ Quảng	Truyện dài	Cảnh vượt thác trên sông Thu Bồn làm nổi bật vẻ đẹp hùng dũng và sức mạnh của nhân vật dượng Hương Thư.
5	Buổi học cuối cùng	An-phông-xơ Đô-đê	Truyện ngắn	Buổi học bằng tiếng Pháp cuối cùng của lớp học trường làng vùng An-dat trước khi bị buộc phải nhập vào đất Phổ và hình ảnh thầy giáo Ha-men qua lời kể và cảm nhận của cậu bé Phrăng.
6	Cô Tô (trích)	Nguyễn Tuân	Bút kí	Cảnh thiên nhiên hùng vĩ, trong sáng và cảnh sinh hoạt khẩn trương tươi vui trên đảo Cô Tô.
7	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Tuỳ bút	Cây tre rất gần gũi, thân thiết với nhân dân Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động, chiến đấu và đã trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam.
8	Lòng yêu nước	I-li-a Ê-ren-bua	Tuỳ bút chính luận	Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường, gần gũi, từ tình yêu gia đình, quê hương. Lòng yêu nước được thử thách và bộc lộ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
9	Lao xao (trích Tuổi thơ im lặng)	Duy Khán	Hồi kí	Miêu tả các loại chim ở đồng quê qua đó thể hiện vẻ đẹp phong phú của thiên nhiên làng quê và bản sắc văn hoá dân gian.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 118

(Nhìn vào bảng thống kê đã làm, em hãy nhận xét: Những yếu tố nào thường có chung ở cả truyện và kí).

Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích)	*Thể loại*	*Cốt truyện*	*Nhân vật*	*Nhân vật kể chuyện*
Bài học đường đời đầu tiên	Truyện	×	×	×
Sông nước Cà Mau	Truyện	×	×	×
Bức tranh của em gái tôi	Truyện	×	×	×
Vượt thác	Truyện	×	×	
Buổi học cuối cùng	Truyện	×	×	×
Cô Tô	Kí			×
Cây tre Việt Nam	Kí			
Lòng yêu nước	Kí			
Lao xao	Kí			×

Qua bảng thống kê trên, chúng ta có thể thấy yếu tố thường có chung ở cả truyện và kí là nhân vật kể chuyện. Điều đó cũng chứng tỏ truyện và hầu hết các thể kí đều thuộc loại hình tự sự. Đó là phương thức tái hiện cuộc sống một cách khách quan bằng tả và kể là chính, qua lời kể của người kể chuyện trong tác phẩm.

Tuy nhiên, giữa kí và truyện cũng có nhiều điểm khác nhau. Trong 4 tác phẩm kí đã học đều không có yếu tố cốt truyện và nhân vật. Trong năm tác phẩm truyện đều có hai yếu tố này. Nhưng cần lưu ý trường hợp đoạn trích *Sông nước Cà Mau*. Đây chỉ là một lát cắt nhỏ của cả truyện *Đất rừng phương Nam*, không có yếu tố cốt truyện và nhân vật. Nhưng nếu đặt trong toàn tác phẩm, chúng ta sẽ thấy hai yếu tố này xuất hiện rất rõ nét và đặc sắc. Truyện kể về chuyến lưu lạc của cậu bé An (xưng tôi) thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, có nhiều chi tiết hấp dẫn. Như vậy, rõ ràng yếu tố cốt truyện và nhân vật gần như là tất yếu đối với các thể truyện. Trong khi đó, với thể kí, hai yếu tố này vắng bóng.

Truyện là nghệ thuật của sự tưởng tượng và sáng tạo trên cơ sở quan sát và tìm hiểu cuộc sống, nhà văn xây dựng nhân vật, đặt đúng

vào những cốt truyện, kể một câu chuyện nào đó để cuối cùng gửi gắm tới người đọc một thông điệp, một cách nhìn, một bức tranh khái quát từ cuộc sống. Còn kí lại là những ghi chép sự việc, sự kiện có thật, xảy ra trong thực tế. Đây chính là điểm khác nhau cốt lõi giữa hai thể loại này.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 118

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Yêu cầu đọc lại các truyện, kí đã học. Chú ý, mỗi truyện, mỗi văn bản đều có hoàn cảnh ra đời rất khác nhau, có thời gian, không gian khác nhau và khai thác những khía cạnh khác nhau về cuộc sống. Từ đó suy nghĩ để rút ra mỗi tác phẩm đem đến cho ta những kiến thức gì, những cảm nhận như thế nào?

b. Gợi ý trả lời

Trước hết, đọc những truyện – kí như *Sông nước Cà Mau*; *Vượt thác*... chúng ta không khỏi tự hào, yêu mến vẻ đẹp phong phú, đa dạng, muôn màu, muôn vẻ của những vùng đất trên Tổ quốc Việt Nam ta. Những bài văn đã tái hiện trước mắt ta bức tranh sinh động, kì thú về những vùng đất ta chưa từng đặt chân tới.

Bên cạnh đó, ta cũng nhận ra rằng xung quanh ta có biết bao con người bình dị nhưng mang trong mình phẩm chất tốt đẹp, cao quý như dượng Hương Thư, như anh hùng Châu Hoà Mãn, như cô em gái nhân hậu có năng khiếu về hội hoạ... Thậm chí, tầm mắt của ta cũng được mở rộng ra cả vùng đất xa xôi, nơi đó cũng có những con người tuy xa ta về khoảng cách địa lí nhưng trái tim và tâm hồn họ thì lại rất gần gũi. Đó là thầy Ha-men, là chú bé Phrăng; là những người dân Nga yêu nước...

Những truyện – kí đã học không chỉ khơi dậy trong ta niềm mến yêu cảnh sắc, con người mà bằng việc thể hiện những nét đẹp bình dị trong cuộc sống, nét sinh hoạt khoẻ khoắn vui tươi... đã truyền cho chúng ta niềm phấn khởi, niềm tin vào sự đi lên không gì ngăn cản nổi của cuộc sống này.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 118

Đây là câu hỏi đòi hỏi ý kiến chủ quan của học sinh. Lưu ý kết hợp cảm nhận cá nhân với kiến thức chung về đặc điểm được thể hiện trong tác phẩm của nhân vật. Nắm vững cách làm bài văn phát biểu cảm tưởng để hoàn thành tốt bài tập này.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ *LÀ*

Mục đích của bài học, giúp các em củng cố và nâng cao kiến thức về các kiểu câu trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học. Cụ thể là:

- Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ *là*;

- Hai kiểu câu cơ bản: câu miêu tả và câu tồn tại.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ *là*

Câu trần thuật đơn không có từ *là* còn gọi là *câu tả*

Trong câu trần thuật đơn không có từ *là*:

- Chủ ngữ thường do danh từ (cụm danh từ) đảm nhiệm

Ví dụ:

($+_1$) Chủ ngữ do danh từ đảm nhiệm

Chèo bẻo *chỉ sợ mỗi chim cắt* (Duy Khán)

($+_2$) Chủ ngữ do cụm danh từ đảm nhiệm

Khi tiếng nó rú lên, ***tất cả gà con*** *chui vào cánh mẹ.* (Duy Khán)

Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: *Ai?, Con gì?, Cái gì?*

Ví dụ:

($+_1$) Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: *Ai?*

Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực [...]. (I. Ê-ren-bua)

***Ai** ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực? - Người xứ Gru-di-a.*

+ Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Con gì?

Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. (Duy Khán)

Con gì cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn? - Chim cắt.

+ Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Cái gì?

Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi người. (Thành Mĩ)

***Cái gì** là báu vật không thể thiếu đối với mỗi người? - Sách*

- Vị ngữ thường do động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ) đảm nhiệm.

Ví dụ:

+ Vị ngữ do động từ đảm nhiệm

*Mẹ tôi **cầm** gáo từ từ dội.* (Đỗ Thu)

+ Vị ngữ do cụm động từ đảm nhiệm

*Cây hồng bì **đã cởi bỏ hết** những cái áo lá già đen đủi.* (Tô Hoài)

+ Vị ngữ do tính từ đảm nhiệm

*Đôi càng tôi **mẫm bóng*** (Tô Hoài)

+ Vị ngữ do cụm tính từ đảm nhiệm

*Cánh Dế Choắt **chỉ ngắn** củn đến giữa lưng* (Tô Hoài)

Vị ngữ trả lời cho câu hỏi: *Làm gì?* hoặc *Thế nào?*

Ví dụ:

+ *Mẹ tôi **làm gì**? - Cầm gáo nước từ từ dội.*

+ *Đôi càng tôi **thế nào**? - Mẫm bóng*

- Khi biểu thị ý phủ định, vị ngữ kết hợp với các từ *không, chưa.*

Ví dụ: *Cây hồng bì **chưa** cởi bỏ hết những cái áo lá già đen đủi.*

*Đôi càng tôi **không** mẫm bóng*

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ dẫn ở SGK trang 118, 119:

a. *Phú ông mừng lắm*

Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Phú ông*

(t_2) Vị ngữ: *mừng lắm*

b. *Chúng tôi hội tụ ở góc sân* (Duy Khán)

Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Chúng tôi*

($+_2$) Vị ngữ: *hội tụ ở góc sân*

2. Hai câu dẫn ở mục 1 có:

a) Vị ngữ *mừng lắm* do cụm tính từ tạo thành

b) Vị ngữ *hội tụ ở góc sân* do cụm động từ tạo thành

3. Vị ngữ biểu thị ý phủ định:

a. *Phú ông **không** mừng lắm*

b. *Chúng tôi **không** hội tụ ở góc sân*

II. Câu miêu tả và câu tồn tại

Sách giáo khoa phân câu trần thuật đơn không có từ *là* thành hai loại câu: câu miêu tả và câu tồn tại

- *Câu miêu tả* là loại câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm,... của sự vật nêu ở chủ ngữ (chú ý: từ *sự vật* được dùng theo nghĩa rộng bao gồm: người, con vật, vật vô tri...).

Trong câu miêu tả, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

Ví dụ: Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa.

Trong đó:

Chủ ngữ: *ong vàng, ong vò vẽ, ong mật*

Vị ngữ: *đánh lộn nhau...*

Trong câu này, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

- *Câu tồn tại* là loại câu dùng để thông báo về sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật.

Một trong những cách tạo câu tồn tại là đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.

Ví dụ: *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính*. (Thép Mới)

Trong đó:

+ Vị ngữ: *thấp thoáng.*

+ Chủ ngữ: *mái đình, mái chùa cổ kính*

Trong câu này, chủ ngữ được đảo xuống sau vị ngữ.

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu:

a. *Đằng cuối bãi, hai cậu bé con tiến lên.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *hai cậu bé con*

+ Vị ngữ: *tiến lên*

b. *Đằng cuối bãi, tiến lại hai cậu bé con*

Trong đó:

+ Vị ngữ: *tiến lại*

+ Chủ ngữ: *hai cậu bé con*

2. Câu thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn dẫn ở SGK trang 119 là câu *Đằng cuối bãi, tiến lại hai cậu bé con*. Trong câu này, vị ngữ được đảo lên trước chủ ngữ, nhằm nhấn mạnh vào nội dung thông báo nêu ở vị ngữ. Câu này thông báo về sự xuất hiện của sự vật (tức hai cậu bé) – cái mà khiến cho nhân vật *tôi* trong đoạn trích *đang đứng ngoài cửa gặm mấy nhánh cỏ non ăn điểm tâm* phải *vội lẩn xuống cỏ, chui nhanh về hang*.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu dẫn ở SGK trang 120.

- Xác định câu nào là câu miêu tả, câu nào là câu tồn tại.

a. *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời.*

- Câu thứ nhất: *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *bóng tre*

($+_2$) Vị ngữ: *trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.*

+ Động từ *trùm lên* có tác dụng miêu tả trạng thái của sự vật nêu ở chủ ngữ *bóng tre.*

+ Trong câu này, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

Từ đó, khẳng định *bóng tre trùm lên âu yếm bản, làng, thôn, xóm* là câu miêu tả.

- Câu thứ hai: *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính.*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *mái đình, mái chùa cổ kính.*

(t_2) Vị ngữ là: *Thấp thoáng.*

+ Động từ *thấp thoáng* có tác dụng thông báo về sự tồn tại của sự vật nêu ở chủ ngữ *mái đình, mái chùa cổ kính.*

+ Trong câu này, vị ngữ đứng trước chủ ngữ.

Từ đó, khẳng định *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính* là câu tồn tại.

- Câu thứ ba: *Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời.*

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *ta*

($+_2$) Vị ngữ: *gìn giữ một nền văn hoá lâu đời.*

+ Động từ *gìn giữ* có tác dụng miêu tả hành động của sự vật nêu ở chủ ngữ *ta*

+ Trong câu này, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

Từ đó, khẳng định *Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời* là câu miêu tả.

b. *Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế.* (Tô Hoài)

- Câu thứ nhất: *Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt.*

+ Câu này có cấu tạo đặc biệt, trong đó:

+ Trạng ngữ: *bên hàng xóm tôi*

+ Vị ngữ: *có cái hang của Dế Choắt*

+ Động từ *có* có tác dụng thông báo về sự tồn tại của sự vật (cái hang của Dế Choắt)

Từ đó, khẳng định *Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt* là câu tồn tại.

- Câu thứ hai: Cây này là câu trần thuật đơn có từ là (không xét đến ở bài tập này)

c. *Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua luỹ đất mà trỗi dậy.* (Ngô Văn Phú)

- Câu thứ nhất: Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng.

+ Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *những mầm măng*

($+_1$) Vị ngữ: *tua tủa*

+ Tính từ *tua tủa* có tác dụng thông báo về sự tồn tại của sự vật nêu ở chủ ngữ *những mầm măng.*

+ Trong câu này, vị ngữ đứng trước chủ ngữ.

Từ đó, khẳng định *Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng* là câu tồn tại.

- Câu thứ hai: *Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua luỹ đất mà trỗi dậy.*

+ Trong đó:

+ Chủ ngữ: *măng*

+ Vị ngữ: *trồi lên nhọn hoắt... trỗi dậy*

+ Động từ *trồi* có tác dụng miêu tả hành động của sự vật nêu ở chủ ngữ *măng.*

+ Trong câu này, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

Từ đó, khẳng định *Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ, xuyên qua luỹ đất mà trỗi dậy* là câu miêu tả.

2. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Viết một đoạn văn từ năm đến bảy câu tả cảnh trường em;

- Trong đoạn văn đó có sử dụng ít nhất là một câu tồn tại.

Muốn viết được đoạn văn tả cảnh trường em, trước hết, em phải tìm ý, sắp xếp các ý; sau đó, lập dàn ý để viết đoạn văn đó.

Muốn viết câu tồn tại, các em chỉ cần đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.

Sau đây là một số câu tồn tại để tả cảnh trường:

- Trên cột cờ, tung bay phấp phới lá cờ Tổ quốc.

- Trong sân trường, rực rỡ đỏ tươi những chùm hoa phượng đỏ.

- Trên tường trắng, chạy dài nổi bật một dòng chữ đỏ "Thi đua dạy tốt, học tốt".

ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ

Mục đích của bài ôn tập này là giúp các em:

- Nắm vững yêu cầu cơ bản của một bài văn miêu tả (tả cảnh và tả người);

- Nhận biết và phân biệt được đoạn văn miêu tả với đoạn văn tự sự (kể chuyện).

A. Hướng dẫn tìm hiểu nội dung ôn tập

I. Đặc điểm cơ bản

Đối tượng được miêu tả	*Yêu cầu đối với người viết văn miêu tả*	*Bố cục bài văn miêu tả*
- Tả người + Tả chân dung; + Tả người trong hoạt động, hành động. - Tả cảnh.	Phải có các kĩ năng: quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, so sánh, lựa chọn hình ảnh và trình bày các hình ảnh, các nội dung miêu tả theo một trật tự nhất định	Thường có ba phần: - Mở bài: Giới thiệu cảnh hoặc người được tả (nói một cách khái quát, chung nhất); - Thân bài: Tả chi tiết đối tượng được miêu tả (cảnh vật hoặc con người, hay cả cảnh và người) theo một thứ tự nhất định; - Kết bài: Nêu nhận xét, cảm nghĩ về cảnh hoặc người đã tả.

II. Đặc điểm của văn tả người và văn tả cảnh

Tả người	*Tả cảnh*
1. Yêu cầu chung - Xác định rõ đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong trạng thái hoạt động) - Quan sát, lựa chọn các chi tiết	1. Yêu cầu chung - Chọn vị trí thích hợp để quan sát cảnh vật (quan sát từ xa đến gần, từ bao quát toàn cảnh đến cụ thể chi tiết từng bộ phận). - Lựa chọn được những nét nổi bật, đặc sắc của cảnh vật; hoặc những nét gợi ra được kỉ niệm thân thiết đáng nhớ về cảnh vật.

2. Bố cục của bài văn tả người - Mở bài: Giới thiệu người được tả (người đó là ai? quan hệ với em thế nào?) - Thân bài: Miêu tả chi tiết: + Về hình dáng: Tả bao quát về tuổi tác, tầm vóc, dáng điệu; tả chi tiết về khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, nước da...; + Về tính tình: Thể hiện qua lời nói, cử chỉ, việc làm, thái độ. - Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ của người viết về người được tả.	2. Bố cục của bài văn tả cảnh - Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả (ở đâu? vào lúc nào? vào dịp nào?...) - Thân bài: + Tả bao quát toàn cảnh (những nét chung, nổi bật); + Tả từng cảnh (bộ phận) theo trình tự hợp lí. - Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ về cảnh vật.

III. Phân biệt đoạn văn tự sự và đoạn văn miêu tả

Đoạn văn tự sự	*Đoạn văn miêu tả*
- Hành động chính mà tác giả sử dụng là hành động kể	- Hành động chính mà tác giả sử dụng là hành động tả.
- Hành động kể thường trả lời cho các câu hỏi: Kể về việc gì? Kể về ai? Việc đó đã diễn ra thế nào? Ở đâu? Kết quả ra sao?	- Hành động tả thường trả lời các câu hỏi: Tả về cái gì? Tả về ai? Cảnh (hoặc người, loài vật, đồ vật) đó như thế nào, có đặc điểm gì nổi bật, được thể hiện bằng hình ảnh, chi tiết nào?

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em tìm điều đã tạo nên cái hay và độc đáo của đoạn văn trích dẫn trong SGK trang 120.

- Các em hãy nhớ lại những kiến thức đã học về văn tả cảnh, gồm có:

+ Lựa chọn được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc, thể hiện được linh hồn tạo vật.

+ Có những liên tưởng, so sánh, nhận xét độc đáo.

+ Có vốn ngôn ngữ giàu có, miêu tả cảnh vật một cách sống động, sắc sảo...

+ Thể hiện rõ tình cảm và thái độ của người tả đối với đối tượng được tả.

- Đối chiếu với đoạn văn của Nguyễn Tuân để thấy tác giả đã đáp ứng được cả bốn yêu cầu ấy (các em chứng minh từng yêu cầu qua đoạn văn của tác giả).

2. Bài tập này yêu cầu các em lập dàn cho bài văn tả quang cảnh một đầm sen đang mùa hoa nở.

Để tả quang cảnh một đầm sen đang mùa sen nở, các em có thể lập dàn ý như sau:

- Mở bài: Nêu quang cảnh chung về quang cảnh một đầm sen đang mùa sen nở.

- Thân bài: Tả cụ thể những hình ảnh và chi tiết tiêu biểu, nổi bật của đầm sen đang mùa sen nở.

- Kết bài: Đầm sen gợi cho em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

3. Bài tập này yêu cầu các em chọn lựa những hình ảnh và chi tiết tiêu biểu để miêu tả một em bé ngây thơ bụ bẫm đang tập đi, tập nói.

Để miêu tả một em bé ngây thơ, bụ bẫm đang tập đi, tập nói các em có thể lựa chọn những hình ảnh và chi tiết tiêu biểu, đặc sắc:

- Đôi mắt ngây thơ;

- Nước da trắng hồng;

- Chân tay bụ bẫm;

- Dáng đi lẫm chẫm;

- Nói bi bô...

Đây là bài tập lựa chọn chi tiết tiêu biểu và sắp xếp các chi tiết theo một thứ tự trong văn tả người đang ở tư thế hoạt động (em bé tập đi, tập nói).

Về thứ tự miêu tả, có thể có ba phần sau:

- Tả chung về em bé (chú ý bật nổi cái dáng bụ bẫm, cái vẻ ngây thơ);

- Tả em bé đang tập đi (đi lẫm chẫm...);

- Tả em bé đang tập nói (nói bi bô...).

4. Chọn ra hai đoạn văn tự sự và miêu tả trong hai tác phẩm *Bài học đường đời đầu tiên* của Tô Hoài và *Buổi học cuối cùng* của A. Đô-đê không khó, các em có thể tìm được. (Đoạn văn tự sự tìm trong truyện của A. Đô-đê, đoạn văn miêu tả tìm trong truyện của Tô Hoài).

- Có thể căn cứ vào hành động chính mà tác giả dùng trong đoạn văn: hành động tả hay kể để nhận ra đâu là đoạn văn tự sự, đâu là đoạn văn miêu tả. Nếu kể là văn tự sự, nếu tả là văn miêu tả.

+ Hành động kể trả lời cho các câu hỏi: Kể về việc gì? Kể về ai? Việc đó diễn ra như thế nào? Ở đâu? Kết quả thế nào?

+ Hành động tả trả lời cho các câu hỏi: Tả về cái gì? Tả về ai? Cảnh (hoặc người, con vật) đó như thế nào? Có gì đặc sắc, nổi bật? (bằng hình ảnh chi tiết nào?)

Các em tự chọn những hình ảnh có lối nói ví von, so sánh trong hai đoạn văn tìm được.

Bài 29

CẦU LONG BIÊN - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

Thúy Lan

Tác phẩm này là một văn bản nhật dụng. Khái niệm "văn bản nhật dụng" không phải là khái niệm chỉ thể loại, chỉ kiểu văn bản. Nó chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của văn bản mà thôi. Cập nhật có nghĩa là kịp thời, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày, cuộc sống hiện tại. Tính cập nhật thể hiện rõ nhất ở chức năng và đề tài: đề cập, bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá những vấn đề, những hiện tượng gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng. Giá trị văn chương không phải là yêu cầu cao nhất đối với loại "văn bản nhật dụng". Tuy nhiên đó vẫn là một yêu cầu quan trọng vì văn có hay mới làm cho người đọc thấm thía về tính chất thời sự nóng hổi của chính vấn đề, mới có tính thuyết phục cao. Vì thế nhiều tác phẩm thuộc "văn bản nhật dụng", vẫn có giá trị như một tác phẩm văn học. Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản, vì thế hình thức của nó rất đa dạng. Cần căn cứ vào đặc điểm về hình thức, trước hết là hình thức văn bản cụ thể, thể loại và phương thức biểu đạt để phân tích. Trong chương trình lớp 6, đó là những bài viết về di tích lịch sử (Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử), về danh lam thắng cảnh (Động Phong Nha), về mối quan hệ con người với môi trường thiên nhiên (Bức thư của thủ lĩnh da đỏ).

Trước khi đi vào trả lời các câu hỏi chi tiết, cần phải đọc chú thích ở SGK Ngữ văn 6, tập hai, trang 125 để nắm được đôi nét về thể loại của tác phẩm này.

"Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử" là một bút kí của một nữ nhà báo đã từng chứng kiến những sự kiện xảy ra đối với cây cầu trong thời bình cũng như trong bom đạn chiến tranh. Tác giả vừa ghi lại sự kiện khá cụ thể, sinh động vừa thể hiện cảm xúc, cảm nghĩ của mình.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 127

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này, cần phải đọc toàn bộ văn bản và các chú thích ở SGK để hiểu nội dung của tác phẩm. Khi đọc, chú ý đến các chi tiết về chiếc cầu được miêu tả trong từng đoạn và thời gian, không gian diễn ra các sự kiện. Đó chính là căn cứ để chia đoạn. Để nêu lên nội dung chính và ý nghĩa của từng đoạn khi đọc nên chú ý ghi ra những ý tập trung nhất, khái quát nhất của từng đoạn.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn có thể chia làm ba đoạn: theo kết cấu tổng – phân – hợp của loại văn tự sự.

Đoạn mở đầu: Từ đầu đến: "Cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội". Đoạn này nêu lên những ý tổng quát về Cầu Long Biên trong hơn một thế kỉ tồn tại. Nó tạo cho người đọc ấn tượng đầu tiên về cây cầu đã chứng kiến bao sự kiện xảy ra với thủ đô Hà Nội và với đất nước ta.

Đoạn giữa: Từ "*Cầu Long Biên khi mới khánh thành...*" đến "*...vẫn dẻo dai, vững chắc*". Trong đoạn này tác giả đã ghi lại các sự kiện đã xảy ra với cây cầu và vai trò của nó. Đoạn này chính là đoạn nêu lên rõ nhất nội dung chính của bài: Cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng.

Đoạn kết: Từ "*Bây giờ cầu Long Biên... Càng xích lại gần với đất nước Việt Nam*". Tác giả tổng kết lại ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên trong xã hội hiện tại.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 127

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này cần đọc lại đoạn văn bản đó và đoạn *Đọc thêm* về cầu Chương Dương và Thăng Long, Ngữ văn 6, tập hai, trang 128-129. Đây là đoạn văn khá quan trọng nên khi đọc nên ghi chép ra những chi tiết miêu tả về chiếc cầu. Khi liệt kê, có thể viết song song những chi tiết của cầu Thăng Long và Chương Dương để dễ so sánh.

b. Gợi ý trả lời

Đoạn văn này cho ta biết được những thông tin chính xác và cụ thể về cây cầu Long Biên.

Về tên gọi: lúc đầu khi mới khánh thành, cây cầu mang tên viên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương lúc đó là Đuy-me. Nhưng đến năm 1945 cầu được đổi tên thành cầu Long Biên.

Về quy mô của cầu: chiều dài của cầu là 2290m, nặng tới 17 nghìn tấn.

Về hình dáng: nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng.

Thời gian xây dựng: Cầu là một trong những kết quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Cuộc khai thác đó diễn ra từ 1897 – 1914. Vì thế mục đích của thực dân Pháp xây dựng cây cầu này là phục vụ cho cuộc khai thác, vơ vét nhân lực, vật lực của Việt Nam.

Về kỹ thuật: Cầu Long Biên được coi là một thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt.

Với những con số chính xác, chân thực, tác giả đã bước đầu khơi gợi trong ta niềm tự hào, yêu mến với cây cầu.

Nhưng cũng vô cùng đau xót khi tác giả cho chúng ta biết rằng, để xây dựng nên chiếc cầu này đã biết bao người dân phải đổ xương máu, nhất là các dân phu người Việt Nam phải bỏ mạng tại đây vì sự đối xử tàn nhẫn của cạc ông chủ người Pháp.

Ở đoạn văn này, tác giả đã cung cấp cho người đọc những thông tin rất ý nghĩa và khá toàn diện về lịch sử của cây cầu. Nó vừa gợi lên trong ta niềm tự hào về cây cầu chính là một thành tựu kỹ thuật trong những năm cuối thế kỉ XIX; nhưng cũng khiến ta không khỏi xót xa trưới cái chết của hàng nghìn người để làm nên cây cầu.

Khi so sánh với những thông tin về hai cây cầu Thăng Long và Chương Dương ở phần đọc thêm, ta dễ dàng nhận thấy quy mô cầu Long Biên nhỏ hơn, đơn giản hơn so với cầu Thăng Long nhưng lớn hơn cầu Chương Dương. Nhưng nếu so sánh về mặt thời gian, tính

chất thì cầu Long Biên được xây dựng trước hai cây cầu đó hơn hai phần ba thế kỉ. Và vào thời điểm cuối thế kỉ XIX, nó được coi là một thành tựu kĩ thuật hết sức quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và nó cũng đã trải qua bao thăng trầm suốt hơn một thế kỉ.

3. Câu hỏi 3 SGK trang 127

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này cần phải đọc kĩ đoạn văn bản và ghi lại các sự kiện mỗi thời gian đã diễn ra và cảnh vật được miêu tả. Đó là sự ghi chép khá cụ thể, sinh động của tác giả nên cần chú ý, nó sẽ cho ta những kiến thức rất bổ ích về lịch sử.

Để thấy sự khác nhau trong cách kể ở hai đoạn cần vận dụng kiến thức về người kể chuyện. Người kể chuyện là người kể cho chúng ta nghe về toàn bộ câu chuyện. Có lúc người đó đứng ngoài câu chuyện, có những lúc lại xuất hiện với vai trò là một nhân vật trong truyện. Tuỳ từng vai trò ấy mà cách kể, cách biểu đạt cảm xúc cũng khác nhau.

b. Gợi ý trả lời

Trong đoạn văn này cầu Long Biên đã được tác giả miêu tả ở nhiều góc độ khác nhau.

Phong cảnh ở hai bên (phía Gia Lâm và Hà Nội) được miêu tả qua điểm nhìn từ cầu. Đó là khung cảnh yên bình, sung túc của bãi mía, nương dâu, bãi ngô xanh mướt. Cái màu xanh ấy gợi lên trong lòng người đọc cảm giác của sự ấm áp, bình yên. Từ cầu nhìn về Hà Nội lại thấy ánh sáng lấp lánh của ánh đèn mọc lên như sao sa, ánh sáng lung linh, huyền ảo ấy như sáng bừng lên trong lòng tác giả, làm cho Hà Nội trở nên quyến rũ, đẹp đến lạ kì.

Cảnh vật thanh bình là thế, lung linh là thế nhưng cũng có lúc rất dữ dội với dòng chảy cuồn cuộn của sông Hồng khi mùa lũ về. Đó như là một sự thử thách sự vững chắc của cây cầu, của "*một dải lụa đào mềm mại bắc qua sông Hồng*". Dòng lũ đang cuồn cuộn, đỏ ngầu như muốn cuốn phăng đi tất cả, cây cầu cũng đung đưa, song vẫn dẻo dai, vững chắc.

Không chỉ có thế, cây cầu còn là nơi chứng kiến những sự kiện của Hà Nội những ngày chiến tranh, bom đạn ác liệt. Vẫn còn nguyên đó dấu tích của cái ngày mùa đông 1946, những người dân của Hà Nội, cả Trung đoàn Thủ đô phải hành quân qua cầu lên chiến khu kháng chiến mà vẫn "*đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*". Và đau xót hơn khi "*chiếc cầu thân thương ngày ấy trở thành mục tiêu ném bom dữ dội nhất của không lực Hoa Kỳ*". Cũng bởi vì vị trí chiến lược vô cùng quan trọng của cầu Long Biên – là đường vận chuyển lương thực, súng đạn, nhân lực từ đồng bằng Bắc Bộ lên chiến khu Việt Bắc, nên giặc Mĩ không ngừng đánh phá, cản bước tiến của quân ta. Không phải một lần mà liên tục bắn phá, ngày một dữ dội hơn, có lúc làm cho nó "*rách nát tả tơi như ứa máu*". Và khi đó biết bao nhiêu chiến sĩ đã ngã xuống để quyết tâm bảo vệ cây cầu như bảo vệ chính sự sống của mình, bảo vệ niềm tự hào của quân dân Hà Nội. Vì thế mà chúng cứ phá đến đâu ta khắc phục đến đó, và cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước.

Tất cả cảnh vật và sự kiện được miêu tả ở đây cho ta thấy vẻ đẹp, vai trò, ý nghĩa của cây cầu. Nó đã từng chứng kiến cảnh thanh bình, êm ả của cuộc sống bình yên; nhưng cũng có lúc nó rung lên trước sức huỷ hoại của thiên tai và mất mát vì sự tàn phá của bom đạn kẻ thù. Trên mình nó đã từng mang bao vết thương của hàng tấn bom đạn dội xuống. Và đến nay, khi dạo bước trên cây cầu lành lặn, vững chãi như ngày nào, ta không còn nhìn thấy tàn tích của sự phá hoại, nhưng không ai có thể quên được những ngày tháng đau thương mà oanh liệt ấy.

Tác giả đã rất khéo léo, tự nhiên đưa vào trong đoạn văn những đoạn thơ, khúc nhạc rất thiết tha, sâu lắng. Điều đó vừa làm tăng thêm tính biểu cảm cho đoạn văn lại bổ sung cho chủ đề của tác phẩm: Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử. Qua đoạn thơ, chỉ bốn câu lục bát cho thấy cây cầu đã từng chứng kiến cảnh đông vui, tấp nập đi lại buôn bán của người dân khắp nơi đổ về kinh kì buôn bán. Nhưng nếu chỉ có thế thì có vẻ thơ quá, mộng quá chăng? Tác giả lại khéo léo đưa vào một đoạn trong ca khúc *Ngày về* của nhà thơ Chính Hữu và nhạc sĩ Lương Ngọc Trác, ở đó khắc họa hình ảnh những đoàn quân ra đi bỏ lại đằng sau "cả đô thành nghi ngút cháy". Một lần nữa

ấn tượng vì sự đau thương, mất mát lại trỗi dậy, in đậm trong ta. Chỉ với một vài đoạn thơ, khúc nhạc ngắn nhưng tác giả đã rất thành công trong việc bổ sung thêm thông tin để khắc hoạ nổi bật chủ đề của tác phẩm.

Cách kể của tác giả trong bài văn có sự thay đổi: Lúc đầu người kể chỉ là người đứng ngoài câu chuyện, làm nhiệm vụ thuyết minh về một cây cầu một cách khách quan, cung cấp cho người đọc những thông tin cụ thể, chính xác. Nhưng đến đoạn thứ hai, khi kể về những sự kiện mà cầu Long Biên phải chứng kiến thì tác giả đã xuất hiện trực tiếp với vai trò là nhân vật "tôi". Bởi vì đến đây khi cảm xúc trào dâng, không kìm nén được lòng mình tác giả như muốn được giãi bày, được thổ lộ. Chính vì thế đoạn văn đã xuất hiện những từ hết sức biểu cảm, thể hiện cảm xúc mãnh liệt của con người: *nhớ như in, nằm sâu trong trí óc, yêu thương, quyến rũ, khát khao, như ứa máu, rách nát, tả tơi, nước mắt ứa ra, đứt lòng đứt ruột...* tác giả không còn điềm tĩnh để giữ được giọng thuyết minh có vẻ khách quan như ban đầu. Người kể thốt lên sự đau thương, mất mát của cây cầu thân thương ấy như chính mình đang phải chịu nỗi đau mất đi một phần cơ thể vậy. Hóa thân thành nhân vật của câu chuyện sẽ là cách tốt nhất để tác giả thể hiện chân thực, sâu sắc tình cảm của mình.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 127

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đây là một câu hỏi tương đối khó nên phải đọc lướt qua một lần nữa tác phẩm để thấy được chủ đề và nội dung tư tưởng của toàn văn bản. Thêm vào đó, cần đọc kỹ chú thích trong SGK về hai từ "chứng nhân" và "chứng tích" để thấy được ý nghĩa cụ thể của hai từ trong văn cảnh cụ thể. Và cũng phải hiểu thế nào là sự kiện lịch sử thì mới liệt kê được những chi tiết chính xác và có ý nghĩa. Sự kiện lịch sử là những sự việc xảy ra trong một giai đoạn lịch sử nhất định, có ý nghĩa ít nhiều quan trọng đối với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của một địa phương, vùng, một quốc gia.

b. Gợi ý trả lời

Trước hết cần khẳng định "tác phẩm là đứa con tinh thần của nhà văn". Vì thế khi đặt tên cho tác phẩm của mình, tác giả cũng phải đắn

đo, suy nghĩ, lựa chọn khi đặt tên cho "đứa con" ấy. Khi tác giả lựa chọn một tiêu đề nghĩa là nó phải bao quát toàn bộ nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Khi đọc tên tác phẩm lên, chúng ta có thể hiểu được trong đó viết gì. Chính vì vậy, không thể tuỳ tiện thay thế các từ ngữ trong tên của một tác phẩm nào. Ở đây, sự thay thế không đơn thuần chỉ là thay thế từ ngữ mà như vậy sẽ làm mất đi giá trị của tiêu đề và cũng không thể nói lên được vai trò, ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên. Bởi vì *chứng tích* đơn giản chỉ là những vết tích hay hiện vật còn lưu lại, có giá trị làm chứng cho một sự việc đã qua. Nhưng ở đây tác giả rất có lí khi dùng từ *chứng nhân*. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, trang 186: "Chứng nhân là người làm chứng", có nghĩa là từ này dùng để chỉ những người có mặt, chứng kiến một sự việc gì đó đã xảy ra. Ở đây tác giả đã sử dụng biện pháp nhân hóa, làm cho cây cầu không còn là một vật vô tri nữa mà nó giống như một nhân chứng của lịch sử. Thêm vào đó, khi sử dụng biện pháp này, tác giả cũng dễ dàng thổi hồn mình vào đối tượng và thể hiện sâu sắc tư tưởng, tình cảm của mình, cùng nhau nêu bật được ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên.

Và với vai trò là một chứng nhân, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện quan trọng của thủ đô và của đất nước trong nhiều giai đoạn lịch sử.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ, từng đoàn người hành quân qua cầu, bỏ lại đằng sau *đô thành đang khói lửa* mà lòng đau xót, luyến lưu. Trong kháng chiến chống Mĩ: Hai lần giặc Mĩ mang bom bắn phá miền Bắc (lần thứ nhất năm 1964, lần thứ hai năm 1969), Hà Nội đều phải chịu hậu quả hết sức nặng nề và cầu Long Biên cũng trở thành mục tiêu tấn công ác liệt. Và nhất là năm 1972, với tham vọng tạo một thắng lợi có tính chất quyết định, đánh sập hoàn toàn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tổng thống Mĩ Ních-xơn đã lệnh cho không lực Hoa Kì mang bom rải thảm miền Bắc Việt Nam. Lần đó cầu Long Biên bị bom đánh tả tơi tưởng chừng không thể tồn tại được. Nhưng cây cầu vẫn hiên ngang tồn tại sừng sững giữa mênh mông sông nước như minh chứng hùng hồn về sức sống bất diệt của con người Việt Nam trước sự huỷ diệt của chiến tranh.

Đây là những chi tiết lịch sử hết sức sinh động, chân thực như một thước phim quay chậm, đưa ta trở lại thời kỳ của bão lửa chiến tranh. Đó là thời kì con người phải gồng mình lên để chống chọi với mất mát đau thương đến tột độ để chiến đấu và chiến thắng. Đó cũng là thời kì viết lên những bản anh hùng ca bất diệt về sức sống, sức chiến đấu của con người Việt Nam. Và cây cầu Long Biên cũng trở thành một chứng nhân sống động, đau thương mà anh hùng cho lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng.

Câu kết bài là một cách kết đầy thú vị, để lại nhiều dư vị trong lòng người đọc. Câu rút gọn trong SGK đã cắt bớt đi một phần quan trọng "*đặng bắc một nhịp cầu vô hình nơi du khách*" của câu văn. Nếu cắt bỏ đi một số lượng từ ngữ rất ít ỏi đó thôi cũng sẽ làm mất đi cái biểu cảm của câu văn. Bởi với một câu ngắn ngủi ấy tác giả đã một lần nữa khẳng định vai trò, ý nghĩa của cây cầu đối với hiện tại và tương lai của đất nước. Rất tinh tế, thi vị cây cầu bằng xi măng, cốt thép tưởng như chỉ là vật vô tri, vô giác ấy lại nối được sợi dây vô hình nào đó giữa nhân dân Việt Nam với bạn bè quốc tế, cho chúng ta xích lại gần nhau hơn, yêu thương, thân ái hơn.

Sở dĩ có thể nói nhịp cầu bằng thép của cầu Long Biên lại có thể trở thành nhịp cầu vô hình nối những con tim bởi vì: Cầu Long Biên là một chứng nhân "lịch sử sống động, đau thương và anh hùng của người Việt Nam khiến du khách nước ngoài phải trầm ngâm, đứng ở nhiều góc độ, ghi lại hình ảnh chiếc cầu mỗi khi đến thăm nơi đây". Cây cầu sẽ đi vào lịch sử, đi vào lòng mỗi người dân đất Việt như một Ngã ba Đồng Lộc, một thành cổ Quảng Trị đau thương nhưng vô cùng anh dũng.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Duy đã có một bài viết rất hay về cây cầu Long Biên vững chãi, thơ mộng và anh hùng:

"Đi ngang sông Hồng thời ấy, áo tứ thân và nón quai thao, nắng lẳng lơ vờn tóc đuôi gà, gió chòng ghẹo yếm đào, khăn mỏ quạ, bàn chân đất lì chia trên mặt nhựa gánh gồng, guốc mộc khua lóc cóc giữa mặt sông.

Đi ngang sông Hồng thời ấy, mũi giầy Giôn vênh váo điệu đàng, khăn xếp áo lương, nghênh ngang xe tay, ô Tây che má phấn tân thời, gót hiến binh đếm nhịp dùi cui, tàu hoả xả rơi than đổ xuống thuyền chài, ó é nỉ non cây nhị hồ hát xẩm.

Đi ngang sông Hồng, ta vẫn đi trên cây cầu già cũ, cầu Long Biên 80 tuổi thọ gồng mình mang chật chội dòng đời.

Đã qua đây nửa thế kỉ sục sôi, những thầy trò Đông Kinh Nghĩa Thục, những chuyến xuất dương bí mật, những xe tù về Hỏa Lò, người lên đoạn đầu đài, người lưu đày phát vãng.

Đã qua đây máu nhỏ giọt gót giày phát xít, người Nhật ma cái đại chiến thế giới thứ hai, những trận bom Mĩ và Tàu ô, Tàu vàng đạo quân thổ phỉ.

Đã qua đây đội vũ trang trong đoàn biểu tình, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với Ba Đình, sông Hồng hát lời "Tuyên ngôn Độc lập".

Đã qua đây ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, tiêu thổ phố phường và lên chiến khu, Trung đoàn Thủ đô rút qua cầu thề trở lại; khoá sau lưng, Hà Nội cháy bừng bừng.

Đã qua đây những người về tràn năm cửa ô, lời thề cũ lấy máu mình mà giữ.

[...]

Tổ sơn cầu Long Biên từng có anh thương binh miền Nam tập kết, anh ra đây theo hiệp định Giơ-ne-vơ; mòn mỏi tháng năm chờ trở lại quê nhà, nghe câu hát ru con, mà mất ngủ. Anh đợi suốt thời Bắc Nam chia cắt lặng lẽ sơn cầu hết đầu Bắc sang đầu Nam, nhớ vợ bằng nỗi nhớ Ngưu Lang.

Đi qua cầu Long Biên có một quãng thời bình tuyệt đẹp, sinh viên tới trường gương mặt sáng sủa như gương; người đổ lên khu gang thép Thái Nguyên, sang công trường thủy lợi Bắc Hưng Hải; người về xây dựng thủ đô và dựng nhà máy; câu lạc bộ có chương trình dạy nhảy; Hồ Bảy Mẫu biến ra công viên, lối mòn Cổ Ngư thành đại lộ Thanh Niên.

Đi qua cầu Long Biên những chiếc xe đạp không có khóa, cái ví tiền rơi có người nhặt trả, đốt đuốc mà tìm không thấy thằng ăn cắp,

không thấy bóng dáng con phe, không chen lấn, không hỗn loạn, cái nhìn tin yêu và lòng thanh thản.

Đi qua cầu Long Biên trên nóc cầu bỗng xuất hiện những ụ súng đại liên 12 li 7, những người lính cảm tử còn rất trẻ. Cuộc chiến tranh mới đã tới độ khốc liệt. Thần Sấm, Con Ma rú suốt ngày đêm. Bom dội Đức Giang, Văn Điển, Khâm Thiên... Những trận không chiến dữ dội, đạn pháo nổ trắng trời và máy bay Mĩ cháy, còi báo động báo yên, vẫn có lúc thảnh thơi, ngồi bệt uống bia hơi bên miệng hầm trú ẩn.

Đi qua cầu Long Biên, nườm nượp đoàn người sơ tán, những đứa trẻ Hà Nội có thêm quê hương ở thôn nào đó, người thợ có thêm khẩu súng trên vai, chiếc cặp lồng cơm có thêm chỗ toòng teng trên tay lái xe đạp.

Đi qua cầu Long Biên, dằng dặc quân vào Nam ra Bắc, dàn tên lửa đất đối không chẳng thèm phủ bạt, những toa tàu để trần: đại bác, xe tăng, hàng viện trợ không hoàn lại, rối rít phóng viên và nhà thơ nước ngoài (...).

Đi qua cầu Long Biên, xác B.52 gom nhặt chở về Sở Thú, lũ lượt giặc lái Mĩ giã từ các Hin-tơn Hà Nội; những đợt trao trả kẻ đã thành người lẫn kẻ đã thành ma.

(Trích *Đi qua cầu Long Biên những năm sau chiến tranh* của Nguyễn Duy)

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

Mục đích của bài học, giúp các em nhận ra và biết cách khắc phục các lỗi đặt câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Câu có cấu tạo bình thường (trừ các câu có cấu tạo đặc biệt và câu rút gọn) phải có đủ chủ ngữ và vị ngữ. Câu thiếu một trong hai thành phần là câu sai.

- Nguyên nhân của việc tạo câu sai chủ yếu do người viết lầm tưởng:

+ *Sự vật* được nêu ở trạng ngữ chính là *đối tượng làm chủ thể của hành động trong thông báo*.

+ Cụm chủ – vị làm phụ ngữ cho danh từ trung tâm trong cụm danh từ làm chủ ngữ là một câu hoàn chỉnh.

+ Cụm danh từ có thành phần giải thích là một câu hoàn chỉnh. Tóm lại, nguyên nhân của việc câu sai là do người viết không kiểm soát được câu mình viết, không nắm vững cấu tạo của một số kiểu câu thường viết sai.

Bài học này giúp các em nắm chắc, hiểu kĩ cấu tạo của các kiểu câu này. Từ đó, có cơ sở để phát hiện ra các câu sai do thiếu chủ ngữ, vị ngữ; hình thành ý thức và thói quen viết câu đúng.

I. Câu thiếu chủ ngữ

1. Chủ ngữ, vị ngữ của các câu dẫn trong SGK trang 129:

a. *Qua truyện Dế Mèn phiêu lưu kí* **cho** *thấy Dế Mèn biết phục thiện.*

Ta thấy câu này:

+ Chỉ có vị ngữ *thấy Dế Mèn biết phục thiện.*

+ Thiếu chủ ngữ.

Ta có thể đặt câu hỏi: Qua chuyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* ***ai*** *thấy Dế Mèn biết phục thiện*? Sẽ không có câu trả lời cho câu hỏi này bởi câu trên thiếu chủ ngữ.

b. *Qua truyện "Dế Mèn phiêu lưu kí", em thấy Dế Mèn biết phục thiện.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *em*

+ Vị ngữ: *thấy Dế Mèn biết phục thiện.*

Đây là câu có đủ chủ ngữ và vị ngữ.

2. Chữa lại câu sai cho đúng.

Câu a ở mục I.1 là câu sai vì thiếu chủ ngữ. Nguyên nhân của việc tạo ra câu sai này là do người viết lầm tưởng "sự vật" được nêu ở trạng ngữ (*Dế Mèn phiêu lưu kí*) chính là "đối tượng làm chủ thể của hành động trong thông báo".

Có thể chữa câu đó theo hai cách sau đây:

+ Thêm chủ ngữ như: em, chúng em...

Qua truyện "Dế Mèn phiêu lưu kí", chúng em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

+ Biến trạng ngữ thành chủ ngữ bằng cách bỏ đi một số từ ở trạng ngữ: bỏ từ *qua* trong *Qua truyện Dế Mèn phiêu lưu ký* thành: *Truyện Dế Mèn phiêu lưu kí cho thấy Dế Mèn biết phục thiện.*

II. Câu thiếu vị ngữ

1. Chủ ngữ, vị ngữ của các câu dẫn ở trong SGK trang 129:

a. *Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *Thánh Gióng*

+ Vị ngữ: *cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.*

Đây là câu có đủ chủ ngữ và vị ngữ.

b. *Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.*

Trong câu này:

+ Chỉ có chủ ngữ *Hình ảnh ... vào quân thù*

+ Thiếu vị ngữ.

Ta có thể đặt câu hỏi: *Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù* ***như thế nào****?* Sẽ không có câu trả lời cho câu hỏi vì câu trên thiếu thành phần vị ngữ.

c. *Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.*

Trong câu này:

+ Chỉ có chủ ngữ *bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.*

+ Thiếu vị ngữ.

Ta có thể đặt câu hỏi: *Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A **làm sao**?* Sẽ không có câu trả lời cho câu hỏi này vì câu trên thiếu thành phần vị ngữ.

d. *Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *bạn Lan*

+ Vị ngữ: *là người học giỏi nhất lớp 6A.*

Đây là câu có đủ thành phần chủ ngữ và vị ngữ.

2. Chữa lại câu sai cho đúng

Câu b ở mục II.1 là câu sai bởi đây là một câu thiếu vị ngữ. Nguyên nhân của việc tạo câu sai là do người viết lầm tưởng cụm chủ – vị *Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù* làm phụ ngữ cho danh từ trung tâm *hình ảnh* trong cụm danh từ làm chủ ngữ là một câu hoàn chỉnh.

Có thể chữa câu đó theo hai cách sau:

+ Thêm vị ngữ: *Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù thật hào hùng, lẫm liệt.*

Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Hình ảnh Thánh Gióng... xông thẳng vào quân thù.*

($+_2$) Vị ngữ: *thật hào hùng, lẫm liệt*

+ Bỏ từ *hình ảnh* ở đầu để như câu a ở mục II.1 có đủ cả chủ ngữ và vị ngữ: *Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.*

- Câu c ở mục II.1 là câu sai bởi đây là câu thiếu vị ngữ. Nguyên nhân của việc tạo ra câu sai này là do người viết lầm tưởng cụm danh từ có thành phần giải thích *Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A* là một câu hoàn chỉnh.

Có thể chữa câu đó theo hai cách sau:

+ Thêm vị ngữ *Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A, được bầu làm lớp trưởng.*

Trong đó:

($+_1$) Chủ ngữ: *Bạn Lan*

($+_2$) Vị ngữ: *được bầu làm lớp trưởng*

+ Thay dấu phẩy bằng từ *là* như câu d ở mục II.1 để có cả chủ ngữ và vị ngữ: *Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.*

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em đặt câu hỏi để kiểm tra ba câu dẫn ở tập ở SGK trang 129, 130 có thiếu chủ ngữ hay vị ngữ không.

Muốn làm được bài tập, các em cần hiểu:

+ Chủ ngữ trong câu trả lời cho câu hỏi: *Ai? Cái gì? Con gì?...*

+ Vị ngữ trong câu trả lời cho câu hỏi: *Là ai? Là con gì? Là cái gì? Làm gì? Như thế nào? Ra sao?*

a. *Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa.* (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

- Câu hỏi: *Từ hôm đó, **những ai** không làm gì nữa?*

Trả lời: *bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay.*

- Câu hỏi: *Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay **như thế nào?***

Trả lời: *không làm gì nữa.*

Kết luận: Câu trên có đủ hai thành phần chính: chủ ngữ và vị ngữ.

b. *Lát sau, hổ đẻ được.* (Vũ Trinh)

- Câu hỏi: *Lát sau,* ***con gì*** *đẻ được?.*

Trả lời: *Hổ*

- Câu hỏi: *Lát sau, hổ* ***làm sao****?*

Trả lời: *đẻ được.*

Kết luận: Câu trên có đủ hai thành phần chính: chủ ngữ và vị ngữ.

c. *Hơn mười năm sau, bác tiều già rồi chết.* (Vũ Trinh)

- Câu hỏi: *Hơn mười năm sau,* ***ai*** *già rồi chết?*

Trả lời: *bác tiều*

- Câu hỏi để xác định vị ngữ: *Hơn mười năm sau, bác tiều* ***làm sao****?*

Trả lời: *già rồi chết.*

Kết luận: Câu trên có đủ hai thành phần chính: chủ ngữ và vị ngữ.

2. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Xác định trong các câu dẫn ở SGK trang 130 câu nào là viết sai.

- Giải thích vì sao câu đó sai.

a. *Kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở đã động viên em rất nhiều.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *Kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở.*

+ Vị ngữ: *đã động viên em rất nhiều.*

Kết luận: Câu trên có đầy đủ hai thành phần: chủ ngữ và vị ngữ nên nó là câu đúng.

b. *Với kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở đã động viên em rất nhiều.*

Trong đó:

+ Trạng ngữ: *Với kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở.*

+ Vị ngữ: *đã động viên em rất nhiều.*

Như vậy, câu trên chỉ có thành phần trạng ngữ và vị ngữ, thiếu thành phần chủ ngữ nên nó là câu sai.

Nguyên nhân: do người viết lầm tưởng cụm từ *Với kết quả của năm học đầu tiên ở trường trung học cơ sở* là chủ ngữ.

Cách chữa: bỏ quan hệ từ *với* ở đầu câu thì câu này sẽ giống câu a: *Kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở đã động viên em rất nhiều.*

c. *Những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể.*

Câu trên mới chỉ có chủ ngữ - là một cụm danh từ *(những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể)*, thiếu vị ngữ nên nó là câu sai.

Nguyên nhân: do người viết lầm tưởng cụm chủ - vị *chúng tôi thích nghe kể* là chủ ngữ - vị ngữ của câu. Cụm chủ – vị này chỉ là phụ ngữ của danh từ trung tâm *câu chuyện.*

Cách chữa: thêm vị ngữ vào sau chủ ngữ: *Những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể luôn có kết thúc hậu.*

d. *Chúng tôi thích nghe kể những câu chuyện dân gian.*

Trong đó:

+ Chủ ngữ: *Chúng tôi*

+ Vị ngữ: *thích nghe kể những câu chuyện dân gian.*

Kết luận: Câu trên có đầy đủ hai thành phần: chủ ngữ và vị ngữ nên nó là câu đúng.

3. Bài tập này yêu cầu các em tìm những từ ngữ thích hợp làm chủ ngữ để điền vào chỗ trống.

Muốn tìm được từ ngữ thích hợp làm chủ ngữ để điền vào chỗ trống, các em phải dựa vào nội dung các từ ngữ cho sẵn ở từng trường hợp (bộ phận vị ngữ của câu) và đặt các câu hỏi với *Ai? Con gì? Cái gì?*

a. Câu hỏi: *Ai bắt đầu học hát? – Chúng em, mọi người...*

***Chúng em** bắt đầu học hát.*

b. Câu hỏi: *Con gì hót líu lo? – Mấy chú chim sơn ca (chim hoạ mi)...*

***Mấy chú chim sơn ca** hót líu lo.*

c. *Trăm hoa* đua nhau nở rộ.

d. *Mọi người* cười đùa vui vẻ.

4. Bài tập này yêu cầu các em tìm những từ ngữ thích hợp làm vị ngữ để điền vào chỗ trống.

Bài tập này các em làm tương tự như bài tập 3. Tuy nhiên, ở bài tập này các em phải đặt câu hỏi với *Làm gì? Làm sao? Như thế nào?...*

*a. Khi học lớp 5, Hải bắt đầu **học võ**.*

*b. Lúc Dế Choắt chết, Dế Mèn **rất ân hận**.*

*c. Buổi sáng, mặt trời **mọc ở phía Đông**.*

*d. Trong thời gian nghỉ hè, chúng tôi **đã đi chơi rất nhiều nơi**.*

5. Bài tập này yêu cầu các em chuyển mỗi câu ghép dẫn ở SGK trang 130, 131 thành hai câu đơn.

Mỗi câu ghép đã cho đều gồm hai vế câu, mỗi vế tương ứng với một câu đơn, có đủ chủ ngữ, vị ngữ. Chuyển câu ghép thành các câu đơn nghĩa là tách riêng từng vế của câu ghép và thay dấu phẩy (,) (hoặc quan hệ từ) phân cách các vế câu bằng dấu chấm (.) và viết hoa chữ đầu câu.

a. Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con. Hổ cái thì nằm phục xuống dáng mệt mỏi lắm.

b. Mấy hôm nọ, trời mưa lớn. Trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông.

c. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước. Trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

VIẾT ĐƠN

Mục đích của bài học, giúp các em biết viết đơn đúng quy định (theo mẫu hoặc không theo mẫu).

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Khi nào cần viết đơn?

1. Từ bốn ví dụ dẫn trong SGK trang 131, các em có thể rút ra nhận xét sau: khi ta có một nguyện vọng hoặc một yêu cầu nào đó muốn được giải quyết, ta viết đơn gửi đến các cơ quan, tổ chức hay cá nhân có trách nhiệm và quyền hạn để giải quyết.

Ví dụ:

+ Đơn xin gia nhập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Đơn xin nghỉ một buổi học.

+ Đơn xin miễn giảm học phí.

+ Đơn xin cấp lại giấy chứng nhận tốt nghiệp Tiểu học.

2. Ở mục này, có ba trường hợp phải viết đơn:

- Đơn trình báo về việc mất chiếc xe đạp (gửi Công an xã, phường...)

- Đơn xin học lớp nhạc và hoạ của trường (gửi Ban Giám hiệu nhà trường).

- Đơn xin chuyển trường (gửi Ban Giám hiệu trường cũ và trường mới).

II. Các loại đơn và những nội dung không thể thiếu trong đơn

1. Căn cứ vào hình thức và nội dung trình bày trong đơn, người ta chia ra hai loại đơn:

a. Đơn theo mẫu (thường là in sẵn)

Ví dụ: Đơn xin học nghề (SGK trang 132).

b. Đơn không theo mẫu

Ví dụ: Đơn xin miễn giảm học phí (SGK trang 133).

2. Đọc hai mẫu đơn trên, ta rút ra nhận xét như sau:

a. Giống nhau:

- Phần đầu: Quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm, ngày tháng năm làm đơn; tên đơn.

- Phần cuối: Lời cam đoan và cảm ơn, người viết đơn kí tên.

- Thứ tự sắp xếp các mục trong đơn: nơi gửi đơn, họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở của người viết đơn; trình bày sự việc, lí do, đề nghị.

b. Khác nhau:

- Đơn theo mẫu:

+ Thường in sẵn.

+ Phần kê khai về bản thân đầy đủ và chi tiết hơn: năm sinh, nơi sinh, nơi ở, dân tộc, trình độ văn hoá, trình độ ngoại ngữ. Phần nội dung chỉ ghi nguyện vọng, không có lý do (vì sao?)

- Đơn không theo mẫu:

+ Thường viết tay.

+ Phần kê khai về bản thân ghi không chi tiết như đơn theo mẫu, phần nội dung đơn gồm hai ý:

($+_1$) Vì sao gửi đơn?

($+_2$) Gửi để làm gì?

Đặc biệt phần Vì sao gửi đơn? được trình bày rõ, cụ thể, chi tiết.

c. Từ những nhận xét trên, có thể rút ra những phần quan trọng, không thể thiếu trong cả hai loại đơn là:

- Đơn gửi ai? (Cơ quan, tổ chức, cá nhân)

- Ai gửi đơn? (Cá nhân, tập thể)

- Gửi đến làm gì? (Mục đích gửi đơn hay là nguyện vọng để đạt để được giải quyết).

III. Cách thức viết đơn

1. Viết theo mẫu

Đơn theo mẫu thường in sẵn. Người viết chỉ cần điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết, phù hợp với nội dung của các từ ngữ in sẵn trong đơn. Khi viết, chú ý đọc kĩ phần từ ngữ cho sẵn để trả lời đúng yêu cầu của từng mục trong đơn.

2. Viết không theo mẫu

Đơn viết không theo mẫu thường là viết tay. Tuy không theo mẫu nhưng người viết vẫn phải trình bày theo một thứ tự nhất định. Thứ tự các mục thường là:

a. Quốc hiệu, tiêu ngữ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

b. Địa điểm làm đơn và ngày ... tháng ... năm (làm đơn)

c. Tên đơn;

d. Nơi gửi đơn;

đ. Họ tên, nơi công tác hoặc ở của người viết đơn;

e. Trình bày sự việc, lí do và nguyện vọng (đề nghị);

f. Cam đoan và cảm ơn;

g. Kí tên.

Lưu ý:

- Đơn không theo mẫu thường phải viết bằng tay, không nên dùng bản in.

- Tên đơn bao giờ cũng viết in hoặc bằng khổ chữ to.

- Khi viết đơn cần chú ý trình bày trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa và cân đối theo một số hạng mục: các phần quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi gửi, nội dung đơn mỗi phần cách nhau 2 – 3 dòng không viết

sát lề giấy, không để phần trên hoặc phần dưới trang giấy khoảng trống quá lớn.

- Tên người (hoặc cơ quan, tổ chức) nhận đơn, tên người viết đơn, mục đích, lí do và nguyện vọng là phần quan trọng nhất của đơn cần trình bày sự việc một cách rõ ràng, thành thực, lí do và nguyện vọng phải chính đáng.

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

(tiếp theo)

Mục đích của bài học, giúp các em nhận ra và khắc phục các lỗi:

- Đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ;

- Đặt câu không phản ánh đúng mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận câu.

A. Hướng dẫn tìm hiểu bài

I. Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ thường là những câu mới chỉ có thành phần phụ trạng ngữ phát triển dài. Người viết lầm tưởng cụm từ có một độ dài nhất định đó đã là câu hoàn chỉnh cho nên đã đặt dấu chấm ở cuối cụm từ.

Như vậy, nguyên nhân mắc lỗi chủ yếu do người viết không nắm vững cấu tạo của câu, không ý thức được rằng tập hợp từ đã viết chỉ là thành phần phụ và câu còn thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ.

Cách chữa thông thường đối với loại câu sai này là thêm cụm chủ vị vào sau trạng ngữ.

Chỗ sai trong các câu dẫn ở SGK trang 141 và cách chữa:

a. *Mỗi khi đi qua cầu Long Biên.*

b. *Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng.*

Cả hai câu trên mới chỉ có thành phần phụ là trạng ngữ, thiếu thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ.

Cách chữa các câu trên: thêm chủ ngữ và vị ngữ vào sau trạng ngữ để thành câu hoàn chỉnh.

a. Mỗi khi đi qua cầu Long Biên, tôi lại nhớ đến vai trò chứng nhân lịch sử của nó.

Trong đó: + Chủ ngữ: *tôi*

+ Vị ngữ: *lại nhớ đến... của nó*

b. Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng, công nhân đội cầu 21 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà đã hoàn thành kế hoạch cả năm.

Trong đó: + Chủ ngữ: *Công nhân đội cầu 21... sông Đà*

+ Vị ngữ: *đã hoàn thành kế hoạch cả năm*

II. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu

Nguyên nhân mắc lỗi:

+ Chủ yếu do người viết thiếu tư duy lô-gíc cần thiết, nói cách khác, tư duy thiếu chặt chẽ, minh xác.

+ Do người viết không nắm chắc, hiểu kĩ nội dung cần thể hiện trong câu.

Cách chữa chủ yếu đối với loại câu này là xác lập lại mối quan hệ lô-gíc, quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận trong câu sao cho hợp lí, chặt chẽ. Về mặt từ ngữ, khi sửa, cần sắp xếp lại trật tự sao cho phù hợp và nếu cần thiết, có thể thay thế một hoặc một vài từ nào đó.

1. Mỗi bộ phận in đậm trong câu *Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ta thấy dượng Hương Thư ghì trên ngọn sào*

giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ nói về dượng Hương Thư.

2. Câu trên là một câu sai về quan hệ ngữ nghĩa bởi mỗi bộ phận được in đậm trong câu là nói về dượng Hương Thư nhưng nếu viết như thế, người đọc lại hiểu các bộ phận đó là của *ta* (người thấy dượng Hương Thư)

Cách chữa: *Ta thấy dượng Hương Thư, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng sĩ.*

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em xác định chủ ngữ, vị ngữ những câu dẫn trong SGK trang 141.

Có thể dùng cách đặt câu hỏi để xác định chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu. Cụ thể:

- Để xác định chủ ngữ:

+ Ở câu a và câu b, có thể dùng câu hỏi ***Cái gì?***

+ Ở câu c, dùng câu hỏi ***Ai?***

- Để xác định vị ngữ, có thể dùng câu hỏi ***Như thế nào?*** hoặc **Ra sao?**

a. *Năm 1945, cầu được đổi tên thành cầu Long Biên.* (Theo Thuý Lan)

Trong đó: + Chủ ngữ: *Cầu*

+ Vị ngữ: *Được đổi tên thành cầu Long Biên.*

b. *[...] Cứ mỗi lần ngẩng lên nhìn bầu trời Hà Nội trong xanh, lòng tôi lại nhớ những năm tháng chống đế quốc Mĩ oanh liệt và oai hùng.*

(Theo Thuý Lan)

Trong đó: + Chủ ngữ: *Lòng tôi*

+ Vị ngữ: *lại nhớ những năm tháng ... oai hùng.*

c. Đứng trên cầu, nhìn dòng sông Hồng đỏ rực nước cuồn cuộn chảy với sức mạnh không gì ngăn nổi, nhấn chìm bao màu xanh thân thương, bao làng mạc trù phú đôi bờ, tôi cảm thấy chiếc cầu như chiếc võng đung đưa, nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc. (Theo Thuý Lan)

Trong đó: + Chủ ngữ: *tôi*

+ Vị ngữ: *cảm thấy ... vững chãi.*

2. Bài tập này yêu cầu các em viết thêm chủ ngữ và vị ngữ phù hợp vào những chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh.

Tương tự ở bài 29, trong bài tập này, muốn tìm được chủ ngữ, vị ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống, các em cần dựa vào nội dung của các từ ngữ cho sẵn, sao cho phần thêm vào phải tương đương về nội dung với phần cho sẵn.

*a. Mỗi khi tan trường, **học sinh nhanh chóng toả về các ngả đường**.*

*b. Ngoài cánh đồng, **bà con nông dân đang gặt lúa**.*

*c. Giữa cánh đồng lúa chín, **em và các bạn đặt rất nhiều thằng bù nhìn**.*

*d. Khi chiếc ô tô về đến đầu làng, **cả làng kéo ra xem**.*

3. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Chỉ ra những chỗ sai trong những câu dẫn ở SGK trang 142.

- Nêu cách chữa các câu sai đó.

Cả ba câu trong bài tập này đều là những câu sai vì chúng mới chỉ có thành phần phụ trạng ngữ được phát triển dài, chưa có chủ ngữ và vị ngữ.

Tương tự như các bài tập trước, dựa vào nội dung của thành phần trạng ngữ cho sẵn, các em thêm chủ ngữ và vị ngữ vào sau trạng ngữ để tạo thành câu hoàn chỉnh.

a. *Giữa hồ, nơi có một toà tháp cổ kính, **đàn chim sâm cầm đang dập dềnh trên mặt nước**.*

*b. Trải qua mấy nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, một dân tộc anh hùng, **nền độc lập của dân tộc đã được giữ**.*

c. *Nhằm ghi lại những chiến công lịch sử của quân và dân Hà Nội bảo vệ cây cầu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt,* ***nhân dân quận Long Biên đã xây dựng tượng đài tưởng niệm.***

4. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Chỉ ra những chỗ sai trong những câu dẫn ở SGK trang 142.

- Nêu cách chữa các câu sai đó.

Cả ba câu trong bài tập này đều là những câu sai vì quan hệ về nghĩa giữa một số bộ phận trong câu không tương hợp.

a. *Cây cầu đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông và bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.*

Trong đó: + Chủ ngữ: *cây cầu*

+ Hai vị ngữ:

($+_1$) *đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông*

($+_2$) *bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.*

Ta thấy về mặt nghĩa, chủ ngữ *cây cầu* chỉ tương hợp với vị ngữ thứ nhất *đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông* không tương hợp với vị ngữ thứ hai *bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh. Cây cầu* (chủ ngữ) không thể *bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh* (vị ngữ).

Có hai cách chữa:

+ Chuyển câu trên thành câu ghép: *Cây cầu đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông; tiếng còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.*

+ Chuyển câu trên thành hai câu đơn: *Cây cầu đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông. Xe bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.*

b. *Vừa đi học về, mẹ đã bảo Thuý sang đón em. Thúy cất vội cặp sách rồi đi ngay.*

Trong câu này, trạng ngữ *vừa đi học về* không có sự tương hợp với chủ ngữ *mẹ* bởi người vừa đi học là Thuý chứ không phải mẹ.

Cách chữa: chuyển câu trên thành câu ghép, điều chỉnh trạng ngữ thành vế câu.

Thuý vừa đi học về, mẹ đã bảo Thúy sang đón em

c. *Khi em đến cổng trường thì Tuấn gọi em và được bạn ấy cho một cây bút mới.*

Trong đó: + Trạng ngữ: *Khi em đến cổng trường*

+ Chủ ngữ: *Tuấn*

+ Câu có hai vị ngữ : - *gọi em*

- *được bạn ấy cho một cây bút mới.*

Về mặt nghĩa, chủ ngữ *Tuấn* chỉ tương hợp với vị ngữ thứ nhất là *gọi em,* không tương hợp với vị ngữ thứ hai *được bạn ấy cho một cây bút mới.*

Cách chữa: Điều chỉnh vị ngữ cho tương hợp với chủ ngữ: *Khi em đến cổng trường thì Tuấn gọi em và cho em một cây bút mới.*

LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN VÀ SỬA LỖI

Mục đích của bài luyện tập, giúp các em:

- Nhận biết lỗi và cách sửa lỗi khi viết đơn;
- Vận dụng những kiến thức về đơn từ vào việc luyện tập cách viết đơn.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Các lỗi thường mắc khi viết đơn

- Lỗi về nội dung (có đúng đắn, hợp lí, lô-gíc không?)
- Lỗi về hình thức trình bày:

+ Có đúng các quy định về cấu trúc thông thường của một lá đơn – một văn bản hành chính hay không?

+ Về trình bày, diễn đạt có hợp lí không?

Trong bài học này, SGK đã nêu ba lá đơn mắc lỗi thông thường và phổ biến. Dựa vào các lá đơn mắc lỗi này và các lá đơn do chính em và các bạn trong lớp đã từng viết, các em luyện tập phát hiện lỗi và nêu cách sửa lỗi, tiến tới hình thành kĩ năng viết đơn đúng.

1. a. Đơn này thiếu các mục cần thiết sau đây:

- Thiếu quốc hiệu, tiêu ngữ.

- Thiếu mục nêu tên người viết đơn.

- Thiếu địa điểm viết đơn và ngày ... tháng... năm viết đơn.

- Thiếu chữ kí của người viết đơn.

b. Cách sửa: Có thể bổ sung những mục thiếu đó vào đơn.

2. a. Đơn này mắc các lỗi sau:

- Lí do viết đơn tham gia lớp nhạc hoạ không chính đáng.

- Thiếu địa điểm viết đơn và ngày ... tháng ... năm viết đơn.

- Cần chú ý: phải viết *Em tên là...* chứ không viết *Tên em là...*

b. Cách chữa: Sửa lại lý do viết đơn cho đúng và bổ sung mục còn thiếu vào đơn.

3. a. Đơn này mắc các lỗi sau:

- Hoàn cảnh viết đơn không có sức thuyết phục: *sốt li bì, đầu đau nhức, không thể ngồi dậy được...* thì không thể viết đơn được.

- Phải viết *Em tên là...* chứ không viết *Tên em là...*

b. Cách chữa: Cần viết lại đơn cho phù hợp với hoàn cảnh và sửa lại chỗ đã nêu.

II. Vấn đề luyện tập cách viết đơn

Trước hết, các em cần xác định, đơn cần viết là đơn theo mẫu hay đơn không có mẫu.

Tuỳ từng loại đơn mà em có cách viết đơn thích hợp.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em hãy thay bố mẹ viết đơn gửi Ban Quản lí điện của địa phương xin bán điện cho gia đình.

Đơn cần viết ở bài tập này là đơn viết không theo mẫu. Dựa vào yêu cầu của bài tập và dựa vào cấu trúc của loại đơn viết không theo mẫu (đã học ở bài 29), em viết đơn theo các gợi ý sau:

- Quốc hiệu, tiêu ngữ.

- Địa điểm viết đơn và ngày ... tháng ... năm viết đơn.

- Tên đơn: *Đơn xin cấp điện* hoặc *Đơn xin sử dụng điện*.

- Nơi gửi đơn: ***Kính gửi:*** *Ban Quản lý điện xã A*

- Họ tên và nơi ở của người viết đơn: *Tôi tên là Trần Văn B, ở thôn..., xã,...*

- Lí do viết đơn:

Gia đình tôi có nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, xin đề nghị Ban quản lí điện của xã làm thủ tục bán điện cho gia đình tôi.

- Cam đoan và cảm ơn:

Gia đình tôi sẽ nghiêm túc thực hiện mọi quy định của Ban quản lý điện của xã. Tôi xin chân thành cảm ơn.

- Kí tên người viết đơn: Trần Văn B

2. Bài tập này làm tương tự như bài tập 1, các em tự làm. Khi viết cần chú ý những điều sau:

- Đơn phải có đủ 8 mục được sắp xếp theo thứ tự như đã học ở bài 29.

- Lí do, nguyện vọng trong đơn phải xác đáng và phải được trình bày rõ ràng.

- Hình thức: Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đơn theo đúng quy cách.

Bài 30

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

Vài nét về tác giả, tác phẩm

"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ" là một "Văn bản nhật dụng". "Văn bản nhật dụng" không phải là một khái niệm chỉ thể loại hoặc chỉ kiểu văn bản. Nói đến "Văn bản nhật dụng" trước hết là nói đến tính chất của nội dung văn bản. Đó là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của cộng đồng trong xã hội hiện đại như: vấn đề thiên nhiên, môi trường và mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

Bức thư này là của một thủ lĩnh da đỏ trả lời cho Tổng thống thứ 14 của nước Mỹ là Phreng-klin Pi-ơ-xơ khi ông tỏ ý muốn mua mảnh đất của bộ tộc họ. Đây là một bức thư hay vì nó được viết bằng nghệ thuật đặc sắc và tình cảm thấm thía. Các luận điểm được tác giả nêu ra một cách sắc sảo, chặt chẽ, sử dụng thành công nhiều biện pháp nghệ thuật như nhân hoá, so sánh, đối lập, đặc biệt là các yếu tố trùng điệp được dùng trong suốt bức thư khiến cho giọng điệu vừa sôi nổi, vừa thiết tha, lời văn nhịp nhàng mà cuốn hút, đầy sức lôi cuốn và thuyết phục.

Bức thư từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường. Dù ra đời đã gần 150 năm, bức thư vẫn có ý nghĩa đối với cuộc sống của con người hôm nay trong việc bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên, môi trường.

1. Câu hỏi 1 SGK trang 139

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đây là một tác phẩm nước ngoài, lại viết cách đây hơn 150 năm, do đó cần phải đọc kĩ tác phẩm và lưu ý đến tất cả chú thích để hiểu các khái niệm.

Khi tìm các hình ảnh so sánh, phải chú ý đến yếu tố hình thức (từ so sánh: *như, là...*) và các yếu tố khác, liệt kê cụ thể xem cái gì được so sánh với cái gì, và đặt giả thiết nếu như không có hình ảnh so sánh thì có thể hiểu được hình ảnh kia không. Từ đó chúng ta sẽ nhận ra ý nghĩa rất lớn của các biện pháp nghệ thuật này.

b. Gợi ý trả lời

Trong bức thư, thủ pháp so sánh và nhân hoá đã được tác giả sử dụng với tần số cao. Ở đoạn trích này, tác giả đã so sánh những thứ của thiên nhiên với những gì là thiêng liêng, máu thịt của con người:

"Bởi lẽ mảnh đất là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi... Dòng nước óng ánh... đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi.

Tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi".

Tác giả đã so sánh, nhân hoá đất đai, dòng nước, bông hoa thơm ngát... với những gì thiêng liêng nhất: là mẹ, là người chị, người em, là máu của tổ tiên, là tiếng nói của cha ông. Phép nhân hoá ấy cho thấy mối quan hệ mật thiết và gắn bó giữa người da đỏ với thiên nhiên, giống như mối quan hệ giữa những người thân trong gia đình: mẹ – con; anh, chị – em, và thiêng liêng hơn cả, là máu của chính cha ông họ. Người da đỏ sống giữa thiên nhiên bao la với cuộc sống ấm áp, bình yên như sống trong chính gia đình thân yêu của mình.

2. Câu hỏi 2 SGK trang 139

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Để trả lời câu hỏi này, phải đọc lại kĩ toàn đoạn văn đó, đọc chú thích để hiểu các thuật ngữ mà tác giả đã sử dụng. Khi đọc chú ý đến các dấu hiệu cho thấy sự đối lập cả về ngữ pháp và nội dung. Trong quá trình đọc nên liệt kê các chi tiết đối lập.

b. Gợi ý trả lời

Sự khác biệt giữa người da trắng và người da đỏ là rất lớn nhưng tác giả đã khéo léo lựa chọn những chi tiết tiêu biểu nhất, thể hiện rõ nhất sự đối lập trong cách sống và thái độ đối với thiên nhiên.

Trong khi người da đỏ coi "*Đất*" là mẹ, là thiêng liêng, là máu thịt thì người da trắng lại coi "*mảnh đất là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục được, thì họ sẽ lấn tới*". Đối với *người mẹ Đất* của mình, người da

đỏ trân trọng, giữ gìn, còn người da trắng thì cư xử với *người mẹ Đất* đó như "*những vật mua được, tước đoạt được...*", họ sẽ "*ngấu nghiến đất đai rồi để lại đằng sau những bãi hoang mạc*". Họ coi đất chỉ là một thứ mà họ sở hữu và được phép tàn phá, huỷ hoại.

Người da đỏ coi "*không khí là thứ vô cùng quý giá*", vì họ ý thức được rằng "*nó mang lại hơi thở đầu tiên cho con người và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ*". Trong khi đó "*người da trắng lại chẳng thèm để ý đến không khí*".

Người da đỏ sống giữa một không gian yên tĩnh, trong lành, tươi mát, họ "*nghe được cả tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng... âm thanh lẻ loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của những chú ếch ban đêm bên hồ*". Trong khi đó, cuộc sống nơi thành phố của người da trắng "*chẳng có nơi nào yên tĩnh cả*", họ chẳng thể nghe thấy những âm thanh nhẹ nhàng, tinh tế đó mà "*chỉ là những tiếng ồn ào lăng mạ trong tai*".

Đối với muông thú, người da đỏ luôn yêu quý, bảo vệ như bảo vệ chính thành viên trong gia đình mình bởi "*nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người*". Và họ đau xót khi phải chứng kiến người da trắng giết hại cả ngàn con trâu rừng.

Như vậy, có thể nói sự khác biệt lớn nhất giữa người da đỏ và người da trắng chính là sự đối lập trong thái độ cư xử của họ đối với thiên nhiên, với môi trường sống xung quanh. Điều đó dẫn đến những hành động hết sức trái ngược: một bên thì bảo vệ, nâng niu, giữ gìn còn một bên lại tàn sát, phá hoại, chiếm đoạt sự giàu có của thiên nhiên để phục vụ cho những lợi ích vật chất của mình.

Đây là đoạn văn chứa đựng nội dung chính của cả tác phẩm nên sự sắc sảo trong cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật của nhà văn được thể hiện rất rõ nét.

Phép so sánh cũng có sự khác nhau trong việc sử dụng ngôn từ với hai đối tượng. Trong khi với người da đỏ, ở các vế so sánh, tác giả luôn dùng từ "là" cho thấy sự tương đồng, ở mức cao hơn đến hoà đồng và

thể hiện tình cảm của tác giả: "*mảnh đất này là mẹ... những bông hoa ngát hương là người chị, người em...*"; còn với người da trắng thì "*mảnh đất này như mảnh đất khác*", từ "*như*" nghe thản nhiên, rạch ròi hơn nhiều. Trong đoạn văn rất nhiều yếu tố được lặp lại: lặp từ *(mảnh đất, không khí...)*, lặp ý, lặp câu, *(cách sống của chúng tôi khác với cách sống của Ngài)* cho thấy vấn đề được xem xét ở nhiều góc độ. Cấu trúc "*Nếu chúng tôi...; Ngài phải*" được lặp lại nhiều lần như muốn nhắc nhở, yêu cầu, đòi hỏi người muốn trở thành chủ sở hữu mảnh đất này phải thay đổi thái độ với đất. Từ đó, thể hiện tình cảm sâu sắc, thiết tha của người thủ lĩnh đối với đất đai, thiên nhiên nơi mình đang sinh sống.

Phép nhân hoá cũng được sử dụng nhiều trong đoạn văn cho thấy tình yêu tha thiết đến kì lạ của người da đỏ đối với thiên nhiên. Những gì thuộc về thiên nhiên đều được người da đỏ gọi bằng những từ thân thương, gần gũi như con người: mẹ, anh em bầu trời, và quan hệ giữ họ và môi trường là mối quan hệ gắn bó, ruột thịt như những người thân trong cùng một gia đình. Phép nhân hóa đã làm cho bài viết thêm sinh động, giàu sức biểu cảm và thể hiện rõ nhất tình cảm, thái độ của vị thủ lĩnh, tác giả của bức thư. Đối với những người da đỏ, dù chỉ là sinh linh bé nhỏ như những con côn trùng, hay những vật tưởng như vô tri, vô giác như cây cối... cũng đáng để nâng niu, bảo vệ.

Bao trùm cả đoạn văn là tình cảm gắn bó, thắm thiết, yêu mến, trân trọng của người da đỏ đối với đất đai, thiên nhiên và thái độ phê phán, lên án sự đối xử tàn bạo của người da trắng đối với chúng. Cách lập luận rất chặt chẽ, hình ảnh phong phú, lời văn nhịp nhàng khiến cho đoạn văn trở nên lôi cuốn hấp dẫn và có tính thuyết phục cao.

3. Câu hỏi 3 SGk trang 140

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc lại đoạn cuối của bức thư từ "Ngài phải dạy con..." đến... "tức là làm cho chính mình...". Khi đọc nên chú ý đến có thủ pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn văn và liên hệ, so sánh với các đoạn trên.

b. Gợi ý trả lời

Ở đoạn cuối, tác giả với tư cách là một thủ lĩnh thay mặt bộ lạc mình đặt ra điều kiện đối với người muốn trở thành chủ sở hữu mới

của mảnh đất này là phải trân trọng, bảo vệ đất đai, thiên nhiên như bảo vệ chính mình.

Cách hành văn và giọng điệu của đoạn văn này cũng giống như các đoạn trước ở chỗ nhà văn vẫn sử dụng các yếu tố lặp (lặp từ, lặp ý), nhân hoá, so sánh. Nhưng giọng văn có vẻ trang trọng và dứt khoát hơn. Không phải là lối kết cấu "*Nếu chúng tôi... thì Ngài...*" nữa mà đã trở thành cách nói yêu cầu "*Ngài phải..., Hãy khuyên...*", cũng không còn nêu lên sự khác biệt giữa người da trắng và người da đỏ mà tác giả khẳng định luôn một chân lý "*Đất là Mẹ*". Thái độ ở đây vì thế được thể hiện một cách rõ ràng, dứt khoát hơn.

Câu "*Đất là Mẹ*" như một chân lý, được rút ra sau tất cả những lập luận chặt chẽ ở trên. Sau khi nêu ra, tác giả đã diễn giải khá đầy đủ định nghĩa đó: "*Đất là mẹ. Điều gì xảy ra đối với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất*". Bởi vì đối với họ có một sự thật hết sức hiển nhiên: đất đai chính là nơi cung cấp nguồn sống, nơi cho họ tất cả những gì để đảm bảo cuộc sống để họ có thể tồn tại và phát triển. Đất là nơi vạn vật, cây cối sinh sôi nảy nở và che chở bảo vệ cho cuộc sống của họ. Chính vì thế mối quan hệ giữa con người và đất đai, môi trường thiên nhiên chính là mối quan hệ giữa con cái với người mẹ thiêng liêng của mình, mật thiết và gắn bó máu thịt. Con người không chỉ sử dụng, khai thác mà còn phải bảo vệ, trân trọng, chăm sóc như người con đối với "mẹ Đất" của mình.

4. Câu hỏi 4 SGK trang 140

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đây là một câu hỏi tổng hợp. Để trả lời được câu hỏi này không nhất thiết phải đọc lại cả bức thư mà chỉ thống kê lại những câu, ý lặp đã nêu ra ở các câu trả lời trên. Sau đó sắp xếp những câu lặp từ, lặp ý, lặp kiểu câu.

Để nêu lên ý nghĩa của biện pháp nghệ thuật này, cần phải liên hệ với kiến thức về phép lặp ở phần Tiếng Việt. Lặp là biện pháp nhắc lại một phần, hoặc nguyên vẹn những yếu tố đã sử dụng. Phép lặp gồm nhiều hình thức:

Lặp từ (điệp ngữ);

Lặp ý;

Lặp kiểu câu, cấu trúc câu.

Sử dụng biện pháp nghệ thuật này, người viết muốn nhấn mạnh một ý nào đó tạo cho người đọc sự quan tâm, chú ý. Từ đó, nói lên tầm quan trọng của yếu tố được lặp lại.

b. Gợi ý trả lời

Các yếu tố lặp:

Lặp từ: Những từ: *mảnh đất, không khí, cha ông, côn trùng, thiêng liêng*... được lặp lại nhiều lần trong bức thư.

Lặp ý: *Mảnh đất là mẹ* được tác giả nhắc đến ba lần, sự quan trọng của không khí; nguồn nước được tác giả nhắc lại ở cả đoạn giữa và đoạn cuối bức thư.

Lặp kiểu câu:

Mỗi tấc đất	là thiêng liêng
Mỗi	là...
Những dòng sông, con suối	đâu chỉ là....
....	đâu phải là...
Họ cư xử với đất mẹ và anh em bầu trời	như....
....	như........

Nếu chúng tôi... Ngài phải.....

Ngài nên............

Ngài hãy...........

Lặp lại cấu trúc đối lập giữa người da đỏ và người da trắng.

Việc lặp lại các yếu tố đó là dụng ý của tác giả trong việc nhấn mạnh, thể hiện sâu sắc thái độ, tình cảm của người da đỏ đối với đất

đai, thiên nhiên, môi trường. Đồng thời nó tăng tính thuyết phục đối với người muốn mua mảnh đất này. Qua đó người đọc đã cảm nhận được một cách sâu sắc tình cảm mà vị thủ lĩnh cũng như của người da đỏ đối với đất đai, môi trường được gửi gắm qua bức thư.

5. Câu hỏi 5 SGK trang 140

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đây là một câu hỏi tương đối khó, để trả lời cần phải xem lại những nội dung chính của bài văn cũng như thủ pháp nghệ thuật mà chúng ta đã chỉ ra ở các câu trả lời trên. Đồng thời, nên đọc lại một số câu, đoạn văn mà chúng ta cho là hay, đặc sắc, thể hiện rõ nhất tình cảm, tư tưởng của người viết. Ví dụ: "Khi người da trắng....một gia đình".

b. Gợi ý trả lời

Đây là một bức thư nói về chuyện mua bán đất đai giữa bộ lạc người da đỏ và vị Tổng thống Mỹ, hơn nữa lại cách chúng ta tới 150 năm. Nhưng do nhiều yếu tố, đến nay bức thư vẫn được coi là một văn bản hay nhất nói về thiên nhiên và môi trường.

Trước hết, bức thư đã được viết với tất cả tình yêu mến, trân trọng, gắn bó máu thịt đối với đất đai của người da đỏ. Bên cạnh đó việc sử dụng hệ thống lập luận sắc bén, chặt chẽ; thủ pháp nghệ thuật vận dụng một cách linh hoạt đã làm cho bức thư có sức thuyết phục rất cao đối với người đọc.

Bằng kinh nghiệm sống, tình cảm, sự gắn bó, gần gũi với thiên nhiên, tác giả đã chỉ ra tầm quan trọng của đất, nước, không khí, muông thú, cây cối đối với môi trường.

Và trên hết, tác giả đã nêu lên trách nhiệm của con người là phải bảo vệ, giữ gìn, trân trọng thiên nhiên. Bởi đó chính là ngôi nhà lớn che chở cho cuộc sống của con người, điều gì xảy ra với thiên nhiên thì cũng sẽ xảy đến với con người.

Ngày nay, khi con người ở thế kỷ XXI, đang phải đối diện với những hậu quả khủng khiếp do việc tàn phá môi trường tự nhiên (mất cân bằng sinh thái, hạn hán, lũ lụt...) thì vấn đề mà bức thư đặt ra trở nên có ý nghĩa sâu sắc và có tính thời sự nóng bỏng.

Bài 31

ĐỘNG PHONG NHA

Trần Hoàng

Vài nét về tác giả, tác phẩm

"Động Phong Nha" được trích trong cuốn Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ của Trần Hoàng. Bài văn giới thiệu và miêu tả về vẻ đẹp của động Phong Nha, "kỳ quan đệ nhất động" của Việt Nam. Phong Nha thuộc xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, gần với đường mòn Hồ Chí Minh, xuyên qua dãy Trường Sơn lịch sử. Hiện nay, động Phong Nha được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. "Động Phong Nha" là "văn bản nhật dụng", có nội dung "gần gũi, bức thiết với cuộc sống trước mắt" của con người và cộng đồng trong xã hội như: vấn đề thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma tuý và các tác hại của tệ nạn xã hội.

1. Câu hỏi 2 SGK trang 148

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kỹ văn bản, xác định mỗi đoạn văn thông tin về nội dung gì để từ đó phân chia đoạn trong bài.

b. Gợi ý trả lời

Bài văn có thể chia làm hai đoạn hoặc ba đoạn đều được.

Nếu chia bố cục bài văn làm ba đoạn thì đoạn 1 là "Đệ nhất kỳ quan Phong Nha... nương ngô bãi nứa nằm rải rác"; giới thiệu vị trí địa lí và lối vào động.

Đoạn 2: "Phong Nha gồm hai bộ phận .... hoàn chỉnh của đất nước", khẳng định vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo và giá trị của động.

Nếu chia bố cục bài văn làm ba đoạn thì đoạn 1 từ "Đệ nhất kỳ quan Phong Nha... nương ngô bãi mía nằm rải rác": giới thiệu vị trí địa lý và lối vào động.

Đoạn 2: "Phong Nha gồm hai bộ phận ... tiếng chuông nơi cảnh

chùa, đất bụt" miêu tả về cảnh đẹp động Phong Nha.

Đoạn 3: "Với một vẻ đẹp đặc sắc ... hoàn chỉnh của đất nước" khẳng định giá trị và các tiềm năng kinh tế, du lịch của động Phong Nha.

2. Câu hỏi 3 SGK trang 148

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Dựa vào cách chia bố cục trong câu 1, đọc kĩ từng đoạn, liệt kê đầy đủ các chi tiết miêu tả, các từ ngữ dùng để nói về vẻ đẹp của Động. Đồng thời đọc kỹ phần chú giải trong SGK để hiểu chính xác cách dùng từ trong bài.

b. Gợi ý trả lời

Cảnh sắc của động Phong Nha được miêu tả theo trình tự từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể và đi từ cụ thể đến khái quát.

Đoạn đầu, tác giả miêu tả khái quát vị trí của động: "*nằm trong quần thể hang động thuộc núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây tỉnh Quảng Bình*", lối vào động bằng hai con đường thuỷ bộ, cùng gặp nhau ở bến sông Son.

Tiếp đó, người viết giới thiệu về cấu tạo của động gồm hai bộ phận chính: Động khô và Động nước. Động khô có độ cao 200m, thuở xưa vốn là dòng sông ngầm, nhưng nay đã cạn nước, còn lại là những vòm đá vân nhũ và vô số cột đá màu ngọc bích óng ánh. Động nước có một con sông chảy dài chảy suốt ngày đêm. Du khách muốn vào đây phải đi bằng thuyền và mang theo đuốc vì càng đi sâu vào hang càng tối. Và Động nước cũng là động chính của Phong Nha gồm mười bốn buồng, nối với nhau bởi một hành lang dài hơn một ngàn rưỡi mét, nhiều hành lang phụ dài vài trăm mét.

Vào sâu bên trong động, có các dòng sông ngầm dưới khối núi đá vôi Kẻ Bàng và khu rừng nguyên sinh 40.000 ha ẩn giấu nhiều điều huyền bí mà đến nay con người vẫn chưa khám phá hết. Càng đi sâu vào bên trong, vẻ đẹp của Phong Nha lại được miêu tả cụ thể hơn, chi tiết hơn. Phong Nha hiện ra với một vẻ đẹp kì ảo, lộng lẫy, vừa thơ mộng vừa huyền bí, hoang sơ bởi sự phối màu của các khối đá, khối thạch nhũ, sự phối âm của những giọt nước.

Thạch nhũ nơi đây mang đầy đủ hình khối, màu sắc: "*khối hình con gà, con cóc, có khối xếp thành đốt trúc dựng đứng trên mặt nước, khối mang hình mâm xôi, cái khánh, hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ*".

Bàn tay tài hoa của tạo hoá đã tạo cho các khối thạch nhũ vừa đẹp về đường nét, vừa huyền ảo về màu sắc "*một màu sắc lóng lánh như kim cương không bút nào lột tả hết*".

Cảnh sắc trong động còn được tô điểm thêm bằng những nhánh phong lan xanh biếc, với các bãi cát dài để du khách có thể dừng chân khám phá các bậc đá, các ngõ ngách trong động.

Động Phong Nha còn mang vẻ đẹp thanh thoát, giàu chất thơ nhờ sự hoà tấu của các âm thanh: "*Một tiếng nước gõ long tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt*".

Tác giả đã kết hợp bút pháp miêu tả vừa khái quát, vừa cụ thể, về thắng cảnh động Phong Nha như một hướng dẫn viên thực thụ đưa người đọc vào một thế giới khác lạ, thế giới của tiên cảnh vừa hư vừa thực. Phong Nha có nét hoang sơ, bí hiểm bởi cấu tạo độc đáo từ độ cao hơn 1500m, với các dòng sông ngầm chảy dài vô tận... vừa có vẻ đẹp kỳ ảo, lộng lẫy của các khối thạch nhũ tạo hình đa dạng, sự lóng lánh của màu sắc, sự đa âm của giọng nói, tiếng nước tựa tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt. Với một vẻ đẹp đặc sắc và độc đáo như vậy, động Phong Nha đã được công nhận là "kỳ quan đệ nhất động" của Việt Nam, được UNESCO coi là di sản văn hoá thế giới.

4.Câu hỏi 4 SGK trang 148

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc kĩ lại đoạn văn nói về lời phát biểu của nhà thám hiểm Hao-ơt Lim-be - trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lý Hoàng gia Anh: "Với kinh nghiệm của mười sáu năm ... dài nhất và đẹp nhất thế giới". Nói đến bảy cái nhất của Phong Nha, xem kĩ từng cái nhất để thấy được nét đặc sắc cũng như giá trị của danh lam thắng cảnh này.

b. Gợi ý trả lời

Theo lời phát biểu của ông Trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lý Hoàng gia Anh, người đã có mười sáu năm kinh nghiệm thám hiểm về hang động nhận xét "*Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới*" *với bảy cái nhất:* "*hang động dài nhất*"; "*cửa hang cao và rộng nhất*"; "*bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất*"; "*có những hồ ngầm đẹp nhất*"; "*hang khô rộng và đẹp nhất*"; "*thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất*"; "*sông ngầm dài nhất*".

Đó là lời nhận xét, kết luận xuất phát từ những nghiên cứu khoa học, khách quan chính xác của một người đã từng có mười sáu năm kinh nghiệm thám hiểm. Chính vì thế, đó không phải là những lời phiến diện, chủ quan từ cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tuyệt mĩ của Phong Nha; với một người đã từng đặt chân đến rất nhiều kì quan trên thế giới, Phong Nha phải có một vẻ đẹp tuyệt vời nhường nào mới khiến ông nhận xét như vậy. Hơn nữa, ở đây có sự so sánh, Phong Nha đều ở vị trí tuyệt đối: "nhất"...

Lời nhận xét trên khẳng định vẻ đẹp độc đáo của động Phong Nha. Ta cũng thêm tự hào và yêu mến đất nước ta nơi có những kỳ quan tươi đẹp, được thế giới công nhận và biết đến. Đất nước ta không chỉ có những đồng bằng bát ngát, trù phú mà còn có cả núi non trùng điệp, những dòng sông Đà, sông Thu Bồn, sông Lô, sông Lam... dài bất tận; nước ta còn có nhiều danh lam thắng cảnh khác nổi tiếng như động Hương Sơn (Hà Tây); động Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn); động Thuỷ Tiên (Quảng Ninh)...

5. Câu hỏi 4 SGK trang 148

a. Hướng dẫn tìm hiểu

Đọc đoạn văn: "Động Phong Nha đã và đang thu hút... hoàn chỉnh của đất nước".

Đây là một câu hỏi khó, cần kết hợp kiến thức trong bài học và hiểu biết của bản thân để tìm hiểu những triển vọng của động Phong Nha, đặc biệt là phương diện kinh tế du lịch.

b. Gợi ý trả lời

Động Phong Nha với vẻ đẹp huyền ảo, hoang sơ và bí hiểm là "kỳ quan đệ nhất động" của Việt Nam và được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới đã thu hút đông đảo du khách trong nước và cả các du khách nước ngoài.

Hiện nay động Phong Nha đã và đang thu hút nhiều nhà khoa học, nhà thám hiểm, và đang được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để trở thành khu du lịch, thám hiểm và nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh của đất nước.

Để động Phong Nha mãi mãi giữ được vẻ đẹp do thiên nhiên ban tặng, mỗi chúng ta đều phải có ý thức giữ gìn, bảo vệ cảnh quan nơi đây.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(Dấu chấm, dấu chấm hỏi và dấu chấm than)

Mục đích của bài ôn tập, giúp các em củng cố và tiếp tục hoàn thiện kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than đã học ở bậc Tiểu học.

A. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

I. Công dụng

Đối với 3 loại dấu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than có hai cách dùng: cách dùng thông thường và cách dùng ít nhiều có tính chất linh hoạt.

- Cách dùng thông thường:

+ Dấu chấm (.) được đặt ở cuối câu trần thuật (còn gọi là câu kể).

+ Dấu chấm hỏi (?) được đặt ở cuối câu nghi vấn (còn gọi là câu hỏi).

+ Dấu chấm than (!) được đặt ở cuối câu cầu khiến, câu cảm thán.

- Cách dùng ít nhiều có tính chất linh hoạt:

+ Dấu chấm (.) được đặt ở cuối câu cầu khiến.

Ví dụ: *Trước khi ăn cơm, các em phải rửa tay.*

+ Dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!) được để trong ngoặc đơn vào sau một ý hay một từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ đó.

Ví dụ: *"Trong khi xí nghiệp đang "teo" dần thì cơ ngơi của các vị "đầy tớ" lại phình ra (!?).*

1. Đặt các dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!) vào chỗ thích hợp.

a. *Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.* (Theo Tô Hoài)

Đây là câu cảm thán nên cuối câu phải đặt dấu chấm than (!).

b. *Con có nhận ra con không*? (Theo Tạ Duy Anh)

Đây là một câu hỏi nên cuối câu phải đặt dấu chấm hỏi (?).

c. *Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với!* (Theo *Ông lão đánh cá và con cá vàng*)

Đây là những câu cầu khiến nên cuối câu phải đặt dấu chấm than (!).

d. *Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm.*

Đây là những câu trần thuật nên cuối câu phải đặt dấu chấm (.)

2. Cách dùng các dấu chấm, dấu chấm hỏi và dấu chấm than trong những câu sau có điểm đặc biệt:

a) Trong những câu:

- *Được, chú mình cứ nói thẳng ra nào.*

- *[...] Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sụt sùi ấy đi.* (Tô Hoài)

Thông thường, dấu chấm (.) được đặt ở cuối câu trần thuật nhưng ở hai câu trên, Tô Hoài lại đặt ở cuối câu cầu khiến.

b. APP đưa tin theo cách ỡm ờ: "Họ là 80 người sức lực khá tốt nhưng hơi gầy" (!?) (Theo Nguyễn Tuân)

Thông thường, dấu chấm than (!) và dấu chấm hỏi (?) được đặt ở cuối câu cảm thán và cuối câu cầu khiến nhưng ở câu trên tác giả đã đặt các dấu chấm than (!) và dấu chấm hỏi (?) vào trong ngoặc đơn để biểu thị thái độ nghi ngờ và châm biếm.

II. Chữa một số lỗi thường gặp

- Dùng dấu chấm (.) để ngăn cách hai câu biểu thị hai ý khác nhau.

- Không dùng dấu chấm hỏi (?), dấu chấm (!) một cách tuỳ tiện cuối các câu trần thuật.

1. So sánh cách dùng dấu câu trong từng cặp câu sau:

a. Ở cặp câu này:

- Câu thứ nhất dùng dấu chấm (.) là đúng.

- Câu thứ hai dùng dấu phẩy (,) là sai.

Điều này được giải thích như sau:

- *Đệ nhất kỳ quan... miền tây Quảng Bình.*

- *Có thể tới Phong Nha... hai con đường.*

Là hai câu biểu thị hai ý khác nhau nên giữa hai câu này phải dùng dấu chấm (.).

b. Ở cặp câu này:

- Câu thứ nhất dùng dấu chấm (.) là sai.

- Câu thứ hai dùng dấu chấm phẩy (;) là đúng.

Điều này được giải thích như sau:

- *Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm.*

- *Lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.*

Là hai câu biểu thị cùng một ý: nơi đây vừa có cái này vừa có cái kia nên giữa hai câu này phải dùng dấu chấm phẩy.

2. Cách dùng dấu chấm hỏi và dấu chấm than trong các câu dẫn ở SGK trang 151 là không đúng:

a. Hai dấu chấm hỏi (?) dùng cuối hai câu trần thuật:

- *Tôi chẳng tìm thấy ở tội một năng khiếu gì?*

- *Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia nữa?* là sai. Bởi vì phần nghi vấn *một năng khiếu gì* và *không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo* chỉ là những bộ phận nằm trong câu trần thuật. Vì vậy, đặt dấu chấm hỏi (?) ở cuối hai câu trên là không hợp lí và phải được thay bằng hai dấu chấm (.).

b. Dấu chấm than (!) dùng cuối câu trần thuật *Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên!* là sai. Bởi vì phần cầu khiến *tôi gắt um lên* chỉ là một bộ phận nằm trong câu trần thuật. Vì vậy, đặt dấu chấm than (!) ở cuối câu này là không hợp lí. Dấu chấm than (!) phải được thay thế bằng dấu chấm (.).

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em đặt dấu chấm vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 151.

Để làm được bài tập này, các em cần đọc kĩ đoạn văn để nắm được nội dung của cả đoạn. Nếu tập hợp từ nào diễn đạt một ý trọn vẹn, hoàn chỉnh thì tách thành câu và đặt dấu chấm (.) vào cuối tập hợp từ ấy. Cụ thể, dấu chấm (.) cần đặt sau các từ ngữ sau:

- *Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân... bờ sông Lương.*

- *Mùa xuân đã điểm... trần trụi đen xám.*

- *Trên những bãi đát phù sa... đang trổ hoa.*

- *[...] Mùa xuân... đến.*

- *Những buổi chiều... mái nhà toả khói.*

- *Những ngày mưa phùn... bụi mưa trắng xoá.*

- *Có những buổi, cả một quãng sông... bãi rậm rạp lau sậy.*

2. Bài tập này có hai yêu cầu:

- Xác định dấu chấm hỏi (?) nào dùng chưa đúng trong đoạn hội thoại dẫn ở SGK trang 151.

- Giải thích vì sao dấu chấm hỏi (?) đó dùng chưa đúng.

Để làm được bài tập này, các em phải đọc kĩ đoạn đối thoại, xác định câu nào là câu nghi vấn (câu hỏi), câu nào không phải là câu nghi vấn. Nếu không phải là câu nghi vấn mà dùng dấu chấm hỏi (?) là sai. Cụ thể, các câu dưới đây dùng dấu chấm hỏi (?) chưa đúng:

- *Chưa?* Đây là câu trần thuật chứ không phải là câu nghi vấn nên dấu chấm hỏi ở đây phải được thay bằng dấu chấm (.).

- *Nếu tới đó, bạn mới hiểu vì sao mọi người lại thích đến thăm động như vậy?* Đây là câu trần thuật, còn *vì sao mọi người lại thích đến thăm động như vậy* chỉ là một bộ phận phụ nằm trong câu trần thuật và trả lời cho động từ *hiểu*. Dấu chấm hỏi (?) đặt ở cuối câu này phải được thay bằng dấu chấm (.).

3. Bài tập này yêu cầu các em đặt dấu chấm than vào cuối câu thích hợp.

- *Động Phong Nha thật đúng là "Đệ nhất kỳ quan" của nước ta.*

Có thể đặt dấu chấm than (!) ở cuối câu vì đây là câu cảm thán, thể hiện rõ cảm xúc của người viết.

- *Chúng tôi xin mời các bạn hãy đến thăm động Phong Nha quê tôi.*

Đây là câu cầu khiến (thể hiện qua việc dùng các từ cầu khiến như: *xin mời, hãy*). Vì vậy có thể dùng dấu chấm (.) hoặc dấu chấm than (!) đặt cuối câu.

- *Động Phong Nha còn cất giữ bao điều huyền bí, thú vị, hấp dẫn mà con người vẫn chưa biết hết.*

Đây là một câu trần thuật nên chỉ đặt dấu chấm (.) ở cuối câu.

4. Bài tập này yêu cầu các em đặt dấu câu thích hợp vào chỗ có dấu ngoặc đơn.

Để làm được bài này, các em phải đọc kĩ các câu có dấu ngoặc đơn và xác định rõ từng kiểu câu. Trên cơ sở đó, đặt dấu câu thích hợp vào cuối mỗi câu.

Chị Cốc liền quát lớn:

- Mày nói gì?

- Lạy chị, em nói gì đâu!

Rồi Dế Choắt lủi vào.

- Chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi câu "Chối này" chị Cốc lại giáng một mỏ xuống.

Bài 32

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

1. Câu hỏi 1 và 2 SGK trang 154

2. Câu hỏi 3 SGK trang 154

Trước hết cần phải xác định những văn bản nào thuộc thể loại truyện (truyện dân gian, truyện trung đại, truyện hiện đại):

Truyện dân gian gồm: *Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Sự tích Hồ Gươm; Sọ Dừa; Thạch Sanh; Em bé thông minh; Cây bút thần; Ông lão đánh cá và con cá vàng; Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Đeo nhạc cho mèo; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng; Treo biển; Lợn cưới, áo mới.*

Truyện trung đại: *Con hổ có nghĩa; Mẹ hiền dạy con; Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.*

Truyện hiện đại: *Bài học đường đời đầu tiên; Sông nước Cà Mau; Bức tranh của em gái tôi; Vượt thác; Buổi học cuối cùng.*

Bước tiếp theo, xác định nhân vật chính của tác phẩm. Đó là những nhân vật đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm ấy. Nhân vật chính thường xuất hiện từ đầu đến cuối câu chuyện. Ví dụ, truyện *Thánh Gióng* thì nhân vật chính là Thánh Gióng; truyện *Thầy bói xem voi*, nhân vật chính là năm ông thầy bói; còn trong truyện *Bức tranh của em gái tôi*, Kiều Phương và anh trai là hai nhân vật chính...

Về đặc điểm, tính cách của nhân vật chính, cần xem lại từng bài học để tổng kết và nêu lên những điểm chính.

Điều cuối cùng cần lưu ý là về vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính. Có thể hiểu vị trí ở đây nghĩa là nhân vật đó có vị trí như thế nào đối với sự phát triển của cốt truyện, còn ý nghĩa là nhân vật đó có ý nghĩa ra sao đối với việc bộc lộ chủ đề và tư tưởng tác phẩm. Như vậy, nói chung, các nhân vật chính bao giờ cũng có vị trí then chốt, thúc đẩy

cốt truyện phát triển và có ý nghĩa là đóng vai trò chủ yếu, mang chứa, thể hiện chủ đề tác phẩm. Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể (đặc biệt là đối với những truyện có nhiều nhân vật chính) thì không phải nhân vật nào cũng có vị trí và ý nghĩa như nhau.

Ví dụ: Trong truyện *Bức tranh của em gái tôi*, nhân vật người anh và cô em gái đều là nhân vật chính. Nhưng vị trí của cô em gái chỉ là một điều kiện để tâm trạng, suy nghĩ của người anh biến đổi. Ý nghĩa của nhân vật này là tạo cớ, nêu ra hoàn cảnh, hoàn thiện chủ đề chứ bản thân nó không bộc lộ chủ đề tác phẩm. Ngược lại, nhân vật người anh là nhân vật trung tâm, giữ vai trò chủ yếu trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của toàn văn bản.

Trong đoạn trích *Vượt thác*, nhân vật được tập trung thể hiện, miêu tả là dượng Hương Thư. Tuy nhiên, nếu đặt trong toàn tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng, nhân vật chính của truyện là hai em thiếu niên: Cục và Cù Lao. Như vậy, vị trí trung tâm, ý nghĩa thể hiện chủ đề tư tưởng (ca ngợi vẻ đẹp khỏe khoắn, hùng dũng của người lao động, của nhân vật dượng Hương Thư) chỉ bó gọn trong phạm vi đoạn trích này mà thôi.

Tương tự, với các tác phẩm khác, cần có cách nhìn toàn diện để phân tích, tổng kết vai trò, vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính trong văn bản.

3. Câu hỏi 4 SGK trang 154

Chọn các nhân vật yêu thích cần dựa theo suy nghĩ chủ quan. Tuy nhiên, việc giải thích tại sao lại lựa chọn như vậy đòi hỏi học sinh phải nắm vững đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật mình lựa chọn.

4. Câu hỏi 5 SGK trang 154

Với những mục đích giao tiếp khác nhau, người ta sử dụng những phương thức biểu đạt khác nhau. Ví dụ, để bày tỏ tình cảm, cảm xúc, người ta dùng phương thức biểu cảm; để tái hiện trạng thái của sự vật, con người, ta dùng phương thức miêu tả... (xem thêm trang 16, sách Ngữ văn 6, tập một)

Có thể thấy truyện dân gian (*Thánh Gióng, Thạch Sanh...*); truyện trung đại (*Con hổ có nghĩa, Mẹ hiền dạy con...*); truyện hiện đại (*Vượt*

thác, Bài học đường đời đầu tiên...) đều trình bày diễn biến sự việc. Như vậy, chúng đều thuộc phương thức biểu đạt tự sự. Đó chính là điểm giống nhau giữa các văn bản truyện ở ba thời kì lịch sử này.

5. Câu hỏi 6 SGK trang 154

Cần lưu ý rằng sự phân chia theo tiêu chí này chỉ là tương đối bởi vì một văn bản bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Có những tác phẩm thể hiện đồng thời cả lòng yêu nước và lòng nhân ái của dân tộc ta.

a. Những văn bản thể hiện lòng yêu nước:

- Lượm.

- Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử.

- Thánh Gióng.

b. Những tác phẩm thể hiện tinh thần nhân ái của dân tộc:

- Con hổ có nghĩa

- Bức tranh của em gái tôi.

- Đêm nay Bác không ngủ.

- Cây tre Việt Nam.

TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

Mục đích của bài tổng kết, giúp các em hệ thống lại và nắm được:

- Các phương thức biểu đạt đã được sử dụng trong các văn bản đã học;

- Đặc điểm nổi bật của các phương thức biểu đạt và sự thâm nhập lẫn nhau của các phương thức trong một văn bản;

- Vận dụng các phương thức biểu đạt phù hợp khi xây dựng một văn bản hoàn chỉnh nhằm đạt được mục đích giao tiếp.

A. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG TỔNG KẾT

I. Các loại văn bản và những phương thức đã học

- Các phương thức biểu đạt gồm 6 loại:

+ Tự sự

+ Miêu tả

+ Biểu cảm

+ Nghị luận

+ Thuyết minh

+ Hành chính – công vụ.

- Các bài văn (văn bản) đã học gồm 5 loại:

+ Tự sự: Gồm 3 loại

($+_1$) Truyện dân gian

($+_2$) Truyện trung đại

($+_3$) Truyện hiện đại

+ Miêu tả: Gồm các truyện có yếu tố miêu tả

+ Biểu cảm: Các bài thơ

+ Nghị luận.

+ Thuyết minh.

1. Thống kê một số bài văn (văn bản) đã học trong SGK *Ngữ văn 6:*

TT	***Các phương thức biểu đạt***	***Thể hiện qua các bài văn đã học***
1	Tự sự	*- Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thuỷ Tinh; Sự tích Hồ Gươm; Sọ Dừa; Thạch Sanh; Cây bút thần; Ông lão đánh cá và con cá vàng; Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Đeo nhạc cho mèo; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng; Treo biển; Lợn cưới, áo mới; Con hổ có nghĩa; Mẹ hiền dạy con; Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng.*

2	Miêu tả	- *Bài học đường đời đầu tiên* - *Sông nước Cà Mau* - *Vượt thác* - *Bức tranh của em gái tôi*
3	Biểu cảm	*Đêm nay Bác không ngủ* - *Lượm* - *Lao xao*
4	Nghị luận	- *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* - *Lòng yêu nước*
5	Thuyết minh	- *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* - *Động Phong Nha*

2. Phương thức biểu đạt chính trong các văn bản:

STT	***Tên văn bản***	***Phương thức biểu đạt chính chính***
1	*Thạch Sanh*	Tự sự
2	*Lượm*	Biểu cảm, tự sự, miêu tả
3	*Mưa*	Biểu cảm, miêu tả
4	*Bài học đường đời đầu tiên*	Tự sự, miêu tả
5	*Cây tre Việt Nam*	Miêu tả, thuyết minh

3. Trong SGK Ngữ văn 6, em đã được luyện tập làm các loại văn bản theo những phương thức sau:

- Tự sự (kể chuyện)
- Miêu tả
- Biểu cảm

Thống kê:

STT	***Phương thức biểu đạt***	***Đã tập làm***
1	Tự sự	v
2	Miêu tả	v
3	Biểu cảm	v
4	Nghị luận	

II. Đặc điểm và cách làm

1. So sánh mục đích, nội dung, hình thức trình bày của ba loại văn bản miêu tả, tự sự và đơn từ:

TT	Văn bản	Mục đích	Nội dung	Hình thức
1	Tự sự	Thông báo, giải thích, nhận thức	Nhân vật, sự kiện, thời gian, địa điểm, diễn biến kết quả	Văn xuôi, tự do nhưng luôn có ba phần: mở bài, thân bài, kết luận.
2	Miêu tả			Văn xuôi, tự sự nhưng luôn có ba phần: mở bài, thân bài, kết luận
3	Đơn từ	Đề đạt, yêu cầu nguyện vọng	Sự việc, lí do, yêu cầu	Theo mẫu hoặc không theo mẫu nhưng vẫn theo trình tự tám mục

2. Nội dung và những lưu ý trong cách thể hiện của từng phần trong bài văn miêu tả và tự sự:

STT	Các phần	Tự sự	Miêu tả
1	Mở bài	Giới thiệu nhân vật, tình huống, sự việc	Giới thiệu đối tượng miêu tả
2	Thân bài	Diễn biến sự việc	Miêu tả (theo một trật tự)
3	Kết luận	Kết quả, suy nghĩ	Nhận xét, cảm tưởng

3. Mối quan hệ giữa sự việc, nhân vật và chủ đề trong văn bản tự sự

- *Sự việc trong văn tự sự* được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả... Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

- *Nhân vật trong văn tự sự* là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong

việc thể hiện tư tưởng của văn bản. Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm...

- *Chủ đề trong văn tự sự* là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra thông qua các sự việc và nhân vật được trình bày trong văn bản.

Chủ đề, nhân vật, sự việc liên quan chặt chẽ với nhau.

Ví dụ: Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*

- Sự việc trong văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh:*

+ Vua Hùng kén rể.

+ Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.

+ Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.

+ Sơn Tinh đến trước, được vợ.

+ Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh.

+ Hai bên giao chiến hàng tháng, cuối cùng Thủy Tinh thua và phải rút về.

+ Hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng đều thua.

- Nhân vật trong văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh*:

+ Nhân vật chính: Sơn Tinh và Thủy Tinh.

+ Nhân vật phụ: vua Hùng và Mị Nương.

- Chủ đề của văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh:*

+ Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm.

+ Thể hiện ước mong của người Việt cổ muốn chinh phục thiên tai lũ lụt, đồng thời ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

4. Nhân vật trong tự sự thường được kể và miêu tả qua những yếu tố: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm.

Ví dụ: Nhân vật *Dế Mèn* trong truyện *Những bài học đường đời đầu tiên*:

+ Tên gọi: Dế Mèn

+ Hình dáng: cường tráng...

+ Tính nết: kiêu căng, xốc nổi, điệu dàng...

+ Việc làm: xốc nổi.

5. Thứ tự kể và ngôi kể có tác dụng làm cho cách kể thêm linh hoạt:

Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.

+ Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.

+ Khi tự xưng là *tôi* kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.

+ Để kể chuyện cho linh hoạt, lí thú, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp.

Thứ tự kể:

+ Khi kể chuyện, có thể kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau, cho đến hết.

+ Nhưng để gây bất ngờ, gây thú vị, hoặc để thể hiện tình cảm nhân vật, người ta có thể đem kết quả hoặc sự việc hiện đại kể ra trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để nhân vật nhớ lại mà kể tiếp các sự việc đã xảy ra trước đó.

Ví dụ: trong truyện *Bài học đường đời đầu tiên*, người kể (tức là Dế Mèn) tự xưng là *tôi* (kể theo ngôi thứ nhất). Do đó, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.

Thứ tự kể trong *Bài học đường đời đầu tiên*:

+ Kể về ngoại hình, tính tình và hành động của Dế Mèn.

+ Kể về ngoại hình, tính tình Dế Choắt.

+ Kể về hành động trêu chị Cốc của Dế Mèn.

+ Kể về hành động chị Cốc mổ Dế Choắt.

+ Sau cùng kể về sự ân hận của Dế Mèn.

6. Miêu tả đòi hỏi phải quan sát sự vật, hiện tượng và con người:

Quan sát kĩ sự vật, hiện tượng và con người mới cho phép người miêu tả nắm được đặc điểm, tính chất của đối tượng. Từ chỗ quan sát, có thể nêu nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh... làm nổi bật đặc điểm, tính chất tiêu biểu của đối tượng miêu tả.

7. Các phương pháp miêu tả đã học:

+ Tả cảnh.

+ Tả người.

- *Tả cảnh:* muốn tả cảnh cần:

+ Xác định được đối tượng miêu tả;

+ Quan sát, lựa chọn những hình ảnh tiêu biểu;

+ Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

Bố cục bài tả cảnh thường gồm ba phần:

+ Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả;

+ Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự;

+ Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về nhân vật đó.

- *Tả người:* Muốn tả người cần:

+ Xác định được đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc);

+ Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu;

+ Trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự.

Bố cục của bài văn tả người gồm ba phần:

+ Mở bài: Giới thiệu người được tả;

+ Thân bài: Miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động...);

+ Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về cảnh được tả.

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em từ bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, hãy tưởng tượng mình là anh bộ đội đã được chứng kiến câu chuyện cảm động đó và kể lại bằng một bài văn.

Đây là một bài văn kể chuyện, dựa trên bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* - bài thơ có yếu tố tự sự. Để viết thành bài, các em cần xác định ngôi kể là anh bộ đội – người được chứng kiến câu chuyện. Nhân vật sẽ xưng *tôi* (theo ngôi thứ nhất) và kể lại theo thứ tự:

- Tôi thức dậy, thấy trời đã khuya lắm. Ngoài trời đang mưa.

- Tôi thấy Bác đốt lửa, dém chăn, rồi trầm ngâm.

- Tôi trò chuyện với Bác, mời Bác đi ngủ. Bác trả lời.

- Tôi thiếp đi trong lo lắng, thương Bác.

- Tôi thức dậy lần thứ ba, Bác vẫn thức. Tôi mời Bác đi ngủ. Bác giải thích cho tôi vì sao Bác không ngủ. Tôi thức luôn cùng Bác và hiểu ra tình yêu bao la của Người.

2. Bài tập này yêu cầu các em từ bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa, hãy viết bài văn miêu tả lại trận mưa theo quan sát và tưởng tượng của em.

Ở bài tập này, các em lưu ý đến dàn bài:

- Mở bài: Giới thiệu cơn mưa.

- Thân bài: Tả cơn mưa (theo trình tự nào, những đối tượng nào được quan sát và miêu tả, nhấn mạnh, đặc tả các đối tượng nào (bầu trời, sấm chớp, gió, cây cỏ, con vật, sự vật).

- Kết bài: Nhận xét, cảm tưởng của em về cơn mưa đó.

3. Trong các nội dung của tờ đơn dẫn ở SGK trang 157 còn thiếu mục *Trình bày sự việc, lí do và nguyện vọng (đề nghị).*

Mục này không thể thiếu được vì nếu không có mục này thì người nhận đơn (cơ quan, tổ chức) sẽ không thể biết người viết đơn mong muốn điều gì. Đây là mục rất quan trọng không thể thiếu trong bất cứ tờ đơn (theo mẫu, hoặc không theo mẫu) nào.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(dấu phẩy)

Mục đích của bài ôn tập, giúp các em củng cố và tiếp tục hoàn thiện kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu phẩy đã học ở bậc Tiểu học.

A. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Công dụng

Dấu phẩy (,) được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu. Cụ thể là:

- Phân cách giữa thành phần phụ của câu với thành phần chính của câu (chủ ngữ - vị ngữ).

Ví dụ: *Hôm sau, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.*

- Phân cách giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

Ví dụ: *Căn phòng này mát mẻ, sạch sẽ.*

- Phân cách giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

Ví dụ: *Vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu, muôn sắc ấy phần lớn là do mây, trời và ánh sáng tạo nên.*

- Phân cách giữa các vế của một câu ghép.

Ví dụ: *Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.*

1. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp.

a. *Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ.* (Theo *Thánh Gióng*)

b. *Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay, tre với mình sống chết có nhau, chung thủy*. (Theo *Thép Mới*)

c. *Nước bị cản, văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống.* (Theo *Vượt thác*)

2. Giải thích

a. Dấu phẩy thứ nhất được dùng để phân tích các thành phần phụ (trạng ngữ *vừa lúc đó*) của câu với thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ: *sứ giả đem... sắt đến)* của câu.

- Dấu phẩy thứ hai, thứ ba được dùng để phân cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (*ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt*).

- Dấu phẩu thứ tư cũng được dùng để phân cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (vị ngữ: *vùng dậy, vươn vai*...).

b. Dấu phẩy thứ nhất được dùng để phân cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (trạng ngữ: *suốt một đời người, từ thuở lọt lòng*...).

- Dấu phẩy thứ hai được dùng để phân cách thành phần phụ (trạng ngữ *từ thuở lọt... xuôi tay*) của câu với thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ: *tre với mình... chung thủy*) của câu .

- Dấu phẩy thứ ba được dùng để phân cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (vị ngữ: *sống chết có nhau, chung thủy*).

c. Hai dấu phẩy ở câu này dùng để phân cách các vế của câu ghép.

II. Chữa một số lỗi thường gặp

Nếu như dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!) là các loại dấu kết thúc câu, được đặt ở cuối câu thì dấu phẩy (,) dùng trong nội bộ câu. Dấu phẩy có vai trò rất quan trọng trong việc phân tách

các ý nhỏ trong câu, giúp người đọc dễ theo dõi, lĩnh hội nội dung thông báo của câu.

Dấu phẩy (,) là loại dấu được sử dụng khá linh hoạt và khó sử dụng. Vì vậy, các em cần luyện tập thật nhiều về dấu phẩy.

a. *Chào mào, sáo sậu, sáo đen... Đàn đàn, lũ lũ bay đi, bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau ồn mà vui không thể tưởng tượng.* (Theo Vũ Tú Nam)

b. *Trên những ngọn cây già nua cổ thụ, những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua lao xao trước khi từ giữ thân mẹ đơn sơ. Nhưng, những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo, mềm mại như cái đuôi cánh én.* (Theo Ma Văn Kháng)

B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu dẫn ở SGK trang 159.

a. *Từ xưa đến nay, Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước, sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.*

b. *Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bấc hun hút thổi. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.* (Theo *Tập đọc lớp 5,* 1980)

2. Bài tập này yêu cầu các em lựa chọn thêm một chủ ngữ thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh.

a. Vào giờ tan tầm, xe ô tô, ***xe máy, xe đạp*** *đi lại nườm nượp trên đường phố.*

b. Trong vườn, ***hoa lan, hoa huệ,*** *hoa hồng đua nhau nở rộ.*

c. Dọc theo bờ sông, những vườn ổi, ***vườn na, vườn xoài*** *xum xuê, trĩu quả.*

3. Bài tập này yêu cầu các em lựa chọn thêm một vị ngữ thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh.

a. Những chú chim bói cá ***bay lên,*** *lượn xuống rất nhanh*

b. Mỗi dịp về quê, tôi đều ***hái ổi,*** *vặt me cho bà.*

c. Lá cọ dài, ***tán rộng che rợp cả một vùng đồi.***

d. Dòng sông quê tôi ***hiền hòa,*** *êm ả.*

4. Trong bài *Cây tre Việt Nam*, nhà văn Thép Mới có viết:

Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Cách dùng dấu phẩy của tác giả trong câu trên tạo ra nhịp điệu đều đặn, chậm rãi cho câu văn. Nhịp điệu ấy góp phần diễn tả nhịp quay tròn, nặng nề, chậm chạp, nhẫn nại, mệt mỏi của chiếc cối xay. Đồng thời, nhịp điệu ấy khiến ta liên tưởng tới đời sống lầm than, cơ cực của người nông dân Việt Nam xưa kia.

Ở câu thơ trên, Thép Mới đã đặt hai dấu phẩy đúng chỗ khiến cho người đọc có sự liên tưởng như trên.

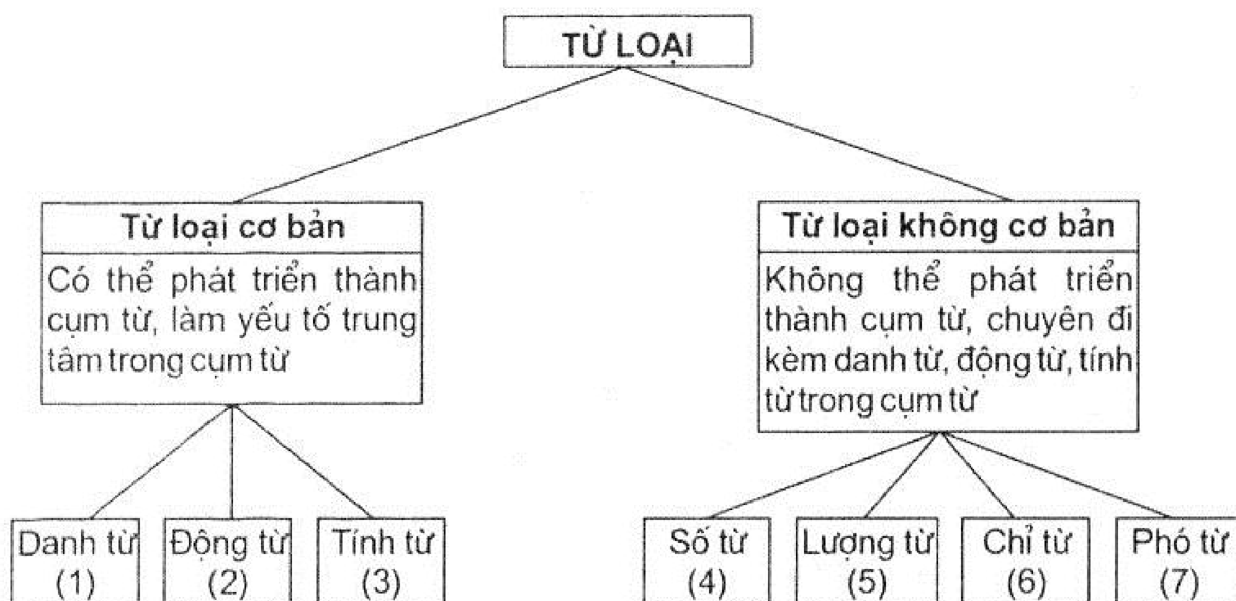
Bài 34

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

Mục đích của bài tổng kết: giúp các em củng cố và hệ thống hóa được kiến thức về tiếng Việt đã học trong năm.

Tóm tắt kiến thức về tiếng Việt đã học ở lớp 6

1. Các từ loại đã học



Chú ý: Các từ loại 1, 2, 3, 4, 5, 6 đã được học ở học kì I. Ở đây chỉ nói thêm về từ loại 7: Phó từ.

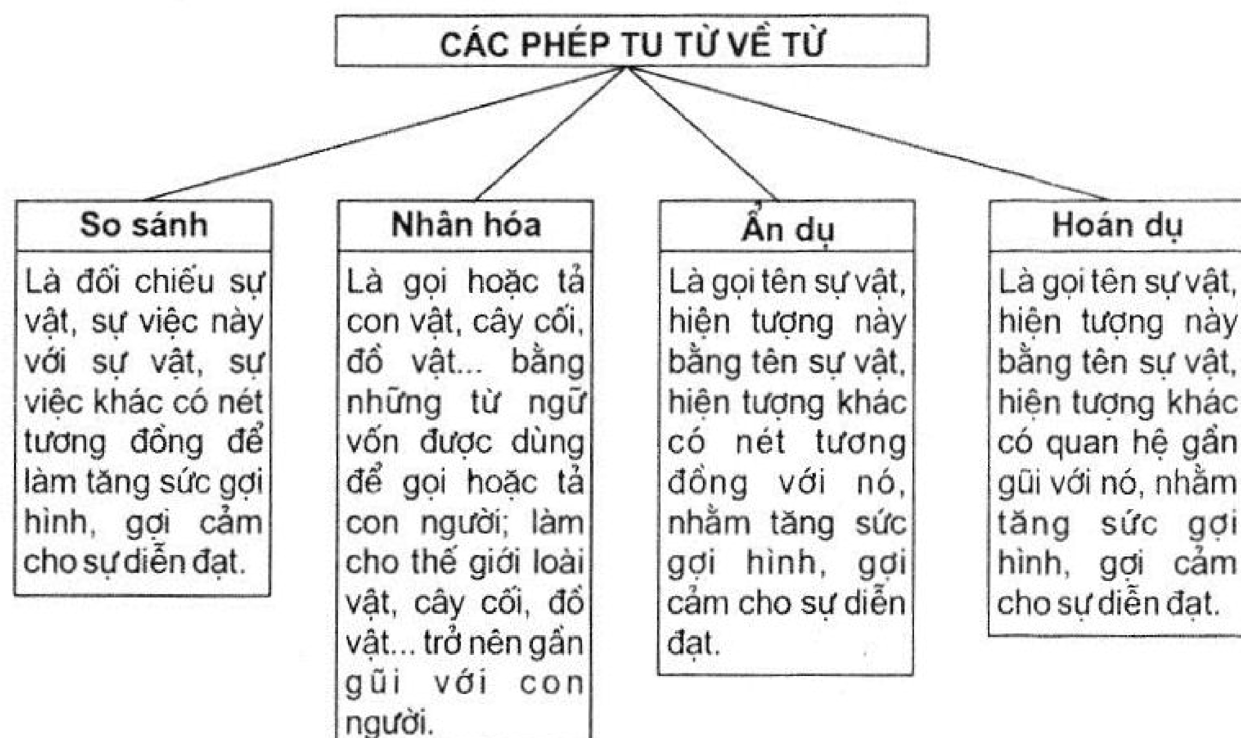
- Phó từ: là những từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

Phó từ gồm 2 loại lớn.

+ Phó từ đứng trước động từ, tính từ: có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa về thời gian *(đã, đang, sẽ...)*, về mức độ *(rất, hơi, khí,...)* về sự tiếp diễn tương tự *(cũng, vẫn, cứ, còn...)*, sự phủ định *(không, chưa, chẳng)*, sự cầu khiến *(hãy, đừng, chớ...)* cho động từ, tính từ trung tâm.

+ Phó từ đứng sau động từ, tính từ: có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa về mức độ (quá, lắm...), về khả năng (được...), về hướng (ra, vào, đi...) cho động từ, tính từ trung tâm.

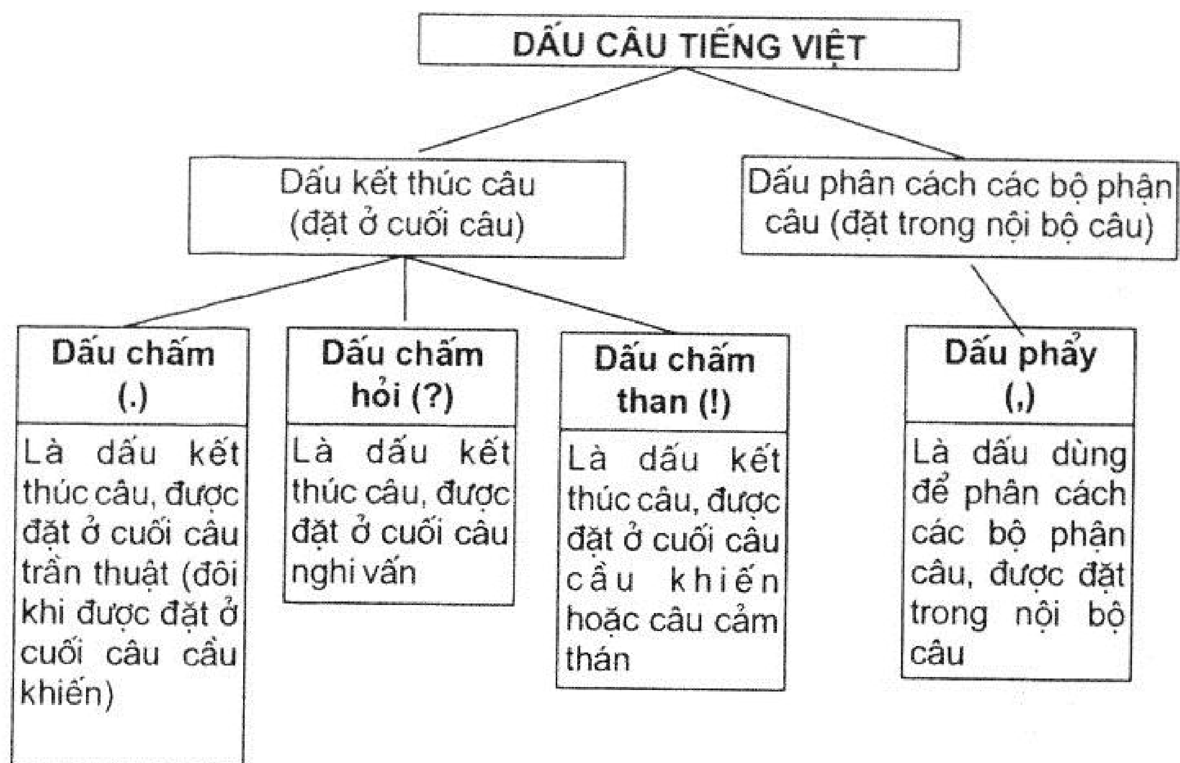
2. Các phép tu từ đã học



3. Các kiểu cấu tạo câu đã học



4. Các dấu câu đã học



MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 HÀNG CHUỐI – HAI BÀ TRƯNG – HÀ NỘI
ĐT: 04.9714896; 04.7547936 – FAX: 04.9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: QUỲNH NGA
Chế bản: ANH ĐỨC
Sửa bài: MAI LƯƠNG
Trình bày bìa: SẮC VIỆT

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH & THIẾT BỊ GIÁO DỤC TRÍ TUỆ

Nhà Sách Trí Tuệ

187 Giảng Võ - Hà Nội. ĐT: 04.8515567 - Fax: 04.5143483
11/109 Trần Duy Hưng – Hà Nội. ĐT: 04.5564432
Email: lienketxb@nhasachtritue.com.vn
Website: www.nhasachtritue.com.vn

GIÚP EM HỌC TỐT NGỮ VĂN 6 TẬP 2
Mã số: 2L – 21 ĐH06
In 2000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty in Việt Hưng – CN Hà Nội
Số xuất bản: 85 – 2006/CXB/108 – 01/ĐHQGHN ngày 24/01/2006.
Quyết định xuất bản số: 21 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.